

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO

SẤM GIẢNG THI-VĂN TOÀN BỘ CỦA ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ

ẤN BẢN HIỆU CHÍNH 1955-2011
(Tháng 01 Năm 2011)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
VÀI NÉT VỀ ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ.....	5
KHẢI NGÔN.....	7
THAY LỜI TỰA.....	13
Khuyên Người Đời Tu Niệm.....	15
KỆ DÂN CỦA NGƯỜI KHÙNG.....	27
SÁM GIẢNG.....	34
GIÁC MÊ TÂM KỆ.....	43
KHUYẾN THIỆN.....	55
QUYỂN SÁU.....	65
LỜI NÓI ĐẦU.....	66
NHỮNG ĐIỀU SƠ LƯỢC CẦN BIẾT CỦA KẸ TU-HIỀN.....	66
LUẬN VỀ TAM NGHIỆP.....	68
LUẬN VỀ BÁT-CHÁNH.....	71
CÁCH THỜ PHƯỢNG, HÀNH LỄ VÀ SỰ ĂN Ở CỦA MỘT TÍN ĐỒ P.G.H.H..	74
CÁCH CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI CHẾT.....	75
NHỮNG ĐIỀU PHẢI TRÁNH HẸN HOẶC ĐƯỢC CHÂM-CHẾ HOẶC NÊN LÀM	76
SỰ CÚNG LẠY CỦA NGƯỜI CƯ-SĨ TẠI-GIA.....	78
LỜI KHUYẾN BỔN ĐẠO (Tám Điều Răn Cấm).....	79
Những bài sáng-tác năm Kỷ-Mão (1939).....	81
LỘ CHÚT CƠ HUYỀN.....	82
CHO ĐỨC ÔNG MẤT GHE.....	82
MẶC TÌNH AI.....	83
BÁNH MÌ.....	83

Ông LƯƠNG-VĂN-TỐT hỏi:	83	THI XUÂN	97
CHO CÔ TƯ CỨNG		CÁM CẢNH DÂN NGHÈO	98
Ở HÒA-HẢO (CHÂU-ĐỐC) MẮT ĐỒ	84	HAI MƯƠI CHÍN THÁNG CHẠP	98
CHO ĐỨC ÔNG VÀ ĐỨC BÀ	84	ĐÊM BA MƯƠI	99
"HỒ HÒ KHOAN" (2).....	84	TỐI MỒNG MỘT.....	102
HƯƠNG-CHỦ ĐẠT xướng:.....	85	Thầy giáo XOÀI	103
Ông NGUYỄN-THANH TÂN xướng:.....	85	Ông HUỖNH HIỆP-HÒA	104
HIẾU NGHĨA VI TIÊN	85	Ông HUỖNH TRUNG-HÒA (thầy ba TƯƠI).....	106
CÚC CUNG BÁI	86	Viếng non Ông KẾT	107
BÀI CẦU CƠ	86	Ông TÙNG (ở vòm Cái-Đằm, thôn Hòa-Hảo).....	107
NHỨC ĐẦU.....	86	THỜI LAI DIỆM MỤC.....	107
KHUYÊN BỎ DỊ-ĐOAN	86	Viếng làng MỸ-HỘI-ĐÔNG (Long-Xuyên).....	108
NGHĨ VIỆC HUYỄN CA	87	Ông NGUYỄN THANH-TÂN.....	109
THIÊN LÝ ca	87	Ông NGUYỄN-KỶ-TRẦN xướng.....	111
LUẬN VIỆC TU HÀNH.....	91	Vịnh ông ĐỊA bằng sành.....	111
TAM HÙNG TRỔ MẶT.....	92	Viếng làng PHÚ-AN (Châu-Đốc).....	111
LỤY TAM CHÂU	92	Cho Thầy ba THẬN.....	112
VÉN MÀN BÍ MẬT	92	TỎ CÂU HUYỄN-BÍ.....	113
THẦY BA ĐẠO ở Hòa-Hảo hỏi thuốc	93	Cho ông PHAN THANH-LONG.....	113
BÁT NHẪN	93	DIỆT TIỀN KHIÊN.....	114
Cho Ông HƯƠNG-CHỦ BÓ ở Hòa-Hảo	93	ĐỂ CHỜN ĐẮT BẮC.....	114
SAY	94	GIỌNG KHÀN.....	119
Cho SUNG-BIỆN T. ở Hòa-Hảo	94	Cho ông Tham-Tá NGÀ.....	119
Thơ của "Ông BÁN CHIẾU"	95	KHUYÊN NGƯỜI GIÀU LÒNG PHƯỚC-THIỆN.....	121
HÃY CHỜ THIÊN ĐỊNH	95	DẶN-DÒ BỔN-ĐẠO.....	122
Hỏi HỘI LONG-HOÀ	95	MUỐN RỖ ĐẠO MẪU.....	125
KHUYÊN BÓT CHO VAY	96	TRÔNG MÂY.....	125
Ông NGUYỄN-KỶ-TRẦN tức chín Diệm xướng (1)	96	LÝ-LỊCH.....	125
CHẰNG RA HƠI	96	KHUYÊN SƯ-VẢI.....	126
KHAN TIẾNG	96	" XUÂN-HẠ TÁC CUỒNG-THƠ ".....	126
Tặng Ông GIÁO XOÀI.....	97	TỪ GIÃ BỔN-ĐẠO KHẮP NƠI.....	127
Tặng Ông GIÁO ĐÀNG	97	TẠM NGƯNG LÝ-THUYẾT.....	129

" DIỆU-PHÁP QUANG-MINH "	130
SA-ĐÉC.....	133
ĐẾN LÀNG NHƠN-NGHĨA (Cần-Thơ).....	136
Ông NGUYỄN-THANH-TÂN (đến Xà-No thăm Đức Thầy) xướng:.....	138
Cho ông chín Diệm tức NGUYỄN KỶ-TRÂN.....	139
BÁC ÁI ĐẠI ĐỒNG.....	140
NHẮN NHỬ CÙNG AI.....	140
GIẤY VÀNG.....	140
Cho HƯƠNG-BỘ THẠNH.....	140
THÂN GÀ (thơ xưa).....	141
VIẾNG ĐÊM.....	141
ƯỚC VỌNG NGƯỜI HIỀN.....	142
" NANG THƠ CẨM TÚ "	142
Hỏi HẰNG-NGA: (Cổ-thi).....	145
Vịnh HẰNG-NGA: (Cổ-thi).....	146
BẠC LIÊU.....	146
"Từ giã làng NHƠN-NGHĨA".....	147
" NGAO-NGÁN TÌNH ĐÒI".....	149
AI NGƯỜI TRI KỶ.....	149
SẮP MÀN CẢNH TRÍ.....	150
HIỂN THÂN SẴI KHÓ.....	150
BÓNG HỒNG.....	150
PHÒNG VẮNG ĐÊM KHUYA.....	151
GỎI VỀ CHO BỔN-ĐẠO.....	151
NGHĨ NHỮNG NGÀY QUA.....	152
KHÔNG BUỒN NGỦ.....	152
THU ĐÃ CUỐI.....	154
"ĐÊM NGỒI MỘT MÌNH".....	156
MƯỜI BỐN THÁNG MƯỜI.....	156
"THAN ĐÒI".....	156
"TRAO LỜI CÙNG ÔNG TÁO".....	157
"TỰ THÁN".....	158

"TÌNH BẠN TRẦN GIAN".....	159
Đức Thầy gởi ông MƯỜI (chú Đức Ông).....	161
MỢN CÂY ĐUỐC HUỆ.....	161
NHỎ BÀN THÔNG-THIÊN.....	162

Những bài sáng-tác năm Tân-Tỵ (1941).....163

Chúc xuân ông Thầy thuốc TRẦN-VĂN-TÂM.....	163
"NGÀY TẾT".....	163
" CẢNH XUÂN".....	164
ĐI TRÌNH-BÁO.....	164
TẠM NGƯNG LÝ-LỄ.....	164
VỊNH QUẠT MÁY.....	164
VỊNH CON BEO ĐÁ.....	165
Cho ông HẠNH, rể của ông VÕ-VĂN-GIỎI.....	165
VÌ SANH-CHÚNG.....	165
NGŨ NGÔN CÁCH CÚ.....	165
MONG CHỜ.....	166
NIỆM DI-ĐÀ.....	166
Cho ông VÕ-VĂN-GIỎI ở Bạc-Liêu.....	166
GIẢI-THOÁT CỬU-HUYỀN.....	166
TỘI VỚI THIÊN-HOÀNG.....	166
MẤY ĐOẠN TƠ LÒNG.....	166
TỰ TƯỞNG.....	167
VỌNG BẮC HÒA NAM.....	167
Ông PHAN-CHÂU-BÁ (Long-Xuyên) hỏi:.....	168
BÀI NGUYỆN TRƯỚC BÀN THỜ CỬU-HUYỀN.....	168
NÉM CẤP-BẰNG	169

Những bài sáng-tác năm Nhâm-Ngũ (1942).....170

CHO THẦY ĐỘI GIÀU (1)	170
Cho ông TRẦN-QUANG-HẠNH.....	170
THỨC TỈNH MỘT NỮ TÍN-ĐỒ Ở BẠC-LIÊU.....	171
Cho ông Cò tàu Hào (Sàigòn)	171
CẢM TÁC	172

BUỒN.....	173	ẠC-NÚC.....	191
TÙI.....	173	ĐỜ-CU.....	191
Gởi Bác-Sĩ CAO TRIỆU-LỢI ở Bạc-Liêu.....	173	MUỐN LÁNH PHỒN-HOÀ.....	191
Cho thẳng TÂN.....	174	Những bài sáng-tác Năm Ất-Dậu	
HOÀI CỔ.....	174	(1945).....	192
DỤNG KINH-QUYỀN	175	HUẤN-LỊNH	192
RÚT CÁI NGU ĐẪN.....	175	HỒI ĐỒNG-BÀO VIỆT-NAM !	192
MÔN HOÀN DIỆT	176	LỜI RIÊNG CHO BỐN-ĐẠO	193
ĐỨC PHẬT ĐỐI VỚI CHÚNG-SANH.....	176	HIỆU-TRIỆU	193
LỜI KHUYÊN BỐN-ĐẠO.....	177	Lời ủy-nhiệm cho các Ban Trị-Sự Tỉnh-bộ.....	196
PHẬT LÀ GÌ?.....	177	LỜI TÂM HUYẾT (1)	197
ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO CỦA PHẬT:.....	178	GỌI ĐOÀN TRẮNG SĨ	197
CHƯ PHẬT CÓ BỐN ĐẠI-ĐỨC.....	178	GỌI ĐOÀN PHỤ-NỮ	198
SƠ GIẢI VỀ TỨ DIỆU-ĐỀ.....	178	KHUYẾN NÔNG	198
"TRONG VIỆC TU THÂN XỬ KỶ".....	180	ĐÍNH-CHÁNH.....	199
NHỮNG CÂU CHÚ THƯỜNG NIỆM.....	181	VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO LIÊN-HIỆP-HỘI.....	199
CHO CÔ HAI GƯƠNG (CẦN-THƠ)	184	YÊU NƯỚC	201
CHO CÔ NĂM VÕ-THỊ-HỢI Ở BẠC-LIÊU.....	184	HỒI CHUÔNG CẢNH TỈNH NHỮNG KÉ TRÔNG TÂY, HẰNG-HỒ VỚI NẠN ĐÓI BẮC-KỶ	201
Những bài sáng-tác năm Quý-Mùi và năm Giáp-Thân.....	186	CAI TỔNG CHÁNH (CÙ-LAO GIÊNG) xướng:	202
NĂM QUÍ-MÙI (1943).....	186	"PHỤ-NỮ CA DIÊU".....	202
HỎI PHỎNG ĐÁ (Cổ thi)	186	TẶNG THI-SĨ VIỆT-CHÂU	202
CHO ÔNG ĐỖ-VĂN VIỄN.....	186	ĐI KHUYẾN NÔNG VỀ	203
CHO BÀ NĂM CÒ Ở SÀI GÒN.....	187	TỰ THÁN	203
GỌI ĐOÀN	187		
GỌI ĐOÀN THANH NIÊN	187		
"TẶNG ĐOÀN THANH-NIÊN ÁI-QUỐC".....	188		
NHẮN ĐỢI THỜI CƠ.....	188		
BÀ-RÁ.....	189		
ĐI CHƠI ĐÊM VỚI ÔNG LUẬT-SƯ MAI-VĂN-DẬU.....	189		
AN-ỦI MỘT TÍN-ĐỒ.....	190		
NĂM GIÁP-THÂN (1944).....	191		
CHO CÔ KÝ GIỎI Ở BẠC LIÊU	191		

VÀI NÉT VỀ ĐỨC HUỖNH GIÁO CHỦ

Người sáng lập Đạo Phật-Giáo Hòa-Hào là Đức Thầy Huỳnh-Phú-Sổ. Sinh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ-Mùi (1919) tại làng Hòa-Hào, tỉnh Châu-Đốc, một tỉnh xa xôi giáp biên-thùy Việt-Miên thuộc miền nam Việt-Nam.

Ngài là trưởng nam của Đức Ông Huỳnh-Công-Bộ và Đức Bà Lê-Thị-Nhậm; một gia đình trung-lưu, phúc hậu và nhiều uy-tín với nhân-dân địa-phương.

Thuở nhỏ, vừa học đến hết bậc tiểu-học thì đau ốm liên-miên, nên Ngài phải rời nhà trường về dưỡng bệnh. Từ 15 đến 21 tuổi, Ngài không lúc nào dứt được cơn đau và không một lương-y nào trị được.

Năm 1939, sau khi hướng-dẫn thân-phụ đi viếng các am-động miền Thất-sơn và núi Tà-lơn - những núi non được nổi tiếng linh-thiên hùng-vĩ - Ngài tỏ ra đại ngộ. Ngày 18-5 Kỷ-Mão 1939 Ngài chính-thức mở Đạo. Bắt đầu là công việc chữa bệnh. Ngài chữa lành được các chứng hiểm-nghèo với phương-pháp thật giản-đơn là chỉ dùng lá cây, nước lã, giấy vàng, khiến cho các Bác-sĩ Tây-y, các dược-sư Đông-y lẫn các danh gia phù-thủy đều phải kinh-dị.

Song song với việc chữa bệnh, Ngài thuyết-pháp thao thao bất tuyệt. Nhiều thi-sĩ văn-gia hoặc luật-gia nghe tiếng, đến chất vấn, đều phải nhận Ngài là một bậc siêu-phàm.

Cũng từ năm 1939, Ngài sáng-tác thật nhiều kệ-giảng, nội-dung tiên-tri chiến-cuộc sẽ tràn lan, nhân-loại sẽ điêu-linh và kêu gọi mọi người nên bỏ dũ về lành, thực-hành tứ-ân, trau-giồi thiên- tịnh để trở thành thiện-nhân trong xã-hội và tiến đến sự nhập-diệu cõi đạo.

Nhìn qua công-đức giảng dân cứu chúng, người ta thấy Ngài chữa được hằng vạn chứng hiểm nghèo, thuyết-Pháp hằng ngàn lần trước đại-đa thánh-chúng và sáng-tác sáu quyển Kệ-Giảng cùng với hằng trăm bài thi ca, văn, chú có giá-trị siêu-việt.

Văn-chương của Ngài cực kỳ bình-dân nhưng rất hàm-súc hấp-dẫn. Ngài viết không cần giấy nháp.

Giáo-Pháp của Đức Giáo-Chủ tuy cao-siêu nhưng không kém phần thực-tế, có thể áp-dụng cho bất cứ nơi nào trên thế-gian. Ngài là một nhà đại cách-mạng tôn-giáo. Vì trước khi Ngài ra đời, Đạo Phật Việt-Nam bị đình-đốn sai lạc, và Đạo Phật Thế-giới chưa nói tới việc canh tân. Ngài đã cắt bỏ tất cả những nghi-lễ phiến-toái mà nguyên-căn không phải của Đức Thích-Ca chủ-trương, đồng thời còn canh-tân nhiều điểm trong phương-pháp thực hành đạo Phật mà trước kia không hề có.

Nhờ Giáo-Pháp thích-thời đó nên chỉ trong một thời gian ngắn, Ngài thu-phục được hai triệu tín-đồ tại miền Nam Việt-Nam và ảnh-hưởng mỗi lúc càng lan rộng thêm ra.

Vì Ngài được thiên-hạ quá hoan-nghinh nên nhà đương cuộc bắt đầu để ý đến sự bành trướng dị thường của phong trào tôn-giáo Phật-Giáo Hòa-Hào, nên một biện pháp chánh-trị đã được đem ra thi hành và Ngài phải bị quản thúc tại làng Nhơn-Nghĩa (Cần thơ).

Ở đây, Ngài lại được người ta tôn sùng hơn trước nữa, làm cho nhà cầm quyền phải đem Ngài an-trí tại nhà thương Chợ Quán. Sau đó, Ngài lại bị dời về Bạc-Liêu đến năm 1942.

Khi người Nhật nhúng tay vào thời cuộc Đông-dương trong hồi thế-giới chiến-tranh kỳ nhì, họ cưỡng bách đem Ngài về Sài Gòn thì Ngài buộc lòng tá-túc tại cơ sở Hiến binh Nhật để chờ đợi thời cơ thuận tiện ra gánh vác việc nước nhà. Khi đó Ngài có làm câu đối để diễn tả hoàn-cảnh của mình :

« Trương Tiên qui Hồn phi thần Hồn
Quan đế cư Tào bắt dê Tào »

Sở dĩ người Nhựt muốn thi ân với Ngài là vì họ muốn gây cảm tình với khối tín đồ khổng lồ của Ngài để sau này có thể lợi dụng. Nhưng đã là một người sáng suốt thì Ngài đâu có để cho bọn Nhựt lôi cuốn trong việc chuẩn bị của họ chống Đồng-minh.

Sau cuộc đảo-chánh mừng 9 tháng 3 dương-lich 1945, Ngài giữ một thái độ hết sức dè dặt vì Ngài biết chắc chắn rằng người Nhựt thế nào cũng thất trận. Lúc đó, Ngài nói một lời tiên-tri rất hài hước « Nhật-bổn ăn không hết con gà ». Mà thiệt vậy ! Vì năm Dậu (con gà) mà cũng là năm 1945 chưa hết, thì số phận nước Nhựt đã được định-đoạt.

Năm 1945, « Vì lòng từ-ái chứa-chan, thương bá-tánh đến hồi tai-họa », nên Ngài đứng ra bảo-vệ quốc-gia và cứu nguy dân-chúng. Ngài từng thành-lập Phật-Giáo Liên-Hiệp-Hội để đoàn kết đạo Phật, và Việt-Nam Độc-Lập Vận-Động-Hội để vận-động cuộc độc-lập nước nhà.

Sau khi Nhựt-Hoàng đầu hàng Đồng-minh không điều kiện, nước Việt-Nam phải sống một thời-kỳ bất-định, Đồng-bào Việt-Nam đương lo sợ cảnh dịch-chủ tái-nô, Đức Huỳnh-giáo-Chủ liên hiệp với các lãnh tụ đảng-phái và tôn-giáo để thành-lập Mặt-trận Quốc-gia thống-nhất hầu lên tiếng với ngoại-bang. Mặt trận này lại sáp-nhập vào mặt trận Việt-Minh mà chính Đức Huỳnh-Giáo-Chủ là vị đại-diện đầu tiên ở Nam-Việt.

Sau sự thất sách của Hồ-chí-Minh với Hiệp-ước mừng 6 tháng ba năm 1946, tạo cơ-hội thuận-tiện cho thực-dân *trở lại, Đức Huỳnh-Giáo-Chủ liên kết với các lãnh tụ quốc-gia để thành lập Mặt trận quốc-gia liên-hiệp.

Mặt trận này được quần-chúng nhiệt-liệt hoan-nginh nên lại bị Việt-minh giữ ngón độc-tài giải tán. Họ liền thành lập Liên Hiệp quốc-dân Việt-Nam Hội để che đậy màu sắc đỏ của đệ-tam quốc-tế

và để làm cho quần-chúng quên cái dĩ-vãng đẫm máu của các tướng Cộng-sản hồi cuối năm 1945.

Năm 1946, vì muốn gây cuộc đoàn-kết giữa các tầng lớp đồng-bào, Ngài ưng thuận tham-gia ủy-ban hành-chánh với trách-vụ Ủy-viên đặc-biệt.

Ngài liên kết các chiến-sĩ quốc- gia với khối tín-đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo để thành-lập Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng (21-9-46), với chủ-trương công-bằng xã-hội và *dân-chủ-hóa nước Việt-Nam. Ngài chẳng những là một nhà cách-mạng tôn-giáo anh-minh mà còn là một nhà lãnh-tụ chánh-trị đa tài. Đọc Tuyên-ngôn, Chương-trình của Đảng Dân-Xã do Ngài đưa ra, dù cho đối-phương hay những người khó tánh, đều phải công-nhận Ngài có một bộ óc cải-tiến vượt bực và nhận-định sáng-suốt phi-thường.

Đồng thời, Ngài cũng gửi người ra hải ngoại, đoàn-kết với các nhà cách-mạng quốc-gia lưu vong để thành-lập Mặt Trận Thống-Nhút Toàn-quốc. Giải-pháp quốc-gia cũng do công trình của Ngài và các nhà cách-mạng xuất dương mà thực hiện đến ngày nay.

Bởi đường lối của Ngài trái ngược với chủ-trương Cộng-sản và bởi Giáo-thuyết của Ngài có thể gây đổ-vỡ cho chủ-nghĩa vô thần, Cộng-sản đã tìm mọi cách làm hại Ngài, nhưng họ đều không làm gì Ngài được.

Đầu năm 1947, các tín-đồ Phật-giáo Hòa-Hảo ở miền Tây chống lại chủ trương độc đoán của các Ủy-Ban Việt-Minh vì họ áp dụng chính sách độc-tài trong sự tổ chức và cai trị quần chúng. Muốn tránh cuộc cốt-nhục tương-tàn, Đức Huỳnh-giáo-Chủ về miền Tây Nam-Việt với hảo ý trấn tĩnh lòng phẫn nộ của tín-đồ P. G. H. H. và để giảng hòa hầu đoàn kết chống thực dân cho hiệu lực. Nhưng ngày 16-4-47, Ủy Ban Hành-Chánh Việt-Minh âm mưu hãm hại Ngài tại Đốc-Vàng (vùng Đồng-Tháp).

Từ đó không ai rõ tin tức chi về Đức Huỳnh-Giáo-Chủ, nhưng toàn thể tín-đồ của Ngài không ai tin rằng Việt-cộng có thể làm hại

Ngài được. Và muôn người như một, đang mong đợi một ngày về trong sứ-mạng vinh-quang nhất của Ngài.

Quyển sách Cách Tu Hiền sau đây là một trong nhiều tác-phẩm của Ngài, đã được tái bản trên 300 lần với ấn-lượng trên 800.000 quyển bằng tiếng Việt-Nam. Nó ngắn gọn nhưng đủ, rõ những điều cần thiết trong nghi thức tu hành theo Đạo Phật-Giáo Hòa-Hào.

Thánh-địa Hòa-Hào, ngày 1- 1- 1966.
Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương
Giáo-Hội P. G. H. H. Nhiệm kỳ I, 1964 - 1966

Kính đề

KHAI NGÔN

Từ tháng 5 năm Kỷ-Mão 1939, sau khi mở Đạo, Đức Giáo-Chủ đứng ra chữa bệnh độ đời. Tuy Ngài không có để tâm nghiên-cứu Đông-y cũng như chẳng hề học Lỗ-ban phù-thủy, nhưng bằng phương-pháp chữa trị thật giản-đơn như giấy vàng, nước lã, lá xoài, lá ổi, lá bưởi, lá mít, bông trang, mà trị được hằng vạn chứng hiểm-nghèo như bệnh tà, bệnh suyễn, bệnh phong, bệnh dịch, bệnh

dư ruột, v.v... cho nên quần-chúng ngưỡng-mộ, theo về tấp nập. Người ta do đó mà bắt đầu tin tưởng Phật Trời, nghe Pháp và quy-y.

Đồng thời với công việc chữa bệnh, Đức Giáo-Chủ đứng ra thuyết-pháp để truyền giáo. Lời giảng của Ngài thao thao bất tuyệt suốt cả ngày đêm. Nhiều thi-sĩ, văn-gia hoặc luật-sư bác-sĩ đến chất-vấn, bắt bẻ, đều nhận Ngài là bậc đại-giác đại-ngộ, không thể suy-bì. Ai đã từng dõ gót theo Ngài trong cuộc khuyến-nông năm 1945, trong vòng 2 tháng với không biết bao nhiêu lý-luận khác nhau, đều phải công nhận Ngài là bậc «mồm sông bút sấm»...

*

Những cuộc thuyết-pháp nói chung, nếu cộng với 107 lần chu-du khuyến-nông vừa kể, chúng ta có thể nói Ngài đã trải qua một ngàn lần khuyến-thuyết quan-trọng với hằng ngàn đề-tài khác biệt.

Nhờ những cuộc thuyết-pháp như trên, người mộ đạo quy-căn, ngày càng đông thêm không xiết nói.

Nhưng công-đức vĩ-đại nhất của Đức Giáo-Chủ trong việc truyền-giáo là việc viết ra Kệ Giảng. Nhờ những Kệ Giảng đó mới được phổ-truyền một cách sâu rộng chủ-trương canh-tân Phật-Giáo của Ngài, và nhờ đó mà hằng triệu người ngộ đạo đã quay về với chân-tính, tự tâm.

Nếu kiểm điểm lại con số Kệ Giảng đã ấn-loát và phát-hành từ năm 1939 đến nay, ta sẽ phải ngạc-nhiên chẳng ít, sách đã được tái bản trên 300 lần và mỗi quyển được in ra tối-thiểu cũng trên 800.000 quyển.

Nội-dung các tác-phẩm đó chứa đựng những gì? Cách lập-giáo ra sao? Và văn-thể văn-từ như thế nào? Đó là điều mà trong lần tái-bản này, chúng tôi xin trình bày đại-cương để chư quý vị độc-giả đạo tâm bốn phương đồng lãm.

*

Những tác-phẩm mà Đức Giáo-Chủ viết ra, phần nhiều thuộc về văn vần.

Một điều đặc-biệt đáng chú ý là trong khi cầm bút, dù tản-văn hay vận-vần, Ngài luôn luôn viết thẳng một mạch không vấp không ngưng, không dùng giấy nháp và không hề bôi xóa, cắt xén như các văn sĩ thường làm. Người ta cho rằng Ngài viết mau lẹ và dễ-

dàng hơn Ông Alcyone Krisnamurti khi viết quyển Aux pieds du Maitre.

Có thể kể theo thứ-tự thời-gian những tác-phẩm trường thiên sau đây của Đức Giáo-Chủ.

1.- SẤM GIẢNG KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI TU-NIỆM (tức quyển nhút, văn lục bát, dài 912 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939) .

Ngài viết xong trước đệ nhị thế chiến, tại làng Hòa-Hảo, Sấm Giảng này khởi đầu bằng câu:

Hạ-Ngươn nay đã hết đời,

và chấm dứt bởi câu:

Tới đây cũng lần ngừng lại bút nghiên.

Nội-dung, Đức Giáo-Chủ đánh thức quần-chúng bằng cách tiên-tri những cảnh lâm-than khốn-khổ mà nhân-loại sẽ phải trải qua trong thời-đại nhiễu-nhương.

Chẳng hạn, Ngài nói trước các năm từ lúc xảy ra cho đến khi chấm dứt đệ-nhị thế-chiến:

Mèo kêu bá-tánh lao-xao,

Đến chừng Rồng, Rắn máu đào chĩnh ghê.

Con Ngựa lại đá con Dê,

Khấp trong trần hạ nhiều bề gian lao.

Khi kia cũng bị xáo-xào,

Canh khuya Gà gáy máu đào mới ngưng.

Người ta đã thấy đúng trăm phần trăm từ khởi đầu cuộc chiến-tranh thế-giới lần thứ hai (Mèo kêu, 1939) cho đến khi hai quả bom nguyên-tử của Đồng-Minh thả xuống nước Nhật để chấm dứt chiến cuộc (Gà gáy, 1945), không sai một mảy.

Cuộc giết chóc ghê tởm của chiến-tranh tuy ngưng từ năm Gà, nhưng theo Đức Giáo-Chủ, nó sẽ còn tái diễn tại Việt-Nam, và sẽ lan-diễn khắp nơi:

Đời cùng còn chẳng mấy năm,

Khấp trong các nước thây nằm bằng non.

Cha thì chẳng thấy mặt con,

Vợ thì chồng chẳng được còn tại gia! .

Trong tác-phẩm này, Đức Giáo-Chủ cũng tường-thuật việc Ngài hóa-hiện ra đui cùi, buôn bán, khi già lúc trẻ, dạo khắp «lục châu» để thử lòng trăm họ, giác tỉnh mọi người, gọi họ theo về đường ngay, nẻo Đạo.

2. – KỆ DÂN CỦA NGƯỜI KHÙNG (tức quyển nhì, văn thất ngôn trường thiên, dài 846 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939) .

Ngài viết tại làng Hòa-Hảo ngày 12 tháng 9 năm Kỷ-Mão Kệ này khởi đầu bằng câu:

Ngồi Khùng trí đoái nhìn cuộc thế,

và chấm dứt bởi câu:

Ta ra sức dắt diu bá tánh.

Cũng như trong quyển nhút, ở đây Đức Giáo-Chủ vừa tiên-tri tai nạn sắp xảy đến cho nhân dân, vừa khuyên mọi người làm lành lánh dữ. Chẳng hạn như:

Đến chừng đó bốn phương có giặc,

Khấp hoàn-cầu thiết-thiết tha-tha.

Vậy sớm mau kiếm chữ ma-ha,

Thì Phật cứu khỏi nơi khói lửa.

. . .

Trung với hiếu ta nên trau-triã,

Hiền với lương bốn đạo rèn lòng.

Thường nguyện cầu siêu-độ Tổ-tông,

Với bá tánh vạn dân vô sự.

Rồi Ngài không ngần-ngại, đánh đổ những mê-tín dị-đoan, những âm-thanh sắc tướng, những sự dối tu, lòe đời:

Theo Thần-Tú tạo nhiều chuông mõ,

Mà xưa nay có mấy ai thành !

. . .

Làm hiền-lành hơn tụng hơ-hà,

Hãy tưởng Phật hay hơn ó ré.

. . .

Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,

Chớ có đốt tổn tiền vô lý.

. . .

Tu vô-vi chớ cúng chè xôi,

Phật chẳng muốn chúng sanh lo-lót.

3. – SẤM GIẢNG (tức quyển ba, văn lục bát, dài 612 câu, xuất bản lần đầu năm 1939) .

Ngài cũng viết tại làng Hòa-Hảo năm Kỷ-mão, khởi đầu bằng câu:

*Ngồi trên đảnh núi liên đài,
và chấm dứt bởi câu:*

Chúc cho bá-tánh muôn sầu tiêu tan.

Trong quyển này, Đức Giáo-Chủ dạy tu nhân-đạo, Ngài viết:

Tu cầu cha mẹ thành-thời,

Quốc-vương thủy thổ chiều mơ phản hồi.

Tu đền nợ thế cho rồi,

Thì sau mới được đứng ngời tòa sen.

Đối với hạng thanh-niên nam nữ, thường dễ bị văn-minh vật-chất hoặc dục-vọng lôi cuốn đến bờ trụy lạc, Ngài kêu gọi:

Nghiêm-đường chịu lệnh cho an,

Loạn luân cang kỷ hổ mang tiếng đời.

Hoặc là:

Nghe lời cha mẹ cân-phân,

Tam tòng vẹn giữ lập thân buổi nầy.

Và Ngài cũng cực-lực đả-phá những hủ-tục, bài xích những thói xa-hoa, đàng-điểm. Chẳng hạn:

Chết rồi cũng bớt cóc ken,

Trống đờn lễ nhạc tế xen ích gì !

Đàn nhu thầy lễ cũng kỳ,

Mắc phải chuyện gì phủ-phục bình hưng?

Hay là:

Văn-minh sửa mặt sửa mày,

Áo quần lảng lướt ngày rày ăn chơi.

Dọn xem hình vóc lả-lơi,

Ra đường ăn nói những lời nguyệt-hoa.

Nếu chịu vẹn gìn theo lời chỉ giáo trong quyển SÁM GIẢNG này, thì nhân đạo của ta ắt có thể coi là hoàn bị lắm.

4. – GIÁC MÊ TÂM KÊ (tức quyển tư, văn thất ngôn trường thiên, dài 846 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939).

Đức Giáo-Chủ viết tại Hòa-Hảo ngày 20 tháng 10 năm Kỷ-mão.

Kệ này khởi đầu bằng câu:

Khai ngọn đuốc từ-bi chí thiện,

và chấm dứt bởi câu:

Mong bá-tánh vạn dân giải-thoát.

Nơi đây, Đức Giáo-Chủ có nói trước những tai-họa hải-hùng mà chúng sanh sẽ phải trải qua trong thời Hạ-ngươn mạt kiếp:

Khổ với thảm ngày nay có mấy,

Sợ mai sau dòm thấy bay hồn.

Trừ tà gian còn thiện chỉ tồn,

Cảnh sông máu núi xương tha thiết.

Ngài lại còn giảng rõ thế nào là tứ đồ tướng, tứ khổ, ngũ uẩn, lục căn, lục trần, tứ diệu đế, bát chánh và bát nhân.

Còn gì đáng coi là nhẩn-nhục, hỷ-xả hơn những câu dưới đây:

Ai chưởi mắng thì ta giả điếc,

Đợi cho người hết giận ta khuyển.

Chữ nhẫn hòa ta để đầu tiên,

Thì đâu có mang câu thù oán.

5. – KHUYỄN-THIỆN (tức cuốn thứ năm, đoạn đầu và đoạn chót viết bằng lối văn lục bát, đoạn giữa viết bằng lối thất ngôn, gồm 756 câu (và 4 bài thi 20 câu), xuất bản lần đầu năm 1942).

Ngài viết tại nhà thương Chợ Quán năm 1941. Tác-phẩm này khởi đầu bằng câu:

Băng tâm ngẫu hứng thừa nhàn,

và chấm dứt bởi câu:

Rán trau đức-hạnh ngày sau sẽ tường.

Nội-dung, Đức Giáo-Chủ nhắc tiêu-sử Đức Thích-Ca và luận giảng về tám sự khổ trong cõi Ta-bà, về pháp môn tịnh độ, về ngũ-trược, trừ thập ác và hành thập thiện.

6. – CÁCH TU HIỀN VÀ SỰ ĂN Ở CỦA MỘT NGƯỜI BỒN ĐẠO.

Quyển này viết bằng văn xuôi, hồi tháng 5 dl 1945 tại Sài gòn và xuất-bản lần đầu cũng trong năm ấy. Tuy văn xuôi, quyển này có một đặc-sắc là giản-dị và lưu loát, âm-hưởng du-duơng, nhịp-nhàng.

Nơi đây, Đức Giáo-Chủ minh-giải về tứ ân, tam-nghiệp thập-ác và bát-chánh. Ngài còn giảng dạy về cách thờ-phượng, cúng lạy, nghi-thức cử-hành tang-lễ, giá-thú, cách đối xử với tôn-giáo bạn, với các tăng-sư, v.v...

Ngoài sáu quyển vừa kể, Đức Giáo-Chủ còn viết ra rất nhiều bài thi, bài văn mà trước đây 13 năm, một nhóm tín-đồ tại Thánh-Địa Hòa-Hảo đã gom góp để in thành một quyển, nhan đề SỬU TẬP THI VĂN GIÁO-LÝ CỦA ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ.

Sách dày trên 300 trang, nội dung gồm có gần đủ loại thơ ca: thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, ngũ ngôn, lục bát, thất ngôn trường

thiên, song thất lục bát, tứ ngôn và một số bài biến thể. Trong đây, Đức Giáo-Chủ hoặc viết để dạy riêng một người hay đáp họa với một người khác, hoặc viết để cảnh-giác, hoặc viết để khuyến tu... Tựu trung, nhứt nhứt đều có bao-hàm một giáo-nghĩa thâm-huyền mà cho dầu không phải người trong cuộc, đọc đến cũng đều có lợi-ích cho sự tu-hành.

Riêng phần văn-từ, nói chung toàn bộ, Ngài chủ-trương:
*Quyết dạy trần nên nói lời thường,
Cho sanh-chúng đời nay để biết.*

Hoặc là:

*Dạy bốn-đạo lấy câu trung đặng,
Chẳng nói cao vì sắp rớt đời.*

Cho nên, với những lời văn vô cùng giản-dị nhưng ngọt-ngào và óng-chuốt. Đức Giáo-Chủ dụng tâm làm cho dễ thuộc dễ theo, để sớm đưa họ tiến tới con đường lành mà Ngài đã vạch ra và đã nhất tâm phát-nguyện:

*Quyết đưa chúng về nơi non Thúy,
Tạo Lư-bồng ngộ hội Quăn Tiên.*

Hoặc:

*Nếu chúng-sanh còn chốn mê-tân,
Thì ta chẳng an vui cực-lạc.*

Hay là:

*Biết làm sao gieo đạo khắp đại-đồng,
Đưa nhân-loại đi vào vòng hạnh-phúc.*

Như đã nói ở đoạn đầu, những Kệ Giảng nêu trên, mỗi quyển được in ra từ trước đến nay, ít nhất cũng trên 800.000 quyển.

*

Tuy nhiên, sách càng được in ra nhiều chừng nào, thì cái bệnh tam-sao thất bốn càng trầm-trọng thêm chừng nấy. Bởi một lẽ rất giản-dị là suốt trong thời thực-dân thống-trị cho đến hồi độc-tài phong-kiến, vì thời- cuộc, đoàn-thể Phật-Giáo Hòa-Hảo không mấy lúc được yên-lành. Cho nên công việc phát-hành Kệ Giảng phần nhiều do các đồng-đạo có nhiệt-tâm đứng ra ấn-loát chớ ít được dịp do một cơ-quan nào trong Giáo-Hội theo dõi việc in. Cái bệnh tam-sao thất bốn vốn đã sẵn có, tự thuở còn được truyền-bá bằng cách chép tay, nay lại càng sai thêm với biết bao nhiêu lần in thiếu người có khả-năng chuyên-môn xem sóc...

Chính vì những sự sai lầm đáng tiếc đó mà ngay từ khi Ban Trị-Sự Trung-Ương Giáo-Hội Phật-Giáo Hòa-Hảo Nhiệm-kỳ đầu tiên

(18-11-1964) được tái-lập sau một thời-gian dài gián-đoạn, Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương chúng tôi đã ghi ngay vào hàng đầu của Chương-trình hoạt-động, công-tác đỉnh-chánh Kệ Giảng hệ-trọng này, và bắt tay vào việc ngay sau phiên đại-hội toàn quốc về Phổ-Thông Giáo-Lý ngày 27 tháng 12 năm 1964.

Ngày 8-3-1965, một Chỉ-thị số 233/TƯTV/19-GL gửi các cấp Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh, Quận và Xã để tham-khảo ý-kiến toàn-thể Trị-Sự-viên và tất cả đồng-đạo nào có để tâm nghiên-cứu về những câu, những chữ cần bổ khuyết hay đỉnh-chánh trong Kệ Giảng.

Theo thời-gian-biểu của chúng tôi, thì công-việc tham-khảo các cấp này kéo dài một tháng rưỡi kể từ 15-3-1965, đến 30-4-1965, và sau đó, chúng tôi mới cẩn-thận làm bản đúc-kết lại các đề-nghị để trình ra hội nghị, hầu tham-khảo một lần tối-hậu để lấy biểu-quyết những chỗ đáng sửa đổi.

Ngày 17-5-1965, một hội-nghị được khai-mạc tại Văn-phòng Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương (Thánh-Địa Hòa-Hảo) trong sự chứng minh của ông Út Huỳnh-Văn-Quốc, bào-đệ của Đức Ông và dưới quyền Chủ-tọa của ông Lương-Trọng-Tường, Hội-Trưởng Ban-Trị-Sự Trung-Ương.

Ông Nguyễn-Văn-Hầu, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương giữ nhiệm-vụ Thuyết-trình-viên và ông Trần-Minh-Quang, Thư-Ký Ban Phổ-thông Giáo-Lý Trung-Ương làm Thư-Ký phiên hội.

Thành phần tham-dự hội-nghị gồm có:

- Ô. Dật-Sĩ Trần-Văn-Nhựt, Cố-Vấn Ban Trị-Sự Trung-Ương kiêm Trưởng-Ban Nghiên-Cứu và Biên-Tập trong Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Trí-Viễn Lê-Hòa-Nhựt, Cố Vấn Ban Trị-Sự Trung-Ương kiêm Cố-Vấn Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Huỳnh-Công-Kỷ, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh An-giang.
- Phạm-Văn-Tốt, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Kiến-Phong.
- Bùi-Văn-Triệu, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Châu-Đốc.
- Lê-Thanh-Quang, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Phong-Dinh.
- Lâm-Văn-Trung, Kiểm-Soát Ban Trị-Sự Tỉnh Châu-Đốc.
- Nguyễn-Chi-Diệp, Cố-Vấn Ban Trị-Sự Thánh-Địa Hòa-Hảo.
- Huỳnh-Hữu-Phỉ, Nhân-sĩ kỳ-cựu P.G.H.H.
- Trần-Văn-Mành, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Thánh-Địa Hòa-Hảo, xã Hưng-Nhơn.
- Ngô-Minh-Chí Phó Đặc-Ban Biên-Tập và Xướng-ngôn Đài Phát-

Thanh, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.

- Đào-Văn-Đạm, Quản-Lý Nguyệt-san Đuốc Từ-Bi, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.

- Trịnh-Công-Dung, Hội-Trưởng Ban Trị-Sự Quận Châu-Phú.

- Lê-Văn-Phú, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Châu-Phú.

- Đặng-Thành-Tự, trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Chợ-Mới.

- Trường-Thị, Hội-Trưởng Ban Trị-Sự Quận Thốt-Nốt.

- Nguyễn-Văn-Nam, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Châu-Thành (An Giang).

- Phạm-Hữu-Vỹ, Trưởng-Ban Tiếp-Tân tại Tây-An Cổ-Tự (Long-Kiến).

- Nguyễn-Văn-Bửu, Đặc-Viên Ấn-Loát Phát-hành, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.

- Nguyễn-Anh-Kiệt, Đặc-Viên Huấn-Luyện Truyền-Bá thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.

Hội-nghị này đã làm việc một cách tận-tụy và say mê, đã đính-chánh và bổ-khuyết được nhiều điều quan-trọng mà kết-quả là quyển Sấm Giảng Thi-Văn toàn-bộ được in ra hôm nay.

Sách chia làm hai phần, phần đầu gồm sáu quyển với các loại Sấm, Kệ, Văn... mệnh danh: Phần thứ nhất: Sấm Giảng Giáo-Lý và phần sau gồm hàng trăm bài Thi, Ca, Văn, Chú... mệnh danh. Phần thứ hai: Thi-Văn Giáo-Lý.

Trong các bài Thi-Văn Sấm Kệ kể trên, chúng tôi cố-gắng sắp theo thứ-tự thời-gian để Chư quý độc-giả đạo-tâm tiện bề theo dõi.

Với mục-đích «đính chánh những điều tam-sao thất-bốn hoặc nghe lầm nhớ lộn đã làm sai biệt hẳn nguyên-văn về chân ý của Đức Thầy trong Kệ Giảng» chúng tôi làm việc theo sáu nguyên tắc dưới đây:

1) Nỗ-lực sưu-tầm trong các đồng-đạo kỳ-cựu nào còn giữ được bản chánh do chính Đức Giáo-Chủ viết ra để dò từng chữ mà sửa lại những chỗ in sai.

2) Những tác-phẩm nào kiếm không ra được bản chánh, thì hội-nghị mới xét tới các đề-nghị của các cấp mỗi khi gặp những chữ cần đính-chánh.

3) Các đề-nghị đính-chánh của các cấp đồng-đạo cũng như của hội-nghị là phải trưng ra bằng cứ-cụ-thể là «Tại sao phải sửa lại

như thế»:

- do chính tai họ nghe Đức-Thầy đính-chánh trước đây cùng với sự hiện diện của ai, hồi nào?..

- do họ là những người đã ngồi bên cạnh Đức Thầy, sao chép những bản Kệ Giảng để phát ra cho dân-chúng trong buổi đầu mở đạo?...

- do những bản in cũ từ buổi đầu và xét ra hữu lý?...

4/ Hội-nghị chỉ nhằm vào công-tác đính-chánh chứ không có thẩm-quyền thêm bớt nếu không có bằng cứ xác đáng.

5/ Ghi vào biên-bản hẳn-hỏi những chữ, những câu và những lý do nào cần bổ-khuyết hay sửa đổi để lưu-trữ tại Văn-Phòng Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương hầu làm tài liệu tham-khảo cho những ai còn thắc-mắc.

6/ Tất cả những-đề nghị sửa đổi, người đề-nghị quả-quyết nhận trách-nhiệm trước Đức Thầy, trước các Đấng Thiêng-liêng là họ đã nói đúng, nghe đúng và nghĩ đúng.

Một vài thí-dụ sau đây để được sáng-tỏ thêm việc làm của hội-nghị:

- Những bài dò theo bản chánh do Đức Thầy viết ra, hội-nghị đồng ý phải cho ghi ở cuối bài là bản đó do ai còn giữ được.

- Trong bài Sứ-mạng của Đức Thầy, lâu nay đã in «*Tuy có phải chuyến kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại...*» và «*kẻ xa-xuôi từ nan chẳng tới...*» ; nay ông Dật-sĩ xác-nhận rằng chính Ông đã thấy tận mắt trong một bản chánh hồi Ông còn ở Bạc-Liêu là «*Tùy cơ-pháp chuyến kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại...* » và «*kẻ xa-xuôi từ-vãn chẳng tới...* » chớ không phải như các bản đã lưu-hành trước đây.

Xét ra, Đức Thầy viết bài này tại Bạc-Liêu năm 1942 và ông Dật-Sĩ trong thời-gian ấy cũng đang làm việc tại đó, và lại ý nghĩa rất hợp nên hội-nghị đồng ý sửa đổi.

- Ngoài nhiều bản chánh mà ông Nguyễn-Chi-Diệp còn giữ được để hội-nghị dùng làm tài-liệu khảo-sát, ông Diệp còn cải chánh sự in sai trong Sấm Giảng quyển ba mà ông đã nghe biết rõ-ràng từ khi Đức Thầy còn ở tại Thánh-Địa:

«*Tu hành tâm đạo một mai cứu đời*»

chớ không phải:

«*Tu hành tâm đạo một mai cứu đời*».

- Ông Huỳnh-Hữu-Phi trình-bày trước hội-nghị rằng trong bài Sa-Đéc chính Đức Thầy có sửa một bản do Ông dâng lên. Câu đầu bài đó chép:

«*Nhìn cuộc thế bốn-bề sóng dậy*»,

Đức Thầy đã sửa lại:

«*Nhìn cuộc thế bốn-bề sóng dậy*»

và cũng theo ông Phi câu đầu trong bài «*Nang thơ cầm tú*» có hai chữ thanh-bạch và thanh-lặng đã gây bất nhất giữa anh em tín đồ, kẻ đọc thanh lặng, người cãi là thanh-bạch, cho nên lúc Đức Thầy ở tại Sài Gòn, đường Lefèbvre, ông có trình lên thỉnh ý. Và Đức Thầy xác-nhận:

«*Trời thanh-lặng gió đưa hiu hắt*».

- Ông Lâm-Văn-Trung quả-quyết: Trong bài «*Viếng làng Mỹ-Hội-Đông*», Đức Thầy không hề viết bốn câu đầu:

«*Buông mảnh thả lá cạn dòng châu,*

Áo nảo tâm can cảnh mộng sâu;

Môi hở sợ e răng phải lạnh,

Đáy lòng cạn tỏ máy huyền sâu.»

nên đề-nghị bỏ. Hội-nghị xét ông Trung là người Mỹ-Hội-Đông, mà ông cũng được gần gũi bên Thầy trong buổi viết bài này, nên đồng ý xóa mấy câu đó trong bản in trước.

Phải có những chứng-tích dẫn giải rành mạch và trách-nhiệm phân-minh như thế, hội-nghị mới đồng-thanh chấp-nhận và đính-chánh lại những chỗ sai lầm.

Tuy đã thận-trọng như trên, nhưng sau khi hội-nghị bế-mạc, công việc này còn phải kéo dài thêm một thời-gian làm việc nữa. Đó là công việc dò kỹ từng chữ, từng câu để sửa lại từng dấu, từng nét. Quý Ông Cố-Vấn Dật-Sĩ, Thơ-Ký Trần-Minh-Quang, Quản-Lý Đào-Văn-Đạm và Phát-Hành-viên Nguyễn-Văn-Bửu đều đã thiết-thực góp tay với ông Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Uơng Nguyễn-Văn-Hầu trong công việc này.

Sau hết, một vấn-đề không kém quan-trọng là việc sửa ấn-cáo. Nếu ấn cáo mà không được người có khả-năng xem sóc thì bao nhiêu công-trình từ trước sẽ không được bảo-đảm nếu không nói là hỏng đi. Ông Nguyễn Long Thành Nam, Đệ-Nhất Phó Thơ-Ký Ban Trị-Sự Trung-Uơng đã phát-tâm hoan-hỉ đảm-nhận công-tác này.

Hôm nay, quyển Sấm Giảng Thi-Văn toàn-bộ của Đức Huỳnh Giáo- Chủ được đến trong tay Quý-vị độc-giả đạo-tâm, là kết-quả của bao nhiêu công việc vừa trình-bày trên đây với suốt một thời-gian dài trên 10 tháng.

Đã hiểu rằng «*Nhân thân nan đắc, Phật Pháp nan văn*» cho nên,

làm công việc này chúng tôi không có cao vọng gì hơn là muốn chính-xác-hóa những chỗ in lầm trong Giáo-Pháp của Đức Huỳnh Giáo-Chủ – một Giáo-Pháp nhiệm-mầu và thực-tế – hầu có quảng-bá một cách sâu rộng hơn nữa trong quảng-đại quần-sanh, để những người có cơ-duyên sẽ do đó mà bước lên con đường cùng tu cùng tiến.

Nếu Kinh Pháp-Hoa chép: «*Phật vị nhất đại sự nhân-duyên xuất-hiện ư thế*» (Phật vì một nhân-duyên lớn mà có mặt trên đời) thì nơi đây, chúng tôi cũng dám xin nguyện cầu Chư Phật và Đức Thầy gia-hộ cho người người được rộng mở nhân-duyên, xem SẤM KINH này mà phát-tâm thiện-nguyện.

Được như thế, chúng tôi tưởng không có nguồn vui nào hơn.

NAM-MỒ A-DI-ĐÀ PHẬT

Thánh-Địa Hòa-Hào, ngày rằm tháng bảy Ất-Tỵ (1965)

Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Uơng

Nhiệm-kỳ I, 1964-1966

Cẩn khải

THAY LỜI TỰA (Sứ-mạng của Đức Thầy)

Do chính tay Ngài viết

Ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão, vì thời-cơ đã đến, lý Thiên-Đình hoạch-định, cuộc nguy-cơ thảm-họa sắp tràn lan. Ta đây tuy không thể đem phép huệ-linh mà cứu an tai-họa chiến-tranh tàn khốc do loài người tàn-bạo gây nên, nhưng mà thử nghĩ: Sinh trong vòng đất Việt-Nam này, trải qua bao kiếp trong địa-cầu lăn-lộn mấy phen, tùy cơ pháp chuyển kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại để thu-thập những điều đạo-học kinh-nghiệm huyền-thâm, lòng mê-si đã diệt, sự vị-kỷ đã tan mà kể lại nguồn gốc phát sinh, trải bao đời giúp nước vùa dân cũng đều mãi sinh-cư nơi đất Việt. Những tiền kiếp dầu sống cũng là dân quan đất Việt, dầu thác, cũng quý thân đất Việt chớ bao lìa. Những kiếp gần đây, may-mắn gặp minh sư cơ truyền Phật-Pháp, gọi nhuần ân-đức Phật, lòng đà quảng-đại từ-bi, hềm vì nổi cảnh quốc phá, gia vong, máy huyền-cơ đã định, lòng thương trăm họ vướng cảnh, đồ lao, chi xiết xót thương chúng sanh vạn khổ.

Nghĩ lúc còn làm người trong biển tục, lăn-lộn chốn mê đồ, mà chẳng quản thân giúp thế cứu dân, vong thân vị quốc, huống chi nay cơ mầu đà thấu tỏ, sớm chiều hầu chơn Phật nghe kinh, ngao du tứ-hải, dạo khắp Tiên-bang, cảnh an-nhàn của người liễu-đạo, muôn ngày vô sự, lóng sạch phàm tâm, sao chẳng ngồi nơi ngôi vị hưởng quả bồ-đề trường thọ mà còn len-lỏi xuống chốn hồng-trần, đặng chịu cảnh chê khen? Vì lòng từ-ái chứa-chan, thương bách-tính tới hồi tai-họa. Phật-Vương đà chỉ rõ máy diệu huyền chuyển lập hội Long-Hoa, chọn những đấng tu hành cao công quả để ban cho xứng vị xứng ngôi, người đủ các thiện-căn để giáo truyền Đại-Đạo, định ngôi phân thứ gây cuộc Hòa-Bình cho vạn quốc chư bang.

Thiên-Tào đà xét định, khắp chúng sanh trong thế-giới trong cái buổi Hạ-Nguơn này, say mê vật-dục, chìm đắm trong biển lợi-danh, gây nên nghiệp-quả, luật trời đà trị tội xét kẻ thiện-căn thì ít, người tội-ác quá nhiều, chư Phật mới nhủ lòng từ-bi cùng các vị chơn Tiên lâm phạm độ thế, trước ra công cứu khổ, sau chỉ rõ cơ-

huyền, khuyên kẻ thế hướng thiện quày đầu, cải tà qui chánh thì mới mong Thiên Đình ân xá bớt tội căn để kíp đến Long-Hoa châu Phật, trước biết rõ luật Trời thưởng phạt, cùng hữu duyên nghe Phật pháp nhiệm mầu, kiến diện bậc Chơn-Sư, tu hành mau đắc quả, sau làm dân Phật quốc hưởng sự thái-bình, bởi đời này pháp-môn bế mạc, Thánh đạo trần vu, người tâm trí tối đen, đời lăm Ma-Vương khuấy rối. Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu Đạo nơi quốc-độ nào thì cũng phải trở về quốc-độ ấy mà trợ tế nhân dân; vì thế lòng từ-bi bác-ái cùng thù đáp những linh hồn đã trợ duyên trong nhiều kiếp giúp Ta nương cậy tu hành, nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão, Ta hóa hiện ra đời cứu độ chúng sanh. Tuy là nhơn-dân mới rõ pháp mà tưởng rằng Ta thượng xác cõi đồng chớ có dè đầu chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế. Nên phương-pháp của Ta tùy trình-độ cơ cảm của Tín-nữ Thiện-nam, trên thì nói Phật-pháp cho kẻ có lòng mộ Đạo qui căn, gây gốc thiện-duyên cùng Thầy Tổ, dưới dùng huyền-diệu của Tiên-gia độ bệnh để cho kẻ ít căn lành nhờ được mạnh mà cảm lòng từ-bi của Chư Vị với Trăm Quan, thâm-thiết lê dân lăm than thống-thiết, mà lời lành nghe tựa hồ như nhớ như quên, nên kẻ xa xuôi từ-vấn chẳng tới, người láng-diềng tiếng kệ nhàm tai. Đến trung tuần tháng tám, Ta cùng Đức-Thầy mới tá hiệu Khùng Điền, mượn bút mực tiết lộ lấy Thiên-cơ, truyền cho kẻ xa gần đều rõ biết hầu ăn-năn cải quá làm lành, còn kẻ chẳng tỉnh tâm sau đến tội cũng chẳng trách Phật Tiên không chỉ bảo.

Vẫn biết đời Lang-sa thống trị, phép nước nghiêm-hình, dân chúng nếu yêu thương sẽ lăm điều hiềm khích: Nhưng mà Ta nghĩ nhiều tiền kiếp Ta cũng hy-sinh vì Đạo, nào quản xác thân. Kiếp chót này đây há lại tiếc chi thân phàm tục, song vì tình cốt-nhục tương thân, cũng ủng-hộ, chớ che cho xác phàm bớt nổi cực hình.
Bạc-Liêu, ngày 18-5 Nhâm-Ngũ (1942).

PHẦN THỨ NHỨT

SẨM GIẢNG GIÁO-LÝ

QUYỂN NHỨT

SẨM GIẢNG
Khuyên Người Đời Tu Niệm

SẨM GIẢNG

Khuyên Người Đời Tu Niệm



(Đây là quyển thứ nhứt mà Đức
Thầy đã viết năm Kỷ-Mão 1939
tại Hòa-Hảo, dài 912 câu)

- Hạ-ngươn nay đã hết đời,
Phong ba biển chuyển đổi dời gia cang.
Năm Mèo Kỷ-Mão rõ ràng,
Khấp trong trần hạ nhộn nhàng xiết chi.
Ngồi buồn Đilen tỏ một khi,
Bá gia khổ-não vậy thì tử đây.
Cơ trời thể cuộc đổi xây,
Đilen mới theo Thầy xuống chốn phàm-gian.
Thấy đời ly-loạn bất an,
- 010 Khấp trong các nước nhộn-nhàng đao binh.
Kẻ thời phụ nghĩa bố-kình,
Người thời trung-hiếu chẳng gìn ven hai.
Nên Đilen khuyên-nhủ bằng nay,
Xin trong lê-thứ ngày rày tình tâm.
Cơ thâm thì họa diệc thâm,
Nào trong sách sử có lầm ở đâu.
Người khôn nghe nói càng rầu,
Người ngu nghe nói ngựa đầu cười reo.
Rồi sau sẽ thấy hùm beo,
- 020 Khấp trong bá tánh hiểm-nghèo đáng thương.
Đilen này vưng lịnh Minh-Vương,
Vớ lịnh Phật đường đi xuống giảng dân.
Thấy trong bá tánh phàm trần,
Kẻ khinh người nhạo Thần Tiên quỉ tà.
Mặc ai bàn tán gần xa,
Quý của Phật Bà sai xuống cứu dân.
Kẻ xa thì mển đức-ân,
Làm cho người gần ganh-ghét khinh khi.
Nam mô, mô Phật từ-bị,
- 030 Miệng thì niệm Phật lòng thì tà-gian.
Khấp trong bá-tánh trần-hoàn,
Cùng hết xóm làng đều bị người Đilen.

- Đilen này xưa cũng như ai,
Vào các ra đài tột bực giàu-sang.
Nghĩ suy danh-lợi chẳng màng,
Bèn lên ấn dật lâm san tu trì.
Nhờ Trời may-mắn một khi,
Thần-thơ lại gặp Đức Thầy Bửu-Sơn.
Cúi đầu Đilen tỏ nguồn-cơn,
- 040 Động lòng bác-ái ra ơn dạy truyền.
Thấy Đilen tâm tánh quá thiêng,
Nội trong sáu khắc biết liền Thiên-cơ.
Chuyện này thôi nói sơ sơ,
Để rộng thì giờ nói chuyện chơn-tu.
Dương-trần kẻ trí người ngu,
Ham võng ham dù danh-lợi xuê-xang.
Cờ đà đến nước bất an,
Chẳng lo tu niệm tham-gian làm gì.
Phật, Trời thương kẻ nhu-mì,
- 050 Trọng cha, yêu Chúa kính vì Tổ-Tông.
Ngồi buồn nói chuyện bông-lông,
Khấp trong trần-hạ máu hồng nhuộm rơi.
Chứng nào mới đặng thanh-thời,
Dậu Phật ra đời thế-giới bình-yên.
Đilen này Đilen của Thần-Tiên,
Ở trên Non-Núi xuống miền Lục-Châu.
Đời còn chẳng có bao lâu,
Rán lo tu-niệm đặng châu Phật-Tiên.
Thế-gian ít kẻ làm hiền,
- 060 Nhiều người tàn-bạo làm phiền Hóa-Công.
Thế-gian chuyện có nói không,
Đến hội Mây-Rồng thân chẳng toàn thân.
Việc đời đến lúc cần gay,
Mà cũng tối ngày nói xéo nói xiên.
Dương-trần tội ác liên miên,
Sau xuống huỳnh-tuyền Địa-ngục khó ra.
Đilen này nói việc gần xa,
Đặng cho lê-thứ biết mà lo tu.
Tu cho qua cửa Diêm-phù,
- 070 Khỏi sa Địa-ngục ngao du Thiên-đài.
Đường đời chẳng có bao dai,
Nên viết một bài cho bá-tánh coi.

Tuồng đời như pháo châm ngòi,
 Bá-gia yên lặng mà coi Khùng này.
 Khùng thời ba Tố một Thầy,
 Giảng dạy dầy-đầy rõ việc Thiên-cơ.
 Điền đây còn đại còn khờ,
 Yên-lặng như tờ coi chúng làm sao.
 Bá-gia kẻ thấp người cao,
 080 Chứng thấy máu đào chúng mới chịu tu.
 Bây giờ giả đại giả ngu,
 Cũng như Nhơn-Quý ở tù ngày xưa.
 Lúc này kẻ ghét người ưa,
 Bị Điền nói bừa những việc vừa qua.
 Dương-trần biếm nhẽ gần xa,
 Nói quỷ nói tà đây cũng cam tâm.
 Ngồi buồn nhớ chuyện xa-xăm,
 Đạo trong Bày-Núi cười thầm sư-mang.
 Nói rằng lòng chẳng ham sang,
 090 Sao còn ham của thế-gian làm gì ?
 Việc này thôi quá lạ kỳ,
 Cũng trong Phật-Giáo sao thì chê khen.
 Lúc này tâm trí rối beng,
 Tiếng quyển tiếng kèn mặc ý bá-gia. [1]
 Hết gần rồi lại tới xa,
 Dân-sự nhà nhà bàn tán cười chơi.
 Chuyện này cũng lắm tuyệt-vời,
 Giả như Hàn-Tín đợi thời lòn tròn.
 Đến sau danh nổi như cồn,
 100 Làm cho Hạng-Võ mất hồn mấy khi.
 Chuyện xưa thanh-sử còn ghi,
 Khen anh Hàn-Tín vậy thì mưu cao.
 Chuyện đời phải có trước sau,
 Điền Khùng khờ đại mà cao tu hành.
 Bá-gia phải rán làm lành,
 Niệm-Phật cho rành đặng thấy Thần-Tiên.
 Thương đời trong dạ chẳng yên,
 Khấp trong lê-thứ thảm phiến tử đây.
 Ngày nay thế-cuộc đổi xây,
 110 Rán lo tu niệm đặng Thầy cứu cho.
 Mảng theo danh-lợi ốm-o,
 Sẵn của hét hò đưa ở người ăn.

Đừng khi nhà lá một căn,
 Mà biết niệm Phật sau bằng bạc muôn.
 Giàu sang như nước trên nguồn,
 Gặp cơn mưa lớn nó tuôn một giờ.
 Cửu-Huyền Thất-Tổ chẳng thờ,
 Để thờ những Đạo ngọn cờ trắng phau.
 Dương-trần bụng dạ nhiều màu,
 120 Thấy cảnh bên Tàu sao chẳng nghĩ suy.
 Lời xưa người cổ còn ghi,
 Những việc lạ kỳ nay có hay chưa ?
 Chưa là với kẻ chẳng ưa,
 Chớ người tâm đạo biết thừa tới đâu.
 Bá-gia mau kíp lo âu,
 Để sau đổi đầu chẳng đặng toàn thân.
 Việc đời nói riết thêm nhây,
 Nếu muốn làm Thầy phải khổ phải lao.
 Mèo kêu bá-tánh lao-xao,
 130 Đến chừng rỗng rảnh máu đào chín ghê.
 Con ngựa lại đá con dê,
 Khấp trong trần-hạ nhiều bề gian-lao.
 Khỉ kia cũng bị xáo-xào,
 Canh khuya gà gáy máu đào mới ngưng.
 Nói ra nước mắt rưng-rưng,
 Điền biểu dân đừng làm dữ làm hung.
 Việc đời nói chẳng có cùng,
 Đến sau mới biết đây dùng kế hay.
 Bây giờ mắc việc tà-tây,
 140 Nên mới làm vầy cho khỏi ngại-ngại.
 Thiên cơ số mạng biết tri,
 Mà sao chẳng chịu chạy đi cho rồi ?
 Những người giả đạo bồi-hồi,
 Còn chi linh-thính mà ngồi mà nghe.
 Việc đời như nước trong khe,
 Nó tưởng đặt vè nói biếm người hung.
 Điền này nổi chí theo Khùng,
 Như thể dây dùn đặng cứu bá-gia.
 Sau này kẻ khóc người la,
 150 Vài ba năm nữa biết mà tà-tinh.
 Điền biết chẳng lẽ làm thính,
 Nói cho bá-tánh mặc tình nghe không.

Việc Điên, Điên xử chưa xong,
 Lục-Châu chưa giáp mà lòng ủ-ê.
 Người nghe đạo lý thì mê,
 Kê lại nhún trẻ nói: Lão kiếm cơm.
 Thấy nghèo coi thể rác-rơm,
 Rồi sau mới biết rác-rơm của Trời.
 Vì Điên chưa đến cái thời,
 160 Nên còn ẩn dạng cho người cười chê.
 Từ đây sắp đến thảm-thê,
 Con lìa cha mẹ, vợ kia xa chồng.
 Tới chùng đến việc ngóng-trông,
 Trách rằng Trời Phật không lòng từ-bi.
 Di-Đà lục tự rán ghi,
 Niệm cho tà-qui vậy thì dang ra.
 Khuyên đừng xài phí xa-hoa,
 Ăn cần ở kiệm đặng mà lo tu.
 170 Đừng khinh những kẻ đui-mù,
 Đến sau sẽ khổ gấp mười mù-đui.
 Đời nay xét tới xem lui,
 Chùng gặp tuổi Mùi bá-tánh biết thân.
 Tu-hành sau được đức-ân,
 Nhờ Trời ban bố cho gần Phật Tiên.
 Nói ra trong dạ chẳng yên,
 Điên gay chèo quế đạo miền Lục-Châu.
 Tới đâu thì cũng như đâu,
 Thêm thảm thêm sầu lòng dạ người xưa.
 180 Bá-gia ai biết thì ư,
 Tôi chẳng nói thừa những việc Thiên-cơ.
 Khi già lúc lại trẻ thơ,
 Giả quê giả dốt khắp trong thị thiêng.
 Đi nhiều càng thảm càng phiền,
 Lên doi xuống vịnh nào yên thân Già.
 Tay chèo miệng lại hát ca,
 Ca cho bá-tánh biết đời loạn-ly.
 A-Di-Đà Phật từ bi,
 Ở bên Thiên-Trước chứng tri lòng này.
 Từ ngày thọ giáo với Thầy,
 190 Dẹp lòng vị-kỷ đầy lòng yêu dân.
 Ngày nay chẳng kể tấm thân,
 Miễn cho bá-tánh được gần Bồng-Lai.

Đời này vốn một lời hai,
 Khấp trong trần-hạ mấy ai tu trì.
 Đời này giành-giặt làm chi,
 Tới việc ly-kỳ cũng thả trôi sông.
 Thuyền đưa Tiên-cảnh Non-Bồng,
 Mấy ai mà có thiêng lòng theo đây.
 Cứ lo làm việc tà-tây,
 200 Bắt ngưư bắt cày đặng chúng làm ăn.
 Chùng đau niệm Phật lắng-xăng,
 Phật đâu chứng kịp lòng người ác-gian.
 Thấy đời mê-muội lầm-than,
 Ăn bạ nói càn tội-lỗi chửi ghê.
 Chử tu không phải lời thề,
 Mà không nhớ đến đặng kẻ Tiên-bang.
 Nói nhiều trong dạ xổn-xang,
 Cùng hết xóm làng tàn-ác nhiều hơn.
 Thầy chùa như thể cây sơn,
 210 Ngoài da coi chắc trong thời mỗi ăn.
 Buồn thay cho lũ ác-tăng,
 Làm điều dối thế cho hư Đạo-mầu.
 Di-Đà Phật-Tổ thêm rầu,
 Giận trong tăng-chúng sao lừa dối dân.
 Có thân chẳng liệu lấy thân,
 Tu như lối cũ mau gần Diêm-vương.
 Bá-gia lầm lạc đáng thương,
 Nên trước Phật đường thọ lãnh dạy dân.
 Dương trần nhiều kẻ ham sân,
 220 Cứ theo biếm nhẻ xa gần người Điên.
 Lòng buồn mượn lấy bút nghiên,
 Viết cho trần hạ bớt phiền lo tu.
 Thương đời chớ chẳng kiếm xu,
 Buồn cho bá-tánh hết mù tới đui.
 Có chi mà gọi rằng vui,
 Khấp trong bá-tánh gặp hồi gian lao.
 Từ đây hay ốm hay đau,
 Rán tu đem được Phật vào trong tâm.
 Lời hiền nói rõ họa thâm,
 230 Đặng cho bá-tánh tỉnh tâm tu hành.
 Ngày nay Điên mở Đạo lành,
 Khấp trong lê-thứ được rành đường tu.

Nay đà gần cuối mùa thu,
Hết ngu tới đại công-phu gần thành.
Xác trần đạo-lý chưa rành,
Mấy ai mà được lòng thành với Diên.
Diên này sẽ mở xích xiềng,
Dắt-dìu bá tánh gần miền Tiên-bang.
Không ham danh-lợi giàu-sang,
240 Mong cho bá-tánh được nhàn tẩm thân.
Thường về châu Phật tấu trần,
Cầu xin Phật-Tổ ban lần đức ơn.
Nay đà bày tỏ nguồn cơn,
Cho trong trần-hạ thiệt hơn tỏ tường.
Phật, Trời thấy khổ thời thương,
Muốn cho lê-thứ thường thường làm nhơn.
Đừng ham tranh-đấu thiệt hơn,
Tu niệm chớ sờn uống lăm dân ôi !
250 Hồng-trần biến khổ thấy rồi,
Rán tu nhơn-đạo cho tròn mới hay.
Đừng ham nói đặng nói cay,
Cay đặng sau này đau đớn, sầu-bi.
Tu hành tâm trí rán trì,
Sau này sẽ thấy việc gì trên mây.
Đừng làm tàn-ác ham gây,
Sẽ có người này cứu vớt giùm cho.
Dương-trần lăm chuyện đôi co,
Phải dẹp vị-kỷ mà lo tu hành.
Kê kinh tướng-niệm cho sành,
260 Ngày sau thấy Phật đành rành chẳng sai.
Lúc này thế-giới bi-ai,
Chẳng nói vắn dài Phật nọ tức tâm.
Mấy lời khuyên nhủ chẳng lăm,
Từ đây đạo hạnh được mầm thanh-cao.
Hồng-trần lao-khổ xiết bao,
Khuyên trong lê-thứ bước vào đường tu.
Xưa nay đạo-hạnh quá lu,
Ngày nay sáng tỏ đến bù ngày xưa.
Mặc tình kẻ ghét người ưa,
270 Diên chẳng nói thừa lại với thứ-dân.
Quan-trường miệng nói vang rân,
Mà tâm dính chặt hồng-trần bụi nhơ.

Buồn đời nên mới làm thơ,
Cũng còn tai lấp mắt ngơ mới kỳ.
Người đời lòng dạ bất tri,
Trông cho làm bịnh dị-kỳ nó coi.
Dương-gian chậu úp được soi,
Giấu đầu rồi lại cũng lòi sau đuôi.
Nói nhiều mà dạ chẳng nguôi,
280 Việc tu bá-tánh bản lụi như tôm.
Tưởng Phật được lúc đầu hôm,
Đêm khuya muốn giứt nôi cơm của người.
Thế-gian nhiều việc nực cười,
Tu-hành chẳng chịu, lo cười lo khinh.
Người già ham muốn gái xinh,
Đến sau chẳng biết thân mình ra sao ?
Xác thân cạp xé beo quào,
Còn người tàn bạo máu đào tuôn rơi.
Tu-hành hiền đức thành-thời,
290 Ngay cha thảo Chúa Phật, Trời cứu cho.
Bá gia hãy rán mà lo,
Kiếm Lão Đưa Đò nói chuyện huyền cơ.
Bấy lâu chẳng biết làm thơ,
Nay viết ít tờ trần-hạ tinh tâm.
Đến sau khổ hạnh khỏi lăm,
Nhờ công tu-niệm âm-thầm quá hay.
Chừng nào chim nọ biếng bay,
Cá kia biếng lội khổ này mới yên.
Nhắc ra quá thảm quá phiền,
300 Bể khổ gần miền mà chẳng chịu tu.
Ngọn đèn chơn lý hết lu,
Khấp trong lê-thứ ao tù từ đây.
Thấy trong thời-cuộc đổi xây,
Đời nay trở lại khác nào đời Thương.
Nhắc ra thêm ghét Trụ-Vương,
Ham mê Đắc-Kỷ là phường bội cha.
Hết gần Diên lại nói xa,
Nói cho bá-tánh biết mà người chi.
Lời lành khuyên hãy gắn ghi.
310 Dương-trần phải rán tu-trì sớm khuya.
Đừng ham làm chức nặc-nia,
Ngày sau như khóa không chìa dân ôi !

Tu hành như thể thả trôi,
 Nay lỡ mai bồi chẳng có thiêng tâm.
 Mưu sâu thì họa cũng thâm,
 Ngày sau sẽ biết thú cầm chĩnh ghê.
 Hùm beo tây tượng bọn bề,
 Lại thêm ác thú mãng-xà, rít to.
 Bá-gia ai biết thì lo,
 320 Gác tai gièm siểm đôi co ích gì !
 Hết đây rồi đến dị-kỳ,
 Sưu cao thuế nặng vậy thì thiết-tha.
 Dân nay như thể không cha,
 Chẳng ai dạy-dỗ thiết là thảm-thương.
 Thứ này đến thứ Minh-Vương,
 Nơi chốn Phật đường mặt ngọc ủ-ê.
 Cảm thương trần-hạ nhiều bề,
 Bởi chưng tàn-bạo khó kễ Phật Tiên.
 Chúng ham danh lợi điền-viên,
 330 Ngày sau đến việc lụy-phiền suốt canh.
 Kê-kinh tụng niệm đêm thanh,
 Ấy là châu-ngọc để dành ngày sau.
 Bây giờ chưa biết vàng thau,
 Đời sau kính trọng người cao tu hành.
 Nam-mô miệng niệm lòng lành,
 Bá gia phải rán biết rành đường tu.
 Thương ai ham võng ham dù,
 Cũng như những kẻ đui mù đi đêm.
 Khuyên đời như vá múc thêm,
 340 Mảng lo tranh đoạt thù-hềm với nhau.
 Đến chừng có ốm có đau,
 Vang mồm niệm Phật, Phật nào chứng cho.
 Dương-trần tiếng nhỏ tiếng to,
 Nói ngổng nói cò đây cũng làm thình.
 Tưởng rằng thân nó là vinh,
 Chẳng lo tu niệm cứ ghình với Điên.
 Nói ra trong dạ chẳng yên,
 Bây giờ nói chuyện cỡi thuyền khuyên dân.
 Đêm ngày chẳng nại tẩm thân,
 350 Nắng mưa chẳng quản tảo-tần ai hay.
 Chừng sau đến hội Rồng-Mây,
 Người đời mới biết Điên này là ai.

Lui thuyền chèo quế tay gay,
 Thuyền đi nước ngược đến rày cù lao.
 Xa xa chẳng biết làng nào,
 Thiệt làng Long-Khánh ít người nào tu.
 Tớ Thầy liền giả đui mù,
 Bèn đi ca hát kiếm xu dương-trần.
 Bá-gia tự lại rần-rần,
 360 Trong nửa ngày trần chẳng có đồng chi.
 Nực cười trần-hạ một khi,
 Ở một đêm thì sáng lại qua sông.
 Bình-minh vừa buổi chợ đông,
 Bày trò bán thuốc hát rờng đời nay.
 Cho thiên-hạ tự đông vầy,
 Rồi mới ra bài hát việc Thiên-cơ.
 Tới đây bá-tánh làm ngư,
 Buồn cho lê-thứ kịp giờ ra đi.
 Lìa xa Hồng-Ngự một khi,
 370 Thẳng đường trực chỉ Điên đi Tân-Thành.
 Tới đây ra mặt người rành,
 Nói chuyện thiệt sành thông-lầu Đạo nho.
 Nhiều người xúm lại đôi co,
 Chê lão đưa đồ mà biết việc chi.
 Thấy đời động tánh từ-bị,
 Điên chẳng bắt tì còn mách việc xa.
 Khoan khoan chơn nọ bước ra,
 Giáp rạch Cà-Cái rồi ra ngoài vàm.
 Đoái nhìn mây nọ trắng lam,
 380 Điên ra sức lực chèo chơi một giờ.
 Xa nhìn sương bạc mờ mờ,
 Tân-An làng nọ dân nhờ bấp khoai.
 Giả người bán cá bằng nay,
 Dân chúng ngày rày xúm lại mua đồng.
 Tới lui giá cả vừa xong,
 Điên cũng bằng lòng cân đủ cho dân.
 Có người chẳng chịu ngang cân,
 Bỏ thêm chẳng bớt mấy lần không thôi.
 Nực cười trần-hạ lắm ôi !
 390 Giảng cho bá-tánh một hồi quá lâu.
 Thân già thức suốt canh đầu,
 Nói cho lê-thứ quày đầu mới thôi.

Nhiều người nghe hết phui rồi,
 Quày thuyền trở lại bồi-hồi sàu-bi.
 Giả người tàn-tật một khi,
 Xuống vòm kinh Xáng được thì chút vui.
 Một người nhà lá hẩm hui,
 Mà biết đạo lý mời Cùi lên chơi.
 Bàn qua kim-cổ một hồi,
 400 Cùi xuống giữa vời Châu-Đốc thẳng xông.
 Đến nơi thiên-hạ còn đông,
 Giả gái không chồng đi bán cau tươi.
 Thấy dân ở chợ nực cười,
 Xúm nhau trêu gheo đặng cười Gái Tơ.
 Buồn đời lẳng mạ ngẩn-ngơ,
 Biển mất lên bờ liền giả cùi đui.
 Phổ phường nhiều kẻ tới lui,
 Thấy kẻ Đui Cùi chẳng muốn ngó ngang.
 Đời nay quý trọng người sang,
 410 Giả ra gây lộn nói toàn tiếng Tây.
 Tây, Nam, Chà, Chệt, chú, thầy,
 Nó thấy làm vầy chẳng bắt ngại nghi.
 Xuống thuyền quày quả một khi,
 Chèo lên Vĩnh-Tế vô thì núi Sam.
 Đi ngang chẳng ghé chùa am,
 Xuôi dòng núi Sập đặng làm người ngu.
 Xem qua đầu tóc u-xù,
 Cũng như người tội ở tù mới ra.
 Chèo ghe rao việc gần xa,
 420 Bồng-Lai Tiên-Cảnh ai mà đi không ?
 Nhiều người tâm đạo ước mong,
 Nếu tôi gặp được như rồng lên mây.
 Ấy là tại lịnh Phương Tây,
 Cho kẻ bạo tàn kiến thấy Thần Tiên.
 Có người nói xéo nói xiên,
 Chú muốn kiếm tiền nói gạt bá gia.
 Thoáng nghe lời nói thiết tha,
 Rưng rưng nước mắt chèo về Mặc-Dưng.
 Tay chèo miệng cũng rao chừng,
 430 Đường đi tiên cảnh ai từng biết chưa ?
 Khúc thời nhắc lại đời xưa,
 Lúc chàng Lý-Phủ đổ thừa Trọng-Ngư.

Nhà anh có của tiền dư,
 Sao chẳng hiền-tử thương-xót bá gia ?
 Bảy giờ gặp việc thiết-tha,
 Bạc vàng có cứu anh mà hay không ?
 Hết tây Điền lại nói đông,
 Có ai thức-tỉnh để lòng làm chi !
 Mặc-Dưng mất dạng Từ-Bi,
 440 Thuyền đi trở ngược về thì Vàm-Nao.
 Dòm xem thiên-hạ lao-xao,
 Không ghé nhà nào cũng gọi vài câu.
 Con sông nước chảy vòng cầu,
 Ngày sau có việc thăm-sầu thiết-tha.
 Chừng ấy nổi dậy phong-ba,
 Có con nghiệt-thú nuốt mà người hung.
 Đến chừng thú ấy phục-tùng,
 Bá-gia mới biết người Khùng là ai.
 Bây giờ phải chịu tiếng tai,
 450 Giảng Đạo tối ngày mà chẳng ai nghe.
 Đời như màn nọ bằng the,
 Hãy rán đọc vè của kẻ Khùng Điền.
 Khỏi vòm Điền mới quày thuyền,
 Xuống miền Cao-Lãnh lại phiền lòng thêm.
 Tới đây ca hát ban đêm,
 Ai có thù hềm chưởi mắng cũng cam.
 Cho tiền cho bạc chẳng ham,
 Quyết lòng dạy-đỗ dương-trần mà thôi.
 Nghe rồi thì cũng phui rồi,
 460 Nào ai có biết đây là người chi.
 Trở về Phong-Mỹ một khi,
 Thuyền đi một mạch tới thì Rạch-Chanh.
 Ghe chèo khúc queo khúc quanh,
 Ở đây có một người lành mà thôi.
 Nhắc ra tâm trí bồi-hồi,
 Khó đứng khôn ngồi thương xót bá-gia.
 Kiến-Vàng làng nọ chẳng xa,
 Kíp mau tới đó vậy mà thử coi.
 Xứ này nhà cửa ít-oi,
 470 Mà trong dân sự nhiều người chơn tu.
 Thấy người đói rách xin xu,
 Ra tay cứu vớt đui mù chẳng chê.

Khỏi đây đến chỗ bộn-bề,
 Rõ ràng Bến-Lức đã kề bên ghe.
 Giả Người Tàn Tật đón xe,
 Rồi lại nói về rông việc Thiên-cơ.
 Hết về rồi lại nói thơ,
 Làm cho bá-tánh ngẩn-ngơ trong lòng.
 Thơ về Diên đã nói xong,
 480 Đi luôn Ba-Cụm kéo lòng ước-mơ.
 Tới đây dẹp hết về thơ,
 Giả Người Bán Mắm quá khờ quá què.
 Chợ này thiên-hạ bộn-bề,
 Kẻ nhún người trẻ chề mắt chẳng ngon.
 Bạn hàng tiếng nói quá dòn:
 Giá này chẳng bán còn chờ chuyện chi ?
 Bưng thời kẻ níu người trì:
 Ở đây không bán chị thì đi đâu ?
 Dứt lời rồi lại câu-mâu,
 490 Mắng: con đi chó khéo hầu làm khôn !
 Muốn làm cho có người đồn,
 Biển mất xác hồn cho chúng chìn ghê.
 Nói ra thêm thắm thêm thê,
 Ông Lãnh dựa kề giả Bán Trầu Cau.
 Bạn hàng xúm lại lao-xao:
 Ông bán giá nào nói thử nghe coi ?
 Trầu thời kẻ móc người moi,
 Còn cau bẻ giấu thấy lòi tánh tham.
 Thấy già bán rẻ nó ham,
 500 Bị thêm què dốt nó làm thẳng tay.
 Ghe người biển mất bằng nay,
 Cho chúng biết tài của kẻ Thần Tiên.
 Bến Thành đến đó đậu liền,
 Gặp hai thẳng lính tra liền thuế thân.
 Tổ Thầy nói chuyện cân-phân:
 Mới lẽ một lần xin cậu thứ-tha.
 Hai người tôi ở phương xa,
 Bởi chưng khổ-não mới là nổi trôi.
 Lính nghe vừa dứt tiếng rồi,
 510 Khoát nạt một hồi rồi lại bắt giam.
 Thấy đời trong dạ hết ham,
 Ghe người biển mất coi làm chi đây.

Tức thời Diên giả làm thầy,
 Đi coi đi bói khắp trong phố phường.
 Có người tu niệm đáng thương,
 Diên mới chỉ đường Tịnh-Độ vãng sanh.
 Đạo cùng khắp cả Sài-Thành,
 Khi ca khi lý nói rành Thiên-cơ.
 Bá-gia bá-tánh làm ngơ,
 520 Tường như những kẻ nói thơ kiếm tiền.
 Văn-minh trọng bạc trọng tiền,
 Khôn-ngoaan độc-ác làm phiền người xưa.
 Mặc ai ghét ghét ư ư,
 Chẳng dám nói bừa cho bá-tánh nghe.
 Phiền-ba ngựa ngựa xe xe,
 Diên giả người què Gia-Định thẳng xông.
 Què này đường xá lầu-thông,
 Khấp trong thiềng-thị rồi thì nhà-què.
 Kêu cơm bá tánh nghe ghê,
 530 Thêm nói bộn-bề những việc về sau.
 Dương-trần bàn tán thấp cao,
 Chẳng biết người nào rõ việc tiên-tri.
 Giã từ Gia-Định một khi,
 Thuyền loan trực chỉ đến thì Cần-Thơ.
 Tới đây giả Kẻ Quá Khờ,
 Vợ diên chổng lại đứng hờ một bên.
 Phố-phường xóm dưới đầu trên,
 Cùng người đi chợ xúm nhau reo cười.
 Thị-thiềng hiền-đức được mười,
 540 Phần nhiều xúm lại chề cười người diên.
 Vợ thời ca hát huyên-thiên,
 Chồng chẳng có tiền lại quán xin cơm.
 Bá gia coi thể rác-rơm,
 Ai cũng sẵn hờm đặng có gheo chơi.
 Diên mà ca hát việc đời,
 Với việc hiện thời khổ não Âu-Châu.
 Chạy cùng chẳng sót đâu đâu,
 Lòng quá thảm sâu lìa lại Vĩnh-Long.
 Chợ què giảng dạy đã xong,
 550 Thuyền loan trực chỉ đến rày Bến-Tre.
 Chợ này đậu tại nhà bè,
 Giả Chị Bán Chè dạo khắp các nơi.

Giọng rao rặt tiếng kim thời,
 Rước rước mời mời anh chị mua ăn.
 Trẻ già qua lại lằng-xăng,
 Nói nói rảng rảng những việc bướm-ong.
 Gánh chè bán hết vừa xong,
 Điên cũng nói rònng chuyện khổ về sau.
 Nói rồi chơn bước mau mau,
 560 Lìa xa thiềng-thị đến thì thôn-quê.
 Đi đâu cũng bị nhún trề,
 Kê lại chưởi thề nói: lũ bá-vơ.
 Thấy đời tai lấp mắt ngơ,
 Lúc ở trên bờ khi lại đi ghe.
 Đạo cùng khắp tỉnh Bến-Tre,
 Đủ bức thơ về lìa lại Trà-Vinh.
 Tới đây bày đặt hát kình,
 Đua nhau bán thuốc mặc tình mua không.
 Nói ra những chuyện bông-lông,
 570 Trách trong lê-thứ không lòng từ-bi.
 Gặp người đối khó khinh-khi,
 Điên-viên sự sản ai thì làm cho.
 Dạy rồi thuyền lại Mỹ-Tho,
 Khuyên trong trần-hạ rán lo tu-trì.
 Xưa nay không có mấy khi,
 Dương-trần có Phật vậy thì xuống đây.
 Chợ quê giáp hết thuyền quay,
 Đi trở lộn về Ông-Chưởng giảng dân.
 Quán chi nắng Sở mưa Tần,
 580 Chèo xuôi chèo ngược mấy lần không thôi.
 Thảm thương bá-tánh lăm ôi !
 Bồng-Lai Tiên-Cảnh rao rồi một khi.
 Nếu ai rảnh việc thì đi,
 Còn mắc nợ thì ở lại dương-gian.
 Có người xưng hiệu ông Quan,
 Tên thiệt Vân-Trường ở dưới dinh Ông.
 Thấy đời cũng bắt động lòng,
 Ghé vào tậ-xá thẳng xông lên nhà.
 Minh người tu-niệm vậy mà,
 590 Nói chi lớn tiếng người mà khinh-khi.
 Người nhà cảm tạ một khi,
 Cúng năm cắc bạc tiền đi Non Bồng.

Xuống thuyền xuôi nước thẳng xông,
 Ghé nhà chủ Phối xem lòng Đạo Ba.
 Ngồi chơi đạo-lý bàn qua,
 Mấy bà có biết lúa mà bay không ?
 Có người đạo-lý hơi thông,
 Xin Ông bày tỏ cho tôi hiểu rày.
 Điên nghe liền mới tỏ bày:
 600 Lúa bay về núi dành rày ngày sau.
 Hỏi qua tu niệm âm-hao,
 Không biết câu nào trái ý Đạo Ba.
 Buồn đời Điên mới bước ra,
 Tay gay chèo quế dạo thì khắp nơi.
 Đi hoài chẳng có nghỉ ngơi,
 Miệng cũng rao mời Tiên-cảnh Bồng-Lai.
 Có người xuống bến bằng nay,
 Mách chơi ít tiếng người rày mạng vong.
 Nhà người thiệt chẳng có lòng:
 610 Đòi đã hai lần sao chẳng chịu đi ?
 Thương đời ta luống sầu-bi,
 - Đò đi tới chốn ăn thì bao nhiêu ?
 Điên rằng tôi chẳng ham nhiều,
 Bao nhiêu tự ý cho nhiều chẳng ham.
 Điên này bụng chẳng có tham,
 Ghe đã chở đầy chập nút trong mui.
 Già đây cũng chở cầu vui,
 Vậy chú hãy ngồi ngay chỗ sau đây.
 Thấy người lòng dạ tà-tây:
 620 -Thân tôi làm vậy ông chẳng cho vô ?
 Trong mui đã mát lại khô,
 Tôi có đủ tiền mà trả cho ông.
 Trong mui dòm thấy trống không,
 Bước nhâu vào đó máu hồng trào ra.
 Cho người hung bạo biết Ta,
 Thuyền Người biển mất vậy mà còn chi.
 Trở lên Chợ-Mới một khi,
 Chèo lên chèo xuống vậy thì cũng rao.
 Năm xưa đây có máu đào,
 630 Mà nay chưa có người nào chơn tu.
 Nào Điên có muốn kiếm xu,
 Mà trong trần-hạ đui mù không hay.

Hỏi ông người ở đâu rày,
 Trả lời rằng ở Non cày Vua Nghiêu.
 Tới đây trong dạ buồn hiu,
 Bỏ ghe Điên cũng đánh liều chưa thôi.
 Giả ra một Kẻ Hàn Nôi,
 Khấp trong hàng xóm đi rồi sạch trơn.
 Tới đâu cũng tỏ thiệt hơn,
 640 Nhà tôi vốn thiệt có đờn năm dây.
 Tôi còn mắc cái nợ này,
 Nên mới làm vầy cho giải quả-căn.
 Nhà tôi đâu phải khó-khăn,
 Đem theo trong xách bạc hăng tám mươi.
 Nhiều người nghe nói reo cười,
 Thân tôi lao-lý anh cười tôi chi ?
 Giã từ Chợ-Mới một khi,
 Thuyền đi xuôi ngược đến thì Ba-Răng.
 Ít ai biết được đạo hằng,
 650 Ghé am thầy pháp nói rằng lẽ chơn.
 Trước sau bày tỏ nguồn cơn,
 Vì thương lê-thứ chi sờn lòng Đầy.
 Có người lối xóm muốn gầy,
 Xin sáu trái bắp liền quày xuống ghe.
 Ghe Điên vốn thiệt ghe be,
 Mà lại Điên nhe nước ngược thẳng xông.
 Ra oai thuyền chạy như đông,
 Người nhà xuống bến trong lòng ngại nghi.
 Ông này chẳng biết người chi,
 660 Chèo quế vậy thì mạnh bạo quá tay.
 Thần Tiên mà chẳng ai hay,
 Cứ biếm nhè hoài buồn dạ Người Xưa.
 Đời nay mỏng tựa màn thưa,
 Khuyên trong lê-thứ chẳng thừa một câu.
 Thân này chẳng nệ mau lâu,
 Miễn cho bá-tánh gặp châu vinh-huê.
 Thương trong trần-hạ thảm-thê,
 Lao-khổ nhiều bề chớ chẳng còn vui,
 Nhiều người nghèo khổ hẩm-hụi,
 670 Không đất cặm dùi mà chẳng ai thương.
 Con thuyền đương lướt gió sương,
 Bỗng nghe tiếng khóc tư-lương ai-hoài.

Có người ở xóm bằng nay,
 Bị mất trộm rày đồ-đạc sạch trơn.
 Du-thần bày tỏ nguồn cơn:
 Rằng người nghèo-khó đương hờn phận duyên.
 Điên nghe vội-vã quày thuyền,
 Dùng khoa coi bói giải phiền phàm nhơn.
 Coi rồi bày tỏ thiệt hơn,
 680 Khuyên cô đừng giận đừng hờn làm chi.
 Rồi đi dạo xóm một khi,
 Đi lên nhà thì giã gạo mà chơi.
 Vào nhà nói chuyện một hơi,
 Gặp người bán thuốc cũng thời ghé vô:
 - Mua một ve uống hồi cô,
 Uống vô bổ khoẻ trị nhiều chứng phong.
 Uống thì pha nước nóng trong,
 Chớ đừng pha rượu nó hòng kỵ thai.
 Hai thẳng ở xóm bằng nay,
 690 Nó nói ngày rày thuốc chẳng có hay.
 Người cha đi lại thấy rầy:
 -Thiệt mấy đứa này cãi-cọ làm chi.
 Bước ra nhà nọ một khi,
 Đi lên đi xuống kiểm thì xe lồi.
 Gặp xe chẳng có lên ngồi,
 Chạy trước đi rồi ngừng lại chỗ kia.
 Xóm này kẻ ghét người ưa,
 Ghé vào nhà nọ nhớ bữa cái răng.
 Nhổ rồi lui tới lảng-xảng,
 700 Liền bước xuống thuyền Thầy Tố thả trôi.
 Vàm-Nao rày đã đến rồi,
 Quày thuyền ghé lại bằng nay Chợ-Đình.
 Hát hai câu hát huê-tinh,
 Đậu xem dân chúng Chợ-Đình làm sao.
 Sáng ngày chợ nhóm lao-xao,
 Giả Bận Áo Màu ai cũng dòm xem.
 Mấy thẳng trai trẻ thấy thèm,
 Đứng xa quanh-quẩn nói gièm với nhau.
 Đứa này nói để cho tao,
 710 Đứa kia xạo-xự áo màu quá ngon.
 Nhắc ra động tấm lòng son,
 Buồn cho lê-thứ sao còn ham vui.

Ở đây một buổi ghe lui,
 Về trên Bày-Núi ngùi-ngùi thương dân.
 Thầy Trò chẳng nại tấm thân,
 Rào khắp Non Tân bận nửa thử coi.
 Chơn-tu thì quá ít-oi,
 Nhiều người ẩn-sĩ quá lòi tánh tham.
 Đi lần ra đến núi Sam,
 720 Đến nơi rào khắp chùa am của người.
 Dạy rồi bắt quá tức cười,
 Thầy tu nhiều kẻ biếng lười quá tay.
 Trẻ già biến hóa ai hay,
 Dạo trong Bày-Núi chẳng nài công lao.
 Rủ-rừng lúc thấp lúc cao,
 Giả ra Nghèo Khó vào nhiều am-vân.
 Tu hành nhiều kẻ tham sân,
 Làm sao cho đặng mau gần Phật-Tiên.
 Ai ai cũng cứ ham tiền,
 730 Ấy là đem sợi xích-xiềng trói thân.
 Lìa xa Bày-Núi lần lần,
 Xuống thuyền trực chỉ lên gần Hà-Tiên.
 Đến đây giả Kẻ Không Tiền,
 Rào khắp thị-thiềng xin-xỏ bá-gia.
 Đi rồi cũng quá thiết-tha,
 Trở về non cũ đặng mà dạo chơi.
 Non Tiên gió mát thành-thời,
 Nhưng nhớ việc đời lụy ngọc nhỏ sa.
 Xuống trần lúc hát lúc ca,
 740 Mà trong lê-thứ có mà biết chi.
 Nam-mô hai chữ từ-bi,
 Trần-hạ nói gì đây cũng làm thình.
 Tu thời nhàn hạ thân mình,
 Phần Diên khuyên nhủ mặc tình ghét ưa.
 Thiên-cơ ai dám nói thừa,
 Mà trong bá tánh chẳng ưa Diên Khùng.
 Xuống thuyền chèo quế thung-dung,
 Đi dạy đủ chỗ khắp cùng thử coi.
 Rạch-Giá chợ nọ thoi-loi,
 750 Gần nơi ven biển cá mòi nhiều hơn.
 Tới đây giả Kẻ Có Cơ,
 Khi say khi tỉnh lúc hờn số căn.

Dương-trần đi lại lằng-xăng,
 Chê chê nhạo nhạo cười rằng quân điền.
 Ở đâu mà tới thị-thiềng,
 Lính chẳng bắt xiềng nó lại bót đi.
 Lòng thương vì tánh từ-bi,
 Dạy-dỗ chuyện cùng mà chẳng ai nghe.
 Dạy rồi Diên lại xuống ghe,
 760 Long-Xuyên, Sa-Đéc nói rông về-thơ.
 Vợ chồng nghèo khổ bơ-vơ,
 Ở nơi giữa chợ lại khờ lại quê.
 Buồn trong lê thứ ủ-ê,
 Sóc-Trăng chợ ấy thuyền kè đến nơi.
 Đến đâu thì cũng tả-tơ,
 Nói rõ việc đời sắp khổ sắp lao.
 Thị-thiềng thiên hạ lao-xao,
 Chẳng có người nào tu niệm hiền-lương.
 Thấy trong trần-hạ thảm thương,
 770 Đâu có biết đường chơn chánh mà đi.
 Lìa xa đô-thị một khi,
 Thuyền-loan trực chỉ đến thì Bạc-Liêu.
 Chợ này tàn ác quá nhiều,
 Phố-phường dân Thổ dân Tiều nhiều hơn.
 Đi cùng thành-thị ráo trơn,
 Cà-Mau đến đó thiệt hơn tỏ bày.
 Cho trong bá-tánh chợ này,
 Rõ việc đẩy đẩy lao-lý về sau.
 Đường đi lao-khổ sả bao,
 780 Miễn cho trần-hạ biết vào đường tu.
 Tu hành đâu có tổn xu,
 Mà sau thoát khỏi lao-tù thế-gian.
 Thầy Trò lắm cảnh gian-nan,
 Chùng nào hết khổ mới an tấm lòng.
 Đẳng-vân đến tỉnh Gò-Công,
 Vì thương dân-thứ mới hòng đến đây.
 Xưa kia bão-lụt tình này,
 Mà sau cảnh khổ xứ này gần hơn.
 Yêu dân lòng nọ chẳng sờn,
 790 Thầy hát Tố đờn dạy cũng khắp nơi.
 Khỏi đây Bà-Rịa tách vời,
 Đến đó vậy thời trời mới sáng ra.

Chợ này đông-đúc người ta,
 Nhiều đuông chà-là lại với nho tươi.
 Đến đây Thầy Tố hóa mười,
 Nói nói cười cười bán thuốc Sơn Đông.
 Ai ai đều cũng ngóng trông,
 Coi lũ khách này hát thuật làm sao.
 Hát mà trong bụng xáo-xào,
 800 Nói chuyện bên Tàu máu đổ tuôn rơi.
 Cả kêu dân-chúng hỡi ôi !
 Sao không thức tỉnh việc đời gần bên.
 Khổ đà đi đến như tên,
 Rán lo tu niệm tìm nền vinh-hoa.
 Vinh này của Đức Phật-Bà,
 Của Ông Phật-Tổ ban mà cho dân.
 Tu cho nhàn toại tấm thân,
 Đừng làm tàn-ác xa lẫn Tiên bang.
 Hát kêu bố kẻ giàu sang,
 810 Rán lo làm phước làm doan mới là.
 Đến lâm cảnh khổ có Ta,
 Với lịnh Phật Bà cứu vớt giùm cho.
 Tu hành phải rán trì mò,
 Gặp Lão Đưa Đò đừng có khinh-khi.
 Dạy rồi Thầy Tố liền đi,
 Biên-Hòa đến đó vậy thì xem qua.
 Đến đây dạy-dỗ gần xa,
 Khuyên trong bá tánh vậy mà tinh tâm.
 Ngày nay gặp Bạn Tri-Âm,
 820 Rán mà trì chí đặng tâm huyền-cơ.
 Tân-An dạy dỗ kịp giờ,
 Chẳng dám chần chờ đi thẳng Tây-Ninh.
 Tới đây vừa lúc bình minh,
 Điên ra sức giảng mặc tình nghe không.
 Giảng rồi Dầu-Một thẳng xông,
 Thiêng-thị giáp vòng thứ chót là đây.
 Thương dân giảng dạy dấy-đây,
 Rào khắp tối ngày chẳng có nghỉ chơn.
 Nhiều người hung ác quá chừng,
 830 Không biết đời khổ lo mừng lo vui.
 Nhắc ra dạ nọ nào nguôi,
 Từ đây Lục-Tĩnh đui cùi thiếu chi.

Nói mà trong dạ sâu-bi,
 Bá-gia chậm chậm khinh-khi Điên này.
 Đừng ham nói nọ nói này,
 Lặng yên coi thử Điên này là ai.
 Cảm thương Ông Lão Bán Khoai,
 Vì yêu dân-chúng chẳng nài nắng mưa.
 Câu này nhắc chuyện năm xưa,
 840 Khuyên trong trần-hạ hãy chừa lòng tham.
 Khùng thời què ngụ núi Sam,
 Còn Điên chẳng có chùa am dưới này.
 Vua Nghiêu xưa mở đất cày,
 Ngày nay nhường lại cảnh này cho Điên.
 Xuống trần dạy-dỗ huyền-thiên,
 Dạy rồi thì lại tham-phiền nhiều hơn.
 Cầu xin Phật-Tổ ra ơn,
 Lời Điên khuyên nhủ như đờn Bá-Nha.
 Thị-thiềng khắp hết gần xa,
 850 Từ đây sắp đến quê nhà Điên đi.
 Đừng thấy ngu dại mà khi,
 Thầy thì Huệ-Lộ, Tố thì Huệ-Tâm.
 Đời cùng còn chẳng mấy năm,
 Khấp trong các nước thầy nằm bằng non.
 Cha thì chẳng thấy mặt con,
 Vợ thì chồng chẳng được còn tại gia.
 Khuyên trong lê-thứ trẻ già,
 Tu hành hiền đức Phật mà cứu cho.
 Ấy là quý-báu thơm-tho,
 860 Đừng ham gây-gỗ nhỏ to làm gì.
 Con thì ăn ở nhu-mì,
 Học theo luân-lý kính vì mẹ cha.
 Sau này sấu bắt hùm tha,
 Xử người tàn-bạo vậy mà tại đây.
 Đời xưa quả-báo thì chầy,
 Đời nay quả-báo một giây nhãn tiền.
 Dương-trần phải rán làm hiền,
 Đừng trọng bạc tiền bỏ nghĩa bỏ nhân.
 Người hung phải sửa cái thân,
 870 Từ đây có kẻ Du-Thần xét soi.
 Chuyện người chớ móc chớ moi,
 Hãy treo gương thiện mà soi lấy mình.

Ai thương ai ghét mặc tình,
 Phận mình cứ giữ tâm mình cho ngay.
 Điên đầy vưng lịnh Phương Tây,
 Hầu hạ bên Thầy đặng cứu bá-gia.
 Thấy đời lòng dạ tây-tà,
 Cứ theo chế nhạo cười mà người Điên.
 Ngồi buồn kể chuyện huyền-thiên,
 880 Chẳng có ham tiền cũng bị ghét vợ.
 Viết cho bá-tánh ít tờ,
 Đi làm ruộng rẫy bỏ hờ theo xem.
 Thương người nghèo khổ lấm-lem,
 Thấy cảnh sung-sướng nó thèm quá tay.
 Ai mà biết đặng ngày mai,
 Ngày nay yên-tĩnh ngày mai thảm-sầu.
 Từ rày gặp cảnh buồn rầu,
 Cho người tàn-bạo cứng đầu khinh-khi.
 Dương-trần nay đáng sầu-bi,
 890 Nên Điên mới nói chuyện ni tỏ tường.
 Đêm ngày tưởng Phật cho thường,
 Phải rán lo-lường kim-chỉ từ đây.
 Thương đời Điên mới tỏ bày,
 Dạy trong trần-hạ ngày rày rán nghe.
 Đừng khi nhà lá chòi tre,
 Nhà săng cột lớn bù-xè hay ăn.
 Lúc này Điên mắc lằng-xăng,
 Dương trần biết đặng đạo-hằng mới thôi.
 Chẳng ham cúng kiếng chè xôi,
 900 Phật Trời chẳng muốn điều tôi ấy đâu.
 Muốn cho dân hiểu Đạo-mầu,
 Chớ không có muốn chùa lầu cho cao.
 Bao nhiêu cũng biết vàng thau,
 Dạy khôn trần-thế chớ nào dạy ngu.
 Sáng ngày con chó sủa tru,
 Chừng heo cắn ổ hiềm thù mới yên.
 Đừng ham giành-giặt của tiền,
 Người hung hay gọi kẻ hiền rằng ngu.
 Nay Điên chỉ rõ đường tu,
 910 Ấy là đủ việc tài bù cho dân.
 Thôi thôi nói riết dẫn lân,
 912 Tới đây cũng lần ngừng lại bút nghiên.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

BỬU châu công luyện chốn non Tần,
SƠN thủy môn giang bảo giác dân.
KỶ quái chờ nơi Thiên nhứt định,
HƯƠNG nồng dành thưởng kẻ tròn ân.

(Hiệu chính:

[1] Ghi theo ấn bản 1966: Tiếng quyển:(từ cũ) tiếng du dương của sáo.

*Có ấn bản ghi: "Tiếng **huyền** tiếng kèn mặc ý bá-gia.")*

QUYỂN NHÌ

Kệ Dân
Của Người Khùng

KỆ DÂN Của NGƯỜI KHÙNG



(Đây là quyển thứ nhì mà Đức Thầy
đã viết trong năm Kỷ-Mão 1939
tại Hòa-Hảo, dài 912 câu)

Ngồi KHÙNG trí đoái nhìn cuộc thế
Thấy dân mang sưu thuế mà thương.
Chẳng qua là Nam-Việt vô vương,
Nên tai-ách xảy ra thảm-thiết.
Bạc không cánh đổi thay chẳng biết,
Vàng bị nghèo mấy chiếc chẳng còn.
Mới mấy năm sao quá hao-mòn,
Mùa-màng thất, đói đau không thuốc.
Thương hại bấy lê-dân đứt ruột,
010 Thảm vợ con đói rách đùm-đeo.
Gẫm chữ nghèo thường mắc chữ eo,
Thêm gạo lúa lại tăng giá mắc.
Nhìn cuộc thế đổi thay quá gắt,
Máy Thiên-cơ mỗi phút mỗi thay.
Nẻo thanh suy như thể tên bay,
Đường vinh-nhục rủi may một lát.
Ai phú-quí vào đài ra các,
Ta Diên Khùng thương hết thể-trần.
Khuyên chúng-sanh chẳng biết mấy lần,
020 Nào ai có tình tâm tìm Đạo.
Trai trung-liệt đáng trai hiền-thảo,
Gái tiết-trinh mới gái Nam-trào.
Lời Thánh Hiền để lại biết bao,
Sao trai gái chẳng coi mà sửa ?
Đời tận thế mà còn lẫn-lựa,
Chẳng chịu mau cải dữ về lành.
Làm Phật-Nhi phải được lòng thành,
Thì mớiặng vãng-sanh Cực-Lạc.
Tương với muối cháo rau đạm bạc,
030 Nghèo lương hiền biết niệm Di-Đà.
Mà mai sau thoát khỏi tình ma,
Lại được thấy cảnh Tiên nhàn-hạ.
Trên Bảy Núi còn nhiều báu lạ,

Rán tu tâm dưỡng tánh coi đời.
 Coi là coi được Phật được Trời,
 Coi phép lạ của Tiên của Thánh.
 Cuộc dương-thế ngày nay mỏng-mảnh,
 Mà sang giàu còn hiểm nghèo nàn.
 Phải xả thân tầm Bát-Nhã toàn,
 040 Sau mới khỏi hùm tha sấu bắt.
 Đến chừng đó bốn phương có giặc,
 Khấp hoàn-cầu thiết thiết tha tha.
 Vậy sớm mau kiếm chữ Ma-Ha,
 Thì Phật cứu khỏi nơi khói lửa.
 Tưởng nhớ Phật như ăn cơm bữa,
 Vọng Cửu-Huyền sớm tối mới mầu.
 Chữ Nam-Mô đẹp được lòng sâu,
 Sau thấy được nhà Tiên cửa Thánh.
 050 Ghét những đứa giàu-sang kiêu-hãnh,
 Thương những người đói rách cơ-hàn.
 Cảnh phồn-hoa khó sánh lâm-san,
 Sau sẽ có nhiều điều vinh-hạnh.
 Cõi trần-thế hết suy tới thanh,
 Hết lâm nguy đến lúc khai-hoàn.
 Tuy tu hành chịu chữ nghèo-nàn,
 Sau đắc đạo gặp điều cao-quí.
 Mặc bá-tánh đời này dị-nghị,
 Ta Điên Khùng mà tánh lương-hiền.
 Lòng yêu dân chẳng trọng bạc tiền,
 060 Mà dương-thế cứ theo biếm nhé.
 Sau lập Hội thì già hóa trẻ,
 Khấp hoàn-cầu đổi xác thay hồn.
 Đức Ngọc-Hoàng mở cửa thiên-môn,
 Đặng ban thưởng Phật Tiên với Thánh.
 Khuyên trai gái học theo Khổng-Mạnh,
 Sách Thánh Hiền dạy Đạo làm người.
 Xem truyện thơ chẳng biết hổ-người,
 Mà làm thói Điêu-Thuyền, Lữ-Bố.
 Sau kẻ ấy làm mỗi mảnh-hổ,
 070 Cảnh Núi-Non nhiều thú dị-kỳ.
 Nó trọng ai hiền-đức nhu-mì,
 Sát phạt kẻ bội cha phản chúa.
 Đến chừng đó thiên-la lưới bủa,

Mới biết rằng Trời Phật công-băng.
 Nếu dương trần sớm biết ăn-năn,
 Làm hiền-đức khỏi đường lao-ly.
 Học tà-đạo làm điều tà-mị,
 Theo dị-đoan cúng kiếng tinh-tà.
 Thì sau này gặp chuyện thiết-tha,
 080 Đùng có trách Khùng Điên chẳng cứu.
 Thấy-bá tánh nghinh tân yếm cựu,
 Học ai mà ngang-ngược nhiều lời.
 Phụ mẹ cha khinh-dể Phật Trời.
 Chẳng có kể công sanh dưỡng-dục.
 Thương lê-thứ bày tường trong đục,
 Mặc ý ai nghe phải thì làm.
 Lời của người di-tích Núi-Sam,
 Chớ chẳng phải bày điều huyễn-hoặc.
 Cảnh Thiên-Trước thớm-tho nồng-nặc,
 090 Chẳng ở yên còn xuống phàm-trần.
 Ấy vì thương trăm họ vạn dân,
 Nên chẳng kể tẩm thân lao-khổ.
 Giả Quê Đốt khuyên người tỉnh-ngộ,
 Giả Bán Buôn thức giấc người đời.
 Rằng ngày nay có Phật có Trời,
 Kéo dân-thứ nhiều người kiêu-ngạo.
 Xuống mượn xác nhằm năm Kỷ-Mão,
 Buồn xóm làng cứ ghét Điên Khùng.
 Nếu trẻ già ai biết thì dùng,
 100 Chẳng có ép có nài bá-tánh.
 Nghe Điên dạy sau này thơi-thảnh,
 Đây chỉ đường Cực-Lạc vắng-sanh.
 Đùng có ham lên mặt hùng-anh,
 Sa địa ngục uống thân uống kiếp.
 Theo đạo-ly nứt tâm mới kíp,
 Ngày nay đà gặp dịp tu-hành.
 Niệm Di-Đà rán niệm cho rành,
 Thì mới được sống coi Tiên-Thánh.
 Đức Minh-Chúa chẳng ai dám sánh,
 110 Xưa mặt Thương phụng gáy non Kỳ.
 Bởi Võ-Vương đáng bực tu-mi,
 Nay trở lại khác nào đời trước.
 Kẻ gian-ác bị gươm ba thước,

Nơi pháp-tràng trị kẻ hung-đồ.
 Được thành-thời nhờ chữ Nam-Mô,
 Khuyên bốn-đạo rán mà trì-chí.
 Xưa Tây-Bá thất-niên Dũ Lý,
 Huống chi ta sao khỏi tiếng đời.
 Dòm biển trần cảnh khổ với với,
 120 Lao với khổ, khổ lao chẳng xiết.
 Ghét bạo-chúa là xưa Trụ Kiệt,
 Mất cơ-đồ lại bị lửa thiêu.
 Thương Minh-Vương bắt chước Thuấn Nghiêu,
 Lòng hiền đức nào ai có biết.
 Thương trần-thế kể sao cho xiết,
 Mượn xác trần bút tả ít hàng.
 Kể rõ ràng những việc lâm-than,
 Mặc làng xóm muốn nghe thì chép.
 Việc tu-tĩnh Khùng không có ép,
 130 Cho giấy vàng Diên chẳng có nài.
 Lòng yêu dân chẳng nệ vắn dài,
 Cho bốn-đạo giải khuây niệm Phật.
 Việc xây đến Đây truyền sự thật,
 Ấy là lời của Phật giáo-khuyên.
 Rán nghe lời của kẻ Khùng-Diên,
 Phật, Tiên, Thánh hãy nên trọng kính.
 Bệnh ôn-dịch cũng đừng mời thỉnh,
 Cõi ngũ-hành chẳng khá réo-kêu.
 Hãy gìn lòng chớ khá dẹt-thêu,
 140 Nói xiên-xỏ cũng không no béo.
 Đời Nguơn-Hạ ngày nay mỏng-mẻo,
 Khuyên thế-trần hãy rán kiêng-dè.
 Mặc tình ai lên ngựa xuống xe,
 Ta chẳng có ham nơi phú-quí.
 Trong bốn-đạo từ nay kim-chỉ,
 Đói với nghèo sắp đến bây giờ.
 Vì thương đời nên Lão kể sơ,
 Cho bá-tánh rõ lời châu ngọc.
 Nước Nam-Việt ai là thẳng ngốc,
 150 Người đời nay như ốc mượn hồn.
 Chim tìm cây mới gọi chim khôn,
 Người hiền-đức mới là người trí.
 Theo Phật-Giáo sau này cao-quí,

Được nhìn xem Ngọc-Đế xử phân.
 Lại dựa kê Bệ-Ngọc Các-Lân,
 Cảnh phú quý nhờ ơn Phật-Tổ.
 Thấy bá-tánh nhiều điều tai-khổ,
 Khùng thương dân nên phải hết lời.
 Đạo Lục-Châu chẳng có nghi-ngợi,
 160 Mà lê-thứ nào đâu có biết.
 Dạy Đạo chánh vì thương Nam-Việt,
 Ở Cao-Miên vì mến Tần-Hoàng.
 Trở về Nam đặng có sửa-sang,
 Cho thiện-tín được rành chơn-lý.
 Trong Sáu-Tĩnh nhiều điều tà-mị,
 Tu-hành mà vị-kỷ quá chừng.
 Thì làm sao thoát khỏi trầm-luân,
 Khuyên bốn-đạo rán tầm nẻo chánh.
 Chứng lập Hội xác thân mới rảnh,
 170 Nếu không thời khó thấy Phật Trời.
 Khùng dạy dân chẳng dám nghi-ngợi,
 Đi chẳng kể tấm thân già cả.
 Cảnh trần-thế mặc ai thông-thả,
 Chớ lòng ta chẳng đăm hồng-trần.
 Có thân thì rán giữ lấy thân,
 Để đến việc ăn-năn chẳng kịp.
 Yêu những kẻ tâm đầu ý hiệp,
 Mến những ai biết kiếm Đạo-mầu.
 Cảnh Tây-Thiên báu ngọc đầy lâu,
 180 Rán tu tĩnh tìm nơi an dưỡng.
 Kẻ hiền-đức sau này được hưởng,
 Phép Thần-Linh của Đức Di-Đà.
 Lại được thêm thoát khỏi Ta-Bà,
 Khỏi luân chuyển trong vòng Lục Đạo.
 Đức Diêm-Chúa yêu người hiền thảo,
 Trọng những ai biết niệm Di-Đà.
 Lại được gần Bệ-Ngọc Long-Xa,
 Coi chư quốc tranh-giành châu-báu.
 Trai nhỏ tuổi kính thành trưởng lão,
 190 Gái bé thơ biết trọng tuổi già.
 Rán tình tâm dẹp được lòng tà,
 Thì được thấy Phật, Tiên, Thần, Thánh.
 Việc hung-dữ hãy nên xa lánh,

Theo gương hiền trau sửa làm người.
 Sau tà-tinh ăn sống nuốt tươi,
 Mà bá-tánh chẳng lo cải thiện.
 Miệng dương-thể hay bày nói huỷ,
 Sách Thánh Hiền ghét kẻ nhiều lời.
 200 Khuyên chúng-sanh niệm Phật coi đời,
 Cõi Hạ-Giái rỗng mây chơi giỡn.
 Ở chòm-xóm đừng cho nhớ-bợn,
 Rán giữ gìn phong-hóa nước nhà.
 Câu tam-tùng bợn gái nước ta,
 Chử hiếu-nghĩa trẻ trai cho vẹn.
 Ghét những kẻ có ăn bòn-sẻn,
 Thương những người đói rách lương hiền.
 Muốn tu-hành thì phải cần-chuyên,
 Tưởng nhớ Phật chớ nên sái buổi,
 210 Kẻ phú-quí đừng vong cơm nguội.
 Sau đói lòng chẳng có mà dùng.
 Ta yêu đời than-thở chẳng cùng,
 Mà bá-tánh chẳng theo học hỏi.
 A-Di-Đà nhìn xem khắp cõi,
 Đặng trông chờ mong-mỏi chúng-sanh.
 Hiện hào-quang ngũ sắc hiền lành,
 Đặng tìm kiếm những người hiền-đức.
 Kẻ tâm-trí mau mau tỉnh-thức,
 Kiếm Đạo-mầu đặng có hưởng nhờ.
 220 Chốn hồng-trần nhiều cảnh nhuốc-nhơ,
 Rán hiểu rõ huyền-cơ mà tránh.
 Chốn tửu-điểm ta nên xa lánh,
 Tứ-đổ-tường đừng có nhiễm vào.
 Người tránh xa mới gọi trí cao,
 Sa bốn vách mang điều nhớ-nhuốc.
 Muốn tu tỉnh nay đà gặp cuộc,
 Đức Di-Đà truyền mở Đạo lành.
 Bởi vì Ngài thương xót chúng-sanh,
 Ra sắc lệnh bảo Ta truyền dạy.
 Nên khổ-lao Khùng không có nại,
 230 Miễn cho đời hiểu đặng Đạo-mầu.
 Ai muốn tầm Đạo cả cao sâu,
 Thì hãy dẹp tánh tình ích-kỷ.
 Mau trở lại đừng theo tà-quỉ,

Tham, Sân, Si chớ để trong lòng.
 Phải giữ lòng cho được sạch-trong,
 Mới thoát khỏi trong vòng bịnh khổ.
 Lốp đau chết kể thôi vô số,
 Thêm tà-ma yêu-quái chật đường.
 240 Chốn hồng-trần nhiều nỗi thảm-thương,
 Làm sao cứu những người hung-ác.
 Khắp thế-giới cửa nhà tan-nát,
 Cùng xóm làng thưa-thớt quạnh-hiu.
 Bấy lâu nay nuôi dưỡng chắt-chiu,
 Nay tận-diệt lập đời trở lại.
 Khắp lê-thứ biến vi thương-hải,
 Dùng phép-mầu lập lại Thương-Nguơn.
 Việc Thiên-Cơ Khùng tỏ hết trơn,
 Cho trần-hạ tưởng nơi lao-lý.
 Lão nào có bày điều ma-mị,
 250 Mà gạt-lường bốn-đạo chúng-sanh.
 Đức Minh-Vương ngự chốn Nam-Thành,
 Đặng phân xử những người bội nghĩa.
 Trung với hiếu ta nên trau-triã,
 Hiền với lương bốn-đạo rèn lòng.
 Thường nguyện-cầu siêu-độ Tổ-Tông,
 Với bá-tánh vạn dân vô sự.
 Đời Nguơn-Hạ nhiều người hung-dữ,
 Nên xảy ra lắm sự tai-ương.
 260 Đức Di-Đà xem thấy xót-thương,
 Sai chư Phật xuống miền dương-thể.
 Tu kíp kíp nếu không quá trễ,
 Chừng đôi đầu khó kiếm Diên Khùng.
 Cứu lương-hiền chẳng cứu người hung,
 Kẻ gian-ác đến sau tiêu-diệt.
 Nay trở lại như đời Trụ Kiệt,
 Hãy tu như chớ có tranh-giành.
 Tuy nghèo hèn mà chí cao-thanh,
 Được hồi-phục nhờ ơn chư Phật.
 270 Hãy thương-xót những người tàn-tật,
 Thấy nghèo hèn chớ khá khinh cười.
 Trên Năm-Non rỗng phụng tốt-tươi,
 Miền Bảy-Núi mà sau báu-quí.
 Mặc trai gái trẻ già có nghĩ,

Thì khoan cười tôi rất cảm ơn.
 Khùng ra đời truyền dạy thiệt hơn,
 Chư bốn-đạo chớ nên khinh rẻ.
 Nay Khùng đã hết già hóa trẻ,
 Nên giữa đồng bằng lại có sông.
 Ở Tây-Phương chư Phật ngóng trông,
 280 Chờ bá-tánh rủ nhau niệm Phật.
 Làm nhơn-ái ắt tiêu bệnh-tật,
 Vậy hãy mau tâm Đạo Thích-Ca.
 Phật tại tâm chớ có đâu xa,
 Mà tìm kiếm ở trên Non-Núi.
 Chúng đục-đẻo những cây với củi,
 Đắp xi-măng sơn phết đặt tên.
 Ngục A-Tỳ dựa kể một bên,
 Chờ những kẻ tu hành giả-dối.
 Khuyên sư-vãi mau mau cải-hối,
 290 Làm vô-vi chánh Đạo mới mau.
 Đạo Thích-Ca nhiều nẻo cao sâu,
 Hãy tìm kiếm cái không mới có.
 Ngôi Tam-Bảo hãy thờ Trần-Đỏ,
 Tạo làm chi những cốt với hình.
 Khùng nói cho già trẻ làm tin,
 Theo Lục-Tổ chớ theo Thần-Tú.
 Khuyên bốn-đạo chớ nên mê ngủ,
 Thức dậy tìm Đạo chánh của Khùng.
 300 Đặng sau xem liệt quốc tranh hùng,
 Được sanh sống nhờ ơn Chín-Bệ.
 Hóa phép lạ biết bao mà kể,
 Chín từng mây nhạc trời tiêu thiêu.
 Kẻ tà-gian sau bị lửa thiêu,
 Người tu niệm sống đời thượng-cổ.
 Khùng vưng lịnh Tây-Phương Phật-Tổ,
 Nên giáo-truyền khắp cả Nam-Kỳ.
 Hội Long-Hoa chọn kẻ tu-mi,
 Người hiền đức đặng phò chơn Chúa.
 Khuyên những kẻ giàu sang có của,
 310 Hãy mở lòng thương-xót dân nghèo.
 Cảnh vinh-hoa lại quá cheo-leo,
 Nhà giàu có sau nhiều tai-ách.
 Hỡi bá-tánh rừng sâu có mạch,

Tuy u-minh mà có đèn vàng.
 Lịnh Quan-Âm dạy biểu Khùng troàn,
 Cho bốn-đạo rõ nguồn chơn-lý.
 Lũ thầy-đám hay bày trò khi,
 Mượn kinh luân tụng mượn lấy tiền.
 Chốn Diêm-Đình ghi tội liên-miên,
 320 Mà tăng-chúng nào đâu có rõ.
 Theo Thần-Tú tạo nhiều chuông mõ,
 Từ xưa nay có mấy ai thành ?
 Phật từ-bi độ tử độ sanh,
 Là độ kẻ hiền-lương nhơn-ái.
 Xá với phước là trò kỳ-quái,
 Làm trai-đàn che miệng thế-gian.
 Kẻ vinh-hoa phú-quí giàu sang,
 Mượn tăng-chúng đặng làm chữ hiểu.
 Thương bá-tánh vì không rõ hiểu,
 330 Tưởng vậy là nhơn nghĩa vẹn tròn.
 Thấy lạc-lãm Đây động lòng son,
 Khuyên bốn-đạo hãy nên tinh-ngộ.
 Ở dương-thế tạo nhiều cảnh khổ,
 Xuống huỳnh-tuyền Địa-Ngục khảo hình.
 Tuy lưới Trời thưa rộng thình-thình,
 Chớ chẳng lọt những người hung-ác.
 Khi nhắm mắt hồn lìa khỏi xác,
 Qui Vô-Thường dặt xuống Diêm-Đình.
 Sổ sách kia tội phước đĩnh-ninh,
 340 Phạt với thưởng hai đường tỏ rõ.
 Tìm Cực-Lạc, Đây rành đường ngộ,
 Hãy mau mau tu tỉnh mới mau.
 Tận thế-gian còn có bao lâu,
 Mà chẳng chịu làm tròn nhân-đạo.
 Kẻ nghèo khó hột tiền thiếu gạo,
 Mở lòng nhơn tiếp rước mới là.
 Làm hiền-lành hơn tụng hơ-hà,
 Hãy tưởng Phật hay hơn ó-ré.
 Đã chánh Đạo thêm còn sức khỏe,
 350 Đặng nuôi cha dưỡng mẹ cho tròn.
 Vẹn mười ơn mới đạo làm con,
 Lúc sanh sống chớ nên phụ-bạc.
 Nếu làm đấm được về Cực-Lạc,

Thì giàu sang được trọn hai bề.
 Ý tước-quyền làm ác ê-hề,
 Khi bỏ xác nhiều tiền lo-lót.
 Kinh với sám tụng nghe thành-thót,
 Lũ nhưn-bông tập luyện đã rành.
 360 Đẩu với đờn, kèn, trống, nhịp sanh,
 Làm ăn rập đặng đòi cao giá.
 Tâm trần-tục còn phân nhơn ngã,
 Thì làm sao thoát khỏi luân-hồi.
 Những giấy-tiền vàng-bạc cũng thôi,
 Chớ có đốt tổn tiền vô lý.
 Xưa Thần-Tú bày điều tà-mị,
 Mà dặt-diu bá-tánh đời Đường.
 Thấy chúng-sanh lăm lạc đáng thương,
 Cõi Âm-Phủ đâu ăn của hối.
 370 Đúc Phật lớn chùa cao bõ-rối,
 Mà làm cho Phật-Giáo suy đồi.
 Tu Vô-Vi chớ cúng chè xôi,
 Phật chẳng muốn chúng-sanh lo lót.
 Tặng với chúng ưa ăn đồ ngọt,
 Nên bày ra cúng kiếng hoài hoài.
 Ý nhiều tiền chẳng biết thương ai,
 Cúng với lạ khó trừ cho đặng.
 Kẻ nghèo khó tu hành ngay thẳng,
 Không cầu siêu Phật bỏ hay sao ?
 380 Lập trai đàn chạy-chợt lao xao,
 Bồi lem mặt làm tuồng hát Phật.
 Nay nhằm lúc mùa màng ngập thấ,
 Vậy hãy mau bỏ bớt dị-đoan.
 Rán giữ-gìn luân-lý tam cang,
 Tròn đức-hạnh mới là báu-quí.
 Nay gần đến long phi xà vĩ,
 Cảnh gian-nan bá-tánh hầu kề.
 Thấy chúng sanh còn hời say mê,
 Khùng chỉ rõ đường tà nẻo chánh.
 Ta là kẻ vô hình hữu ảnh,
 390 Ăn xác phàm gìn đạoThích-Ca.
 Làm gian ác là quỷ là ma,
 Làm chơn chánh là Tiên là Phật.
 Hiểm những kẻ không nhà không đất,

Mà sang giàu chẳng xót thương giùm.
 Có lờ-lầm chưởi mắng um-sùm,
 Thêm đánh đập khác nào con vật.
 Ăn không hết lo dành lo cất,
 Đem bạc trăm cúng Phật làm chi ?
 400 Phật Tây-Phương vốn tánh từ-bi,
 Đâu túng thiếu mà quơ mà tời.
 Khùng cả tiếng kêu dân ơi hỡi,
 Hãy giúp cho kẻ đói mới nhắm.
 Đến loạn-ly khổ hạnh khỏi lăm,
 Còn hơn đúc chuông đồng Phật bự.
 Chẳng làm phước để làm hung dữ,
 Rồi vào chùa lạ Phật mà trừ.
 Phật Tây-Phương có lẽ hiểu dư,
 Dụng tâm ý chớ không dụng vật.
 Muốn bốn-đạo tánh tình chơn-chất,
 410 Rèn lòng hiền thương xót lẫn nhau.
 Kể từ rày vàng lộn với thau,
 Phật, Tiên, Thánh cùng nhau xuống thế.
 Cứu bá-tánh không cần lễ mễ,
 Để dặt-diu đạo lý rành đường.
 Nước Nam-Việt nhằm cõi Trung-Uơng,
 Sau sẽ có Phật Tiên tại thế.
 Khuyên sư vĩ bớt dùng của thế,
 Gắng công tu đặng có xem đời.
 Tu thật tâm thì được thành-thời,
 420 Tu giả-dối thì lao thì lý,
 Khùng khuyên hết kẻ ngu người trí,
 Rán tỉnh tâm suy nghĩ Đạo-mầu.
 Chuyện huyền-cơ bí-hiểm cao sâu,
 Hãy nghiệm xét hai đường tà chánh.
 Các chư Phật không khi nào rảnh,
 Tâm từ-bi vẫn nhớ chúng-sanh.
 Các chư Thần tuần vãng năm canh,
 Về Thượng-Giải tau qua Thượng-Đế.
 Sở tội ác thì vô số kể,
 430 Còn làm nhơn thì quá ít-oi.
 Hội công-đồng xem xét hần-hòi,
 Sai chư tướng xuống răn trần-thế.
 Đau nhiều chứng dị-kỳ khó kể,

Sắp từ nay lao-khổ đến cùng.
 Kẻ dương gian khó nổi thung-dung,
 Người bạo ác không toàn tánh mạng.
 Đường đạo-lý chớ nên chán-nản,
 Hãy bền lòng tâm Phật trong tâm.
 Phật Tây-Phương thiệt quá xa-xăm,
 440 Phải tìm kiếm ở trong não trí.
 Sau đến việc sơn bằng kiệt thủy,
 Khùng thảm thương bá-tánh quá chừng.
 Nhìn xem trần nước mắt rưng-rưng,
 Cảnh áo-não kể sao cho xiết.
 Ta dạy dỗ là vì tình thiệt,
 Cho bá-gia rõ biết người Khùng.
 Thấy dương-trần làm dữ làm hung,
 Nên khuyên nhủ cho người lương-thiện.
 Chữ Lục-Tự trì tâm bất viễn,
 450 Thì lâm nguy có kẻ cứu mình.
 Ai lòng nhờn hoặc chếp hay in,
 Mà truyền bá đặng nhiều phước-đức.
 Trong bá-tánh từ nay buồn bực,
 Khùng yêu dân chỉ rõ Đạo màu.
 Rán trì tâm tưởng niệm canh trâu,
 Nằm đi đứng hay ngồi chẳng chấp.
 Việc biến chuyển Thiên-Cơ rất gấp,
 Khuyên chúng-sanh hãy rán tu hành.
 Cầu linh-hồn cho được vãng-sanh,
 460 Đây chỉ rõ đường đi nước bước.
 Hãy tưởng Phật đừng làm bạo ngược,
 Ta phần hồn đạo khắp thế-gian.
 Vào xác-trần nước mắt chứa-chan,
 Khấp lê-thứ nghe lời thì ít .
 Chốn sơn-lãnh bây giờ mù mịt,
 Cho nên dân dạy chẳng nghe lời.
 Kể từ nay nói chuyện chiều mơ,
 Chớ chẳng nói dông dài khó hiểu.
 Cờ đã thất còn chờ nước chiếu,
 470 Mà còn ăn con chốt làm chi.
 Ai là người quân-tử tu mi ?
 Phải sớm xử thân mình cho vẹn.
 Chừng lập Hội khỏi thù khỏi thẹn,

Với Phật-Tiên cũng chẳng xa chi.
 Lời cao-siêu khuyên hãy gần ghi,
 476 Ta ra sức dặt-diu bá-tánh.

NAM-MÔ TAM-GIÁO QUI NGUỒN
 PHỔ-ĐỘ CHÚNG-SANH A-DI-ĐÀ PHẬT

BỬU ngọc vãng lai rõ Đạo-mầu,
SƠN tầm hạnh Thích nẻo cao sâu.
KỶ giả thức tâm tìm Đạo-lý,
HƯƠNG tuyệt đặng lui bãi phục cầu.

(Đây là quyển thứ ba mà Đức Thầy đã
viết năm 1939 tại Hòa-Hảo, dài 612 câu)

QUYỂN BA

Sám Giảng

- Ngồi trên đánh núi liên đài,
Tu hành tầm Đạo một mai cứu đời.
Lan-thiên một cõi xa chơi,
Non cao đảnh thượng thành-thời vô cùng.
Hiu hiu gió thổi lạnh-lùng,
Phất-phơ liễu yếu lạnh-lùng tòng mai.
Mùa xuân húng cảnh lâu đài,
Lúc còn xác thịt thi tài hùng-anh.
Tứ vi mây phủ nhiễu đoanh,
010 Bồng-Lai một cõi hữu danh chữ đề.
Kể từ Tiên cảnh Ta về,
Non Bồng Ta ở dựa kề mấy năm.
Đạo chơi tầm bực tri-âm,
Nay vì thương chúng trần-gian phản hồi.
Nghĩ mình trong sạch đã rồi,
Đào tiên tạm thực về ngôi cõi xa.
Phong-trần tâm đã rời ra,
Ngọc-Thanh là hiệu ai mà dám tranh.
Ngày ra chơi chốn rừng xanh,
020 Tồi về kinh kệ cửi canh mặc người.
Xuống trần lỡ khóc lỡ cười,
Ham vui đào mạn vuông tròn chẳng xong.
Chừng nào sấu nọ hóa long,
Trần-gian mới rõ tấm lòng Thần-Tiên.
Thương đời ta mượn bút nghiên,
Thở-than ít tiếng giải phiền lòng son.
Bắt đầu cha nọ lạc con,
Thân Nầy thương chúng hao mòn từ đây.
Minh-Hoàng chưa ngự đài mây,
030 Gẫm trong thế-sự còn đây gian-truân.
Đò đưa cứu kẻ trầm-luân,
Đặng chờ vận đến mới mừng chúa tôi.
Thảm-thương thế sự lắm ôi,
Dây-dây thê-thảm lắm hồi mê ly.
Đạo chơi Lục-Tĩnh một khi,
Rước đưa người tục tu-trì xa khơi.
No chiều rồi lại đối mới,

SÁM GIẢNG



Dương-trần sắp vướng bịnh Trời từ đây.
 Khuyên trần sớm liệu bắp khoai,
 040 Cháo rau đỡ dạ tháng ngày cho qua.
 Nhẫn cùng bốn-đạo gần xa,
 Tu hành trì chí mới là liễu mai.
 Nguyện cầu qua khỏi nạn tai,
 Đặng coi Tiên-Thánh lâu-đài quốc-vương.
 Niệm Phật nào đợi mùi hương,
 Miễn tâm thành-kính tòa-chương cũng gần.
 Lao-xao bể Bắc non Tần,
 Quân Phiên tham báu xa gần cũng qua.
 Tranh phân cho rõ tài ba,
 050 Cùng nhau giành-giặt mới là thân phôi.
 Khổ-lao đà sắp đến nơi,
 Thế-gian bớt miệng kêu mời cõi âm.
 Dầu cho có ở xa-xăm,
 Cũng là rán tới viếng thăm dương-trần.
 Ngũ-Hành cùng các chư Thần,
 Từ đây sắp đến xuống gần chúng-sanh.
 Chuông kia treo sợi chỉ màn,
 Chẳng lo thân phận lo giành bướm ong.
 Hiếu-trung hãy liệu cho xong,
 060 Đến chùng gặp Chúa mới mong trở về.
 Bây giờ kẻ Sở người Tề,
 Hiền-lương đến Hội cũng kể với nhau.
 Phật Trời chẳng luận nghèo giàu,
 Ai nhiều phước đức được vào cõi Tiên.
 Hữu phần thì cũng hữu duyên,
 Sửa tâm hiền-đức cõi Tiên cũng gần.
 Ta mang mình thịt xác trần,
 Ra tay dắt chúng được gần Bồng-Lai.
 Mai sau nhiều cuộc đất cày,
 070 Đua nhau mà chạy lâu đài cũng xa.
 Lập rồi cái Hội Long-Hoa,
 Đặng coi hiền-đức được là bao nhiêu.
 Gian-tà hồn xác cũng tiêu,
 Thảm-thương bá-tánh chín chiều ruột đau.
 Mặc ai tranh luận thấp cao,
 Thương trong lê thứ xáo-xào từ đây.
 Chình chình bóng xế về tây,

Đoái nhìn trần-thế xác thân ê-hề.
 Thương trần Ta cũng rán thề,
 080 Đặng cho bá-tánh liệu bề tu thân.
 Tu hành chẳng được đức ân,
 Thì Ta chẳng phải xác thân người đời.
 Phật truyền Ta dạy mấy lời,
 Đặng cho trần-thế thức thời tu-thân.
 Nào là luân lý Tứ-Ân,
 Phải lo đền đáp xác thân mới còn.
 Ai mà sửa đặng vuông tròn,
 Long-Vân đến hội lâu son dựa kê.
 Thương đời văn-vật say mê,
 090 Làm điều gian-ác thâm-thê sau này.
 Kể từ hầu hạ bên Thầy,
 Vào ra châu-chực đài mây cũng gần.
 Tuy là nương dựa non Tần,
 Ngày sau thế cuộc xoay vần về Nam.
 Qua sông nhờ được cầu Lam,
 Tu hành nào đợi chùa am làm gì.
 Bây giờ bạc lộn với chì,
 Nửa sau lọc lại vít tì cũng chê.
 Bớ dân chớ có say mê,
 100 Trung-lương chánh-trực dựa kê đài mây.
 Mảng lo gây gỗ tối ngày,
 Chẳng lo rèn đúc trí tài hiền-lương.
 Thân Nầy ăn tuyết năm sương,
 Chẳng than chẳng thở vì thương thế-trần.
 Theo Thầy giảng dạy nhiều lần,
 Dương-gian nào biết thế-trần nào hay.
 Cầu cho dân khỏi nạn tai,
 Qua nơi khổ-não mặc ai chê cười.
 Bạc đâu dám sánh vàng mười,
 110 U-mê mà lại chê cười Thần Tiên.
 Giã-từ sơn-lãnh lâm-tuyền,
 Về đây hội hiệp sạ duyên tứ Thầy.
 Ở rừng bạn với cáo-cây,
 Bây giờ xuống thế cáo-cây lìa xa.
 Thiên-cơ biến đổi can qua,
 Gẫm trong thế-giới còn đôi ba phần.
 Mau mau kíp kíp chuyên cần,

Chúng sanh còn có lập thân hội này.
 Tuần hườn Thiên-Địa đổi xây,
 120 Cảm thương trần-hạ lòng Đây chẳng sờn.
 Cũng còn kẻ ghét người hờn,
 Vì không rõ hiểu sạ dươn của Thầy.
 Hổ-lang ác-thú muôn bày,
 Lốp bay lốp chạy sau này đa-đoan.
 Ai mà ăn ở nghinh-ngang,
 Đón đường nó bắt xé tan xác hồn.
 Chử rằng họa phước vô môn,
 Đáo đầu cũng phải xác hồn tiêu tan.
 Khuyên người hữu phước giàu sang,
 130 Mau mau làm phước làm doan cho rồi.
 Để sau khó đứng khôn ngồi,
 Thương nhà tiếc của biết hồi nào nguôi.
 Ai mà ăn ở ngược xuôi,
 Bị nơi rắn rít chẳng vui đâu là.
 Rắn to tên gọi mãng-xà,
 Trên rừng nó xuống nó tha dương-trần.
 Ai mà tu tỉnh chuyên cần,
 Làm đường ngay thẳng có Thần độ cho.
 Thương đời hết dạ cần lo,
 140 Chẳng lo niệm Phật nhỏ to làm gì.
 Tu là: tâm trí nhu mì,
 Tu hiền tu thảo vậy thì cho xong.
 Tu cầu cứu vớt Tổ-Tông,
 Với cho bá-tánh máu hồng bớt rơi.
 Tu cầu cha mẹ thành-thời,
 Quốc-vương thủy-thổ chiêu mời phản-hồi.
 Tu đến nợ thế cho rồi,
 Thì sau mới được đứng ngồi tòa sen.
 Người tu phải lánh hơi men,
 150 Đừng ham sắc lịch lảm phen lụy mình.
 Tu là sửa trọn ân tình,
 Tào-khang chồng vợ bố-kình đừng phai.
 Tu cầu Đức Phật Như-Lai,
 Cứu dân qua khỏi nạn tai buổi này.
 Chử tu chớ khá trễ chầy,
 Phải traу phải sửa nghe Thầy dạy khuyên.
 Ra đời xưng hiệu Khùng Điền,

Nào ai có rõ Thần Tiên là gì
 Tu không cần lạy cần qui,
 160 Ngồi đâu cũng sửa vậy thì mới mau.
 Trí hiền tâm đức chùi lau,
 Ra công lợc kỹ thì thau ra vàng.
 Vinh-hoa phú-quí chẳng màng,
 Ra oai ra lực cỡi thoàn xa chơi.
 Con sông dòng nước chiêu mời,
 Dốc lòng trả nợ nước đời cho xong.
Chừng nào bốn-đạo hiểu thông,
Thiên-cơ đạo lý để lòng mới thôi.
 Chử vinh chử nhục mấy hồi,
 170 Đến khi thất vận làm mỗi yêu tinh.
 Tu rèn tâm trí cho minh,
 Tánh kia thành kiếng phỉ tình chùi lau.
 Hiểu rồi những việc lao-đao,
 Ở cùng cô bác làm sao cho tròn.
 Kính yêu nào phải hao mòn,
 Ở cho phải nghĩa lòng son mới vừa.
 Nghinh-ngang hỏn-ấu phải chừa,
 Bà con nội ngoại dạ thưa mới là.
 Xóm diềng phải ở thật-thà,
 180 Dầu không quen biết cũng là như quen.
 Ở cho cha mẹ ngợi khen,
 Gặp người lâm nạn đua chen giúp giùm.
 Xác thân là cái gông cùm,
 Nếu làm chẳng trọn thú hùm xé thây.
 Cho rồi nhơn-nghĩa mới hay,
 Lễ-nghi phong-hóa đổi thay làm gì ?
 Từ đây biến đổi dị-kỳ,
 Dương-thế chuyện gì cũng có chuyển lay.
 Rèn tâm cho được thẳng ngay,
 190 Khỏi nơi tà qui một mai thấy đời.
 Cũng là người ở trong Trời,
 Cớ sao ăn ở nhiều lời ngổn-ngang.
 Hung hăng ý của giàu- sang,
 Chẳng kiềng Trời Phật mê-man ý tiền.
 Dạy rồi cái đạo tu hiền,
 Làm trai nhỏ tuổi tình duyên đang nồng.
 Cũng đừng ghẹo gái có chồng,

Cũng đừng phá-hoại chữ đồng gái trinh.
 Ra đường chọc gheo gái xinh,
 200 Nửa sau mắc phải yêu-tinh hư mình.
 Xử cho vẹn chữ nghĩa tình,
 Vâng lời cha mẹ mà gìn gia-cang.
 Nghiêm-đường chịu lệnh cho an,
 Loạn-luân cang-kỷ hồ mang tiếng đời.
 Anh em đừng có đổi dời,
 Phụ-phàng đưa muối xe lơi nghĩa-tình.
 Tuy là Trời đất rộng thình,
 Có Thần xem xét phân minh cho người.
 Vô duyên chưa nói mà cười,
 210 Chưa đi mà chạy hỡi người vô duyên.
 Lớn lên phận gái cần-chuyên,
 Làm ăn thì phải cho siêng mới là.
 Phải gìn dục-vọng lòng tà,
 Đừng chiều theo nó vậy mà hư thân !
 Nghe lời cha mẹ cân phân,
 Tam tòng vẹn giữ lập thân buổi này.
 Tình duyên chẳng kíp thì chầy,
 Chớ đừng cải lệnh gió mây ngoại-tình.
 Đi thưa về cũng phải trình,
 220 Công, dung, ngôn, hạnh, thân mình phải trau.
 Công là phải sửa làm sao,
 Làm ăn các việc tầm-phào chẳng nên.
 Mình là gái mới lớn lên,
 Đừng cho công việc hớ-hênh mới là.
 Chữ dung là phận đàn bà,
 Vóc hình tươi-tắn đứng đi dịu-dàng.
 Dầu cho mắc chữ nghèo-nàn,
 Cũng là phải sửa phải sang mới mầu.
 Ngôn là lời nói mặc dầu,
 230 Cũng cho nghiêm-chỉnh mới hầu khôn-ngoan.
 Đừng dùng lời tiếng phang-ngang,
 Thì cha với mẹ mới an tâm lòng.
 Hạnh là đức tánh phải không ?
 Ở cùng chòm-xóm đừng cho mất lòng.
 Bốn điều nếu đã làm xong,
 Cũng gìn chữ hiếu phục tòng song thân.

Dạy rồi những chuyện đức ân,
 Phận làm cha mẹ xử phân lẽ nào.
 Lỗi-lầm chớ có hùng-hào,
 240 Đừng chưởi đừng rửa đừng cào đừng bươi.
 Dem lời hiền-đức tốt tươi,
 Đặt mà giáo-hóa vàng mười chẳng hờn.
 Cũng đừng gây gỗ giận-hờn,
 Cho con bắt chước sạ dươn mới là.
 Nam-Mô sáu chữ Di-Đà,
 Từ-bi tế-độ vậy mà chúng sanh.
 Xưa nay Sáu Chữ lạnh tanh,
 Chẳng ai chịu khó niệm sành thử coi.
 Trì tâm thì quá ít-oi,
 250 Bây giờ dùng thử mà coi lẽ nào.
 Rạch tim đem để Nó vào,
 Thì là mới khỏi máu đào tuôn rơi.
 Để sau đến việc tả-tơi,
 Rồi tu sao kịp chiều mới cho thành.
 Ngày nay chim đã gập cành,
 Chẳng lo đậu lại cho rành gió mưa.
 Tu hành nhiều kẻ chẳng ưa,
 Mặc ai gièm siểm sớm trưa chẳng màng.
 Gắm trong thế-sự trần-hoàn,
 260 Người hung người ác tà-gian cũng nhiều.
 Thương đời ta mới đánh liều,
 Mong người tu tỉnh ít nhiều cũng hay.
 Muốn tu còn đợi chiều mai,
 Khuyên người rèn sớm thì xài lâu hư.
 Những người có của tiền dư,
 Hãy nên bố-thí dành tư làm gì.
 Sau đây nhiều chuyện ly-kỳ,
 Kể sao cho xiết vậy thì dân ôi !
 Tại sao chẳng cúng chè xôi,
 270 Bởi vì tận thể Phật thôi ăn chè.
 Cũng không có muốn hoa-hoè,
 Lầu đài sơn phết cũng là chẳng ham.
 Ai chê khờ dại cũng cam,
 Chớ Tôi cũng chẳng có ham lầu đài.
 Chữ tu hãy rán miệt-mài,
 Đừng kể vắn dài đừng nệ mau lâu.

Giáo khuyên khắp hết đầu đầu,
 Bớt điều mị-dối mới hầu thấy Ta.
 Đứng theo lũ qui lũ ma,
 280 Cúng kiếng nó mà nó phải ăn quen.
 Chết rồi cũng bớt cóc ken,
 Trống đờn lễ nhạc tế xen ích gì.
 Đàn nhu thầy lễ cũng kỳ,
 Mắc phải chuyện gì phủ phục bình hưng ?
 Lại thêm đờn địch từng tưng,
 Dem con heo sống mà dựng làm gì ?
 Chủ gia kẻ lạy người qui,
 Làm chuyện dị-kỳ giả-dối hay không ?
 290 Nếu không thì trả lời không,
 Bằng mà có dối thì hòng sửa đi.
 Thương đời Ta luống sầu-bi,
 Học nho cứ mãi làm thi ngạo đời.
 Rung đùi ngâm chuyện trên Trời,
 Tình-duyên cá nước vậy thời dĩ con.
 Thấy đời Ta cũng héo von,
 Học nho mà chẳng làm tròn nghĩa-nhơn.
 Khoe mình chẳng có ai hơn,
 Nhờ làm thuốc bắc đỡ cơn túng nghèo.
 Hiền nhơn chẳng chịu làm theo,
 300 Đợi ai có bệnh túng nghèo chẳng tha.
 Hốt thời cắc bậy cắc ba,
 Nó đòi năm cắc người ta hoảng hồn.
 Lành bay còn ác lại tồn,
 Đến chùng lập Hội xác hồn lìa xa.
 Mấy anh thầy thuốc Lang-sa,
 Cũng là mỗ mật người ta lấy tiền.
 Xin trong anh chị đừng phiến,
 Đồng bạc đồng tiền là thứ phi ân.
 Muốn sau dựa được Các-Lân,
 310 Hãy nên trau sửa hiền-nhân mới là.
 Những người quê dốt thật-thà,
 Cũng nên tu niệm nhờ mà thân sau.
 Lập đời mới biết thấp cao,
 Bây giờ chưa biết ai thau ai chì.
 Đời xưa có Ngũ-Viên-Kỳ,
 Dem tài học thuốc hiến thì cho dân.

Người xưa còn chẳng cần thân,
 Miễn cho trong nước chúng dân được nhờ.
 Để tâm yên-lặng như tờ,
 320 Nghĩ suy lời lẽ tỏ mờ thế nao.
 Luận xem thể sự thấp cao,
 Khuyên dân hãy bớt làm màu hiếu nhi.
 Bớt bỏ rình-rang một khi,
 Nếu cha mẹ chết làm y lời này.
 Là lời truyền-giáo của Thầy,
 Bông hoa cầu Phật hiệp vậy đi chôn.
 Còn mình muốn đãi làng thôn,
 Thì là tùy ý đáp ngôn cho người.
 Gấm trong thể sự nực cười,
 330 Chẳng lo cải sửa cho người tâm ngay.
 Mình làm chữ hiếu mới hay,
 Chớ mượn người ngoài cầu nguyện khó siêu.
 Muốn cho tội lỗi mòn tiêu,
 Thành tâm cầu nguyện sớm chiều mới hay.
 Mục-Liên cứu mẹ bằng nay,
 Nhờ người hiếu hạnh tâm rày từ-bi.
 Ai ai hãy rán mà suy,
 Thương đời Ta tỏ chuyện ni rõ-ràng.
 Làm tuần trà rượu xinh-xoàng,
 340 Rồi thì chưởi-lộn mà an nổi gì ?
 Dương-trần làm chuyện dị-kỳ,
 Tạo nhiều cảnh giả chơn thì chẳng theo.
 Cửa tiền chớ có bỏ theo,
 Chết rồi tế-lễ bò heo làm gì ?
 Nếu ai biết chữ tu trì,
 Cha mẹ còn sống vậy thì cho ăn.
 Không làm để ở lung-lăng,
 Chưởi cha mắng mẹ lằng-xăng thiếu gì.
 Ở cho biết nhượng biết tùy,
 350 Vui lòng cha mẹ vậy thì mới ngoan.
 Đạo là vốn thiệt cái đàng,
 Ta ra sức dọn cho toàn chúng-sanh.
 Thôi thôi bớt miệng hùng-anh,
 Ở nơi cửa khẩu thiệt rành tiếng ni.
 Chưng bày quân-tử làm chi,
 Cửa đồ hổ-bị vậy thì xưng hô.

Lũ đàn ông lũ điếm hồ-đô,
 Anh-hùng quân-tử xưng hô rền trời.
 Gặp ai mắc nạn cười chơi,
 360 Chớ không ra sức giúp đời điều chi.
 Hồ mình là bức tu mi,
 Chưa tròn bổn-phận mà ti tôn mình.
 Kể từ thượng lộ đặng trình,
 Vào Nam ra Bắc mặc tình bôn-phi.
 Khuyên răn trần-thế một khi,
 Tuồng đời sắp hạ bằng ni rõ ràng.
 Dương-gian làm huyễn nói càn,
 Cùng xóm cuối làng đâu cũng như đâu.
 370 Hồ reo giục trống nhiều câu,
 Sai đồng khiến quỷ nói lâu nực cười.
 Ta khuyên hết thầy các người,
 Nhiều chuyện trò cười hãy bỏ bớt đi.
 Đừng hò đừng réo làm chi,
 Nghinh-ngang kêu múa có khi hại mình.
 Nghe không thì cũng mặc tình,
 Nói cho rõ-rệt dân tin không là.
 Quan-Âm Nam-Hải Phổ-Đà,
 Cùng Thầy ra lệnh nên Ta giáo-truyền.
 Thánh Thần không phải thiếu tiên,
 380 Mà kêu mà réo xuống trần mà sai.
 Nam-Mô Quan-Âm Như-Lai,
 Cầu xin chư Phật cứu nay dương-trần.
 Khuyên đừng chửi Thánh mắng Thần,
 Xưa nay thứ lỗi thế-trần chẳng kiêng.
 Lưỡng Thần ghi chép liên-miên,
 Nào tội nào phước dưới miền trần gian.
 Tàu qua Thượng-Đế Ngọc-Hoàng,
 Dương trần hung ác đa đoan quá nhiều.
 Chúng-sanh ngang-ngược làm liều,
 390 Ngọc-Hoàng Ngài muốn xử tiêu cho rồi.
 Minh-Vương khó đứng khôn ngồi,
 Thảm thương lê-thứ mắc hồi gian-truân.
 Trước đền mắt ngọc lụy rừng,
 Quý yêu bá-tánh biết chừng nào nguôi.
 Làm sao cho dạ được vui,
 Cúi đầu lạy Phật cầu xin cứu trần.

Lời khuyên xưa cũng một lần,
 Nay mượn xác trần xuống bút ra cơ.
 Khôn-ngoan nghe nói ngẩn-ngơ,
 400 Ngu-si thị tướng như thơ biếm đời.
 Ở đâu cũng Phật cũng Trời,
 Tâm thành chí nguyện xem đời khó chi.
 Văn-Thù Bồ-Tát từ-bi,
 Chèo thuyền Bát-Nhã cứu thì trần-gian.
 Gió đưa lướt sóng buồm loan,
 Rước người tu niệm xuê-xang phi tình.
 Ai mà Ta dạy chẳng gìn,
 Thì sau đừng trách mất tình yêu-đương.
 Bàn-môn tài phép nào tường,
 410 Kêu Trời giậm Đất cũng thì dạ rân.
 Nói cho trần-thế liệu toan,
 Chớ theo tả-đạo mà tan xác hồn.
 Nó làm nhiều phép nhiều môn,
 Bùa mê thuốc lú mê hồn chúng-sanh.
 Thành binh sai đậu cũng rành,
 Nếu tin thời mắc tan tành về sau.
 Bây giờ bắt luận người nào,
 Không dùng của thế sắc màu cũng không.
 Nói cho bổn-đạo rõ lòng,
 420 Ấy là chơn-chánh mới hòng vinh-vang.
 Địa-Tiên tài phép đa đoan,
 Phi đao bửu kiếm mê-man mắt trần.
 Phật truyền thâu hết phép Thần,
 Cứu an bá-tánh một lần nạn nguy.
 Phiên-binh bốn phía tứ vi,
 Kể sao cho xiết chuyện ni sau này.
 Lớp thì thú ác dẫy-đầy,
 Lớp thì tranh đấu tối ngày chẳng thôi.
 Kẻ hung chừng đó làm mỗi,
 430 Cho bầy ác-thú đên bồi tội xưa.
 Bây giờ còn mãi lọc lừa,
 Chẳng lo kiếm chỗ đụt mưa sau này.
 Hiền lành chừng đó sum vầy,
 Quân-thần cộng lạc mấy ngày vui chơi.
 Đến đó Ta mới mừng cười,
 Nhìn xem Ngọc-Đế giữa Trời định phân.

Thiên-Hoàng mở cửa Các-Lân,
 Địa-Hoàng cũng mở mấy từng ngục-môn.
 Mười cửa xem thấy ghé hồn,
 440 Cho trần coi thử có mà hay không.
 Nhơn-Hoàng cũng lấy lẽ công,
 Cũng đồng trừng-trị kẻ lòng tà-gian.
 Ấy là đến lúc xuê-xang,
 Tam-Hoàng trở lại là đời Thượng-ngươn.
 Khuyên dân lòng chớ có sồn,
 Rán tu thì được xem đờn trên mây.
 Người hung chết đất chật thây,
 Nhìn xem bắt thảm ngày rày cho dân.
 450 Mấy người còn được xác thân,
 Thi là Đài-Ngọc Các-Lân mới kể.
 Bây giờ kẻ nhún người trề,
 Chê Ta rằng đại rằng khờ cũng cam.
 Dương-trần bỏ bớt tánh tham,
 Đừng chơi cờ-bạc đừng làm ác-gian.
 Để sau coi Hội coi hàng,
 Coi Tiên coi Phật mới ngoan bố trần.
 Điểm-đàng đi-thỏa chớ gần,
 Để sau xem thấy non Tần ôn-xao.
 460 *Tuy nghèo dùng đỡ cháo rau,*
Bền lòng niệm Phật thì sau thanh nhàn.
 Đừng quen thói cũ làm càn,
 Trộm gà cắp vịt xóm làng ghét vợ.
 Khi xưa Ta cũng làm thơ,
 Mà đời trần-hạ làm ngơ ít nhìn.
 Dạy cho trần-thế phỉ tình,
 Đàng Tiên cỗi tục phân minh hai đường.
 Bây giờ hát-bộ là thường,
 Để sau Phật hát tỏ tường cho xem.
 470 Cải-lương tuồng ấy cũ mềm,
 Tốn tiền buồn ngủ lại thềm đồ ăn.
 Nhảy lui nhảy tới lằng-xăng,
 Làm tuồng mè mà thêm nhặng cho đời.
 Hạ-ngươn lòng dạ đổi dời,
 Bây giờ khổ-não đến đời là đây.
 Rán nghe lời dạy của Thầy,
 Để chừng đến việc kiếm Thầy khó ra.

Tây-Phương Thầy lại quá xa,
 Nên Ta mới nói cặn lời dân nghe.
 480 Đừng ham lên ngựa xuống xe,
 Ăn xài phí của lựa the làm gì.
 Xuống trần Ta dạy cố lý,
 Cốt cho trần-thế nghe thì mới thôi .
 Ngày nay xe lết xe lôi,
 Đúng lời truyền sấm của hồi đời Lê.
 Là năm Rông, Răn, Ngựa, Dê,
 Chúng-sanh thế-giới ê-hề thây phơi.
 Trạng-Trình truyền sấm mấy lời,
 Ngày nay dân-chúng vậy thời rán tri.
 490 Hiền nhưn bốn phận tu mi.
 Hãy mau thức tỉnh kiếm thì huyền-cơ.
 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Chúng-sanh còn đợi còn chờ chuyện chi.
 Trên Trời xuất hiện Tử-Vi,
 Quang-minh sáng-suốt vậy thì dân ôi !
 Thương dân khó đứng khôn ngồi,
 Xót-xa dạ Ngọc bồi-hồi tâm Trung.
 Gió đông thì cội cây rung,
 Phương xa có giặc thung-dung đặng nào ?
 500 Trời tây chúng nó hùng-hào,
 Dem lòng gây-gỗ máu đào mới tuôn.
 Cầu Trời cho chúng qua truông,
 Thế-gian yên-lặng hát tuồng khai-ca.
Tây-Phương tuy ở cõi xa,
Thành tâm thì có Phật mà đáo lai.
 Ước mong dân khỏi nạn tai,
 Dắt-diu Tiên-cảnh Bồng-Lai nhiều người.
 Xem trần khó nổi vui cười,
 Lo giàu lo lợi chẳng rời bố dân.
 Mẹ cha là kẻ trọng ân,
 510 Dưỡng nuôi báo hiếu lúc thân yếu già.
 Giường linh đơm quây mới là,
 Có chi cúng nấy vậy mà dân ôi !
 Ta là thân phận làm tôi,
 Phải đền phải đáp cho rồi mới hay.
 Mặc ai tranh luận đấu tài,
 Khuyên dân nên hãy miệt-mài chữ Tu.

Giảng này ra cuối mùa thu,
 Dạy ăn dạy ở chữ Tu vuông tròn.
 Học theo mỗi đạo làm con,
 520 Luận xem học mới mấy đơn đời này.
 Văn-minh sửa mặt sửa mày,
 Áo quần láng mượt ngày rày ăn chơi.
 Dọn xem hình vóc lả-lơi,
 Ra đường ăn nói những lời nguyệt-hoa.
 Trong tâm nhớ những điều tà,
 Lời ăn tiếng nói thiệt là quá lạnh.
 Xưng là đầu trẻ tuổi xanh,
 Chẳng trau hiền-đức học-hành làm chi?
 530 Khôn-ngoan thời những chuyện gì,
 Cũng là lừa dối vậy thì dân quê.
 Người xưa nó lại khinh chê,
 Ông cha hủ-bại u-mê hơn mình.
 Tự-do trai gái kết tình,
 Với lo trau sửa cho mình đẹp tươi.
 Gái trai đến tuổi đôi mươi,
 Chẳng kiêng cha mẹ nói cười lả-lơi.
 So hình sửa sắc chiều mới,
 Đặng làm những chuyện trái đời vô liêm.
 540 Cớ sao chê cổ trọng kim,
 Phụ cha phản chúa lỗi niềm tôi con.
 Thấy đời trần-hạ thon-von,
 Ai nuôi cho lớn mà còn khinh khi.
 Ông cha thuở trước ngu si,
 Mà ngay mà thật hơn thì đời nay.
 Học hay lợi dụng tiền tài,
 Lên quan xuống huyện ăn xài lả-lê.
 Gặp ai đói rách cười chê,
 Miệng kia hể mở chưỡi thề vang rân.
 Chẳng lo rèn trí lập thân,
 550 Để làm xảo-trá khổ thân sau này.
 Giáo-viên các sở các thầy,
 Khuyên mau tinh ngộ tập rày lòng nhờn.
 Giúp đời đừng đợi trả ơn,
 Miễn tròn bốn-phận hay hơn bạc vàng.
 Đánh liều Ta cũng nói càn,
 Cứu dân bất luận giàu sang khó nghèo.

Vinh-hoa như thể bọt bèo,
 Hiền-lương bất luận khó nghèo cũng xinh.
 Nhắc năm Gia-Tĩnh triều Minh,
 560 Nàng Kiều vì hiếu bán mình chuộc cha.
 Tuy là lưu-lạc bôn-ba,
 Đến khi mãn hạn bạn xưa cũng nhìn.
 Ghét ư Ta cũng mặc tình,
 Nghiệm kim suy cổ biện minh thế nào.
 Bá-gia kẻ thấp người cao,
 Hiền-thần hiếu-nghĩa rán trau cho rồi.
 Giảng này chỉ các điều tồi,
 Khuyên dân hãy rán mà ngồi mà suy.
 Thân ta, Ta chẳng tiếc chi,
 570 Miễn cho bá- tánh nạn gì cũng qua.
 Luận xem những việc sâu xa,
 Chúng-sanh tưởng Phật thì là hãy coi.
 Tháng ngày như thể đưa thoi,
 Nguyện cầu thế giới bớt ngòi chiến-tranh.
 Ngồi buồn dân gặp chiếu manh,
 Ta cho bá-tánh bức tranh vô hình.
 Ai ai cũng rán xét mình,
 Nếu còn tánh xấu thì rinh ra ngoài.
 Cạn lời mà ý còn dài,
 580 Hiễn cho trần-hạ một bài ngụ-ngôn.
 Tới đây Ta giã làng thôn,
 Ngọc-Thanh lui gót phi bôn Nam-Kỳ.
 Hiền thần sách sử nêu ghi,
 Miếu son tạc để tu-mi trung thân.
 Thôi thôi cảnh khổ hầu gần,
 Ta khuyên dân-chúng ân-cần nhìn xem.
 Ra đời dạy-dỗ anh em,
 Xem qua ít bận rán đem vào lòng.
 Người tu như thể bá-tòng,
 590 Ai ai cũng quý cũng trông cũng nhìn.
 Sửa trau là phận của mình,
 Xưa nay lời lẽ sử kinh rõ-ràng.
 Chừng nào ta gặp Hồn-Hoàng,
 Chúng-sanh mới hết phàn nàn số càn.
 Mạnh-Tông xưa cũng khóc măng,
 Đất khô nẩy mọt rở lòng hiếu nhi.

Mặc ai nhạo báng khinh khi,
Phần ta niệm chữ từ-bi độ đời.
Muốn xem được Phật được Trời,
600 Thì là phải rán nghe lời dạy răn.
Bá-gia cùng các chư tăng,
Việc tu không đợi hương đặng làm gì.
Đời cùng tu gấp kịp thì,
Đặng xem báu ngọc ly-kỳ Năm Non.
Phật thương bốn-đạo như con,
Muốn cho bốn-đạo lòng son ghi lời.
Nửa sau đến việc biết đời,
Bây giờ chưa thấy nó thời không tin.
610 Tới đây cũng dứt giảng kinh,
Nếu ai biết sửa tâm linh mới mau.
Nam-mô lòng sở nguyện-cầu,
612 Chúc cho bá-tánh muôn sầu tiêu tan.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT (tam niệm)

Cầu Phật-Tổ, Phật-Thầy, quan Thượng-Đẳng Đại-Thần, chư
quan Cựu-Thần, chư vị Sơn-Thần, chư vị Năm Non Bảy Núi phổ-độ
bá-tánh vạn dân tiêu tai tịnh sự giải-thoát mê-ly.

QUYỂN TƯ
GIÁC MÊ TÂM KỆ

GIÁC MÊ TÂM KỆ



(Đây là quyển thứ tư do Đức Thầy đã
viết ngày 20 tháng 9 năm Kỷ-Mão 1939
tại Hòa-Hảo, dài 846 câu)

- Khai ngọn đuốc từ-bi chí thiện,
Tìm con lành dắt lại Phật đường.
Thương dân hiền giáo đạo Nam-phương,
Đặng chỉ ngõ làm lành lánh dữ.
Sách Thánh đạo ghi trong Tam-Tự,
Người mới sanh tánh thiện Trời dành.
Bối lớn lên tập nhiễm lợi danh,
Nên tật xấu che mờ thiện-tánh.
Thiếu giáo-dục thiếu thêm đức-hạnh,
010 Ta quyết lòng nhắc lại tánh xưa.
Mặc tình đời gièm-siểm ghét ưa,
Rừng kinh-kệ ít người hay chữ.
Quá mắc-mỏ bởi chưng Phạn-ngữ,
Nên người đời khó kiếm cho ra.
Mỡ chuông bày đọc tụng ó la,
Chớ hiểm kẻ tưởng thông nghĩa-lý.
Dòm trước mắt thấy điều hồ-mị,
Nên động tình bác-ái dạy răn.
Réo những ai lợi dụng làm xằng,
020 Cho suy-sụp chơn-nhơn mờ-mịt.
Nào có khác mây đen phủ bí,
Rồi dắt nhau đến chỗ đại ngây.
Lấy tinh-thần hiệp vén ngút mây,
Trong bốn-đạo tự thân phải xử.
Xuống dương thế đạo trong lê-thứ,
Thấy bá-gia gặp lúc nảo-nùng.
Cảnh trần-gian nhiều nỗi lao-lung,
Việc tu tỉnh ít người hiểu lý.
Trong bá tánh muốn nơi cao quý,
030 Phải truy tầm huyền-bí nơi cơ.
Từ sấm kinh cho đến thi thơ,
Trong chốn ấy nhiều nơi trọng yếu.
Tạo làm chi những trung với hiểu !

Ấy là người bổn-phận phải trau.
 Khuyên dương-trần đừng nệ cần-lao,
 Cũng rán sửa rán trau nền Đạo.
 Tu đầu tóc không cần phải cạo,
 Miễn cho rồi cái đạo làm người.
 Kể từ nay lẽ khóc lẽ cười,
 040 Vì buồn bức thấy đời biến chuyển.
 Các chư Phật tử đây lựa tuyền,
 Coi ai là đức-hạnh hiền-tử.
 Lời sách xưa cận thủy tri ngư,
 Cận sơn lãnh trần-gian tri điểu.
 Trong sấm-giảng nếu ai không hiểu,
 Tâm kệ này Ta chỉ nẻo đường.
 Quyết dạy trần nên nói lời thường,
 Cho sanh chúng đời nay dễ biết.
 Trời đông gió sái mùa sái tiết,
 050 Nắng cùng mưa cũng khác xưa rồi.
 Khuyên dương-gian bỏ các việc tồi,
 Đặt lo liệu cho tròn phận-sự.
 Thấy trần thế hãy còn lưỡng-lự,
 Muốn tu mà còn hời chần-chờ.
 Việc thế-gian như thể cuộc cờ,
 Thẳng với thối một hai nước tướng.
 Nào Ai có gạt dân nói bướng,
 Mà dương-trần liệu lượng chánh tà.
 Ta mẫn yếu những kẻ thiệt-thà,
 060 Nghe cơ-giảng thiết-tha lo-liệu.
 Học đạo-lý như đờn trúnđ điệu,
 Hòa bản rồi thì cứ làm theo.
 Lũ Tam-Bành trong bụng còn đeo,
 Đoàn Lục-tặc ta mau sớm giết.
 Mài gươm trí cho tinh cho khiết,
 Dứt tâm trần kiếm chữ sắc không.
 Đức Di-Đà Phật-Tổ ngóng trông,
 Chờ dân-chúng tìm nơi diệt khổ.
 Theo Phật-Giáo từ kim chí cổ,
 070 Gốc ông cha ta cũng tu-hành.
 Mà ngày nay cứ mãi tranh giành,
 Danh với lợi, của tiền, quyền tước.
 Thấy trần-thế ai ai cũng ước,

Đồi sao không tới phút cho rồi.
 Nay khổ lao khó đứng khôn ngồi,
 Lúc đói cơm buồn lòng ngơ ngẩn.
 Làm ác đức nhiều điều quanh quẩn,
 Như gà cồ ăn bần cõi xay.
 Thấy người hiền nói đấng nói cay,
 080 Sau mới biết thân ai lao khổ.
 Nhớ thuở trước oai-linh Phật-Tổ,
 Phép thân-thông trừ lũ Ma-Vương.
 Chốn rừng tòng ngồi chịu nắng sương,
 Tìm đạo-lý hiển cho trần-thế.
 Hiệu Lão-Sĩ ra đời thật-tế,
 Đem lời vàng dạy-dỗ dương-trần.
 Khuyên chúng-sanh khuya sớm chuyên-cần,
 Tìm nguồn-cội diệt-trừ **Tứ-Khổ**.
Bịnh với **Tử** từ kim chí cổ,
 090 **Sanh** với **Già** hai chữ hoài hoài.
 Đức Thích-Ca xưa ở lâu đài,
 Nghiệm **Tứ-Khổ** nên Ngài tầm Đạo.
 Lo tu tỉnh mặc ai khinh-ngạo,
 Diệt **Lục-Căn** đừng nhiễm **Lục-Trần**.
 Chữ **Sắc Thịnh** chớ có hầu gần,
Hương với **Vị** xác trần nên lánh.
 Chữ **Xúc Pháp** treo gương Hiền Thánh,
 Tránh **Sáu Đường** cũng đừng về Thần.
 Từ xưa nay dạy chỉ nhiều lần,
 100 Mà lê-thứ không lo chẳng liệu.
Nhân thấy sắc thường hay bận-bịu,
Tai ưa nghe những điệu âm thanh.
Mắt với **tai** đều chọn đẹp xinh,
 Còn lỗ **mũi** ưa mùi êm dịu.
 Đồ thơm tho nó ưa nó chịu,
 Chốn xạ hương hay lết lại gần.
Lưỡi ưa ngon là chuyện ân-cần,
 Đồ ngọt béo nó ưa nó mển.
Thân tham sướng muốn tiền của đến,
 110 Đặng ăn xài cho phi tẩm tình.
Ý thì ưa sửa sắc soi hình,
 Với chức phận cho cao cho quý.
 Sáu đường ấy ở trong tâm ý,

Ta mau mau dứt nó cho rồi.
 Nếu tình tâm nào có mấy hồi,
 Mượn trí-đạo đuổi ra khỏi xác.
 Dứt được nó ấy là giải thoát,
 Thì xác trần mới khỏi đọa-đày.
 Cả tiếng kêu những kẻ trí tài,
 120 Hãy yên lặng bình tâm suy-nghĩ.
 Tiên xử kỷ hậu lai xử bị,
 Bắt lỗi người phải xét lỗi mình.
 Vậy mới là phải bực công-bình,
 Nẻo chánh-trực chí người quân-tử.
 Người biết Đạo phải gìn ngôn ngữ,
 Nói với ai chớ có sai lời.
 Trọng mẹ cha kính nể Phật-Trời,
 Đừng nhiều tiếng nghinh-ngang mang lỗi.
 Tánh ngay thẳng ta không dời đổi,
 130 Dầu tan xương nát thịt chẳng màng.
 Ta Khùng Điên nói đại nói càn,
 Chẳng có sợ ai rầy ai mắng.
 Trời còn lúc tối mưa sớm nắng,
 Thì trần-gian còn mãi khổ lao.
 Ở trên đời kẻ thấp người cao,
 Kẻ hiền-hậu người thì gian-ác.
 Không quen biết mà cao tuổi tác,
 Ta cũng nên kính trọng mới là.
Tâm tử bi sánh thể ngọc-ngà,
 140 Trong các báu khó bì **tánh Thiện**.
 Phải xử thế chớ nên bày biện,
 Miệng xảo ngôn thường kiện tấm thân.
 Việc bán buôn phải giữ ngang cân,
 Chớ tập tánh lặn lừng tráo đấu.
 Các công cuộc của người tánh xấu,
 Ta giữ-gìn chớ có nhiễm vào.
 Tâm Bần Tăng chẳng mẫn sắc màu,
 Mến những kẻ biết vào đường chánh.
 Ta dạy thế mượn lời Phật Thánh,
 150 Nên truyền ban cho chúng-sanh tưởng.
 Tuy ngày nay chúng nó hùng-cường,
 Chùng phân định thì Ta cao-quí.
 Khuyến bốn-đạo lập thân nuôi chí,

Đặng chờ ngày yết-kiến Phật Trời.
 Quá yêu dân cạn tỏ nhiều lời,
 Cho trần-hạ tìm trong lánh đục.
 Chẳng chịu tu mãi còn lục-thục,
 Lo giàu nghèo lo cũng chẳng rành.
 Ham công-danh quên chữ sanh-thành,
 160 Mến phú-quí quên câu dưỡng-dục.
 Rán kiếm chỗ tầm Tiên lánh tục,
 Người ở đời phải được lòng trong.
 Biển hồng-trần sớm gọi cho xong,
 Ngày lập hội mới mong trở lại.
 Chữ bần-tiện khuyên dân đừng nại,
 Miễn cho ta trở lại ngay đàng.
 Chữ vinh-hoa giờ chớ có màng,
 Bởi giả tạm của đời Nguơn-hạ.
 Gắng công tu xem nhiều phép lạ,
 170 Cửa Thần-Tiên trừ lũ hung-đồ.
 Nào lựa là, lãnh nhiều, tổ số,
 Chớ ham mển mà sau lao-ly.
 Ngày tiêu-diệt từ năm Bính-Tý,
 Đến năm nay hao hốt đã nhiều.
 Các ngoại bang đã nhuộm máu điều,
 Sao trần-thế không toan chẳng liệu.
 Để đến việc dang lưng mà chịu,
 Chớ Phật đầu cứu kịp cho người.
 Khuyến chúng-sanh bỏ tánh biếng lười,
 180 Phải sốt-sắng làm ăn cần-thiết.
 Nghèo với đói từ đây sẽ biết,
 Hàng ngoại bang bố-thiết ta hoài.
 Nên bá-gia hãy rán miệt-mài,
 Dầu rách rưới cũng mau cần-kiệm.
 Lời Ta dạy hãy nên suy-nghiệm,
 Phải phá tan **Ngũ-Uẩn** trong mình.
 Chữ **Tham** trong ý muốn mặc tình,
 Rán định tánh trừ cho nó tuyệt.
 Chữ gây-gỗ là **Sân** hãy diệt,
 190 Cho nó đừng thấp-thoảng trong lòng.
 Thêm chữ **Si** thiệt quá lòng-dòng,
 Nên tỉnh trí tìm nơi dứt tắt.
 Chữ **Nhơn Ngã** cũng là quá gắt,

Ta chớ nên phân biệt với người.
 Đẹp **năm tên** được mới mừng cười,
 Vô pháp-tướng mới là thiệt tướng.
 Người tu hành phải trừ nghiệp-chướng,
 Với **bốn ma** mới đặng an nhàn.
 200 **Tứ** nhiễm vào thân thể bất an,
Sắc mền nó ngày kia lao khổ.
 Ta nghiệm xét từ đời Bàn-Cổ,
 Có ai dùng mà đặng thành Tiên.
 Mà đời nay theo nó liên-miên,
 Chữ **Tài** của khổ riêng một kiếp.
 Bị **tội** cướp nào ai có tiếp,
 Mà đời nay nó cứ mãi làm.
 Chữ **Khí** hùng khuyến chớ có ham,
 Mà lao-lý tẩm thân trần-thế.
 210 Kẻ nhứt dạ thường sanh bá kế,
 Để gạt người làm thế cho mình.
 Ngày sau này lắm nỗi tội tình,
 Sao sanh-chúng chẳng lo cải sửa.
 Bệnh ôn-dịch thường hay ói mửa,
 Mà dương-trần chẳng chịu kiêng-dè.
 Qua năm Dê đến lúc mùa hè,
 Trong bá-tánh biết ai hữu chí.
 Ta chịu lịnh Tây-Phương thọ ký,
 Gìn Nghiệt-Long đặng cứu dương-trần.
 220 Nên ra đời dạy-dỗ ân-cần,
 Khuyến bá-tánh vạn dân liệu lấy.
 Khổ với thảm ngày nay có mấy,
 Sợ mai sau dòm thấy bay hồn.
 Trừ tà-gian còn thiện chỉ tồn,
 Cảnh sông máu núi xương tha-thiệt.
 Trần với thế bây giờ nào biết,
 Chừng nhìn xem hư thiệt mới tường.
 Ta bây giờ tu niệm tầm thường,
 Sau danh thể xạ hương khắp chốn.
 230 Nhà giàu có xài không sợ tổn,
 Phải để tiền cho kẻ nghèo nàn.
 Lo ăn xài trà rượu xình-xoàng,
 Chừng khổ não phàn-nàn căn số.
 Lời truyền sấm như bài toán đố,

Ai biết tầm thì đặng hưởng nhờ.
 Ta khuyên tu dân cứ mãi ngờ,
 Sợ gạt chúng kiếm xu kiếm cắc.
 Bị ngoại quốc bán hàng quá gắt,
 Nên dân ta chịu chữ cơ-hàn.
 240 Ta Khùng Điền của cải chẳng màng,
 Miễn lê-thứ được câu hạnh-phúc.
 Cờ thế-giới ngày nay gần thúc,
 Nên Phật Tiên phải xuống hồng-trần.
 Chừng lao-xao ác thú non Tân,
 Thì Nam-Quốc lương dân mới biết.
 Nay dạy thế cậ cùng ngòi viết,
 Với xác trần du-thuyết ít hàng.
 Ai nói chi Ta cũng chẳng màng,
 Sau biết đặng dân đừng có tiếc.
 Con phù-du hăng-hờ nào biết,
 250 Thấy bóng đèn thì quyết chun vô.
 Thảm thương thay chết héo chết khô,
 Nhìn đèn nọ thấy mỡ phù-dũ.
 Kệ khuyên trần đã mãn mùa thu,
 Đeo danh-lợi như con vật ấy.
 Giống xe cát biển đông thường thấy,
 Tên dãi-tràng rất uống công-trình.
 Khi nước ròng nhờ lúc bình-minh,
 Lúc nước lớn cát kia tan rã.
 Trần phú-quí thì trần thông-thả,
 260 Chớ còn Ta cứ khổ lao hoài.
 Viết kệ-cơ giảng dạy ít bài,
 Mặc lê-thứ làm không tự ý.
 Coi rồi phải nhận cho hiểu lý,
 Câu huyền sâu của kẻ Khùng này.
 Bởi chữ Khùng của Phật của Thầy,
 Chớ chẳng phải của người lãng-trí.
 Mê với tình nhận ra là lý,
 Thấy dương-trần ngủ mãi ngủ hoài.
 Thức dậy mà tầm Đạo kiếm bài,
 270 Để thi-cử khỏi mang tiếng rớt.
 Sách khuyến-thiện miệng kêu không ngọt,
 Mà nào ai có thức dậy tầm.
 Ta nghĩ suy cũng bắt hổ thềm,

Nên than-thở cùng trần ít tiếng.
 Tâm sáng suốt như đài nguyệt-kiến,
 Tánh trong như nước bích mùa xuân.
 Nếu không tu chùng khổ cũng ứng,
 Đừng có trách sao không chỉ bảo.
 Từ nhỏ tuổi đến người trưởng lão,
 280 Mặc trong vòng sanh tử luân hồi.
 Xuống Diêm-Đình thấy tội hồi ôi !
 Đó mới biết có nơi địa-ngục.
 Kỳ xả tội nay còn một lúc,
 Sao chẳng tu đặng có hưởng nhờ.
 Gặp giảng kinh trần cứ làm ngờ,
 Trông bông kiếng giống chi hưởng nầy.
*Địa-ngục cũng tại Tâm làm quấy,
 Về thiên-đàng Tâm ấy tạo ra.
 Cái chữ Tâm mà Quỷ hay Ma,*
 290 *Tiên hay Phật cũng là tại nó.
 Tu với tỉnh biết làm chẳng khó,
 Nếu lạng Tâm tỏ-ngộ Đạo mau.*
 Cảnh dương-gian muôn thảm ngàn sầu,
 Ngó vạn vật đài lâu chẳng có.
 Sông với núi trước kia mắt ngó,
 Khi chết rồi thấy nó đặng nào.
 Ai biết đường hãy sớm tẩu-đào,
 Kiểm Đạo-lý mà nhờ mà nhờ.
 Chịu cay-đắng tu hành mới giỏi,
 300 Ta thương đời len-lỏi xuống trần.
 Đạo vô-vi của Phật ân-cần,
 Nối theo chí Thích-Ca ngày trước.
 Câu phú-quí Ngài không màng-ước,
 Chữ bồ-đề như cội bá-tông.
 Rán dưỡng-nuôi chữ đó trong lòng,
 Thì là được định chùng diệu-quả.
 Lời thuyết-pháp chẳng vì nhơn-ngã,
 Người nào đâu có Phật-tánh là.
 Xem kệ này như ngọc như ngà,
 310 Phải nẩy nở như cơn mưa thuận.
 Hạp mùa tiết giống kia bất luận,
 Thảy mọc mầm trở lá mới màu.
 Trông chúng-sanh nghĩ tận đầu đầu,

Về Cực-Lạc mới là hết khổ.
 Đạo với lý từ đây nhiều chỗ,
 Phải lọc-lừa cho kỹ mà nhờ.
 Chọn nơi nào đạo chánh phượng thờ,
 Thì mới được thân sau cao-quí.
*Nhìn Phật-Giáo mà tìm cái lý,
 320 Coi tại sao ta phải tu hành.*
 Vì yêu dân Ta kể ngọn-ngành,
 Khuyên lê-thứ làm lành mà tránh.
 Cảnh Niết-Bàn là nơi cứu cánh,
 Về chốn ni xa lánh hồng-trần.
 Dầu không siêu cũng đặng về Thần,
 Nhờ hai chữ trung-quân ái-quốc.
 Chừng lập Hội biết ai còn mất,
 Giờ chưa phân chưa biết chánh tà.
 Ta vì vương sắc lịnh Ngọc-Tòa,
 330 Đền Linh-Khứ sơn-trung chịu mạng.
 Nền đạo-đức Ta bày quá cạn,
 Mà dương-gian còn gạn danh từ.
 Làm cho Ta lỡ khóc lỡ cười,
 Khóc là khóc thương người ngu muội.
 Thấy Diên Khùng làm như sắt nguội,
 Chẳng tranh đương nó lại khinh-khi.
 Ngó về Tây niêm chữ từ-bi,
 Cười trần-thế mê-si thái quá.
 Tranh với luận đặng giành cơm cá,
 340 Khuyên-dụ người đặng kiếm bạc tiền.
 Thấy chúng-sanh ghét ngỏ ganh hiền,
 Theo chế-nhạo những người tu tình.
 Tu không tu cũng không mời thỉnh,
 Mặc tình ai trọng-kính hay chê.
 Thương lê-dân còn mắng say mê,
 Chẳng tu tình cho rành sương nắng.
 Thấy Ta lại nói cay nói đắng,
 Đắng với cay Ta cũng chẳng màng.
 Chừng trần-gian kiến thấy phụng-hoàng,
 350 Sè cánh múa chào mừng Phật Thánh.
*Thấy đạo-lý chớ nào thấy tánh,
 Còn ẩn nơi tìm óc xác phàm.
 Ai biết tri việc phải cứ làm,*

Sau mới biết ai Phàm ai Thánh.
 Đúc Lục-Tổ ít ai dám sánh,
 Người dốt mà nói pháp quá rành.
 Lựa làm chi cao chữ học hành,
 Biết tỏ ngộ ấy là gặp Đạo.
 Việc cổ tích cần chi phải thạo,
 360 Chuyện qua rồi kể lại làm gì.
Nếu ai mà biết chữ tu trì,
Tâm bình tịnh được thì phát huệ.
 Ta yêu chúng viết ra Giảng Kệ,
 Khuyên tăng-đồ cùng các tín-đồ.
 Nghe cạn lời chớ có mờ-hồ,
 Tìm hiểu nghĩa làm theo đặc Đạo.
 Trần với thế nó hay kiêu-ngạo,
 Các nhà sư hãy rán sửa mình.
 Nếu xuất gia ngũ-giải rán gìn,
 370 Tu chơn chánh mới không hổ tiếng.
 Cả ngàn năm nhơn tâm xao-xuyến,
 Sao tu hoài chẳng thấy ai thành.
 Bởi chữ tu liền với chữ hành,
 Hành bất chánh người đời mới nói.
 Bị tăng chúng quá ham chùa ngói,
 Nên tới khuyên khắp chốn cùng làng.
 Phật nào ham tượng cốt phết vàng,
 Mà tăng tạo hao tiền bá-tánh.
 Việc giả dối từ đây nên lánh,
 380 Bồn-đạo ôi ! hãy rán sửa mình.
Cuộc dạy đời Ta lắm công-trình,
Làm chẳng trọn uổng thay một kiếp.
 Lời chơn-chánh trần hay bỏ liếp,
 Mãi lo làm húng-hiếp người hiền.
 Mà làm cho Ngọc-Đế thảm-phiên,
 Muốn trừng-trị trần-gian thảm-thiết.
 Đúc Phật-Tổ tâm Ngài nhưt quyết,
 Tâu Ngọc-Hoàng để Phật dạy trần.
 Nên ra Kinh, Cơ-Giảng nhiều lần,
 390 Mà dương-thế chẳng cần xét đến.
 Xác trần-tục như cây cạnh khế,
 Làm hiền hoài ắt phải tiêu mòn.
 Đẻo với bào riết nó cũng tròn,

Đến chùng đó trông vào rất tốt.
 Lũ giả-dối thường hay thề-thốt,
 Nó chẳng kiêng Thần Thánh là gì.
 Tâm kẻ hung làm chuyện cố-lý,
 Chẳng có sợ mang điều tội phước.
 Ghét những kẻ tu hành bốc-xức,
 400 Miệng kêu gào chuyện phước bề ngoài.
 Bước vào chùa thấy Phật lay dài,
 Lui khỏi cửa ra tay cấu-xé.
 Thấy quyền-quí nó hay dựa mé,
 Đặng bợ-bưng những kẻ hung-sùng.
 Ta thương đời nói những chuyện cùng,
 Chẳng có vị có dung kẻ quấy.
 Cuộc sám-hối vô chùa thường thấy,
 Làm gian lừa biết mấy nhiều lần.
 Thấy dương-gian lường gạt Thánh Thần,
 410 Mà chua xót cho đời Nguơn-Hạ.
 Chữ tự hối nào ai có lạ,
 Là ăn-năn cải sửa tâm lành.
 Phật chẳng qua dụng chữ tín-thành,
 Chớ nào dụng Hương, Đăng, Trà, Quả.
 Làm chay đấm tạo nhiều xá-mã,
 Bay về Tây nói những chuyện gì ?
 Thấy chúng tăng làm chuyện quái kỳ,
 Ta khuyên mãi cũng không chịu bỏ.
 Lời chơn-chánh hình như nói xỏ,
 420 Mà không không nào có biếm đời.
 Thấy lạc-lầm khuyên nhủ ít lời,
 Chớ nào có ngạo chi tăng chúng.
 Coi tâm kẻ làm theo mới trúng,
 Để lạc-lầm lắm bớ tăng-đồ !
 Định tâm-thần như mặt nước hồ,
 Suy với nghĩ, nghĩ suy đường lối.
 Muốn niệm Phật chẳng cần sớm tối,
 Ghi vào lòng sáu chữ Di-Đà.
 Thì hiền-lương quên mất điều tà,
 430 Đặng hạnh-phúc nhờ lòng cố-gắng.
 Việc đạo-đức bất cần thối thẳng,
 Chữ tu hiền ngay thẳng lần hồi.
 Thấy Thiên-cơ khó nổi yên ngồi,

Thương lê-thứ tới hồi khổ-não.
 Thầy lạc tứ không ai chỉ bảo,
 Như vịt con diu-dắt nhờ gà.
 Phải nghĩ suy cạn lẽ mới là,
 Nay gặp gốc phải mau tìm gốc.
 440 Để gặp Phật ngồi mà than khóc,
 Gỡ làm sao hết rối mà về.
 Mắt nhìn xem yêu quái bốn bề,
 Bởi ác đức nên không ai cứu.
 Mang thủy ách hồi năm Đinh-Sửu,
 Đến năm nay tái lại một lần.
 Khổ ách này đặng thức-tỉnh trần,
 Rằng thiên-định tuồng đời sắp hạ.
 Trẻ nhỏ tuổi đời này lằng-mạ,
 Bị văn-minh cám dỗ loài người.
 Kể từ rày cười một khóc mười,
 450 Kéo chúng nó để-người Phật Thánh.
 Đạo Qui-Vương rất nhiều chi ngánh,
 Khuyên dương-trần sớm tránh mới mầu.
 Để ngày sau đến việc thăm-sầu,
 Rán nghe kỹ lời Ta mách trước.
 Thuyền chúng nó thẳng buồm chạy lướt,
 Lọt ngoài khơi mới hết hò khoan.
 Tu mà ham cho được giàu sang,
 Với quyền tước là tu dối thể.
 Nhớ thuở trước vua Lương-Võ-Đế,
 460 Tạo chùa-chiến khắp nước tu hành.
 Đến chừng sau nọ tử Đai-thành,
 Phật bất cứu vì tâm còn ác.
 Tu biết cách như đươn biết đất,
 Đươn đất rành được dựa Xe-Loan.
 Ai biết nghe thì sớm liệu toan,
 Để đến việc như người thất nghiệp.
 Phải qui căn cùng nhau hội hiệp,
 Rán mau chơn mới kịp Đạo-mầu.
 Sớm với chiều gắng chí nguyện-cầu,
 470 Thì sẽ được Tòa-Chương dựa kể.
 Chúng-sanh thể như gà thất thể,
 Phải nằm chờ tới nước bắt ra.
 Thời-kỳ này nhiều quỉ cùng ma,

Trời mở cửa Qui-Vương xuống thế.
 Nên Ta mới ra tay cứu-tế,
 Kèo chúng-sanh bịnh khổ quá chừng.
 Sau Qui-Vương đi đứng nửa lưng,
 Thêm tên tuổi chúng-sanh nó biết.
 480 Làm đủ cách xuống lên tha-thiệt,
 Ở ngoài đường nó biết tên mình.
 Tin cùng không thì cũng mặc tình,
 Chớ Ta lăm công-trình dạy-dỗ.
 Hồi thuở trước Thích-Ca Phật-Tổ,
 Ngồi tham-thiền bị nó gheo hoài.
 Mà cũng không rúng động đặng Ngài,
 Nên cố oán phá đời mãi mãi.
 Trong bốn-đạo cùng là sư vãi,
 Rán bền lòng cho được hiền từ.
 Hết khổ lao thì đến vui cười,
 490 Chừng đó mới phỉ tình nguyện ước.
 Bọn gái mới ra đường tha-thuốt,
 Bỏ hết trơn nề-nếp ông cha.
 Khác tánh-tình người cổ nước ta,
 Nên phải chịu đốn-đau đủ cách.
 Trai với gái rán coi sử sách,
 Đứng trung thần với kẻ tiết-trinh.
 Dọn bề trong mới gọi đẹp xinh,
 Chớ mang lột bề ngoài chẳng tốt.
 Dạy chẳng đặng lòng như lửa đốt,
 500 Khấp dương-gian chưa đặng ba phần.
 Kể từ nay Tiên, Phật, Thánh, Thần,
 Lo dạy-dỗ dương-trần chẳng xiết.
 Đức Thượng-Đế ngự đền Ngọc-Khuyết,
 Nhìn dương-gian cũng luống thờ dài.
 Thấy chúng- sanh trau-tria mặt mày,
 Chớ chẳng chịu trau tâm tria tánh.
 Kẻ đói khó người sang hay lánh,
 Bước lại gần chê lũ tanh-hôi. [1]
 Cối ta-bà Ta thấy hồi ôi !
 510 Sầu bá-tánh quá nên kiêu-cách.
 Người tàn-tật đui-cùi đói-rách,
 Ít có ai để mắt nhìn vào.
 Chuộng những người dù võng sắc màu,

Cậu với mợ, ông-thầy, cô-bác.
 Thị kẻ khó như rơm như rác,
 Ta quá rầu đời-các văn-minh.
 Máy ai mà giữ dạ sắt đing,
 Theo Tông-Tổ của mình thuở trước?
 520 Đầu với tóc áo quần lảng-mướt,
 Chữ lạnh khôn của qui của ma.
 Chớ nó không có giống người ta,
 Ma với qui sanh người hung ác.
 Lo tập luyện những câu đờn hát,
 Chớ chẳng lo dạy-dỗ ngu-khờ.
 Để cái tâm yên-lặng như tờ,
 Coi Ta nói câu nào bất chánh ?
 Rán bắt chước làm theo Phật Thánh,
 Nếu thiệt người thì biết thương người.
 Thấy kẻ khờ quê dốt ngạo cười,
 530 Nào có lấy lời chi chỉ bảo.
 Ta thương xót lo tần lo tảo,
 Chẳng thấy ai rể thảo dâu hiền.
 Làm cho người Thượng-Cổ thêm phiền,
 Rất đau xót cho nòi cho giống.
Biết chừng nào được qui nhứt thống,
Khấp hoàn-cầu dân biết thương nhau.
 Nhắc ra thì dạ ngọc đốn-đau,
 Không nhắc đến biết đâu dân sửa.
 Cơm được chín ta nhờ có lửa,
 540 Dân được vui nhờ lúc khái-hoàn.
 Phật Như-Lai cho phép Khùng troàn,
 Cho bốn-đạo khắp nơi đặng biết.
 Ai chưởi mắng thì ta giả điếc,
 Đợi cho người hết giận ta khuyên.
 Chữ nhẫn-hòa ta để đầu tiên,
 Thì đâu có mang câu thù-oán.
 Việc hung-ác hể vừa thấp-thoảng,
 Chữ từ-bi ta diệt nó liền.
 Sự oán-thù đáp lại chữ hiền,
 550 Thì thù-oán tiêu-tan mất hết.
 Chữ bạn tác dẫu cho đến chết,
 Cũng keo-sơn gắn chặt mới là.
 Bước ra đường ăn nói thiệt-thà,

Dầu khôn-khéo cũng là giả đại.
 Nếu tranh-đương ắt ta bị hại,
 Thêm sa-cơ lại bị xích-xiềng.
 Vì đời nay chúng nó dụng tiên,
 Ít ai dụng chữ nhưn chữ nghĩa.
 Theo học Đạo mặc ai mai-mĩa,
 560 Ta cũng đừng gây-gỗ với người.
 Được mấy điều thì đáng vàng mười,
 Thiệt hiền-đức có ai mắng chưởi.
 Xưa đức Thánh luận bàn cái lưởi,
 Ngài nói rằng các việc tại mây.
 Thuận với hòa hay ghét với rầy,
 Cũng cái lưởi làm thầy các việc.
 Phải kiếm cách đặng ta trừ tuyết,
 Lấy tâm-thần làm chủ mới màu.
 Cũng chẳng nên theo tánh võ-hầu,
 570 Thấy chẳng nói mà nhân mà nướng.
 Hãy liệu sức chớ nên nói bướng,
 Dầu việc chi liệu lượng mà làm.
 Điên Khùng này chẳng có nói xàm,
 Nói những chuyện từ-bi bác-ái.
 Nếu bốn-đạo còn ai làm sai,
 Coi kẻ này mình sửa lấy mình.
 Ta không tranh mà cũng không kình,
 Cho bá-tánh gièm-pha thỏa chí.
 Ai làm phước in ra mà thí,
 580 Thì được nhiều hạnh-phúc sau này.
 Chốn non xanh dạy-dỗ cáo-cây,
 Xuống trần-thế ra tay dắt chúng.
 Tới với Ta chớ đem đồ cúng,
 Chỉ đem theo hai chữ thành-lòng.
 Chẳng có cần trà, quả, hương nong,
 Mong sanh-chúng từ-lòng hối-ngộ.
 Kẻ xa-xuôi có lòng ái mộ,
 Xem Kệ này tu tỉnh tại nhà.
 Ở ruộng đồng cũng niệm vậy mà,
 590 Phật chẳng chấp chẳng nài thời khắc.
 Chạy bốn bữa ấy là quy-tắc,
 Của kẻ Khùng chỉ dắt chúng-sanh.
 Con Phật thì chẳng có khôn lanh,

Đời văn-vật khôn ma khôn qui.
 Lo trang-sức kim-thời huê mỹ,
 Rồi phụ-phàng tục cổ nước nhà.
 Trong tâm thì chứa chữ gian-tà,
 Chớ chẳng chứa tấm lòng bác-ái.
 Học chữ nghĩa cho thông cho thái,
 600 Đặng xuê-xang đài-các xe-tàu.
 Tiếng chào mừng cửa miệng làm màu,
 Trong tâm-ý mưu-mô đủ thể.
 Ta còn mắc phiêu-lưu dương-thế,
 Đạo Lục-Châu đặng cứu bá-gia.
 Mặc tình ai xem kệ ngâm-ngạ,
 Hay sửa đổi tùy lòng hưu-hỷ.
 Thương sanh-chúng tỏ bày quá kỹ,
 Hỡi dương trần nên sớm quày đầu.
 Đặng sau xem Phật-pháp nhiệm-mầu,
 610 Với báu quý đài-lầu tươi-tốt.
 Xác Ta vốn là người quê dốt,
 Nên mở mang chưa được mấy rành.
 Khấp dương-gian như sợi chỉ mảnh,
 Mong bốn-đạo tâm thành trở lại.
 Dầu cực-khổ thân này chẳng nại,
 Chẳng cần ai bái lạ khẩn-cầu.
 Bỏ dị-đoan mới thấy Đạo-mầu,
 Bớt giả-dối gặp Người Thượng-Cổ.
 Gốc thuở trước của Tông của Tổ,
 620 Đâu có bày dối-mị như vầy.
*Những sấm truyền xưa của Phật Thầy,
 Dân rán kiếm mà truy thì biết.
 Xưa để lại nhiều câu thảm-thiết,
 Mà nào ai có biết để lòng.
 Chuyện Thiên-Cơ nói rất nảo-nũng,
 Câu hữu lý bá tông khó sánh.
 Chốn tự hội chớ nên léo hánh,
 Vì lời xưa có dặn rạch-ròi.
 Dân chớ nên phụ bạc giếng nòi,
 630 Thì lao-lý tấm thân vô ích.
 Phải nhẫn-nhục chờ Người Cổ Tích,
 Phật với Trời phân định cho Ta.
 Người xưa tuy ít chữ nô-m-na,*

Chớ chơn-chất người ta ngay thẳng.
 Dạy bốn-đạo lấy câu trung đẳng,
 Chẳng nói cao vì sắp rớt đời.
 Đấng nam-nhi ẩn-nhẫn tùy thời,
 Vậ mới gọi khôn-ngoan hữu chí.
 Ta ra sức viết câu huyền-bí,
 640 Chúng dân ôi ! Rán kiếm rán tìm.
 Giống thú kia là loại sanh cầm,
 Mà còn biết kiếm tìm đạo-đức.
 Thú-vật biết tu hành náo-nức,
 Còn người sao chẳng rút hồng-trần ?
 Việc tu hành phải vẹn nghĩa ân,
 Kinh với Sấm chúng dân thường thấy.
 Chữ **Bát-Chánh** rõ-ràng trong giấy,
 Là chơn truyền của Đức Thích-Ca.
 Người tu hành cần phải tìm ra,
 650 Cho dân biết mục đầu **Chánh-Kiến**.
 Trí linh-mẫn nhìn xem các chuyện,
 Phải dừng cho lẫm-lạc nẻo tà.
 Dầu việc người hay việc của ta,
 Nên phán-đoán cho tường cho tận.
 Tội với phước xét coi nhiều bận,
 Mới khỏi lẫm tà-kiến đem vào.
Chánh Tư-Duy mục ấy thanh-cao,
 Hãy tưởng nhớ những điều đáng nhớ.
 Trên cùng dưới dầu thầy hay tớ,
 660 Cũng tưởng điều trung-chánh mới mầu.
 Việc vui say mè-o-mả đâu đâu,
 Hãy dẹp gác nhớ câu Lục-Tự.
 Câu **Chánh-Nghiệp** cũng là quá bự,
 Dầu nghề chi làm việc ngay đường.
 Ta đừng nên theo kẻ bất lương,
 Học ngón xảo để lừa đồng loại.
Chánh Tinh-Tấn dầu thành hay bại,
 Cứ một đường tín-ngưỡng của mình.
 Dầu cho ai phá rồi đức tin,
 670 Ta cũng cứ một đàng đi tới.
 Mục **Chánh-Mạng** chúng sanh ơi hỡi,
 Cho hồn-linh cai-quản châu-thân.
 Lấy chơn-nhơn dẹp tánh phàm-trần,

Mới có thể mong về Cực-Lạc.
 Câu **Chánh-Ngữ** lòng son ghi tạc,
 Tiếng luận bàn ngay ngăn tỏ tường.
 Nói những điều đức-hạnh hiền-lương,
 Chớ thêm bớt mà mang tội lỗi.
 Việc tráo-chác ấy là nguồn cội,
 680 Lời xảo ngôn do đó mà ra.
 Kinh-nghiệm rồi Ta mới diễn ca,
 Câu **Chánh-Niệm** thiết-tha nhiều nỗi.
 Khi cầu nguyện đừng cho phạm lỗi,
 Phải làm tròn các việc vẹn toàn.
 Dân chớ nên làm bướng làm càn,
 Trong lúc ấy niệm cho lấy có.
 Mục **Chánh-Định** thiết là rất khó,
 Giữ tâm lòng bất động như như.
 Cho hồn-linh yên-lặng an cư,
 690 Thì mới được huần-nguyên phản-bổn.
 Tà với chánh còn đương trà-trộn,
 Người muốn tu phải sớm lọc-lừa.
Tứ-Diệu-Đề ai có mến ưa,
 Thì Lão cũng kể sơ thêm nữa.
 Chữ **Tập-Đề** nay đà mở cửa,
 Để đem vào khuôn-khổ người hiền.
 Rán cực lòng một bước đầu tiên,
 Sau mới được làm nên Phật-Thánh.
 Về Thượng-Giái cõi Tiên mới bảnh,
 700 Đến **Diệt-Đề** trừ vật-dục xưa.
 Cõi hồng-trần các việc mến ưa,
 Sự giả tạm ta nên rút bỏ.
 Muốn tâm-tánh ngày kia sáng tỏ,
 Thì **Khổ-Đề** phải chịu nhọc-nhàn.
 Lòng dục tu thì phải thiết-hành,
 Chớ đừng có ham điều sung-sướng.
 Đức Phật-Tổ nào đâu hẹp lượng,
 Chịu nhọc-nhẫn mới rõ **Đạo-Đề**.
 Thấy một đàng thẳng-bằng mà mê,
 710 Ôi chừng đó mới là mâu-nhiệm.
 Mùi đạo diệu chúng dân rán kiếm,
 Trễ thời kỳ khó gặp đặng Ta.
 Rồi hành luôn **Bát-Nhẫn** mới là,

Thì muôn việc đều an bá tuế.
 Chữ thứ nhứt **Nhẫn-Năng-Xử-Thế**,
 Là người hiền khó kiếm trong đời.
 Lập thân danh tuấn trái nơi nơi,
 Chờ thời-đại mới là khôn khéo.
 Chữ **Nhẫn-Giái** trì tâm trong trẻo,
 720 Khuyên dương-trần giữ phận làm đầu.
Nhẫn-Hương-Lân cùng khắp đầu đầu,
 Trên cùng dưới đều hòa ý hỉ.
Nhẫn-Phụ-Mẫu gọi trang hiền sĩ,
 Phận xướng-tùy chồng vợ nhịn nhau.
 Nhịn xóm chòm cô bác mới cao,
Nhẫn-Tâm nọ ngày ngày an-lạc.
 Nhịn tất cả những người tuổi tác,
Nhẫn-Tánh lành yên-tĩnh dài lâu.
 Giữ một lòng hiền-hậu mới mau,
 730 Quanh năm cũng bảo toàn thân-thể.
 Chữ **Nhẫn-Đức** kể ra luôn thể,
 Thì trong đời vạn sự bình an.
 Chữ **Nhẫn-Thành** báu-quí hiển-vang,
 Khấp bá-tánh được câu hòa-nhã.
 Câu Đạo-đức bay mùi thơm lạ,
 Muốn nếm thì phải rán sừu tâm.
 Các Đạo tà mưu khéo âm thầm,
 Dân rán tránh kẻ lâm mà khổ.
 Chúng nó xuống khuyên-răn nhiều chỗ,
 740 Dùng phép mầu lòn mắt chúng-sanh.
 Ai ham linh theo nó tập-tành,
 Sa chạp-bẫy khó mong sống sót.
 Ta chẳng phải dùng lời chuốt-ngót,
 Mà làm cho dân-chúng say mê.
 Néo chánh tà biện luận nhiều bề,
 Cho bá-tánh tìm nơi cội-gốc.
 Lựa cho phải kẻo xưa danh mộc,
 Đùng để làm thợ khéo sơn da.
 Thì sau này đến lúc phong-ba,
 750 Đông gió lớn cột kèo khỏi gãy.
 Thấy sanh-chúng nhiều người khờ dại,
 Chẳng biết gìn phong-hóa lễ-nghi.
 Nên ta đem đạo đức duy-trì,

Gìn tọc cổ để người chẳng rõ.
 Còn chậm-chạp Đạo-mầu chưa tỏ,
 Như rừng hoang mới dọn một đường.
*Tớ với Thầy nào quản thân lơng,
 Muốn cứu thế sá chi bùn trịn.
 Thương quá sức nên Ta bịn-rịn,
 Quyết độ đời cho đến chung thân.
 Nếu thế-gian còn chôn mé tân,
 Thì Ta chẳng an vui Cực-Lạc.*
 Dạy bốn-đạo lấy lời đích-xác,
 Mà chẳng tu là bởi không ưa.
 Chớ nước sâu mà bị gàu thừa,
 Dân đồng-đào lời truyền chẳng xiết.
 Nên phải tạm mượn cây ngòi viết,
 Đem Đạo-mầu như hạn cho mưa.
 Đặng tổ-trần tâm ý Người Xưa,
 770 Chữ thậm thâm trong kinh Phật-Giáo.
 Nên chơn-lý chúng chê rằng láo,
 Mà nào Ta có lợi-dụng ai.
 Trong bá-gia nhiều ít lòng chay,
 Để giữ trọn trong nền Phật-Pháp.
*Gìn giới cấm sửa tâm ô-tạp,
 Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà.*
 Nhớ từ-bi hai chữ ngâm-nga,
 Dầu làm lụng cũng là trì chí.
 Chờ Thiên-Địa châu-nhi phục-thỉ,
 780 Như đời xưa có gã Tử-Phòng.
 Xem thời cơ người đã rõ thông,
 Dùng tôi thiếu mà an bá-tánh.
 Đời vật-chất văn-minh tranh-cạnh,
 Chữ lợi quyền giựt-giết lẫn nhau.
 Động lòng hiền chư Phật đốn-đau,
 Cho kinh sấm dạy răn trần-thế.
 Nhìn thấy chuyện gạo châu củi quế,
 Nghèo bạc vàng đạo-đức cũng nghèo.
 Ta xuống trần nhằm lúc nạn eo,
 790 Nên phải bị kẻ hung khinh-bỉ.
 Vì bác-ái nên thân Cuồng-Sĩ,
 Phải chịu điều khổ hạnh sâu-xa.
 Mong cho đời gặp lúc khai-ca,

Trong bốn biển thái-bình mới toại.
 Phật, Tiên, Thánh, lòng nhơn hà-hải,
 Những ước-ao thế-giới hòa-bình.
 Nên khuyên đời truyền-bá sử-kinh,
 Cho sanh-chúng sửa mình trong sạch.
 Giàu đổi bạn khinh-khi kẻ rách,
 800 Là những câu trong sách Minh-Tâm.
 Tánh kẻ sang đổi vợ nào lằm,
 Thánh-nhơn để nhiều câu hữu-lý.
 Có mấy kẻ ăn-năn xét kỹ ? [2]
 Mãi ý tài chê bướng chê càn.
 Thì ngày sau đừng có trách than,
 Những tội lỗi của mình tạo lấy.
 Bị háo-thẳng việc người không thấy,
 Rồi mắng lo gièm-siểm nhiều lời.
 Vì vậy nên tình nghĩa xe lơi,
 810 Đâu gần-gũi mà tưởng diệu lý.
 Trong Lục-Tĩnh ai là người trí,
 Mau thức thời tìm Đạo nhiệm-sâu.
 Khuyên dân đừng chia áo rẽ râu,
 Phải hợp tác gieo trồng giống quý.
 Coi rồi phải thân mình tự trị,
 Chẳng độ xong Phật khó dặt-dìu.
 Thả thuyền Từ bến Giác nâng-niu,
 Kẻ hiểu Đạo mau mau bước xuống.
 Việc trải qua như mây gió cuốn,
 820 Nhìn cuộc đời ngày tháng thoi đưa.
 Trời sáng ra kể lại thấy trưa,
 Năm cũ đó rồi qua năm mới.
 Mười hai tháng mà còn mau tới,
 Thì tuồng đời cũng chóng đổi thay.
 Chữ phù-vân phú-quí nay mai,
 Luân với chuyển dời qua đổi lại.
 Cõi Ta-Bà mấy ai tồn-tại,
 Sống dư trăm như tuổi lão Bành.
 Đời Hạ-Nguơn hay chết tuổi xanh,
 830 Như thuở trước Nhan-Hồi còn trẻ.
 Miễn cho được ngày hai cơm tẻ,
 Buổi bần hàn đặng có tu thân.
 Nhờ ơn Trời ban bố đức ân,

Xem chung cuộc Phong-Thần tại thế.
Xử những kẻ hung-hăng tội-tê,
Thưởng những người trung-nghĩa vẹn toàn.
Ra Kệ này hai chữ bảo-an,
Cho trần-thế được tâm thanh-tịnh.
Ngọc báu quý ẩn trong Nam-đỉnh,
840 Muốn tìm kim đáy biển gặng công.
Thấy dân tình luống những ước-mong,
Gặp giống tốt hãy mau cày cấy.
Ai có nói Ta là người quấy,
Ta cũng cam bụng chịu tiếng lời.
Tỏ ít câu cầu chúc cho đời,
846 Mong bá-tánh vạn dân giải-thoát.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

[Hiệu chính:

[1] Ghi theo ấn bản 1955: "...**lũ** tanh hôi". Ấn bản 1966 ghi: "
Bước lại gần chê **lũ** tanh hôi" (lam lũ).

[2] Ghi theo ấn bản 1955: "...xét kỹ". Ấn bản 1966 ghi: "Có mấy
kẻ ăn-năn xét **kỹ**?" (xét lại mình).]

QUYỂN NĂM

KHUYẾN THIỆN

Lời Khuyên Thiện của ông "VÔ DANH CƯ SĨ"

KHUYẾN THIỆN

Lời Khuyên Thiện của ông "VÔ DANH CƯ SĨ"



*(Đây là quyển thứ năm do Đức Thầy
đã viết năm 1941 tại Chợ-Quán,
gồm 756 câu và bốn bài thi 20 câu).*

- Bằng tâm ngẫu hứng thừa nhàn,
Theo đòi nghiên-bút luận bàn Tục, Tiên.
Ta là cư-sĩ canh điền,
Lo nghề cày cuốc cũng chuyên tu hành.
Xa nơi tranh-đấu lợi-danh,
Giữ lòng thanh-tịnh tánh lành trau-tria.
Gắng công trì niệm sớm khuya,
Thân tuy còn tục tâm lìa cõi mê.
Chí toan gieo giống Bồ-Đề,
010 Kiểm người lương thiện dặt về Tây-Phang.
Dạy khuyên những kẻ ngổ ngang,
Biết câu Lục-tự gìn đàng Tứ-ân.
Ở trần xử trọn nghĩa-nhân,
Quyết làm tôi Phật gởi thân Liên-Đài.
Cầu cho mỗi Đạo hoằng-khai,
Cầu cho trăm họ Bồng-Lai được gần.
Sớm về cõi Phật an thân,
Kéo kiếp phong-trần dày gió dạn sương.
Phật-đài phưởng-phất mùi hương,
020 Cúi đầu đảnh lễ cật nường đức mầu.
Từ-bi oai-lực nhiệm sâu,
Độ con thoát chốn ưu-sầu trần-ai.
Nam-mô Thích-Ca Như-Lai,
Ta-Bà Giáo-Chủ xin Ngài chứng-minh.
Dưới đây lược tả sách kinh,
Cho trong nam nữ hữu tình thì coi.
Lời lành của Phật truyền roi,
028 Đọc qua suy nghiệm xét soi chánh tà.

THI

Tiếng kệ từ-bi quá diệu-trầm,
Diệt lòng tham vọng diệt thịnh-âm.

Trần-gian say-đắm theo màu-sắc,
Tĩnh-độ giác-thuyền trị dục-tâm.
Phải rõ nghiệp-duyên trần cấu tạo,
Nghe rành chánh-pháp thoát tà-dâm.
Phù-sanh nhược mộng đời lao khổ,
Tĩnh trí tu thân khỏi lạc lầm.

*Hào-quang chư Phật rọi mười phương,
Đạo pháp xem qua chỗ gọi thường.
Chuyên-chú nghĩ suy từ nét dấu,
Cố công gìn giữ tánh thuần-lương.*

KỆ

- 030 Lòng quảng ái xót thương nhân chúng,
Buổi lỗ-lăng Phật-iáo suy đồi.
Kẻ tu hành ai nữ yên ngồi,
Mà sớm kệ chiều kinh thông thả.
Mình đã gặp con thuyền Bát-Nhã,
Có lý nào ích-kỷ tu thân ?
Phật-Tổ xưa còn ở nơi trần,
Ngài gắng sức ra công hoằng-hóa.
Nền Đại-Đạo lưu thông khắp cả,
Bực tiên hiền đều trọng Phật-gia.
Rèn dân bằng giáo-thuyết bình-hòa,
- 040 Giống bác-ái gieo sâu vô tận.
Sau nhằm buổi phong-trào tân-tấn,
Đua chen theo vật-chất văn-minh.
Nên ít người khảo xét kệ-kinh,
Được dắt chúng hữu-tình thoát khổ.
Thêm còn bị lăm phen giống-tổ,
Lời tà-sư ngoại-đạo gieo vào.
Cho nhơn-sanh trong dạ núng-nao,
Chẳng gìn chặt gương xưa mạnh mẽ.
Dùng thế-lực dùng nhiều mảnh-khóe,
- 050 Cám-dỗ người đặng có khiển sai.
Chúng năm không hưởng của hoạnh tài,
Để khốn-khổ mặc ai trôi kệ.
Mắt thấy rõ những điều tồi-tệ,
Tai thường nghe lăm giọng ru người.

- Thêm thời này thế-kỷ hai mươi,
Cố xô sệp thần (thánh) quyền cho hết.
Người nhẹ dạ nghe qua mê-mết,
Rằng: nên dùng sức mạnh cạnh-tranh.
Được lợi-quyền lại được vang danh,
- 060 Bài-xích kẻ tu hành tác phước.
Làn sóng ấy nhiều người đón rước,
Dục dân tâm sôi-nổi tràn-trề.
Cố tục nhà phi-báng khinh-chê,
Cho tôn-giáo là mùi thuốc phiện.
Ai nếm vào ắt là phải nghiện,
Chẳng còn lo trang võ đấu chinh.
Lấy sắc-thân đẹp nổi bất-bình,
Bỏ đức-tính của câu nhơn-quả.
Dầu ai có bền gan sắt-đá,
- 070 Cũng động lòng trước cảnh ngửa-nghiêng.
Đạo diệu-mầu gặp lúc truân-chuyên,
Phận môn đệ phải lo vun quén.
Tầm **sức nhỏ** còn làm nên kén, [1]
Người không lo có thẹn hay chằng ?
Cả tiếng kêu cùng khắp chư tăng,
Với tín-nữ thiện-nam Phật-Giáo.
Nên cố-gắng trau thân gìn Đạo,
Hiệp cùng nhau truyền-bá kinh lành.
Làm cho đời hiểu rõ thình-danh,
- 080 Công-đức Phật tử-bi vô lượng.
Đồng đẹp bớt âm-thinh sắc-tướng,
Lo chấn-hưng Phật-Pháp mới là.
Nói cho đời hiểu Phật Thích-Ca,
Lòng tự giác xả thân tầm Đạo.
Ta cũng chẳng hoàn-toàn thông-thạo,
Nhưng phân cùng bốn-đạo xa gần.
Có một điều già trẻ ân-cần,
Là phải biết nguyên-nhân Phật-Giáo.
Hồi thế-kỷ khoảng trong thứ sáu,
- 090 Trước kỷ-nguyên tây-lịch thời xưa.
Pháp Giáo chưa biệt-lập tam thừa,
Thuở Trung-Quốc nhà Châu Chiêu-Đế.
Bên Ấn-Độ thành Ca-Tỳ-La-Vệ,
Có đức vua Tịnh-Phạn nhơn tử.

Khấp thần dân lạc nghiệp an cư,
 Trên chúa thẳng tôi ngay phò tá.
 Đức Hoàng-Hậu Ma-Da phong-nhã,
 Sắc đẹp dường ngọc thốt hoa cười.
 Một hôm kia về mặt vui tươi,
 100 Đến trước bệ tàu cùng thánh thượng.
 Rằng : Thần thiếp nhờ ơn chung hưởng,
 Của hoàng-gia cũng được vinh-quang.
 Kể từ nay thiếp muốn an nhàn,
 Dưỡng tâm-trí lần xa thế trước.
 Chẳng phiền kẻ hầu sau đón trước,
 Chỉ trừ người ý hiệp tâm đầu.
 Xin một điều ở chốn long lâu,
 Tập đức tánh khoan-dung đại độ.
 110 Tránh tất cả những điều thô-lỗ,
 Chẳng ưa gần kẻ bạo ngang-tàng.
 Thiếp cúi đầu ngưỡng vọng Thiên-nhan,
 Phê cho thiếp những điều xin ấy.
 Vua nghe xong vội-vàng đứng dậy,
 Bèn chuẩn y tỏ ý vừa lòng.
 Bà tàu thêm ở trước đền rồng,
 Xin Thánh-thượng bao-dung kẻ khó.
 Lòng yêu dân ví như con đỏ,
 Tội giảm tha, đói giúp cơm tiền.
 Cứu dân nghèo trong lúc đảo điên,
 120 Lấy đức rộng bủa trong bá-tánh.
 Vua hứa chịu giúp người đói lạnh,
 Bà lui về cung điện nghỉ-ngơi.
 Đêm trăng thanh gió mát thành-thời,
 Tiết hòa-thuận khắp nơi hoa nở.
 Đức Hoàng-hậu trong lòng hớn-hở,
 Giấc chiêm-bao Bà thấy lạ-lùng.
 Bạch tượng từ ở chốn không trung,
 Bồng sa xuống mình Bà hối-hả.
 Vừa tỉnh giấc mơ tiên mới lạ,
 130 Khấp phòng huê thơm nức mùi hương.
 Bà rảo chơn bèn bước ra vườn,
 Truyền thị-vệ thỉnh vua lai đáo.
 Vua y lời đến nơi hoa thảo,
 Lại gần Bà sao rất quái-kỳ.

Tay chơn bèn run-rẩy một khi,
 Muốn quì xuống mắt dường tằm-tối.
 Tiếng Thần Tiên trên không ca trời,
 Rằng ta mừng vua hữu thiện căn.
 Sắp có con thế-giới chẳng bằng,
 140 Sau người ấy lập nên Đạo cả.
 Vua nghe xong cúi đầu bái tạ,
 Liền phán cùng Hoàng-hậu Ma-Da.
 Có việc chi vội-vã dời ta,
 Khá nói lại đầu đuôi tường tất.
 Bà thuật rõ chiêm bao trong giấc,
 Xin vua vờ ít kẻ bàn giùm.
 Các thầy bàn được lệnh vào cung,
 Nghe xong-xả tàu rằng điềm quý.
 Ngày thăm-thoát đông qua hạ chí,
 150 Bà trở sanh Thái tử đẹp tươi.
 Mặt trang-nghiêm khí-phách hơn người,
 Vua cùng khấp thần dân mừng rỡ.
 Họ Thích-Ca từ đây cũng ngỡ,
 Sẽ có người nối nghiệp hoàng-gia.
 Liền đặt tên là Sĩ-Đạt-Ta,
 Cả triều chính treo hoa yếm ả.
 Có nhà sư cách thành mấy dặm,
 Thường ở ẩn trong sạch hiên-từ.
 Lòng thẳng ngay chẳng có vị tư,
 160 Đợi thanh tịnh gìn theo Đạo-ly.
 Ông lại được Thần Tiên dẫn chỉ,
 Hiểu thiên-cơ thấu mỗi diệu-huyền.
 Ông là người Bà-la-môn tiên,
 A-Tư-Đà tiên hiền tên lão.
 Thời buổi ấy vua ưa người Đạo,
 Bèn vào châu tàu trước bệ rồng.
 Xin vua cho ông bước vào trong,
 Được yết-kiến tử-hoàng luôn thể.
 Ông xem xong bồng liền sa lệ,
 170 Về mặt buồn chẳng thốt ra lời.
 Thấy lạ-lùng vua bước đến nơi,
 Liền phán hỏi bảo ông phân rõ.
 Trước cung-điện ông liền bày tỏ,
 Rằng tử-hoàng chừng được thành nhơn.

Lìa đèn-đài khổ-cực chẳng sờn,
 Tìm Đạo-lý dặt-dìu sanh-chúng.
 Ngài sẽ được thế-gian ca tụng,
 Chắc phần Ngài quả Phật vẹn tròn.
 Buồn vì tôi tuổi lớn sức mòn,
 180 Chẳng sống đặng nghe lời Phật thuyết.
 Cả hồng-trần đau-thương thống-thiết,
 Nhờ Ngài mà diệt nẻo luân-hồi.
 Vô phước nên tui bấy phận tôi,
 Chớ chẳng có điều chi lo ngại.
 Đức Hoàng-hậu đến ngày thứ bảy,
 Dứt nợ trần nên vội qui tiên.
 Có bà di thay thế mẹ hiền,
 Giùm săn-sóc trông-nom Thái-tử.
 Khi lớn lên cho người dạy chữ,
 190 Lúc vào trường chẳng học mà thông.
 Buổi trưởng thành vua vẫn hằng mong,
 Cho Thái-tử đừng lìa cung-điện.
 Hội triều-đình các quan lựa tuyển,
 Nàng Du-Gia được chọn kết hôn.
 Vua nghĩ rằng muốn tâm yên-ổn,
 Chọn cung-phi mỹ-nữ làm trò.
 Cất đèn-đài lộng-lẫy đẹp to,
 Ngày ca múa đêm bày lối-lả.
 Lòng Thái-tử cũng không xiêu-ngả,
 200 Ra khỏi đèn du ngoạn một khi.
 Buổi đầu tiên gặp những chuyện gì,
 Gặp cụ lão tay nường gậy chống.
 Ngài xem qua lòng bèn cảm-động,
 Lần thứ hai thấy kẻ ốm đau.
 Xét cõi trần trong dạ héo xào,
 Chi tiết nỗi núng-nao cõi tạm.
 Lần thứ ba xe lìa khỏi trạm,
 Được trông nhìn kẻ chết đang khiêng.
 Về đèn-đài cảm xúc buồn riêng,
 210 Hằng để trí tâm phương giải-thoát.
 Lần thứ tư vừa đi dạo mát,
 Bỗng gặp người tốt đẹp trang-nghiêm.
 Nào dè đâu Trời đã ứng điềm,
 Giả tăng-sĩ gợi lòng Thái-tử.

Ngài hiểu rõ ấy là phận-sự,
 Phải xuất gia tầm Đạo mau mau.
 Liền quày xe trở lại lai trào,
 Xin Vương-phụ lánh xa mùi thế.
 Vua buồn thảm dùng lời khóc kể,
 220 Rằng: Cha già biết cậy nhờ ai.
 Khuyên con nên ở chốn điện-đài,
 Lo nỗi nghiệp sau tu chẳng muộn.
 Lòng Thái-tử quyết theo ý muốn,
 Thừa đêm khuya lén trốn vào rừng.
 Lìa cha già, vợ đẹp, con cưng,
 Thân chẳng sá xông-pha bờ bụi.
 Ngài thuở ấy nên mười chín tuổi,
 Tâm đại-hùng cương-quyết tu-trì.
 Trải bao phen lao-khổ xiết chi,
 230 Sau Ngài đến rạch Ni-Liên-Thuyền.
 Thấy cỏ hoa cảnh bắt tham-thiền,
 Ngồi khổ-hạnh sáu năm bên ấy.
 Đạo gần đắc Ma-Vương theo khuấy,
 Dùng thần-thông nghị-lực dẹp tan.
 Ấy mới vừa đắc Đạo hoàn-toàn,
 Và lần bước phô-trương độ chúng.
 Ngài bèn xét ở trong Phật chúng,
 Các chúng-sanh đều có như Ta.
 Bị vô-minh vọng-tưởng vạy-tà,
 240 Nên quay lộn Ta-bà cõi khổ.
 Lòng thương chúng thuyết-phương Tịnh-độ,
 Dặt dặt-dìu tất cả chúng-sanh.
 Nếu như ai cố chí làm lành,
 Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật-Quốc.
 Cả vũ-trụ khắp cùng vạn-vật,
 Dầu Tiên, Phạm, Ma, Quỷ, Súc-sanh.
 Cứ nhứt tâm tín, nguyện, phụng hành,
 Được cứu-cánh về nơi an-dưỡng.
 Chỉ một kiếp Tây-phương hồi hưởng,
 250 Thoát mê-đồ dứt cuộc luân-hồi.
 Xét cõi trần sống khổ giạt-trôi,
 Vô lượng thứ ở trong thế-giới.
 Lời Phật thuyết ta xin nhắc lại,
 Ta-bà khổ, Ta-bà lắm khổ.

Có bao người xét cho tội chỗ,
 Tịnh-độ vui, Tịnh-độ nhàn vui.
 Cảnh thanh-minh sen báu nặc mùi,
 Nào ai rõ cái vui triệt đáo.
 Vì phần Ta rất yêu-mến Đạo,
 260 Chẳng nệ chi trí siển tài sơ.
 Lấy lời xưa kết lại ít tờ,
 Cho thiện-tín rồi nhàn xem-xét.
 Dứt mê tâm dứt điều hờn ghét,
 Rán cần chuyên niệm Phật làm lành.
 Thường trau-giồi chí-hướng cao-thanh,
 Cho khỏi thẹn con lành Phật-Giáo.
 Đức Thích-Ca từ xưa dạy bảo:
Khổ Ta-bà nhiếp lại **tám phần**.
 Bởi chúng-sanh mang lấy xác thân,
 270 Khổ thứ nhất sự **Sanh** là gốc.
 Vào bụng mẹ chung quanh bao-bọc,
 Có khác nào ở chốn ngục tù.
 Buổi mẹ đau huyết kiệt hình thu,
 Lúc mẹ đói đường treo lỏng-bồng.
 Ta kể sơ những điều bi-thống,
 Mẹ no cơm chặt-chội khó-khăn.
 Khi ra đời đau-đớn vô ngần,
 Cất tiếng khóc nếm mùi dương-thế.
 Đoạn **Lão** khổ thứ nhì xin kể,
 280 Từ trẻ thơ đến tuổi thành nhân.
 Hết tráng-cường đến lúc mòn thân,
 Răng lặn rụng lưng cong gối mỏi.
 Nằm đi đứng đỡ nưng chống chỏi,
 Thử nghĩ coi lao nhọc cùng chẳng ?
 Đoạn thứ ba ma **Bịnh** làm nhặng,
 Đeo hành phạt xác thân ô-uế.
 Bởi thời-thế chuyển xoay biến-thế,
 Thêm uống ăn chẳng được điều-hòa.
 Là nguyên-nhân căn bịnh phát ra,
 290 Thân trần-trọc hôn mê nhức-nhối.
 Căn bịnh hoạn càng không tránh nổi,
 Còn mang thêm tật nọ tật kia.
 Rồi từ đây đến lúc chia lìa,
 Đoạn **Tử** khổ thứ tư phân giải.

Trên dương-thế hữu hình tắc hoại,
 Có sanh ra khổ-hải đâu chừa.
 Trải bao phen dải gió dầm mưa,
 Ngày kiệt sức huyền thân tan-nát.
 Gần hấp-hối tâm-thần xao-xác,
 300 Trí vẫn-vơ kinh-sợ vô cùng.
 Rồi mòn dần đến lúc lâm-chung,
 Giã cõi tạm theo đường tội phước.
 Nhiều phương thuốc ngừa sau ngăn trước,
 Mà cũng không thoát luật tuần-huần.
 Dầu ẩn nơi cùng cốc thâm sơn,
 Chẳng trốn lánh tử thần cho khỏi.
 Đoạn thứ năm nghĩ-suy tìm tòi,
Câu Chẳng Thành những việc thích-ham.
 Người trên đời ai cũng lòng tham,
 310 Muốn phước, thọ, phẩm, hàm, tiền của.
 Nào vợ đẹp, hầu xinh, là-lụa,
 Không được thì bực-tức ưu-phiền.
 Cả tâm thần điêu-đứng đảo-điên,
 Vậy có phải khổ hay là chẳng ?
 Đoạn thứ sáu **Biệt Ly** cay đắng,
 Người mình thương bỗng lại chia-lìa.
 Khi khóc-than nước mắt đầm-đìa,
 Lúc trông nhớ ruột tằm chua xót.
 Ở thế-gian mấy ai thoát lọt,
 320 Nợ gia-đình đeo đằm căn-duyên.
 Căn nguy nghèo thân-thể truân-chuyên,
 Kẻ lưu-lạc người chờ trông mãi.
 Cuộc tan hiệp, hiệp tan ân-ái,
 Đến xong đời để lại sầu-ưu.
 Cái khổ này dầu lắm trí mưu,
 Cũng chung chịu như người tắm-tối.
 Đoạn thứ bảy khổ **Oan-Tắng-Hội**,
 Hễ thương nhau tất có ghét nhau.
 Thường tranh-đua tiếng thấp lời cao,
 330 Chẳng nhẫn-nhịn thành ra cừ oán.
 Muốn tránh xa đừng trông tâm dạng,
 Cứ gặp nhau mắt tựa kim châm.
 Làm cho người đau-đớn âm-thầm,
 Khổ như thế diễn ra mãi mãi.

Đoạn thứ tám **Ưu-Sâu lo ngại**,
 Cuộc tang-thương dâu bể cảnh trần.
 Nghèo thì lo một nỗi nợ-nần,
 Lo đau-đói liệu cơn nhà rách.
 Buồn duyên-số phận mình như sạch,
 340 Rầu gia-đình chúng bạn khinh cười.
 Giàu thì lo chen lấn với người,
 Miễn cho được đầy rương đầy tủ.
 Của dương-thế góp tom bảo-thủ,
 Sợ gian-phi trộm cướp rình-mò.
 Lo tước-quyền cho được thơm-tho,
 Sợ kẻ khó thiếu tiền chẳng trả.
Ôi ! cả sang hèn chẳng ai thông-thả,
Sao hơn sanh cứ mãi đắm say.
Chẳng tu thân đặng dựa Phật-Đài,
 350 *Cho thông-thả hưởng mùi sen báu.*
 Thần-Thức nhập Thai-Sen tinh hào,
 Nên khỏi màng lo nỗi **khổ-sanh**.
 Thân thì Thân Công-Đức hiển lành,
 Bất di dịch khỏi vì khổ **lão**.
 Thể Thanh-Tịnh thường không huyên-náo,
 Hết lo toan nắng lạnh gió mưa.
 Khổ **bệnh** kia bởi đó mà chừa,
 Ta thoát cuộc lao-đao vì nó.
 Đường sanh mạng Phật, ta đồng thọ,
 360 Tánh an nhiên bất diệt trường tồn.
 Tử thần kia đâu dám dặt hồn,
 Thoát luân-chuyển khỏi đeo khổ **tử**.
 Cuộc y thực muốn chi đủ thứ,
 Không nhọc-nhắn lo việc sanh-nhai.
 Trí yên nhàn nhìn cảnh Phật-Đài,
 Khỏi quả khổ **mưu cầu bất đắc**.
 Cả Hải-Chúng thầy đều vững-chắc,
 Toàn dân lành đâu có dẫn-đo.
 Dứt ái-ân quyến-thuộc chuyện-trò,
 370 Thoát sống khổ **thương yêu ly biệt**.
 Chữ Hòa-Thuận kể sao cho xiết,
 Tâm đồng nhau thương-thiện vui-vầy.
 Cảnh như như chẳng có đổi thay,
 Không màng biết phân chia như-ngã.

Sẵn vị ngôi rành phân thượng hạ,
 Khỏi khổ câu **oán ghét gặp nhau**.
 Thân tâm thường-trụ hết rạt-rào,
 Chất thô-trược tiêu tan mất cả.
 Cõi Tịnh-độ lắm điều thanh-nhã,
 380 **Khổ, buồn, rầu, lo, sợ** chẳng còn.
 Chốn Ta-bà tìm lụn dầu mòn,
 Thân tứ-đại của người cũng thế.
 Mau thức-tỉnh tu-thân kéo trễ,
 Đến tội rồi mới hối muộn-màng.
 Chi cho bằng ta sớm lo toan,
 Gìn giới-luật nghe Kinh trọng Phật.
 Đến lâm-chung quả lành đâu mất,
 Cõi Tây-Phương chư Phật đợi chờ.
 Việc tu thân thiện-tín hằng-hờ,
 390 Chừng họa đến e cho khó tránh.
Môn Tịnh-độ là phương cứu-cánh,
Rán phụng-hành kéo phụ Phật xưa.
 Lòng từ-bi chẳng quản nắng mưa,
 Xông thuyền giác rước đưa sanh-chúng.
 Trong một nước nhân tài hữu dụng,
 Kê tu hành đa phước thì nên.
 Quyết trau thân tánh hạnh cho bền,
 Niềm ơn nghĩa toan đền dứt nợ.
 Ao sen báu Tây-phương đua nở,
 400 Chờ chúng-sanh niệm Phật chí tâm.
 Rán tu cho quỉ khiếp thần khâm,
 Được *tâm phát Bồ-Đề* vững chắc.
 Giữ đừng cho Ma-Vương dẫn dắt,
 Thường nhớ câu Đại-Lực, Đại-Hùng.
 Thẳng Thất-Tĩnh giữ vẹn Đạo-Trung,
 Trừ Lục-Dục chớ cho ô nhiễm.
 Thập-tam Ma diệt bằng trí-kiếm,
 Rút xong rồi vô sự thành-thời.
 Biển hồng-trần lao-lý diệu với,
 410 Xô đẩy mãi trong vòng **Ngũ-Trược**.
 Thân hôi tanh muối, ruồi đón rước,
 Thêm nhọt-u, ghẻ lác, phung cùi.
 Đầu lúc nào toàn vẹn yên vui,
 Là **Kiếp Trược**, Ta xin kể trước.

Dòm việc quấy ngấm điều bạo-ngược,
 Mắt trông vào những chỗ đê-hèn.
 Nào được xem cảnh báu đài sen,
 Nghĩa **Kiên Trượng** giải ra như vậy.
 Trí vẫn-vớ tưởng đó nhớ đây,
 420 Thiết mưu-kế toan bề thẳng-thối.
 Ghi thù oán chường điều đáp đối,
 Nên ma **Phiên-Não Trượng** đả say.
 Chuyển luân trong nhân vật các loài,
 Căn mờ-ám làm điều đại-dột.
Chúng-Sanh Trượng, Ta đà kể nốt,
 Còn thứ năm là **Mạng Trượng** trung.
 Số giàu-sang, họa-phước, bản-cùng,
 Giàu hoa-nguyệt thung-dung cầu-thả.
 430 Ưa đẹp mắt mẩn điều mới lạ,
 Sang oai-quyền, hối-lộ gần xa.
 Nghèo a-dua, bợ-đỡ nịnh tà,
 Khó trộm-cướp cũng là nhơ xấu.
 Nguyên cùng Phật dứt duyên trần-cấu,
 Phải trừ thêm **Thập-Ác** huyển thân.
 Khuyên nữ nam suy-nghiệm ân-cần,
 Ác nơi khẩu nhứt là **Lưỡng-Thiệt**.
 Với người này dùng lời tha-thiệt,
 Đến kẻ kia đâm-thọc cho gây.
 440 Khá chừa đi hương-đàng bớt rầy,
 Dùng sự thiệt giải-bày tâm trí.
 Người choảng nhau tại mình gia vị,
 Mà cũng không hưởng được lợi-danh.
 Sau rõ ra chúng lại ghét-ganh,
 Chiêu cảm quả bất lành thêm nữa.
 Ác thứ nhì **ỷ-Ngôn** chắt-chứa,
 Đợi cho người lầm-lỗi xéo vầy.
 Cửa tiền nhiều tự phụ rằng hay,
 Chủ ỷ thể nhiếc xài kẻ dưới.
 450 Lắc-léo chi có ba tấc lưỡi,
 Quan ỷ khôn mặt-sát dân ngu.
 Nghèo ỷ lạnh láo-xược lu-bù,
 Ôi ! thấy thế lòng đau tợ cắt.
 Khuyên bá-tánh giữ-gìn cho chặt,
 Đừng để cho qui dẫ đường cong.

Dùng từ-ngôn nói tận đáy lòng,
 Dầu trên dưới cũng không mấy khác.
 Chúng vô phước đời này dốt-nát,
 Người khôn-ngoan chỉ-dẫn mới là.
 Lời trang-nghiêm êm-ái thốt ra,
 460 Đừng bao-biếm mới là nhờn-thiện.
 Tới **Ác-Khẩu** thứ ba bày-biện,
 Tiếng tục-tần thô-lỗ hung-hăng.
 Nào chưởi cha, mắng mẹ lảng-xăng,
 Chẳng kể đến luân-thường thảo hiếu.
 Hăm đánh giết những người hèn yếu,
 Hiếp xóm-chòm cô bác chẳng kiêng.
 Trong gia-đình chưởi rửa liên-miên,
 Hết Dương-thế kêu sang Thần-Thánh.
 470 Chẳng kiêng nể Phật Trời thượng cảnh,
 Cõi Long-cung mời thỉnh tối ngày.
 Đời ám-u tội trạng thảm thay,
 Khuyên bá-tánh bá-gia rán bỏ.
 Gương tổ-phụ còn roi lại đó,
 Sao không theo nề-nếp gia-phong.
 Chư Thánh-Thần đâu có mất lòng,
 Mà kêu réo Đông,Tây, Nam, Bắc ?
 Mấy câu trên toàn là rỗng rặc,
 Những đàn-bà khe-khắt cháu con.
 Kể từ nay phải giữ cho tròn,
 480 Không chừa dứt ắt mang tai-ách.
Lựa lời tiếng dịu-dàng trong sạch,
Khi thốt ra đoan chánh hiền từ.
 Tích thiện thì thường có phước dư,
 Bằng tích ác họa-ương đeo đũa.
Ác Vọng-Ngữ thứ tư cũng cấm,
 Nói thêm thừa huyển-hoặc đủ điều.
 Ghét người thời kiếm chuyện dệt-thêu,
 Thương viện lẽ thấp cao bào chữa.
 Đời bắt công mảy ai xem sửa,
 490 Trên điều-ngoa dưới chẳng phục-tòng.
 Khuyên nhờn sanh lấy lẽ chí công,
 Mà ăn ở nói năng chơn-chất.
 Phật từ-bi độ trong nhờn vật,
 Là luật kinh dạy rất tinh-tường.

Nếu chẳng nghe hồn vướng tai-ương,
 Chừng ấy mới kêu mời khó rước.
 Người dương-thế chẳng ưa bốc-xước,
 Phật Thần nào gần kẻ xảo-ngôn.
 Đã tu hành đừng có bôn-chôn,
 500 Tưởng hay giỏi khoe-khoang tài cán.
 Người hiểu rành mới càng thêm chán,
 Chi bằng ta bỏ lối trở-trêu.
 Nói với ai cũng phải lựa điều,
 Đừng tráo-chác cho người khinh dể.
Ác Tà-Dâm thứ năm càng tệ,
 Chúa hôn-mê chiếm đoạt thê thần.
 Làm đảo-huyền tất cả quốc-dân,
 Tôi bất chánh hoàng-cung dâm loạn.
 Tội lỗi ấy diễn nhiều thảm trạng,
 510 Từ xưa nay Trời đất đâu dung.
 Giàu của nhiều dâm hiếp bần cùng,
 Quan lẫn thế dâm-ô dân khó.
 Trai liêu-lĩnh điều này nên bỏ,
 Đừng phá trinh hại tiết nữ nhơn.
 Gái lẳng-lơ tiếng huyễn lời đồn,
 Hoa có chủ đèo-bồng tình mới.
 Cất tiếng gọi nữ nam ơi hỡi,
 Bỏ những điều điểm nhục tông môn.
 Đứng nam-nhi học lấy điều khôn,
 520 Lòng trung-hiếu gìn theo đạo-lý.
 Hàng phụ-nữ gương xưa nổi chí,
 Những mẹ hiền dâu thảo roi truyền.
 Niệm Phật mà gây lấy thiện duyên,
 Cho đẹp mặt Tổ-tiên nòi giống.
 Thờ Phật-Đạo tình cơn ác mộng,
 Thoát mê-đồ thường phóng quang-minh.
 Rán hiểu rành tiếng kệ lời kinh,
Ác thứ sáu ấy là **Đạo-Tặc**.
 Lấy của người sắm ăn sắm mặc,
 530 Chẳng kể công nước mắt mồ-hôi.
 Phá lương dân dạ luống bồi-hôi,
 Ngày làm-lụng đêm lo gìn-giữ.
 Trốn pháp-luật tập-tàn đủ thứ,
 Nào đào tường, khoét vách khuôn đồ.

Tội chập-chồng đâu biết ở mô,
 Trốn người khỏi trốn Trời sao khỏi.
 Nay đốc huệ Từ-Bi đã rọi,
 Vào thâm-tâm những kẻ gian phi.
 Hãy tu thân chữa thói vô nghi,
 540 Của phi nghĩa làm chi xong chuyện.
 Luật nhơn-quả thật là cao viễn,
 Suốt cổ kim chẳng lọt một ai.
 Vậy ta nên làm việc thẳng ngay,
 Cứ bền chí có ngày thông-thả.
Ác thứ bảy Sát-Nhơn gây vạ,
 Tánh hung-hăng đâm chém chặt bằm.
 Chết-chứa điều hung dữ trong tâm,
 Chờ đặc thể ra tay hạ sát.
 Viết đến đây động lòng rào-rạt,
 550 Gẫm nhiều người bội-bạc thâm ân.
 Nào kể chi là đạo Quân-Thần,
 Tôi giết chúa, con đành sát phụ.
 Lúc nguy-cơ tớ mong hại chủ,
 Trò giết thầy tội ấy đáng không.
 Thêm chồng giết vợ, vợ giết chồng,
 Niềm huynh-đệ cùng nhau xâu-xé.
 Cũng hiếm lúc con còn giết mẹ,
 Giành của tiền cốt-nhục giết nhau.
 Tranh lợi danh giết lẫn đồng-bào,
 560 Tình nhơn-loại phân chia yếm-bách.
 Giết sanh vật đầy lòng kiêu-cách,
 Tưởng rằng mình như thế là ngoan.
 Khuyên bá-gia bá-tánh việt-đàn,
 Chớ sát hại mạng người như thế.
 Bớt giết vật đặng mà cúng tế,
 Gẫm Thánh-Thần đâu có tư riêng.
 Rủi ốm đau bởi tại căn tiền,
 Hoặc hiện kiếp làm điều bạo-ác.
 Phải ăn-năn phước-điền tạo-tác,
 570 Lo thuốc thang khăn-vái Phật Trời.
 Nguyên sửa lòng ắt Phật giúp đời,
 Xuống phước rộng từ-bi hi-xả.
 Đấng Thần-Minh công bình trực dạ,
 Đâu ăn lo đổi họa làm may.

Mở tâm linh nghĩ đến đoạn này,
 Điều họa phước ấy cơ báo ứng.
 Chẳng biết thân còn toan chứa đựng,
 Quả bất lành chưa trả vay thêm.
 Cầu cho đời sóng lặng gió êm,
 580 Đặng bá-tánh an nhàn tu niệm.
 Ác thứ tám là lòng **Tham Hiểm**,
 Muốn bao gồm của thể một mình.
 Tham nhà cao, cửa rộng, thân vinh,
 Tham vườn ruộng cò bay thẳng kiếng.
 Thấy của người thềm khô nước miếng,
 Tính làm sao lường gạt lấy đi.
 Sẵn túi tham bất cứ chuyện gì,
 Dầu xấu tốt cũng là đôn chứa.
 Nhớ lời Phật khi xưa dạy sửa,
 590 Của thể trần như mật dính dao.
 Trẻ tham ăn kê miệng liếm vào,
 Chừng dứt lưỡi mới là hối-hận.
 Tham của tạm làm điều tàn-nhẫn,
 Nhắm mắt rồi đâu có mang theo.
 Tham tiền tài thường vướng nạn eo,
 Tham sắc đẹp nhà tan cửa nát.
 Lúc tận số năm trơ một xác,
 Gẫm kim-tiền bội-bạc bất tài.
 Không làm cho ta được sống dai,
 600 Lại chẳng bước tiến đưa một bước.
 Thà nghèo thanh hơn giàu mà trước,
 Lo vun-trồng cội phước về sau.
 Muốn trừ tham phải liệu cách nào,
 Phải bố-thí diệt lòng ích-kỷ.
 Tâm chánh niệm thường thường suy nghĩ,
 Vật ở trần như bọt nước làn mây.
 Thân ta còn rày đó mai đây,
 Của ấy cũng khi tan khi hiệp.
 Ác thứ chín **Hận-Sân** luận tiếp,
 610 Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng.
 Nổi lòi đình đầu có định chừng,
 Cho ta biết mà toan giữ trước.
 Tánh sân-nộ thường làm bạo-ngược,
 Nên loài người ở cõi thế-gian.

Giận hờn nhau thù-oán dẫy tràn,
 Mới có cuộc tranh tài đấu lực.
 Hờn tự-đắc, khoe-khoang đồng sức,
 Phải bị người hềm-khích ghét-ganh.
 Thua hổ-người làm chuyện bất lành,
 620 Gây nghiệp dữ oan oan tương báo.
 Trong cơn giận kể gì nơn đao,
 Tỷ như con cọp dữ trên rừng.
 Gặp thịt toan cấu xé từng bưng,
 Phân tử mảnh mới là thỏa dạ.
 Diệt được nó tâm trần thông-thả,
 Ta thường nên tập tánh khoan-dung.
 Thiệt-hành đi đừng có ngại-ngùng,
 Tha-thứ kẻ lỗi lầm ngu-xuẩn.
 Và nhẫn-nhịn đừng ham tranh-luận,
 630 Khỏi mất lòng tất cả mọi người.
 Tánh thuần lương vẻ mặt vui tươi,
 Vây mới đáng tín-đồ Phật-Giáo.
 Nay ta đã quy-y cầu Đạo,
 Gây-gỗ là trái thuyết từ-bi.
 Ác thứ mười đoạn chót **Mê-Si**,
 Nguyên tâm-tối từ hồi vô thi.
 Màn vô-minh che mờ căn trí,
 Nên thường khi nhận nguy làm chơ.
 Lo huyễn thân vật-chất kém hơn,
 640 Chẳng tìm biết tinh-thần đạo-đức.
 Dệt lưới nghi đeo điều phiền-phức,
 Bịn-rịn đời cực-khổ tang-thương.
 Khi nói làm ít chịu suy lường,
 Mãi phạm tội nên rằng nghiệp ác.
 Diệt mê-si phải nương thuyền giác,
 Muốn việc làm chính-trực khôn-ngoan.
 Đừng bạ đâu tin bướng nghe càn,
 Làm ngu-muội đọa thân uổng kiếp.
 Ác trừ xong hiện ra thiện nghiệp,
 650 Lóng nguồn chơn Phật tiếp-dẫn cho.
 Trồng cây lành vị-quả thơm-tho,
 Tuy không thấy mà sau chẳng mất.
 Dầu ai có cười ta khờ-khật,
 Cũng đừng phiền xao-lãng chơn tâm.

Mong tiếng kêu thấu đến Tòng-lâm,
 Cùng thiện-tín bá-gia hưởng ứng.
 Muốn Phật-Giáo từ đây bền vững,
 Đừng riêng lo lợi-dưỡng một mình.
 Nếu xuất-gia thì phải hy-sinh,
 660 Cả vật-chất tinh-thần lo Đạo.
 Chớ giả-dối mà mang sắc áo,
 Mượn bồ-đề chuỗi hột lèo người.
 Làm cho dân khinh-dể ngạo cười,
 Tội-lỗi ấy luật nào dung thứ.
 Tu còn ham chạy to đám bụi,
 Đặt thế-gian dựng cúng bạc tiền.
 Dối rằng : lo tu-bổ chùa chiền,
 Mà làm của xài riêng cho thỏa.
 670 Bảo làm sao dân không sa-ngã,
 Nghe lời rù Tông nọ phái kia.
 Cả tăng-đồ trong nước chia-liã,
 Riêng pháp-bảo, riêng chùa, riêng Phật.
 Trong bá-tánh sầu-thành chất-ngất,
 Mãi nghi nan chẳng biết đàng nào.
 Lòng mền yêu chẳng nệ công-lao,
 Mượn bút mực đôi lời trần thuyết.
 Tùy thiện-tín hiểu Ta giả thiệt,
 Làm hay không chẳng dám ép nài.
 680 Nguyên mười phương chư Phật đáo lai,
 Đồng tiếp-dẫn chúng-sanh giải-thoát.

KÊ:

Đêm thanh hiên nguyệt dựa kê,
 Nhìn xem thế-sự nã-nề tâm-can.
 Từ Ta nương chốn Phật-đàng,
 Dứt tâm trần-cấu chẳng màng vinh-huê.
 Trần-hoàn thiện-tín còn mê,
 Thêm lời giục-thúc gọi về đàng tu.
 Dốc lòng vạch ngút mây-mù,
 Đặt dìu bá-tánh đường tu chen vào.
 Lời Thầy cạn tỏ âm-hao,
 690 Để truyền hậu-thế vàng thau lọc-lừa.
 Tu cầu thuận gió hòa mưa,

An-hòa nhơn-vật phước thừa trời ban.
 Tu cầu thoát chốn gian-nan,
 Cầu trong chư quốc chư bang giao-hòa
 Tu cầu yên nước lợi nhà,
 Cửu-huyền Thất-tổ Diêm-La thoát hình.
 Tu cầu Phật hóa tánh tình,
 Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu-dao.
 Tu cầu cửa Phật đặt vào
 700 Gót sen thông-thả xiết bao thanh-nhàn.
 Tu cầu bịnh tật tiêu-tan,
 Từ-bi hi-xả Phật ban phép lành.
 Tu cầu thoát khỏi tử sanh,
 Nương theo Phật-Quốc lời lành hằng nghe.
 Cõi trần đừng đắm ngựa xe,
 Đeo tuồng mộng-huyễn lập-lòe sắc hương.
 Tu cầu trăm họ hiền lương,
 Đồng tinh niệם Phật tai-ương chẳng còn.
 Tu cầu gia-đạo vuông tròn,
 710 Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền.
 Tu cầu thoát khỏi xích-xiêng,
 Dựa kê chơn Phật xa miền trần-lao.
 Tu cầu chóng hết binh đao,
 Gặp đời bình trị xiết bao vui-vầy
 Mắt nhìn chư Phật đông đầy,
 Thành vàng điện ngọc trò Thầy đấng tiên.
 Ai mà muốn đặt phước-duyên,
 Nghe lời khuyến-thiện lòng liền phát tâm.
 Tu cho rõ mỗi huyền-thâm,
 720 Qui đầu Phật-Pháp khỏi lâm tai-nàn.
 Phước đức quý hơn bạc vàng,
 Những người bạc-ác giàu sang ích gì.
 Chi bằng ăn ở nhu-mì,
 Nghe lời Phật Thánh kính vì người trên.
 Hiểu-trung lòng chớ vội quên,
 Sống lo trọn Đạo, thác lên Tiên-Đài.
 Nam-mô miệng niệם hằng ngày,
 Lánh lời dua-mị học rày kẻ kinh.
 Trau tâm luyện tánh cho minh,
 730 Chuyên lo niệם Phật sửa mình cho trôn.
 Lóng tai nghe rõ tiếng đồn,

Không dây không phím oán hờn cũng không.
 Đờn tây rồi lại đờn đông,
 Trách trong bá-tánh gặp sông quên nguồn.
 Phàm-trần như chỉ rối cuộn,
 Mà còn say-đắm theo tuồng lẳng-lơ.
 Lời lành mắt lấp tai ngơ,
 Đua theo vật-chất hăng-hờ đàng tiên.
 Hồ sâu tình-dục lại ghiền,
 740 Ghiền cho đến lúc chúng khiêng quan-tài.
 Nhắm mắt cũng nắm hai tay,
 Đâu đem tiền của đem rày hầu non.
 Chỉ có tội phước hời còn,
 Đến nơi thắm-phán cửa son Diêm-Đài.
 Phước nhiều tiên-cảnh lên rày,
 Tội nhiều sa-đọa nhiều ngày thảm-thê.
 Chừng ấy mới biết chĩnh ghê,
 Ăn-năn chẳng kịp khó bề tính-toan.
 Ngày nay sớm đến Phật-đàng,
 750 Tu cầu chư Phật cứu an linh-hồn.
 Tội tiêu phước hưởng trường-tồn,
 Không còn mắc nẻo đại-khôn luân-hồi.
 Thấy đời khó nổi yên ngơi,
 Thêm lời Thầy nhắc một hồi thấp cao.
 Nữ nam muốn rõ âm-hao,
 756 Rán traу đức-hạnh ngày sau sẽ tường.

*Ngôn-từ đạo hạnh ý Thầy khuyên,
 Hạnh đức ân-cần rán tập chuyên.
 Thất-tổ Cửu-huyền nơi chín suối,
 Mĩa-mai xa lánh sáu đường duyên.*

Vô thượng thậm thâm dĩ ý truyền,
Danh ngôn chép để rạch đàng Tiên.
Cư gia Tịnh-Độ tâm viên-mãn,
Sĩ xuất văn-từ dốc dạy khuyên.

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT
 (tam niệm)
 NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.

*[Hiệu chính: Ghi theo ấn bản 1966 "Tâm **súc nhỏ**...".
 [1] Có ấn bản ghi: "Tâm **súc nhỏ** còn làm nên kén"].*

QUYỂN SÁU

Cách Tu Hiền và Sự Ăn Ở
 Của Một Người Bổn Đạo

(Do Đức Thầy viết hồi tháng 5 dl 1945 tại Sài-gòn)

NHỮNG ĐIỀU SƠ LƯỢC CẦN BIẾT CỦA KẸ TU-HIỀN

(Đây là quyển thứ sáu mà Đức Thầy
đã viết hồi tháng 5 dl 1945 tại Sài Gòn)



Đạo Phật từ xưa đến nay luôn luôn phân làm hai hạng người:

- 1- Hạng xuất-gia,
- 2- Hạng tại-gia.

LỜI NÓI ĐẦU

Năm năm trường xa cách, cái chánh-sách áp bức tôn-giáo
gắt-gao của người Pháp làm cho tôi không được gần-gũi các người
hầu giải bày tường tận tôn-chỉ hành Đạo của tôi.

Ấy không phải vì tôi cố ý muốn xa-lánh các người, song chẳng
qua vì sự bắt-buộc của kẻ cường-quyền nên tôi và các người
không được trực-tiếp cùng nhau. Tuy nhiên cũng có lắm thiện-nam
tín-nữ rất trung-thành, một lòng gìn Đạo. Nhưng gần đây có vài kẻ
hiểu lầm, hành-động một vài điều không hợp với tinh-thần đạo-
đức, trái chủ-nghĩa từ-bi bác-ái và sự cao-thượng của giáo-pháp
nhà Phật. Thế nên điều ấy làm cho quyển sách nhỏ này ra đời. Vậy
từ nay trở đi tôi ước mong rằng với vài điều sơ-lược kể ra sau đây,
toàn thể thiện-nam tín-nữ trong Đạo sẽ dùng trí-tuệ mình, suy-
gẫm gìn-giữ ăn ở theo quy-tắc đã định, đặng tránh những việc
đáng tiếc xảy ra, hầu giữ tròn danh-giá của Đạo Phật. Như thế
chẳng phụ công ơn của Đức Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni đã khai sáng
Đạo Phật và đã dìu-dắt quần-sanh tầm đường giải-thoát.

HẠNG XUẤT GIA: Gồm có các nhà sư hay những ni-cô đã
hoàn-toàn ly-khai với gia-đình, quê hương, bè-bạn, dựa thân vào
cửa Thiền hoặc núi non am-cốc, hằng ngày chỉ chuyên lo kinh-kệ,
săn-sóc cảnh đà-lam, trau-luyện đức lành, dồi mài trí-tuệ hầu
giảng giải cho bá-tánh, thập phương nghe để quày đầu hướng
thiện qui-y Phật pháp, không còn thiết đến việc đời. Gia-đình nhà-
cửa của nhà sư là cả thế-gian, thân quyến nhà sư là khắp cả nhân-
loại đại-đồng.

Đó là hạng người dốc tu cho mau thành Phật-quả thoát kiếp
luân-hồi.

HẠNG TẠI GIA: Gồm tất cả đại-chúng, tất cả thiện-nam tín-nữ
chưa đủ những điều-kiện xuất-gia, vì cảm thấy mình còn nặng nợ
với non sông tổ-quốc, với gia-đình, với đồng-bào xã-hội, nên chưa
thể làm như các nhà sư hay ni-cô đặng. Tuy vậy họ cũng sẵn-sàng
hoan-nghinh ca-tụng lý-tưởng từ-bi bác-ái đại-đồng của nhà Phật
và luật Nhân-quả do Phật thuyết ra. Thế nên ở tại nhà, họ phượng
thờ Đức Phật, phát nguyện qui-y, giữ-gìn ít điều giới-luật, hằng coi
kinh sách, sửa tánh, răn lòng, ủng-hộ các sư. Như thế họ cũng lần
lần lên con đường giải-thoát.

Đây là hạng người học Phật tu Nhân.

Bàn xét như trên, thấy rằng toàn-thể trong Đạo chúng ta
thuộc hạng tại gia cư-sĩ, học Phật tu Nhân vậy.

Sách xưa có câu: "Thiên kinh vạn điển hiểu nghĩa vi tiên"
(muôn vạn quyển kinh của Phật Thánh Tiên đều dạy sự hiểu-nghĩa

làm đầu). Hôm nay đã qui-y đầu Phật, tu-niệm tại-gia, ta hãy cố gắng vưng lời Thầy, Tổ đã dạy, lo tròn câu hiếu-nghĩa.

Đức Phật Thầy Tây-An thuở xưa thường khuyến-khích các môn-nhơn đệ-tử rằng: Muốn làm xong hiếu nghĩa có bốn điều ân ta cần phải hy-sinh gắng-gỗ mới mong làm trọn:

- 1- Ân Tổ-Tiên cha mẹ,
- 2- Ân Đất-Nước,
- 3- Ân Tam-Bảo,
- 4- Ân Đồng-Bào và Nhơn-Loại (với kẻ xuất-gia thì ân đàn-na thí-chủ).

ÂN TỔ-TIÊN CHA MẸ: Ta sanh ra cõi đời được có hình-hài để hoạt động từ thuở bé cho đến lúc trưởng thành, đủ trí khôn ngoan, trong khoảng bao nhiêu năm trường ấy, cha mẹ ta chịu biết bao khổ nhọc; nhưng sanh ra cha mẹ là nhờ có tổ-tiên, nên khi biết ơn cha mẹ, cũng có bốn phận biết ơn tổ-tiên nữa.

Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ còn sanh-tiền, có dạy ta điều hay lẽ phải ta rán chăm-chỉ nghe lời, chớ nên xao-lãng làm phiền lòng cha mẹ. Nếu cha mẹ có làm điều gì lầm lẫn trái với nhân-đạo, ta rán hết sức tìm cách khuyên-lơn ngăn-cản. Chẳng thế, ta còn phải lo nuôi dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bệnh-hoạn ốm-đau, gây sự hòa-hảo trong huynh đệ, tạo hạnh-phúc cho gia-đình, cho cha mẹ vui lòng thỏa-mãn. Rán cầu cho cha mẹ được hưởng điều phúc thọ. Lúc cha mẹ quá vãng, hãy tu cầu cho linh hồn được siêu-thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm-luân.

Còn đền ơn tổ-tiên, đừng làm điều gì tội tệ, điểm nhục tông-môn, nếu tổ-tiên có làm điều gì sai lầm, gieo họa đau-thương lại cho con cháu, ta phải quyết chí tu cầu và hy-sinh đời ta làm điều đạo nghĩa, rửa nhục tổ-đường.

ÂN ĐẤT-NƯỚC: Sanh ra, ta phải nhờ Tổ-tiên, cha mẹ, sống ta cũng phải nhờ đất-nước, quê-hương. Hưởng những tấc đất, ăn những ngọn rau, muốn cho sự sống được dễ-dàng, giống nòi được truyền-thụ, ta cảm thấy bốn-phận phải bảo vệ đất-nước khi bị kẻ xâm-lãng giày đạp. Rán nâng- đỡ xứ sở quê-hương lúc nghiêng-nghèo, và làm cho được trở nên cường-thạnh. Rán cứu-cấp nước nhà khi bị kẻ ngoài thống trị. Bờ-cối vững lạng thân ta mới yên, quốc-gia mạnh giàu mình ta mới ấm.

Hãy tùy tài tùy sức, nỗ lực hy-sinh cho xứ-sở. Thàng như không đủ tài-lực đảm-đương việc lớn, chưa gặp thời-cơ giúp đỡ

quê-hương, ta phải rán tránh đừng làm việc gì sơ-xuất đến nỗi làm cho nước nhà đau khổ, và đừng giúp sức cho kẻ ngoại địch gây sự tổn hại đến đất-nước.

Đó là ta đền ơn cho đất-nước vậy.

ÂN TAM-BẢO: Tam-Bảo là gì ? - Tức Phật, Pháp, Tăng.

Con người nhờ tổ-tiên cha mẹ sanh ra nuôi dưỡng, nhờ đất-nước tạo kiếp sống cho mình. Ấy về phương diện vật chất.

Về phương-diện tinh-thần, con người cần nhờ đến sự giúp đỡ của Phật, Pháp, Tăng khai mở trí óc cho sáng-suốt. Phật là đấng toàn thiện, toàn mỹ, bác-ái vô cùng, quyết cứu vớt sanh-linh ra khỏi trầm-luân khổ-hải. Thế nên Ngài mới truyền lại giáo pháp, tức là những lời chỉ dạy cho các chư tăng, đặng đem nền Đạo cả của Ngài ban bố khắp trần-thế. Các chư tăng chẳng ai lạ hơn những đại đệ-tử của Đức Phật vậy. Bởi vì Đức Phật luôn luôn chỉ dẫn và cứu vớt quần sanh thoát miền mê khổ, nên ta hãy kính trọng Phật, hãy tin-tưởng và tín-nhiệm vào sự-nghiệp cứu đời của Ngài, làm theo những điều chỉ dạy do các chư tăng cho biết. Tổ tiên ta đã hiểu rõ sự nhiệm-mầu, lòng quảng-ái của Phật đối với chúng-sanh, đã kính trọng sùng-bái Ngài, đã hành-động đúng theo khuôn-khổ Ngài đã dạy và đã vun trồng bồi đắp cho nền Đạo được phát-triển thêm ra, xây dựng một tòa lâu đài Đạo-hạnh vô thượng vô song, roi truyền mãi mãi với hậu thế.

Nên bốn-phận chúng ta phải noi theo chí đức của tiền-nhân hầu làm cho trí-tuệ minh-mẫn đặng đi đến con đường giải-thoát, dẫn dắt giùm những kẻ sa-cơ và nhút là phải tiếp-tục khai thông nền Đạo-đức đặng cái tinh-thần từ-bi bác-ái được gieo rải khắp nơi nơi trong bá-tánh. Như thế, mới chẳng phụ công-trình vĩ-đại của Đức Phật và của tiền-nhân để lại và không đắc tội với kẻ đời sau vậy.

ÂN ĐỒNG-BÀO VÀ NHÂN-LOẠI : Con người vừa mở mắt chào đời đã thấy mình phải nhờ đến sự giúp-đỡ những kẻ xung-quanh và cái niên-kỷ càng lớn thêm bao nhiêu, sự nhờ-nhối càng tuần-tự thêm nhiều chừng nấy.

Ta nhờ hột cơm của họ mới sống, nhờ miếng vải của họ mới ấm thân, nhờ cửa nhà của họ mới tránh cơn phong vũ. Vui-sống: ta đồng hưởng với họ. Hoạn-nạn: họ cùng chịu với ta.

Họ và ta cũng một màu da, cũng nói một thứ tiếng. Ta và họ hợp nhau thì thành lại làm một: ấy Quốc-gia đó. Họ là ai? Tức những người ta thường gọi bằng đồng-bào vậy.

Đồng-bào ta và ta cùng chung một chủng-tộc, cùng một nòi-giống roi truyền, cùng có những trang lịch-sử vẻ-vang oanh-liệt, cùng tương trợ lẫn nhau trong cơn nguy- biến, cùng chung phận-sự đào-tạo một tương-lai rực-rỡ trong bước tiền-đồ của giang-san đất nước. Đồng-bào ta và ta có một liên-quan mật-thiết, không thể rời nhau, chẳng thể chia nhau và chẳng khi nào có ta mà không có đồng-bào, hay có đồng-bào mà không có ta. Thế nên, ta phải rán giúp-đỡ họ hầu đáp đền cái ơn mà ta đã thọ trong muôn một.

Chẳng những thế thôi, ngoài đồng-bào, ta còn có thế-giới người đang cặm-cui cần-lao cung cấp những điều nhu-cần cần-thiết. Họ là nhân-loại, là những người đang sanh sống với chúng ta trên quả địa-cầu. Nếu không có nhân-loại, thử hỏi dân-tộc ta ra như thế nào? Ta có đủ vật-liệu để dùng chẳng? Ta có thể tự-túc một cách đầy đủ chẳng? Nói tóm lại, ta có thể lẻ-loi đương đầu với những khi phong vũ nhiệt hàn, với những lúc ốm-đau, nguy-biến, giữ vững cuộc sống còn này chẳng? Hẳn không vậy. Thế nên dân-tộc ta phải nhờ đến Nhân-loại, nghĩa là nhờ đến dân-tộc khác và phải biết ơn họ. Hãy nghĩ đến họ cũng như mình nghĩ đến mình và đồng-chúng mình (vậy).

Vả lại cái tình tử-bi bác-ái của Đức Phật mà ta đã nhận thức, rất thâm-huyền quảng-huộ. Cái tình ấy, nó không bến không bờ, không phân-biệt màu da, không phân-biệt chủng-tộc; nó cũng không luận sang hèn và xóa bỏ hết các tầng lớp đẳng cấp xã-hội, mà chỉ đặt vào một: Nhân-loại Chúng-sanh.

Thế, ta không có lý do gì chánh đáng để vì mình hay vì đồng-bào mình gây ra tai hại cho các dân-tộc khác. Trái lại, hãy đặt vào họ một tư-tưởng nhân-hòa, một tinh-thần hi-xả và hãy tự xem mình có bổn-phận giúp đỡ họ trong cơn hoạn nạn.

Đối với những kẻ xuất-gia qui-y đầu Phật, phụ vào những ân-huệ đã thọ như đã nói trên, họ còn phải trực-tiếp chịu ân của các đàn-na thí-chủ, nghĩa là những thiện-nam tín-nữ có hảo tâm cung-cấp những vật dụng cần-thiết cho họ. Họ nhờ đến hột cơm, đến miếng vải, đến thuốc men đặng sanh sống. Rồi lại họ phải nhờ đến sự nuôi dưỡng hoàn-toàn của những kẻ tốt lòng.

Với quần-sanh, họ mang cái ân rất nặng, cho nên họ phải diu-dắt sinh linh đi tìm Chân-lý đặng đáp tạ tấm lòng chiếu-cổ của thiện-tín.

LUẬN VỀ TAM NGHIỆP

Sanh ra ở đời, con người dầu muốn hay dầu không, cũng phải chịu dưới sự chi-phối của định-luật thiên-nhiên. Định-luật ấy gồm vào một chữ Đạo, đạo của con người kêu bằng "Đạo-Nhân" và nó là một con đường đi đúng thì sống, bước trật tất chết.

Muốn làm tròn Nhân-Đạo, phải giữ vẹn tứ ân. Nhưng trước hết hãy tránh Tam-nghiệp và chừa Thập-ác, cũng như muốn làm giàu phải tránh đùng cho thiếu nợ.

Mỗi người đều có ba nghiệp chướng sau đây:

Thân nghiệp: (tội lỗi do xác-thân gây nên);

Khẩu nghiệp: (tội lỗi do miệng-lưỡi gây nên);

Ý nghiệp: (tội lỗi do ý-tưởng gây nên).

Ba nghiệp-chướng ấy khiến con người phạm mười điều ác kể ra dưới đây:

Thân-nghiệp sanh 3 điều ác:

- 1) Sát-sanh
- 2) Đạo-tặc
- 3) Tà-dâm

Khẩu-nghiệp sanh 4 điều ác:

- 1) Lừa-thiệt
- 2) Ý-ngôn
- 3) Ác-khẩu
- 4) Vọng-ngữ

Ý-nghiệp sanh 3 điều ác:

- 1) Tham-lam
- 2) Sân-nộ
- 3) Mê-si.

SÁT-SANH.-- Con người mới sanh ra ở đời đều có tánh hiền lành cả. Song đến lúc lớn khôn vì phải sống chung-chạ với thế-giới người hung-tàn bạo-ngược, tánh-nết liền ô-nhiễm những sự xấu-xa hèn kém, trở nên độc-ác dữ-dẫn.

Loài người giết nhau vì tiền-bạc, vì sắc đẹp, vì lợi-danh, vì quyền-thế, vì thù hềm, vì háo thắng... nghĩa là họ giết nhau vì sự ích-lợi của một người, của một nhóm người, của một đẳng cấp xã-

hội, của một quốc-gia; họ muốn tiêu-diệt tất cả nhân-loại, không một ai có quyền sống sanh cùng họ cả.

Tại trào-nội, sự mà vua coi bầy tôi như cỏ rác, bầy tôi sánh vua như thể địch thù đã làm nguyên-nhân cho biết bao cuộc tương-tàn tương-sát. Ngoài lê-thứ thì con giết mẹ cha, tở hại chủ, trò giết thầy, chồng vợ giết nhau, đệ huynh xâu-xé. Những cuộc tương tàn rất thường xảy ra trong nhân-loại không ngoài các lý-do đã kể trên. Đó là người đối với người.

Người đối với thú cầm, sanh-vật còn tàn nhẫn gấp mấy nữa: họ giết thú vật vì miếng ăn, vì sự dị-đoan mê-tín, vì sự vui thích. Đành rằng mình không thể dứt tuyệt giết các sanh vật (gà, vịt, heo...) để nuôi thân sống; nhưng chẳng khá dựa vào lý "vật dưỡng nhơn" (thú vật sanh ra đặng nuôi con người) mà giết nó một cách quá đáng. Chỉ cần dùng nó vừa đúng theo sự nhu-cầu cần-thiết của các món thực-phẩm mình thôi và không nên hoang phí hy-sinh nó, nếu sự hy-sinh ấy không ích lợi cho mình lắm. Nhút là chẳng khá giết các thú vật trong khi tế-lễ. Người ta tưởng rằng khi mình phạm tội với Thánh, Thần, Trời Đất có thể sát hại sanh vật cúng tế cầu cho tội-quả tiêu-trừ. Sự tin tưởng ấy rất sai lầm huyền-hoặc, vì đứng vào bậc siêu-hình cao-cả như chư-vị Thánh Thần, có lý nào vì một tình riêng làm sai chạy lẽ công. Khi gặp tai nạn bất ngờ hay rủi ro đau ốm, con người không chịu thuốc thang, khẩn vái Phật Trời cầu cho tai qua nạn khỏi, lại giết các thú vật tế Thần cúng Thánh, kêu cốt, kêu đồng. Họ không chịu tìm nguyên-nhân các sự họa-hoạn, không chịu tìm hiểu rằng những tai biến xảy ra đều do căn tiền báo quả hậu, và không chịu ăn-năn chừa lỗi, tạo-tác phước điền. Trong khi giết các thú vật đặng tế-lễ, họ đã phạm thêm một tội ác lúc họ chưa đền bồi các tội ác trước được.

Chẳng những vậy thôi, họ còn giết các thú-vật vì sự vui thích của mình; kẻ bắn chim đang bay trên trời, người chặt cá đang lội dưới nước. Họ bắt thú vật làm tấm bia cho họ nhắm trong những khi cao hứng, quên hẳn rằng sanh vật cũng có linh hồn, cũng có thân xác, cũng biết tìm lẽ sống còn như nhân-loại vậy.

Thế nên, hãy tha thứ cho chúng, hãy dung dưỡng chúng và nhút là đối với các gia-súc: trâu, bò, ngựa, chó, mèo... chẳng khá sát hại, vì chúng đã giúp ích cho ta trong các việc sanh hoạt hằng ngày.

Tóm lại, không có sự sát-sanh vô cơ nào có thể tha thứ được và trong những ngày chay-lạt hãy cứ hẳn.

ĐẠO-TẶC.-- Câu: "Bần cùng sanh đạo-tặc" cần phải là một câu chữa mình của bọn bất lương vô đạo. Những kẻ này ngày vẫn vợ đầu đường xó chợ, tối kiếm chỗ khoét vách đào tường, không làm muốn có ăn, không lo muốn có mặc. Lớp người cặn-bã của xã-hội này, sống ngoài vòng pháp luật, trốn nài trốn chui, phá rối sự an-ninh của dân chúng, chuyên lo giết người cướp của, đoạt giết tài-sản của lương dân, không nghĩ rằng phải tốn bao nhiêu giọt mồ-hôi, bao nhiêu dòng nước mắt mới làm ra được. Họ là giống sâu làm rầu nổi canh, là tội nhân gây ra những tai biến trong những gia-đình cần-lao kiệm-tiết, là nguyên-nhân của sự nghèo sự khó, họ phá-hoại hạnh phúc của con người.

Cơ-hàn đói khó, thay vì phải làm lụng như những kẻ khác mưu cuộc sống còn, họ gây cái lỗi này rồi đến cái lỗi khác, phạm tội này rồi tới tội nọ, tạo chẳng biết bao nhiêu chuyện bất lành cho nhân-chúng. Lưới trời tuy thưa nhưng khó lọt, những kẻ ấy dầu họ không bị luật hình của loài người phân xử, song cơ Trời cũng sẽ báo ứng đến những hành-vi đen tối, nếu họ không chịu ăn-năn chừa lỗi, sửa tánh tu thân, bỏ thói vô nghì lánh điều phi nghĩa.

TÀ-DÂM.-- "Muôn việc lành hiếu-thuận đứng đầu, ngàn việc dữ tà dâm đứng trước" Sách sử thường bảo như thế.

Lần dở xem sử sách, thời thấy tội ác ấy lan diễn khắp nơi, từ trào-nội cho đến thứ-dân, từ trong gia-đình cho đến kẻ xa người lạ; nó là mầm gây ra biết bao thảm trạng! Gương của vua Tề với vợ Thôi-Tử, An-lộc-sơn với Dương-quí-phi há chẳng còn lưu-liên hậu thế? Giàu ý của hiệp-dâm kẻ khó, quan ý quyền cường bức đám dân hèn. Gian-phu, dâm-phụ từ xưa đến nay luôn luôn đều có.

Muốn tránh sự bại hoại nền luân lý nước nhà, muốn giữ-gìn tiếng tăm của gia-thế, phải đừng để dục tình lôi-cuốn, bắt trước gương xưa trau-giồi lòng hiếu-trung trinh-tiết.

LƯỠNG-THIỆT.-- Đứng đầu các tội ác do miệng lưỡi gây ra, ác lưỡng-thiệt này đã làm duyên-cớ cho những sự hiểu lầm nhau, những sự cãi-và, gây-gổ sanh oán sanh thù. Sự phải của người thì bót, sự quấy của người thì thêm, cái lưỡi đã tạo những sự chia rẽ, những cuộc phân tranh, phá tan sự đoàn-kết, tình thân yêu giữa nhân-loại. Nó cũng là nguồn-cội của bao nhiêu bất hòa, hiểm-khích.

Để giải-trừ những tai-vạ ấy, phải giữ cho lời nói mình được thành thật chánh đáng được vậy trong hương-đàng mới bớt rầy-rà, ngoài xã-hội không điều xích-mích và mình cũng không còn chịu ác cảm, tránh sự miệt-khinh của kẻ khác.

Ỗ-NGÔN.-- Nói đến tội ác này tức là nói đến những vụ chủ ý quyền nhiễu xài tô tở, quan ý thế mắng chưởi dân ngu. Kẻ giàu có thường ý tiền bạc xài-xỉ người nghèo, kẻ xảo-quyết ý sự khôn lanh nói những điều thất thiệt, kẻ học thức ý sự khôn-ngoan dùng lời nói hạ nhục người dốt nát.

Hãy tránh những sự hiếp người như thế ấy, vì những kẻ dưới tay mình cũng có đầu óc, cũng biết nghĩ suy, nhưng tại họ bạc phước vô phần nên phải chịu lụy mình vậy. Nếu họ có lỗi lầm hãy dạy dỗ họ, dùng những cam ngôn mỹ từ, những lời trang nghiêm êm dịu chỉ bảo, không khá bao-biếm mà mang điều tội-lỗi.

ÁC-KHẨU.-- Những tiếng thề thốt, lỗ mắng, chưởi mắng tục-tăn làm ra tội này; con chưởi mẹ mắng cha, không kể luân-thường thảo hiếu; mạnh-bạo hăm-he đánh giết những kẻ yếu hèn, hiếp đáp xóm chòm cô bác. Mở miệng ra chưởi gió mắng mây, trù rủa gia-đình, không kiêng Thần Thánh. Tồi ngày kêu réo Phật Trời, mời thỉnh Long-cung, làm cho tội lỗi càng thêm chồng chập.

Hãy bỏ những tiếng tục-tăn thô-lỗ, làm cho đời sống được êm dịu thanh bay hơn. Đối với cha mẹ phải có lễ độ, với gia đình, với bà con cô bác, với xóm chòm quen thuộc, lời nói mình phải đoan trang nghiêm-chỉnh. Đối với con cháu trong nhà, không nên nói những điều ác đức; phải dùng lời nói dịu dàng hiền hậu dạy-dỗ chúng.

VỌNG-NGŨ.-- Thêm thừa huyễn-hoặc, có nói không, không nói có, ác vọng- ngử đã làm nguyên nhân cho những sự bất công của nhân-loại. Thương người nào kiếm cách bào-chữa, giấu-giếm sự quấy và theo-thừa sự tốt ra, ghét ai đặt điều nói xấu và che đậy cái điều phải của họ. Khoe-khoan tự- đắc, xảo-trá đa-ngôn, những kẻ điêu-ngoan làm cho thiên-hạ khinh-khi miệt-thị.

Muốn tránh những điều khiến cho tư-cách nhân quần phải bị giảm hạ, hãy tập tánh nói năng chân-chánh, bỏ lối láo-xược trớ-trêu. Chẳng nên tráo-chác với người, bỏ tiếng xảo-ngôn và phải dùng lời chơn-chất.

THAM-LAM.-- Tánh tham-lam đã làm cho loài người phải chịu bao nhiêu thảm khổ : Chiến-tranh, cướp bóc, giết người... Tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, tham quyền, tham thế... Những sự ấy đã xô đẩy con người vào chẳng biết bao nhiêu cuộc chiến-đấu ác-liệt, gây nên những thảm họa tày trời. Những tấn tuồng giặc giã, cướp của sát nhơn, những vụ hối lộ, những vụ tranh thế giành quyền đã làm cho nhân-sanh điêu-linh trong vòng tai nạn khốc hại. Cái tham ấy cũng đã làm cho con người đau buồn hận khổ, phải khóc đứng than ngồi, phải liều mình tự-sát chỉ vì sự ham muốn không được thực-hiện; người ta quên-sinh vì tình yêu, vì lợi quyền, vì thất trận... Những cuộc cấu xé lẫn nhau, những vụ nôi da xáo thịt, những tương sát tương tàn, những điều hung-hăng bạo-ác cũng do sự tham-lam mà ra cả. Ngày giờ nào loài người diệt được tánh ham muốn của mình, ngày giờ ấy bớt được một phần lớn của sự khổ. Và lại, ở đời phải có những lúc thăng trầm chìm nổi, có thì ta xài, không ta nhịn, can gì phải bày mưu tính kế chiếm đoạt của kẻ ngoài. Cửa là của chung trong thiên hạ, đời ta còn, nó còn ; đời ta mất, nó mất ; gương Thạch-Sùng, Vương-Khải há không để lại cho ta một bài học đích-đáng lắm ru? Thế nên hãy nghĩ đến người cũng như mình nghĩ đến mình, hãy dẹp lòng vị-kỷ tham lam, lo vun-trồng phước đức, bố thí kẻ nghèo hèn, rán công-phu sám-hối để có thể yên vui nơi miền Cực-Lạc, lánh sự giả tạm ở cõi trần này.

SÂN-NỘ.-- Tánh nóng-nảy thường xúi con người làm những chuyện bất-công sai phép, chém-giết oán-thù nhau. Kẻ thắng kiêu-hãnh, người bại hổ người, nên sự hềm thù càng lan rộng. "Giận mất khôn", cơn giận làm cho con người cuồng trí, mất sự tự chủ, trở nên dữ-dẫn bạo tợn, chẳng còn nghĩ đến việc công-bình, lẽ phải trái.

Diệt được nó tâm ta được thanh-thoại, trí ta được thông-thả. Hãy mở lượng khoan hồng dung tha kẻ lầm lỗi. Hãy nhẫn nhịn và chẳng nên cãi cọ tranh luận hơn thua làm cho nảy sanh ra những điều hềm-khích.

MÊ-SI.-- Tội ác này do sự thiếu óc phán-đoán; thiếu sự nghĩ suy mà ra; vì vậy con người ít hay phân biệt được lẽ phải trái, bỏ giữ thiếu kiến sai lầm, chẳng chịu nhìn-nhận chơn-lý, suốt cả đời ngu-muội, chỉ biết mê-man theo những vật nhỏ-nhen, mau tan,

mau rã, chỉ biết tin bướng làm càn, không tìm hiểu con đường giải-thoát.

Hãy xóa bỏ các điều mê-tín, qui-thuận theo tinh thần đạo-đức, lánh chốn mê-lắm tình cơn mộng-huyễn, phá tan màn vô-minh che mờ tâm trí, lần bước trên con đường đạo-hạnh, đi đến chỗ Bất-diệt, Bất-sanh.

LUẬN VỀ BÁT-CHÁNH

Trừ xong ba nghiệp chướng, hãy làm theo tám điều chánh, và sau khi diệt được thập ác rồi, tự nhiên mười điều lành hiện ra; như thế ta đã đi thêm được một bước trên con đường Đạo-hạnh. Nhưng sự tấn-bộ ấy không có nghĩa là đạt được mục-dịch. Thế nên, cần phải hành luôn Đạo Bát-Chánh tiếp theo, vì đó là quyển kinh nhật tụng của những ai muốn thoát chốn mê-đồ, tấn-triển trên đường Giải-Thoát.

Bát-Chánh gồm có:

- 1.- Chánh kiến
- 2.- Chánh tư-duy
- 3.- Chánh nghiệp
- 4.- Chánh tinh-tấn
- 5.- Chánh mạng
- 6.- Chánh ngữ
- 7.- Chánh niệm
- 8.- Chánh định.

CHÁNH KIẾN.- Chánh: đúng sự thật ; Kiến: thấy, xem xét. Chánh kiến: dòm thấy, xem xét đúng theo sự thật.

Phàm con người thường hay bị bản-ngã lôi cuốn, trí mờ-ám làm cho sai-chạy ít nhiều sự thật. Khi vì thiếu sự sáng-suốt, khi vì tư thù, khi vì lợi kỷ, khiến cho con người không biết đường ngay nẻo thẳng nên sự phán-đoán không công-bình chánh-đáng, làm cho kẻ khác chịu oan tình. Vì thế, mục Chánh Kiến dạy ta phải đem hết trí-năng truy-cứu các sự rắc rối, cẩn-thận xem xét tránh sự lạc lầm trong khi phê đoán bất cứ việc gì, đầu của mình hay của kẻ khác. Sự quan-sát cực-điểm, cách xét đoán tận tường, tránh cho ta những tà kiến (sự xem xét lầm lạc) sai chạy, khiến ta đẹp bản-ngã

đã làm cho trí-tuệ mịt mờ u-ám; giúp cho ta hiểu biết được rõ ràng, minh bạch, cách phán-đoán được ngay thẳng, công-bình.

Chẳng thế, nó còn giúp cho ta hiểu biết các điều tục-lụy trong trần, biết được lẽ nhiệm-mầu tôn-giáo, khiến ta xua đuổi các điều tà-mị, bỏ các sự say mê, trở về với đạo-lý, thoát đọa hồng-trần. Nó tránh cho ta tất cả sự giả dối và nhờ thế nên ta khỏi bị lạc lầm trong khi hành Đạo.

CHÁNH TƯ-DUY: Tư-tưởng chơn-chánh. Sinh ở trong trần con người thường hay bị các thị-dục cám-dỗ : lợi danh, quyền tước, nghĩa vợ tình chồng...; cái tư-tưởng đã rù quên tâm trí mãi mãi quay cuồng vào những sự ấy, không thể nào thoát-ly ra được. Ấy về phần tà.

Phần chánh dạy rằng: tâm cần phải bình, tánh cần phải tịnh, giữ tư-tưởng cho thanh-cao, trí rún tìm cái Chân-lý, Chân-lý ấy là cái Đạo của mình đối với nhân-loại, của mình đối với Trời-Phật, của mình đối với mình. Vì thế, hãy đặt tư-tưởng mình vào công cuộc tìm phương cứu giúp sanh-linh trong vòng trầm-luân oan-nghiệt. Hãy tin tưởng Phật Trời và cầu nguyện đấng Thiêng-liêng ban-bổ phước lành cho nhân-chúng. Hãy tìm con đường giải-thoát cho mình bằng cách lạc Đạo an bản, xả thân tu tịnh.

CHÁNH NGHIỆP : Việc làm chánh đáng ngay thẳng.

Đối với kẻ xuất-gia đầu Phật, ngoài những lúc tham thiền nhập-định, những khi trì tụng kinh hành, những khi đọc kinh viết sách, những lúc công-quả cho nhà Thiền, chẳng có làm việc chi có thể tạo thành ác nghiệp cả.

Những kẻ tại gia cư-sĩ, trái lại, còn cần phải lo kẻ sinh-nhai, mưu cuộc sống còn: kẻ buôn tảo bán tần, người việc này việc nọ, tóm lại cũng tại vì xác thân mà ra cả. Tuy nhiên, đầu đời sống của họ có bị sự sinh nhai chi-phối, song cái chi-phối ấy khác hẳn với kẻ gian-tà đạo-tặc, chẳng có làm việc gì xảo-trá bất nhân. Trong cuộc mưu cầu cho lẽ sống, họ cũng nguyện bỏ những nghề nghiệp gây tai hại cho con người: nuôi điếm, bán á-phiện, buôn rượu, đầu-cơ, cho vay cắt cổ, v.v...

Đành rằng những người buôn bán ấy không có ép buộc bạn hàng, song tại có họ làm các nghề-nghiệp ấy, con người mới bị hư-hỏng, truy-lạc, hoang-đàng, trà đình tửu-điếm... Họ là đồng lõa mà phạm nhân là những kẻ nghiện-ngập say-sưa.

Thế nên mục Chánh-nghiệp răn cấm chúng ta làm các nghề ấy.

Kẻ tại gia cư-sĩ cũng chẳng sát hại vô cơ các sanh-vật, hoặc không đánh đập chém đâm ai có thể gây ra nhiều điều tội lỗi.

CHÁNH TINH-TẤN : Tín-ngưỡng chơn-chánh và lướt tới.

Phái vô-thần-luận thường cho rằng thân xác tức là con người. Thân còn tức là người còn, thân mất, người mất. Không có Thánh, Thần, Trời, Phật, không quả-báo luân-hồi; cũng chẳng có tội, có phước, có vía, có hồn. Đời là thân xác con người, sống là tranh đấu, mạnh được yếu thua. Thế nên biết bao nhiêu mảnh-khóc gian-hùng, bao nhiêu ngón điêu-ngoa xảo-trá, bao nhiêu tàn-bạo ngược-ngang đều được đem ra dùng cả thảy.

Vì vậy, mục chánh tinh-tấn này khuyên hãy rán giữ đức-tin cho mạnh-mẽ. Dầu các thị dục có lớn-lao thế mấy, dầu cho có sức lực gì cảm dỗ hay bức bách bỏ lòng tín-ngưỡng Phật Trời đặng theo việc khác, các sự ấy cũng chẳng thế lôi kéo được. Và ta luôn luôn phải nhớ đến công cuộc cứu-vớt quần-sanh thoát nơi khổ-hải của Đức Thế-Tôn, phải nhớ rằng sanh-linh đang chìm đắm trong bể hồng-trần, rằng ngày giờ nào còn có kẻ trong chúng sanh chịu khổ, thì ta cũng phải khổ vì họ vậy, rằng ta có cái bốn phạm giới ngộ trần-gian bỏ những oan trái luân-hồi cay-nghiệt. Muốn thế trước hết phải tìm phương tự-giác, nhằm cảnh Niết-Bàn tấn tới; quyết chí tu hành đắc thành Đạo quả hầu dắt-dìu bá-tánh thập phương xa miền tục-lụy. Người bỏ hết các sự rầu buồn các điều tà-vạy, dẹp lục-căn, lục-trần và rán làm cho tinh-thần được thêm sáng-suốt, rèn luyện các đức tánh cho thiện-mỹ: yên-tịnh, hi-lạc, nghiêm-trang quyết gắng công phu, một lòng bước tới Niết-Bàn đặng có tế-độ chúng-sanh thoát khỏi luân-hồi quả-báo.

CHÁNH MẠNG: Sanh-mạng chơn-chánh, trong sạch.

Ở đời, người ta hay lấy xác thân mình làm gốc và hay quý trọng săn-sóc nó. Ấy cũng do lục căn mà ra: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Mắt ưa xem sắc đẹp, tai ưa nghe tiếng hay, mũi ưa ngửi hương thơm, lưỡi ưa đồ ngon béo, thân ưa sự sung-sướng, ý ưa chức-phận cao.

Người ta tìm đủ phương-thế bổ dưỡng thân xác mình, làm cho trí-tuệ càng ngày càng thêm mờ ám, ngu đần, không còn lo-lắng đến sự tiêu-diệt.

Thế nên, hãy xa lánh những điều làm tinh-thần bị đen tối ; bỏ hết đài-các xa-hoa, thân mình tự-chủ để tìm chỗ bất diệt bất sanh ; thiền định đặt làm thể, trí-tuệ đặt làm mạng, linh hồn nhập Liên-hoa, siêu-sanh vào cõi Niết-Bàn.

CHÁNH NGŨ : Lời nói chơn thật.

Lục-căn làm cho con người nhiễm lục-trần.

Vì muốn nuôi dưỡng xác thân nên mới sanh ra các điều ham-hố là nguồn-cội các tội lỗi. Trong những tội lỗi ấy cũng có nghiệp-chướng của miệng lưỡi: Lưỡng-thiệt (làm cho thiên-hạ bất hòa nhau), Ý-ngôn (lời chưởi mắng kẻ dưới tay), Ác-khẩu (tiếng độc ác tục-tẩn, chưởi rủa Thần Thánh), Vọng ngữ (nói láo, nói huyễn-hoặc).

Hãy tập lời nói mình cho chơn chánh, đúng với sự thật; hãy bỏ hết những xảo ngôn tráo-chác, những tiếng thô-lỗ cộc-cằn, phạm những khi bàn luận việc chi, phải nói tỏ tường ngay thẳng. Đối với kẻ dưới bề trên, lời nói phải cho hiền-lương đức-hạnh và những sự khuyên dạy chỉ bảo kẻ khác làm theo lẽ phải đều có ích-lợi cho chúng-sanh và đều hợp với tinh thần đạo-đức.

CHÁNH NIỆM: Ghi nhớ sự chơn-chánh.

Còn cũng tưởng, mất cũng tưởng, có cũng tưởng, không cũng tưởng, thành cũng tưởng, bại cũng tưởng, thương cũng tưởng, ghét cũng tưởng... Thất tình lục dục bắt buộc con người phải phí biết bao nhiêu tâm cơ, bao nhiêu trí-não phụng-sự nó. Danh lợi, cảm-tình, uy-quyền, phú-quí... được hằng ngày ghi nhớ. Vì thế con người mãi mãi lặn lộn trong sáu đường không thoát khỏi vòng sanh tử.

Để thoát chỗ luân-hồi bỏ cuộc đời lầm-than hoạn-họa, hãy rán tưởng-niệm phương pháp hành đạo, bỏ các điều phù-phiếm, ghi nhớ công-lao Đức Phật đối với quần-sanh, bia-tạc vào lòng những điều Phật giáo. Phải nhớ rằng xác thân do tứ-đại (đất, nước, lửa, khí) tạo thành và sớm muộn gì nó cũng sẽ bị tan rã. Đặng vậy, ta mới bỏ được các sự xúc-động, các mối dục tình tránh điều lụy khổ do nó gây nên.

CHÁNH ĐỊNH: Suy-gẫm chơn-chánh.

Con người thường hay có những ý định làm cho mình được sáng thêm lên, được giàu thêm lên, được sung-sướng thêm lên...

nghĩa là những ý-định hoàn-toàn nhỏ-nhen thấp-thỏi. Họ không hiểu rằng cuộc đời là giả tạm, nay vậy mai khác, thân-thể lạc-luân, của-cải gia-tài như đám phù-vân trước gió, nước bọt, mây bèo. Những cái Sanh, cái Bệnh, cái Lão, cái Tử được đặt lên cuộc đời của người này rồi đến người khác... rồi đến người khác nữa, nghĩa là tất cả nhân-loại không thiếu sót một ai. Thế mà, họ vẫn cuống-cuồng tâm trí theo bả lợi-danh, mùi phú-quí, đi theo những vật-vụn, tiểu-ti eo-hẹp.

Họ không chịu hiểu rằng ngoài kiếp phù-du của trần-thế, có cái gì không di không dịch, vĩnh-viễn trường tồn. Nếu lấy sự Thiên-định phá tan màn u-minh che phủ, thì thấy rằng ở cảnh ấy con người sẽ hết buồn hết khổ, hết quả báo luân-hồi. Và khi ta dùng sự chánh-định dẹp bỏ hết các sự phiền-não rầu buồn, phá tan các làn sóng thị-dục lôi kéo vào những nẻo tà, tâm ta chẳng còn xao động, trí ta tỏ rạng như trăng rằm, một màu sáng suốt, không nhiễm ô cảnh ngoại, dứt tuyệt hết sự phàm trần, lần bước đi đến cõi Giải-thoát .

*
**

CÁCH THỜ PHƯỢNG, HÀNH LỄ VÀ SỰ ĂN Ở CỦA MỘT TÍN ĐỒ P.G.H.H.



THỜ-PHƯỢNG

Từ trước đến nay, các chùa chiền đã tạo quá nhiều hình tượng. Đành rằng vì tôn kính đấng Từ-Bi mới làm ra thờ-phượng Ngài, nhưng cũng có kẻ lợi dụng để thủ lợi. Bây giờ chúng ta không nên tạo thêm nữa. Làm thế chúng ta không có ý hủy-báng sự phượng thờ của các chùa-chiền. Cách thờ phượng ấy tùy theo điều-kiện các sư mà chúng ta cũng có thể sùng-ngưỡng đặng. Nhưng riêng về cư-sĩ ở nhà không nên tạo thêm nữa; nên thờ đơn giản cho lòng tin-tưởng trở lại tâm hồn hơn ở vào sự hào nhoáng bề ngoài. Từ trước chúng ta thờ trần điều là di-tích của Đức Phật Thầy Tây-An để lại. Nhưng gần đây có nhiều kẻ thờ trần điều tự xưng cùng tông-phái với chúng ta, làm sái phép, sái với tôn-chỉ của Đức Phật, nên toàn-thể trong Đạo đổi lại màu dà. Lại nữa, từ trước đến giờ các sư dùng màu dà để biểu-hiện cho sự thoát tục của mình, và màu ấy là sự kết hợp của tất cả các màu sắc khác, nên có thể tượng trưng cho sự hòa-hiệp của nhân-loại không phân biệt chủng tộc và cá-nhân. Vì vậy chúng ta dùng nó trong chỗ thờ-phượng để tiêu-biểu cho tinh-thần vô thượng của nhà Phật.

Nếu trong nhà chật, nội bàn Thông-Thiên với một lư hương không cũng được, bởi vì sự tu hành cốt ở chỗ trau tâm tría tánh hơn là do sự lễ-bái ở ngoài. Còn người nào có cốt Phật trong nhà để vậy cũng đặng. Hình tượng bằng giấy không nên chừa lại và phải đốt đi. Kẻ nào phải ở chung đậu với người khác không có tu hiền hay không cùng một Đạo với mình hoặc nhà cửa nhỏ hẹp quá không có chỗ phượng thờ, thì đến giờ cúng kiếng chỉ vái thầm và niệm Phật trong tâm cũng đặng.

Hình-tượng bằng giấy không nên chừa lại và phải đốt đi. Kẻ nào phải ở chung đậu với người khác không có tu hiền hay không cùng một Đạo với mình hoặc nhà cửa nhỏ hẹp quá không có chỗ phượng-thờ, thì đến giờ cúng kiếng chỉ vái thầm và niệm Phật trong tâm cũng đặng.

Về cách cúng Phật, chỉ nên cúng nước lạnh, bông hoa và nhang thơm. Nước lạnh tiêu-biểu cho sự trong sạch, bông hoa tiêu-biểu cho sự tinh khiết, còn nhang, dùng đặng bán mùi uế-trược.

Ngoài ra chẳng nên cúng một món gì khác cả. Bàn thờ ông bà cúng món chi cũng đặng.

Ngoài sự thờ Phật, tổ-tiên, ông bà, cha mẹ và những vị anh hùng của đất nước, không nên thờ vị tà thần nào khác mà mình không rõ căn-tích.

HÀNH LỄ

Chỉ thờ lạy Đức Phật, Tổ-tiên, ông bà, cha mẹ lúc còn sống và các vị anh-hùng cứu quốc. Với những kẻ khác, nên bỏ hẳn sự lạy lục người sống, cho đến Thầy mình cũng vậy, chỉ xá thôi.

Tất cả các hành-động trong Đạo hay ngoài đời, trước khi làm điều gì phải tính toán một cách cẩn thận, đừng làm chuyện nông-cuồng vô ý thức. Một đừng ý lại vào kẻ mạnh, hai đừng ý lại vào sự cứu-vớt của Thần Thánh, ba đừng ý lại sự binh-vực của Thầy mình. Luôn luôn, lúc nào cũng phải nhớ câu Nhơn-Quả của Phật dạy, nếu Nhơn toàn thiện thì Quả cũng sẽ do đó được toàn thiện vậy. Kẻ nào hành-động nông-cuồng không suy-xét cẩn-thận để đến đời thất bại đem đến sự khó khăn, khổ-não rồi trách cứ kẻ mạnh sao không cứu mình, Thầy sao không giúp mình, Trời Phật sao không độ mình, thì sự lầm lạc ấy rất đáng thương hại.

Mỗi người hãy nên lấy trí thông-minh nhận xét đạo-lý hay lời nói của Thầy mình, chớ đừng lấy đức-tin thọ lãnh những lời nói đó trong khi mình chưa hỏi tường-tận. Như thế, mình mới có thể tấn-hóa trên con đường đạo-đức.

Những điều sơ-lược giải-thích trên đây, mong rằng toàn-thể trong Đạo suy-gẫm kỹ-càng và thực hiện để bài trừ sự mê-tín nông-cuồng của thiểu số người trong Đạo, làm cho tư-tưởng thiện-hòa của Phật-đạo được phát-triển mau chóng.

TANG LỄ

Lúc ông bà cha mẹ từ trần, tục để tang chúng ta vẫn giữ theo cổ lệ; chỉ cần sửa đổi các sự như sau đây:

Bây giờ chúng ta đã qui-y đầu Phật, thì phải do sự thành-tâm cầu-nguyện, và đem sức khẩn vái của anh chị em trong Đạo cầu nguyện cho vong linh người chết được siêu-sinh nơi cõi thọ. Chẳng nên rước những ông thầy dựng bông, đốt giấy-tiền vàng-bạc, xá phướn lâu kho, vì đó là chuyện tổn tiền vô ích, bởi vì người ta nhận-định rằng xác thịt là hư-hoại, thì trong lúc chết chỉ đem chôn cất cho kín đáo, đừng để hôi thúi có hại cho người sống, như thế là đủ rồi. Còn hiếu-sự do hồi còn sanh tiền và do sự tu hành, sự

thành tâm cầu nguyện chớ không phải có tiền rước người khác cầu nguyện mà đạt được hiểu-thuận hơn-nghĩa. Chỉ vọng bàn giữa nhà hay giữa trời cầu nguyện, rồi im-lặng đi chôn.

Về việc cúng kiếng ông bà cha mẹ, có chi cúng nầy trong những ngày kỷ-niệm theo như tục lệ. Còn về việc đãi đăng hương đăng thì tùy ý. Những điều nào xét ra giản tiện, ít lãng phí cứ làm.

CÁCH CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI CHẾT

Mỗi người đứng trước bàn Phật niệm "Nam-mô Bổn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật" (ba lần) và "Nam-Mô A-Di-Đà Phật" (ba lần).

Vái: *"Phật-Tổ, Phật-Thầy, nay mình thành tâm cầu nguyện cho tên (tên người chết), nhờ ơn Đức Phật từ-bi cứu-độ vong-linh được thoát chốn mê-đờ, vãng-sanh miền Cực-lạc!"*

Trong lúc ở nhà hay trong lúc đưa đám tang gì cũng vậy, nếu có tổ-chức sắp hàng chấp tay niệm : *"Nam-mô Tây phương Cực-lạc thế giới tam-thập lục vạn ức, nhứt thập nhứt vạn, cứu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu đại-tử đại-bi tiếp dẫn vong linh A-Di-Đà Phật"* (nếu người chết là nhà sư thì câu chót đọc : *"Tiếp dẫn đạo sư A-Di-Đà Phật"*) .

NÊN LƯU Ý: Tang-gia đừng nên khóc lóc làm trở-ngại sự siêu-thoát anh-linh của người chết.

HÔN-NHÂN

Bổn-phận cha mẹ phải chọn lựa đôi bạn cho con một cách xứng đáng bằng sự quan-sát tường tận về đức-tánh đôi trai gái. Không nên ép uống con mình quá đáng vì như thế làm cho khổn-khổ nó về sau, nhưng cũng không nên để chúng quá tự-do mà sự thiếu kinh-nghiệm làm cho đời chúng phải hư-hỏng.

Nên bỏ tục-lệ thách giá đòi tiền và đòi lễ-vật. Thông-gia hai bên không nên làm khó cho nhau. Cũng chẳng nên bày ra tiệc lễ linh-đình tốn kém nhiều tiền làm cho trở nên nghèo khổ.

NHỮNG ĐIỀU PHẢI TRÁNH HẸN HOẶC ĐƯỢC CHÂM-CHẾ HOẶC NÊN LÀM

UỐNG RƯỢU - Phải cữ tuyệt; nhưng khi có tiệc lễ với người ngoài và không phải nhằm ngày chay-lạt, có thể dùng một đôi chút rượu thật nhẹ để dùng có tỏ sự chia sẻ với kẻ ngoại Đạo. Nếu say-sưa sẽ phải tội-lỗi.

THUỐC PHIỆN - Phải cữ tuyệt không được hút một điếu nào hết. Những kẻ hút muốn vào Đạo, phải bỏ hút rồi mới được nhìn-nhận. Trừ ra những người đau mà thầy thuốc bảo phải dùng một chút ít hợp với các vị thuốc khác mới có thể châm-chế đặng.

CỜ BẠC - Phải cữ tuyệt; những kẻ cờ-bạc muốn vào Đạo phải thệ-nguyện bỏ cờ bạc rồi mới được nhìn-nhận. Về sự này, chẳng có cuộc vui nào có thể châm-chế đặng.

ĐỐI ĐÃI CÁC TĂNG-SƯ - Tất cả bốn-đạo nên cung kính các tăng-sư tu hành chân-chánh. Nếu các ông ấy có dạy điều chánh lý, phải nghe lời. Đối với những hạng tu hành mà mình biết rõ là dối thế (như mấy ông thầy đám...) hãy tìm cách khuyên can các ông trở lại con đường chân-chính của Đạo Phật. Nếu các ông vẫn tiếp-tục làm điều tà-mị, mình phải bài-trừ triệt để và giảng giải cho quần-chúng cùng những tín-đồ nhà Phật hiểu đặng xa lánh họ.

ĐỐI VỚI CHÙA CHIỀM - Những ngày vía của các Đức Phật, ngày rằm hay ba mươi, mình muốn đi chùa cũng tốt, đặng lễ Phật, dựng hoa, không có cấm. Nếu chùa nào nghèo, hư, rách, mà mình giúp-đỡ được càng tốt (có điều mình không nên mua sắm hình-tượng cho nhiều).

Khi đến chùa cũng phải tôn-trọng sự thờ-phượng trong chùa không nên hủy-báng.

ĐỐI VỚI CÁC TÔN-GIÁO KHÁC VÀ NHÂN SANH - Đối với những người theo tôn-giáo khác, không nên động chạm đến cách-thức tu hành của họ. Nhút là không ý đông hiếp-đáp hoặc nói xấu người ta. Nếu họ có làm dữ với mình, thì mình cũng chẳng được

phép vì sự dữ của họ mà trả thù, và phải luôn luôn làm lành với họ. Mình phải hoà hoà làm phải với những kẻ ấy, dầu họ có làm quấy với mình cũng mặc và phải nhẫn-nhịn họ.

Đối với nhân-sanh, bao giờ cũng phải hòa hợp với họ và làm cho đôi đàng có thiện cảm với nhau. Phải biết thương xót đến họ và nếu khi nào họ cần dùng, phải rán hết sức giúp đỡ họ.

ĐỂ TÓC - Tất cả bốn-đạo nên biết rằng Thầy không có buộc để tóc vì đó thuộc về phong-tục chớ chẳng phải về tôn-giáo; nhưng sở-dĩ Thầy để tóc là muốn giữ kỷ-niệm cái phong-tục cổ của Tổ Tiên và tỏ cho thiên hạ biết Thầy không chịu ảnh hưởng cái đời văn-minh cận-bã của phương Tây. Thấy vậy, nhiều người trong bốn đạo yêu mến Thầy liền bắt chước, vì thế số đông người hiểu lầm rằng để tóc là tu. Thật ra tu là tu, để tóc là để tóc, và tu không phải là để tóc, để tóc không phải là tu. Nếu để tóc mà không chịu trau tâm sửa tánh cũng chẳng phải là kẻ tu hành. Từ rày trở đi đã thoát được ách người Pháp và tùy theo phong-trào tiến-hóa của nước nhà, Thầy cho phép bốn-đạo tự-do cải-cách hầu hòa-hợp với lương dân cùng tôn-giáo khác.

SỰ HỌC - Sự học hành không làm trở-ngại cho đạo-đức. Trái lại, nhờ nó mình được biết rõ ràng giáo-lý cao-siêu của tôn-giáo. Nó tránh cho mình những sự lạc-lầm, bỏ các điều dị-đoan mê-tín. Nó làm cho mình dẹp bỏ những điều huyền-hoặc, không bàn bạc những chuyện xa vời (như tiên đoán thiên-cơ chẳng hạn...).

Vậy hãy tự mình học hỏi (học chữ quốc ngữ...) và hãy cho con cháu mình vào trường học tập đặng sự hiểu biết của chúng thêm rộng rãi. Và lại, sự hiểu biết về khoa-học không cản trở sự tu hành và nó giúp cho mình nghiên-cứu Phật Đạo một cách rành- rõ.

THỂ DỤC - Người trong bốn-đạo nam nữ bất-luận, phải giữ-gìn thân-thể cho khỏe mạnh. Như thế nên luyện-tập những môn thể-dục nào hợp với sức khỏe nếu mình muốn, bởi vì xác thịt có khỏe-mạnh tinh-thần mới sáng suốt, như vậy mình mới có thể làm sự đạo nghĩa một cách đắc lực.

ĂN Ở - Kẻ tu-hành ăn uống phải có điều-độ. Tránh những món ngon **song** nấu toàn đồ độc cho cơ-thể ăn vào sanh bệnh. [1] Phải giữ gìn thân thể sạch-sẽ và từ nhà cửa cho đến chỗ ăn, chỗ nằm, phải biết trọng vệ sinh. Bỏ những thói quen ăn ở dơ bẩn,

vì xác-thịt dơ dáy thì tinh-thần không thể nào mở-mang được, và vì Thần Thánh chỉ gần những kẻ trong sạch; nên nếu ai muốn được tiếp độ phải trong sạch vừa tinh-thần lẫn vật-chất.

CÁCH LÀM ĂN - Cách làm ăn phải y như trong mục Bát-Chánh đã dạy:
-- Bỏ những sự bất chánh: lường cân, tráo đấu, buôn lậu, đầu cơ, buôn rượu, bán thuốc phiện...
-- Làm những nghề lương-thiện, không có lường gạt ai, bỏ những thói gian xảo.

ĐIỀU-KIỆN VÀO ĐẠO - Người nào muốn quy-y phải có hai người bốn-đạo cũ, có đức hạnh tiến-cử và bảo-lãnh, đến Ban Trị-Sự trong làng cho người làm đầu biết và người làm đầu phải đọc hết thể lệ về sự tu hành cho người quy-y nghe, hỏi coi có bằng lòng quy-y như lời nguyện dạy và răn cấm trong Đạo chẳng. Nếu họ bằng lòng, biểu họ về nhà cho ông bà, cha mẹ biết, hoặc nguyện trước bàn thờ ông bà, tổ-tiên rằng: Ngày...tháng...con chịu quy-y theo Đạo. Sau đó, người làm đầu (Hội-Trưởng) cho cuốn sách nhỏ này. Chỗ nào không có Ban Trị-Sự, hai người bốn đạo cũ phải dìu-dắt người mới, rồi sau sẽ dẫn lên Ban Trị-Sự gần đó, không bắt buộc thề thốt chi hết, vì người muốn tu do nơi sự phát nguyện của mình thôi. Khi nào mình không muốn giữ Đạo, mình phải cho người tiến cử hay được bôi tên mình ra. Không người nào được phép xưng mình là người trong Đạo mà lại không giữ luật. Kẻ nào làm trái luật-lệ trong sự đạo-đức, dầu không xin thôi Đạo hay là chưa là chưa bị bôi tên cũng bị trách-nhiệm việc làm của họ và bị coi như người ngoại Đạo.

Nên nhớ rằng: Đức Phật sẽ dìu-dắt và ủng-hộ những kẻ nào làm ăn chơn thật, hiền lành đúng theo giáo-lý của Ngài; chứ không bao giờ Ngài lại ủng-hộ những kẻ gian tà xảo-quyệt, làm các việc hung ác nông-cuồng trái những lời mà Ngài đã chỉ dạy.

SỰ CÚNG LẠY CỦA NGƯỜI CƯ-SĨ TẠI-GIA

BÀI NGUYỆN TRƯỚC BÀN THỜ ÔNG BÀ

Cắm hương xá 3 xá, quỳ xuống chắp tay đưa lên trán nguyện:

Cúi kính dưng hương trước Cửu-Huyền,

Cầu trên Thất-Tổ chứng lòng thiêng.

Nay con tình-ngộ quy-y Phật,

Chỉ dốc tu hiền tạo phước-duyên.

Cắm hương rồi đứng ngay thẳng chắp tay vào ngực đọc tiếp:

Cúi đầu lạy tạ Tổ-Tông,

Báo ơn sanh-dưỡng dày công nhọc-nhăn.

Rày con xin giữ Đạo hằng,

Tu cầu Tông-Tổ siêu thăng Phật-đài.

Nguyện làm cho đẹp mặt mày,

Thoát nơi khổ hải Liên-đài được lên.

Mong nhờ Đức Cả bề trên,

Độ con yên-ổn vững bền cội tu.

(lạy 4 lạy)

BÀI NGUYỆN TRƯỚC BÀN THỜ PHẬT

Cắm hương xá 3 xá, quỳ xuống chắp tay đưa lên trán đọc bài Quy-Y:

Nam-mô Ta-Bà Giáo-Chủ Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật (tam niệm).

Nam-Mô Thập Phương Phật.

Nam-Mô Thập Phương Pháp.

Nam-Mô Thập Phương Tăng.

Nam-Mô Phật-Tổ, Phật-Thầy, Quan Thượng-Đẳng Đại thần, chư quan cựu thần, chư vị sơn-thần, chư vị Năm Non Bảy Núi, cảm-ứng chứng-minh, nay con nguyện cải-hối ăn-năn, làm lành lánh dữ, quy-y theo mẫu Ngài, tu hiền theo Phật Đạo.

Cắm hương lạy 4 lạy cũng được hoặc cắm hương đứng ngay thẳng chắp tay vào ngực đọc tiếp:

Nam-mô Tây-Phương Cực-Lạc thế giới Đại-tử Đại-bi phổ độ chúng-sanh A-Di-Đà Phật.

Nam-mô nhứt nguyện cầu: Thiên-Hoàng, Địa-Hoàng, Nhơn-Hoàng, Liên-Hoa hải-hội, thượng Phật từ-bi, Phật-vương độ chúng, thế-giới bình- an.

Nam-mô nhị nguyện cầu: Cửu-huyền Thất-tổ Tịnh-độ siêu-sanh.

Nam-mô tam nguyện cầu: Phụ-mẫu tại đường tăng long phước thọ, phụ-mẫu quá khứ trực vãng Tây-phương.

Nam-mô tứ nguyện cầu: Bá-tánh vạn dân từ-tâm bác-ái, giải-thoát mê-ly.

Nam-mô ngũ nguyện cầu: Phật-tổ, Phật Thầy từ-bi xá tội đệ-tử tiêu tai tịnh sự, trí-hệ thông-minh, giai đắc đạo quả.

Lạy 4 lạy rồi xá: 1 xá chính giữa niêm: Nam-Mô A-Di-Đà Phật.

1 xá bên trái niêm: Nam-Mô Đại-thế-Chí Bồ-tát.

1 xá bên mặt niêm: Nam-Mô Quan-thế-Âm Bồ-tát.

BÀN THÔNG THIÊN

Cầu nguyện bàn Phật xong, ra bàn Thông Thiên cầu nguyện 4 hướng (lấy bàn Thông Thiên làm hướng chánh) trước mặt, sau lưng, hai bên vai.

Hướng chánh bàn Thông Thiên có nguyện đọc bài Quy-Y, còn ba hướng kia chỉ đọc bài Tây-phương ngũ nguyện, (mỗi hướng đọc rồi lạy 4 lạy).

(Khi cầu nguyện nếu không thể lạy được thì xá 3 xá).

Lạy đứng hay lạy quỳ tùy theo lúc yếu mạnh.

NIỆM PHẬT

Cúng xong muốn niệm Phật cũng được. Ngồi bán già thẳng lưng niệm: *Nam-Mô A-Di-Đà Phật.*

Hay Niêm: Nam-mô Tây-phương Cực-lạc thế giới tam thập lục vạn ức, nhứt thập nhứt vạn, cứu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu đại-tử đại-bi phổ-độ chúng-sanh A-Di-Đà Phật.

(Niệm Phật nhiều ít tùy theo sức mình, lúc cầu-nguyện và niệm Phật chỉ niệm trong tâm).

Nam-Mô A-Di-Đà Phật, sáu chữ đi, đứng, nằm, ngồi, rán niệm chớ quên, không đợi gì thời-khắc.

KHI ĂN CƠM

Mỗi khi ăn cơm với mắm muối chi cũng vậy đều nguyện vái Cửu-huyền, Thất-Tổ, ông bà cha mẹ quá vãng về ăn với mình để tỏ lòng hiếu-thảo.

ĂN CHAY

Đến ngày đơm-quày có chi cúng nấy.

Ăn chay ngày 14-15, 29-30, tháng thiếu 29 và mồng 1, có nhang thì đốt, không có thì nguyện không.

Hằng năm đến ba ngày xuân nhứt thì ngày 29-30 và mồng 1 phải ăn chay, trong mấy ngày ăn chay phải cúng chay, qua đến ngày mồng 2 có chi cúng nầy cũng được, đến ngày mồng 3 ra mắt không nên sát-sanh loài vật mà cúng tế Trời Phật, chỉ dùng bông hoa mà cúng thôi .

ĐI XA NHÀ

Đi làm ruộng đến thời cúng, ngó về hướng Tây nguyện rồi xá 4 hướng. Còn đi xa nhà thì nguyện tưởng trong tâm cũng được.

LỜI KHUYÊN BỒN ĐẠO (Tám Điều Răn Cấm)



Khi đã coi giảng [2] thì phải tự xét mình và sửa-sang những thói hư tật xấu, mình lầm-lỗi thì rút bỏ và giữ những điều răn-cấm sau đây:

ĐIỀU THỨ NHỨT: Ta chẳng nên uống rượu, cờ-bạc, á-phiện, chơi bời theo đảng điểm, phải giữ cho tròn luân lý tam-cang ngũ-thường.

ĐIỀU THỨ NHÌ: Ta chẳng nên lười-biếng, phải cần-kiệm, sốt-sắng, lo làm ăn và lo tu-hiền chơn chất, chẳng nên gây-gỗ lẫn nhau, hãy tha-thứ tội-lỗi cho nhau trong khi nóng giận.

ĐIỀU THỨ BA: Ta chẳng nên ăn-xài chường dọn cho thái-quá và lợi-dụng tiền-tài mà đành quên nhơn-nghĩa và đạo-lý, đừng ích-kỷ và xu-phụng kẻ giàu sang, phụ người nghèo khó.

ĐIỀU THỨ TƯ: Ta chẳng nên kêu Trời, Phật, Thần, Thánh mà sai hay hoặc nguyện-rủa, vì Thần Thánh không can phạm đến ta.

ĐIỀU THỨ NĂM: Ta chẳng nên ăn thịt trâu, chó, bò và không nên sát-sanh hại vật mà cúng Thần Thánh nào, vì Thần Thánh không bao giờ dùng hối-lộ mà tha tội cho ta, vì nếu ta làm tội sẽ hưởng

tội, còn những hạng ăn đồ cúng kiếng mà làm hết bình là Tà-Thần; nếu ta cúng kiếng mãi thì nó ăn quen sẽ nhiều hại ta.

ĐIỀU THỨ SÁU: Ta không nên đốt giấy tiền vàng-bạc, giấy quần áo mà tốn tiền vô-lý, vì cõi Diêm-Vương không bao giờ ăn hối-lộ của ta, mà cũng không xài được nữa, phải để tiền lăng-phí ấy mà trợ cứu cho những người lỡ đường đói rách, tàn-tật.

ĐIỀU THỨ BẢY: Đứng trước mọi việc chi về sự đời hay đạo-đức, ta phải suy xét cho minh lý rồi sẽ phán-đoán việc ấy.

ĐIỀU THỨ TÁM: Tóm tắt, ta phải thương yêu lẫn nhau như con một cha, dìu-dắt lẫn nhau vào con đường đạo-đức, nếu ai giữ đặng trọn lành trọn sáng về nơi cõi Tây-Phương an-duỡng mà học Đạo cho hoàn-toàn đặng trở lại cứu-vớt chúng-sanh.

Tất cả thiện-nam tín-nữ trong tôn-giáo nhà Phật lúc rảnh việc nên thường coi kệ giảng mà giữ-gìn phong-hóa nước nhà, giữ những tục-lệ chơn-chánh, bỏ tất cả những sự dị-đoan mê-tín thái-quá mà làm cho đạo-đức suy-đồi.

*Đạo-pháp thường hay dung với hòa,
Xét người cho tốt xét thân ta.
Nếu người rõ phận vui lòng thứ,
Ta thứ được người, người thứ ta.*

[**Hiệu chính:**

[1] Ghi theo ấn bản 1966 "...món ngon, **song** nấu...".
Ấn bản 1958 ghi: "Tránh những món ngon, **sống** nấu toàn đồ độc cho cơ-thể ăn vào sanh bệnh").

[2] Ghi theo ấn bản 1966 "Khi đã coi kệ giảng...". Các ấn bản 1947...1958 ghi: "**Trước** Khi coi giảng...".

PHẦN THỨ HAI
THI VĂN GIÁO-LÝ

**Những bài sáng-tác năm Kỷ-Mão
(1939)**

**NĂM KỶ-MÃO
(1939)**

LỘ CHÚT CƠ HUYỀN

Trần-thế lợi danh giấc mộng tràng.
Đời cùng Tiên Phật hạ phàm gian.
Hỡi ai tâm trí mau tầm Đạo,
Tâm Đấng hiền từ cứu thế-gian.
Khấp trong bá-tánh kẻ cảnh khổ,
Đạo-đức hiền lành kiến Tiên-bang.

Thiên-địa u-minh dĩ đạo tràng,
Thập bát chư hầu lụy há khan.
Đạo-lý tâm sâu sâu chẳng cạn,
Đời cùng ly-loạn khắp chư bang.

Thương hải tang điền ắt chẳng yên,
Thiên Địa diệt gian dĩ thiện riêng.
Cơ thâm họa diệt tử đây có,
Bộ máy thiên-cơ ắt đảo huyền.
Tuất-Hợi nhị niên giai tiền đình,
Hườn lai Thượng-cổ mới bình yên.

Điên này vốn thiết ở núi vàng,
Thương đời nói rõ việc lâm than.
Khuyên trong lê-thứ mau mau tỉnh,
Yên trí nghĩ suy biết đá vàng.

Ý gì Tiên-Trưởng muốn khuyên đời,
Mà đời lâm-lạc lắm đời ôi!

Đạo-đức nhuốc-nhơ mà sao dặng,
Tỉnh giấc mau mau mới kịp thời.

Bi-động từ tâm gọi mấy lời,
Chúng-sanh Nam Bắc lụy tuôn rơi.
Kim-Sơn xem thấy lòng tha-thiết,
Mà còn nhiều lắm chúng-sanh ôi!

Nam-Việt cúi lòn dài dậm-dặc,
Nhưng ấy chẳng qua tại lẽ trời.
Đạo-hạnh huyền-cơ khuyển đó kiếm,
Chẳng vậy sau này khó thành-thời.

Cổ ngữ hăng ghi thậm khổ đa,
Tận diệt nhơn-gian trực tiên khoa.
Lão giả hậu qui nhơn ấu giả,
Ly-kỳ thiên định dĩ thiên-la.

Tây-Phương trở gót quá xa đàng,
Thương xót Nam-kỳ lại An-giang.
Đoái thấy xóm làng thêm bắt chán,
Yêu đời mê-muội luống bầm gan.

Thiên-Trước toà sen có chỗ ngồi,
Xuống trần chẳng dụng chốn cao ngời.
Khấp trong Sáu-Tinh toàn giả dối,
Xá phướng tăng-sư tạo việc tồi.
Thiên-cơ thế-giới đà biến chuyển,
Từ rày trần-hạ lợi danh trôi.
Tu hành giả dối khuyển khá đổi,
Cúng kiếng trai đàn cũng nên thôi.

Hòa-Hảo, tháng 6 năm Kỷ-Mão.

CHO ĐỨC ÔNG MẮT GHE

Thoàn nhỏ ly gia vị tất nan,
Bửu sanh du-lịch Lục-Châu giang.
Kim-Sơn thương-mãi toàn lê-thứ,
Thức tỉnh bá-gia giấc mộng tràng.

*Hòa-Hào, tháng 7 năm Kỷ-Mão.
(Đức Thầy đọc bài này cho Đức Ông nghe và bảo Đức Ông
kiếm mấy ông thầy nho mượn bàn thử!.)*

MẶC TÌNH AI

(Nhơn việc người ngoại Đạo chỉ-trích Đức Thầy)

Bá gia mặt lạt mặc tình ai,
Đạo-lý tầm đâu chẳng thấy rày.
Chỉ thấy hình trơ thân xác trọi,
Ai người tâm đạo nghĩ càng hay;
Ai người thích đạo thấy chàng rày.

Thăm thăm tối tối gẫm ai hay,
Mặc sức dương-trần chữ đặng cay.
Có báu thì ta dành của báu,
Ai tầm cho giỏi mới được hay.

Lo lo liệu liệu chịu tiếng trần,
Có một hội này rán lập thân.
Chớ để trễ chầy rên chẳng kịp,
Khuyên ai khuya sớm rán chuyên cần.
Hòa-Hào, tháng 6 năm Kỷ-Mão.

BÁNH MÌ

Mì kia gốc phải nước mình không?
Nghe thấy rao mì thốt động lòng.
Chiếc bánh nảo-nùng mùi khách lạ,
Bát cơm đau-đớn máu cha ông.
Văn-minh những vỏ trứng ba mặt,
Thâm-thía tim gan ứa mấy giòng.
Nhớ lại bảy mươi năm trở ngược,
Say mì lắm kẻ bán non sông.

Khải-hoàn dân-chúng mới nhàn an,
Dân mạng còn mê giấc mộng tràng.

Thảm-thê thể sự mùi cay đắng,
Ta hồi đau lòng khách ngoại bang.
*H.H. năm Kỷ-Mão
(tại nhà ông Nguyễn-duy-Hình).*

Ông LƯƠNG-VĂN-TỐT hỏi:

(Ông Tốt ở làng Mỹ-Hội-Đông, tỉnh Long-Xuyên)

Mộ đạo ơn trên chưa hiểu danh,
Xin ông phân cặn chúng nghe rành.
Ba ngàn thế-giới ai là chủ?
Mở lượng từ-bi dạy chúng sanh.

ĐỨC THẦY đáp họa:

Vưng lịnh Phật Tôn chưa hiểu danh,
Ngặt vì pháp-luật khó phân rành.
Cần-khôn muốn biết ai là chủ,
Tu hành theo dõi đến mây xanh.

Vì sao thế-giới lại ba ngàn?
Học đã rành chưa đến hỏi han?
Đã lắm nho văn thì hãy đổi,
Đáp lời cho vẹn kiến Tiên-bang.

Đời văn-vật say mê khổ thảm,
Người nào đà tưởng lắm nho-văn;
Xưa nay mèo-mả lung-lăng,
Làm cho quên mất đạo hăng thánh-nhơn.
Nay gặp kẻ có cơn thức-tỉnh,
Phận làm người thủng-thình sửa-sang.

Tay xuống bút nói lang chuyện thế,
Bày đạo màu cứu-tế nhưn sanh;
Kìa kìa các bực công-khanh,
Miếu son tạc để dành rành chẳng sai.
Hồi ai kẻ học hay lo liệu,
Rút bụi trần bận-biểu làm chi.
Làm cho rồi phận tu-mi,

Sau này sẽ thấy ly-kỳ Năm-Non.
Chùng Bày-Núi lâu son lộ vẻ,
Thì người già hóa trẻ dân ôi!
Tu hành ắt được thành-thời,
Lại xem được Phật được Trời báu thay!
Thân hành đạo đắng-cay phải chịu,
Phận làm người phải liệu cho xong.
*Cần chi gạn hỏi viễn-vông,
Làm người chưa vẹn khó hòng thành-thời.*
Nói nhiều lắm xe lơ tình nghĩa,
Chữ hiền lành trau-trĩa cho xong;
Thấy đời trần hạ long-đong,
Chẳng lo khó thấy Mây-Rồng hội kia.
Hòa-Hảo, tháng 6 năm Kỷ-Mão.

CHO CÔ TƯ CỨNG

Ở HÒA-HẢO (CHÂU-ĐỐC) MẤT ĐỒ

Kích động thiện tâm lụy xót-xa,
Thoàn loan trở gót dụng tiên-khoa.
Khuyên giải phàm nhơn tan sầu muộn,
Vật-dụng gia-đình khó kiếm ra.

Thương đó lòng đây rất thiết-tha,
Thiên định số căn mới xảy ra.
Đoái thấy tà-gian Trung-Trực ghét,
Nhưng vì vận hạn chẳng phui ra.

*Hòa-Hảo, ngày 17 tháng 7 năm Kỷ-Mão.
(Bài này Đức Thầy bảo cậu út Huỳnh Thanh-Mậu, bào đệ
của Ngài, đem trao cho cô tư Cứng nói rằng là "của ông
thầy bớt mượn đưa cho cô")
L.S.G.- Trong cuốn "Sấm Giảng Khuyên Người Đời Tu
Niệm" có đoạn nói về chuyện cô tư Cứng mất đồ như vầy:*

"Con thuyền đương lướt gió sương,
Bỗng nghe tiếng khóc tư-lương ai-hoài.
Có người ở xóm bằng nay,
Bị mất trộm rày đồ-đạc sạch trơn.
Du-thần bày tỏ nguồn cơn,

Rằng người nghèo khó đương hờn phận duyên.
Diên nghe vội-vã quày thuyền,
Dùng khoa coi bói giải phiền phàm nhơn.
Coi rồi bày tỏ thiết hơn,
Khuyên cô đừng giận đừng hờn làm chi."

CHO ĐỨC ÔNG VÀ ĐỨC BÀ

Chùng nào viết nợ liền da, (1)
Chuột kia mẫn hạn khỉ vào vườn hoa.
Ấy là thời đại của ta,
Thầy ra cứu thế mới là hiển-vinh.

H.H. tháng 8 năm Kỷ-Mão.

(1) Sau khi đi Tà-Lơn với Đức Thầy về, Đức Ông đau bàn
chơn trái ngón hai tháng.

"HỒ HÒ KHOAN" (2)

Huỳnh long lộ vĩ ; Bạch-sĩ tiên sanh,
Nam-quốc công khanh ; Ra đời cứu tế;
Hò xang xự xể; Mặc kể Trương-Lương,
Tự giác thôn-hương; Qua dương cơ-khí.
Lập chí hiền nhơn; Nên mới có cơ,
Thất-Sơn tiếng nổ; Qui cổ diệt kim.
Cửu cửu y nhiên; Tình riêng tham báu,
Đổ máu tuôn rơi; Khùng mới nói chơi,
Chư bang hàng phục.
Anh hồ hò khoan; Tình lang xự xể,
Bỏ phế hương thôn; Ác đức vô môn.
Rồng-Mây hội yến; Ra đời bất chiến,
Nổi tiếng tử-bi; Lời lẽ rần ghi.
Thành công êm thấm; có lắm người yêu.

Hòa-Hảo, lối tháng 8 năm Kỷ-Mão.

(2) Phần nhiều bài của Đức Thầy không có đề tựa. Muốn
cho tiện việc sắp-đặt trong quyển sách này, chúng tôi tùy
theo ý nghĩa của mỗi bài mà để một cái tựa. Những bài nào

Có tựa mà chúng tôi chắc rằng do Đức Thầy đặt thì chúng tôi để vào dấu móc (đôi "").

HƯƠNG-CHỦ ĐẠT xướng:

(Ông Đạt ở làng Nhơn-Mỹ, tỉnh Long-Xuyên)

Đạo mầu phạm tứ hiếu chưa rành,
Cầu nguyện Di-Đà độ chúng-sanh.
Bể giác, bờ mê mong thoát khỏi,
Nhờ thuyền bát-nhã giúp công thành.

ĐỨC THẦY họa:

Thâm diệu rồi đây cũng hiểu rành,
Một lòng nguyện độ tận nhơn-sanh.
Giác-mê hai chữ rồi ta chỉ,
Chí dốc ngày kia sẽ đạt thành.
H.H. năm Kỷ-Mão.

Ông NGUYỄN-THANH TÂN xướng:

(Ông Nguyễn-Thanh-Tân, tức Hương-lễ Ưống là người ở làng Mỹ-Hội-Đông, thuộc tỉnh Long-Xuyên. Theo lời người con trai của ông, thì mấy bài dưới đây ông đã làm khi diện kiến Đức Thầy lần thứ nhất):

Phận hèn cảm tưởng nghĩa non sông,
Hàn mặt rồi đây khách cõi Bồng.
Cầm-tú lắng tai người Nhược-thủy,
Từ-bi cảm-ứng thứ trung thông.

ĐỨC THẦY đáp họa :

Cảm nghĩa sĩ hiền tưởng núi sông,
Thương người đưa đến chốn tiên Bồng.
Cầm-tú lòng yêu vì quốc thủy,

Đợi thời đưa đến ứng trung thông.
Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.

THANH TÂN hựu tác:

Mảng-mê danh-lợi đạo lu-bù,
Nhờ có ơn Thầy dẫn-dắt tu.
Mê tình, tình mê, mê phải tỉnh,
Bồ-đề say gục phá tâm ngu.

ĐỨC THẦY họa:

Dạy chúng chưa xong dạ rối bù,
Mấy chục năm trường lạc chữ tu.
Sanh-chúng say mê, mê **khó** tỉnh,[1]
Bồ-đề chẳng mẫn, ấy người ngu.
Hòa-Hảo, năm Kỷ-Mão.

*[Hiệu chính: [1] Ghi theo ấn bản 1955. Ấn bản 1966 ghi: "Sanh-chúng say mê, mê **cho** tỉnh"].*

THANH-TÂN vấn gia-đình

Gia-đình kỷ cá hội long đàn,
Ngưỡng vọng cao ân tổ nghiệp xang.
Phi vụ tiết phong tâm chánh lý,
Nho tông vị bác hiệp tôn nhan.

ĐỨC THẦY đáp :

Mộng sâu tan giác hiệp liên đàn,
Hai chữ từ-bi thẩm nghiệp an.
Bài trí năng soi chơn giáo-lý,
Phật tiền hưởng ứng kiến long nhan.
H.H. năm Kỷ-Mão.

HIẾU NGHĨA VI TIÊN

Nhơn sanh hiểu nghĩa dĩ vi tiên,
Hành thiện tri kinh thị sĩ hiền.
Kiếm huệ phi tiêu đoàn chướng-nghiệp,
Phật tiền hữu nhứt vĩnh an nhiên

H.H. năm Kỷ-Mão.

(Ông Thanh-Tân có họa lại bài trên đây, nhưng xin miễn chép).

CÚC CUNG BÁI

(cho ông Hương-lễ Ưống)

Cúc cung, hưng bái, cúc cung hoài,
Lui tới nhúng trê, xướng lại dai.
Ton tán, ton tòn thêm cóc xẻng,
Vỗ bông vác hắt, thấy càng gay.

Khuyên thôi mà tiếc vẫn cung hoài,
Mền trứu hơ-hà thiệt rất dai.
Sắp đến khó mong mà cóc xẻng,
Thất mùa chẳng rước thật là gay.

Vóc-vạc trung trung béo mập người,
Tuổi vừa sôn-sộn quá năm mươi.
Bụng to tai điếc ưa nghề lễ,
Thi phú thâm trầm chớ dễ người.

Khá khen cho đó ý như lời,
Chơn-chất hiền hòa ít nói chơi.
Nhu sĩ lương từ thêm cảm mến,
Nên làm thi phú gheo người ơi!

H.H. năm Kỷ-Mão.

(Ông Hương-lễ Ưống tức Nguyễn-Thanh-Tân có đáp họa 4 bài thi trên đây, nhưng xin miễn đăng)

BÀI CẦU CƠ

(Bài này do một người ở Phú-Lâm, cầu cơ tại trên núi, đem đến Đức Thầy).

Nguyễn đắ thanh danh tam hữu phân,
Đa công hoài luyện thập niên phần.
Chúng kỳ vật xảo thiên truyền bá,
Phước lộ hoành thân ngũ sắc vân.

ĐỨC THẦY họa:

Nải chí thi âm tất hữu phân,
Thiên nhiên liên huệ tác nhi phần.
Vạn ninh hà hải vi vương bá,
Viễn vọng thanh tân tào phi vân.
H.H. năm Kỷ-Mão.

NHỨC ĐẦU

Nhức đầu rang óc bởi vì đầu,
Nhức mõi lòng trông dạ hết sầu.
Nhứt dạ chờ ngày Trời trả phúc,
Nhức gân, nhức cốt cả trời Âu.

Nhức đầu bị tiếng nổ đầu đầu,
Nhứt quyết làm cho chúng thoát sầu.
Nhứt thống dân sanh gây hạnh-phúc,
Nhứt tràng lê-thứ khỏi lo âu.

H.H. năm Kỷ-Mão.

KHUYÊN BỎ DỊ-ĐOAN

Thiện-tín tới đây chớ ngã lòng,
Xác trần mê mệt nổi long-đong.
Cậu, cô, chú, bác đừng coi bói,
Theo lối dị đoan mất bạc đồng.

Bạc đồng chẳng dụng, dụng chơn không,
Quyết chí nâng-niu giống Lạc-Hồng.
Tìm tối Đạo mâu trong Phật-Pháp,
Cho đời hiểu rõ lý chơn không.

H.H. năm Kỷ-Mão.

(Đức Thầy viết bài này vì lúc đó có nhiều người đến nhờ Ngài đoán giùm vận mạng hoặc việc gia-đình).

NGHĨ VIỆC HUYỀN CA

Ngồi buồn nghĩ cạn việc huyền ca,
Muốn rút cho xong bể ái-hà.
Phá bức tường mây nhìn vạn vật,
Ngặt vì trướng lụa lấp đèn pha.
Lôi-thôi quá chậm trong đường thẳng,
Trễ-nài khó qua nẻo cạp-xà.
Một bước leo bờ mà khỏi khổ,
Nam nhân chi chí hồi đầu là.

Đâu là ái-quốc với yêu đời,
Phổ cứu cho rồi mới thành-thời.
Trời Nam sốt ruột chờ con đỏ,
Đất Bắc lòng lang nổi thạm lời.
Cổ tướng người trần, trần chẳng đoái,
Tình sâu dân sự, sự xa vời.
Rồng tiên mở mắt nhìn thi phú,
Hiệp mặt tổ thầy sẽ nghĩ-ngơi.

Thâm hiểu lòng ta nổi cuộc đời,
Một bầu nhiệt huyết chẳng xa lời.
Mến yêu quốc-thủy tình đồng chủng,
Phải tính sao xong nổi cuộc đời.

H.H. năm Kỷ-Mão.

THIÊN LÝ ca

(Mấy bài dưới đây do ông Cả Châu ở Tân-Long (Châu-đốc) đem trình với Đức Thầy nói rằng của "ông đồ" cho ông):

PHAN lòng chữ dạ chớ hoài lo,
NGOC ẩn non Côn tợ lửa lò.
CHẤU lạc đường dê nương bước ngựa,
Núi trông qua đặng rán lần dò.
Vườn hoa ngó khí giọng chiu-chít,
Cảnh nguyệt coi gà tiếng ó-o.
Tường-tận đã nghe xê cống liểu,
Hương thôn bỏ xế xự xang hò.

(Đọc ngược lại bốn câu chót - tứ nguyệt nghịch đọc)

Hồ xang xự xế bỏ thôn hương,
Liểu cống xê nghe đã tận tường.
O-ó tiếng gà coi nguyệt cảnh,
Chít-chiu giọng khí ngó hoa vườn.

Quý ma hay phá rối người tu,
Đạo-đức chừ nhu rán chí hành.
Chớ bỏ lời thề nơi Phật cảnh,
Chớ quên tiếng nguyện chốn non xanh.

Đêm thanh vắng tiếng đờn khoan-nhặt,
Nghe cho tường giọng bắc hòa nam.

Thích-Ca còn phé tước-hàm,
Đài cao cửa rộng mà ham tu hành.
Hiền đệ Châu muốn nghe lời ngọc,
Lão tổ bày hình vóc nhiệm-sâu.

(Câu này của Đức Thầy thêm. Đoạn sau đây có khúc của ông đồ, có khúc của Đức Thầy viết xen kẽ).

*Thiên ý không riêng mỗi đạo mẫu,
Rằng truyền yếu-lý nhiệm cao sâu.
Chuyển miền Nam-Địa càng thâm-diệu,
Lọc lẽ tà tâm sự đứng đầu.*

Nguồn bạch thủy trong veo thấy dạng,
Lẽ nhiệm màu chưa hẳn trở ôi!

Đêm ngày buồn-bã vô hồi,
 Kìa trên Tiên-cảnh vị-ngôi sẵn dành.
 Đạo rải khắp năm canh tòa bút,
 Dạy tận-tường chẳng chút nào sai.
 Cổ nhờn tích để phân bày,
 Đường chơn nẻo chánh âu ai rán tằm.
 Thuyền bát-nhã chí tâm trực thẳng,
 Thả ra khơi cứu dẫn khách trần.
 Phù-sanh lắm cuộc lao thân,
 Ngày đêm ta-thán muôn phần đốn-đau.
 Trông đợi người tài cao đức trọng,
 Hầu rõ thông thiên-võng lẽ nao.
 Chí tâm tường lắm thấp cao,
 Dạy cho rõ biết Thiên-Tào nơi đâu.
 Ngồi nghĩ cạn thêm sâu cho thể,
 Bởi ít ai cải chế đường tà.
 Sợ e nhiễm trước đọa sa,
 Sợ cho lắm kẻ chan hòa lụy tuôn.
 Sợ nhiều kẻ dạ buồn đổi chí,
 Quên những câu chánh kỷ hóa nhờn.
 Mảng lo tìm kiếm tước quờn,
 Thất kỳ vọng tưởng lánh chơn đường lành.
 Trong buổi khổ mau mau tránh khổ,
 Rán tâm vào đến chỗ an cư.
 Học câu hi-xả đại từ,
 Nêu gương nghĩa sĩ dạ tư chớ gần.
 Câu bát-chánh rán mài chạm dạ,
 Tứ mục-điều người khá hành y.
 Muôn thu thiên định nhứt kỳ,
 Hạ-nguơn sắc-lịnh khai kỳ Long-hoa.
 Rán vệt phá sương mù trước mắt,
 Chớ để cho quỷ dắt linh hồn.
*Lão đây vưng lịnh Phật-tôn,
 Lành cân thường phạt chư môn dữ lành.
 Khá chí tâm học hành kinh sám,
 Thoát nơi miền hắc-ám phong-ba.
 Trở chơn cho kịp Long-Hoa,
 Long-Hoa có mặt ấy là hiền nhờn.
 Đền nợ thể nghĩa-ơn trọn vẹn,
 Lấy tinh-thần hiệp vén ngút-mây.*

Chớ nên bắt-bẻ Phật-Thầy,
 Ngày sau phải chịu đọa đày chớ than.
 Cuối năm Thìn sẽ lo vận chuyển,
 Xứ "Hà tiên" linh hiển cơ-quan.
 Nờn sanh sẽ hiệp một đàng.
 Hết Thìn rồi lập Nờn-Hoàng hội ra.
 Khuyên sanh-chúng gần xa phân cạn,
 Dựng Nờn-Hoàng cho rạng Á-Đông.
 Chúng-sanh phải tưởng giống-dòng,
 Hiệp tâm hiệp trí cột đồng nhà Nam.
 Phật chỉ dạy qui tam lập hội,
 Dựng cho rồi một cội thành ba.
 Chớ mong yển thử ẩm hà,
 Mười ngàn năm lẻ cửa nhà đâu con.
 Ta nhắc lại héo von cho trẻ,
 Cứ đâu lưng đừng rẽ đừng chia.
 Cả kêu lớn nhỏ quày via,
 Trên hòa dưới thuận chớ lia chớ phân.
 Long-Hoa hội ân-cần lo lập,
 Lập cho rồi tam-thập-lục nhờn.
 Lôi-Âm giục khởi tiếng đồn,
 Thất-Sơn dấy loạn là cơn hiểm-nghèo.
 Nơi phía trước cheo leo tiếng khóc,
 Đứng sau lưng hình-vóc dày chơn.
 Nước kia lửa nọ tương bùng,
 Thảm cho thể sự lầy-lùng nạn tai.
 Thời cũng tại không ai tu niệm,
 Cứ lẳng-lơ ngạo biếm khoe-khoang.
 Đến nay là buổi tai nạn,
 Tam thiên lục bá khắp tràng hại dân.
 Đến Thân-Dậu Thánh-Thần náo động,
 Thảm cho trần nhà trống ruộng hoang.
 Tiếng than lụy ngọc nhỏ tràn,
 Nạn tai đồn-dập xóm làng còn chi.
 Khuyên sanh-chúng rán ghi mỗi Đạo,
 Lòng hằng lo ngay thảo nghe con.
 Tương đưa giữ phận cho tròn,
 Cuối niên Thân-Dậu mất còn sẽ phân.
 Trong một giáp ân-cần suy tính,

Muốn làm hiền rán nhin đừng than.
Đến nay gần buổi khoa tràng,
Minh-quân xuất thế khắp tràng thành-thời.
Đến Thân-Dậu cơ trời thấy lộ,
Hết đao binh qui cổ diệt kim.
Gia vô bế hộ im-lìm,
Lập thành mỗi Đạo rõ điếm xưa kia.
Thì dân-chúng danh bia hậu thế,
Phật, Thánh, Tiên kèm chế lập thành.
Diệt tà lập chánh đành-rành,
Ba màu nắm chặt Nam-thành xử phân.
Trong tam giáo ân-cần mở Đạo,
Trường ngoại bang phục đảo như xưa.
Phật Tiên vận chuyển lọc-lửa,
Chúng-sanh rán nhớ muối dưa hội này.
Trên cùng dưới sum vầy một buổi,
Dựng mười hai may rủi mới hay.
Làm cho rõ mặt râu mày,
Thương-nguơn hồi phục là ngày an cư.
Cuối Thân Dậu y như Thượng-cổ,
Thời nơn sanh hết khổ đến may.
Đế-Vương xuất thế là ngày,
Dậu, Thân bình-trị trong ngoài âu ca.
Phân chỉ rành gần xa để dạ,
Chớ đảo-điên phải đọa phải sa.
Nghĩ suy cho thấu mới là,
Một bầy Hồng-Lạc nay đà thành-thời.
Khuyên sanh-chúng nhớ lời ta tỏ,
Trước cùng sau chỉ rõ mỗi đàng.
Nơn-sanh giữ phận chớ than,
Minh-Vương xuất thế mới an dân lành.

*Gọi ơn Trời độ khỏi sai lầm,
Xin giúp chí bền, chí dục tâm.
Hộ mạng thần Quan-Âm trợ lực,
Nguyện thân ý nhiệm xứng công thần.*

*Từ-bi Trời Phật độ quần sanh,
Cứu khỏi tai ương vạn sự lành.*

*Đệ-tử gọi nhuần ân đức cả,
Chung thân quyết chí dốc làm lành.*

*Đoạn dưới đây là hoàn toàn của Đức Thầy
(chép theo bốn chánh).*

Buồn với mượn bút tay đề,
Đã rời trần-thế dựa kê Tiên-bang.
Tay chèo miệng nói lang-mang,
Chúng-sanh cách trở nghèo nàn hỡi ai.
Lục châu ta dạo bằng nay,
Thấy trong lê-thứ quá dài gian-nan.
Động tình tá quốc an bang,
Nước nhà vững đặt Nam-đàng hiển-vinh.
Bây giờ ta mượn kệ kinh,
Khuyên ai mau kịp sửa mình cho an.
Bữa xưa giảng-kệ một nang,
Bởi vì ta mắc đời hoàn cảnh xa.
Ngày nay ta cũng nô-m-na,
Gắm trong lê-thứ hăng-hà lụy rơi.
Chùng nào mới đặng thành-thời,
Qua năm Tuất-Hợi Phật Trời định phân.
Chim Ô đà dựa cầu Ngân,
Người xưa trở gót cho gần người nay.
Người nay rồi vẹn thảo ngay,
Thì là thấy tận mặt mày người xưa.
Nguyện cầu gắng chí sớm trưa,
Cầu cho bá-tánh sớm ưa tu hành.
Đầu đuôi ta tỏ ngọn ngành,
Mau mau trau-trũa chử lành cho xong.
Đến chùng lập hội mới mong,
Trở về chúa cũ mới hồng xuê-xang.
Người hiền như thể cỏ lan,
Người hung chết rất chặt đàng thảm thay.
Cả kêu kìa hỡi là ai,
Quan trường rời dứt mặt mày chùi lau.
Lui chơn ra khỏi cho mau,
Tìm trong lánh đục tẩu đào mới ngoan.
Theo ta đến chốn Tiên-bang,
Đặng coi các nước hội hàng Năm-Non.

Đạo Phật vốn ngàn xưa rạng tỏ,
Nay lu-lờ bị mỗ cùng chuông,
Thấy chúng-sanh đấp Phật bán buôn,
Mà tội lỗi ngàn muôn lao-lý.
Cho đó hiểu nhiều câu huyền-bí,
Rán nghĩ suy bền chí mới màu.
Dẹp lợi-danh dẹp hết mộng sầu,
Đặng trở lợi với cha cùng chúa.
Nếu chẳng lo cũng như lá úa,
Lá úa vàng nó rụng người ôi!
Ngàn năm mới có một đời,
Tới chừng lập hội Phật-Trời xử phân.
Ai muốn gần bệ ngọc các lân,
Thì phải rán lập thân nuôi chí.
Ta cho đó ít câu hữu lý,
Diệt tâm trần lập chí hiền-nhơn.
Đọc trong đà tỏ nguồn cơn,
Lời ta khuyên đó như đờn Bá-Nha.
Mặc ai biếm nhẽ gần xa,
Lòng ta ta biết ai mà mặc ai.
Đây khuyên đó đặng cay rán chịu,
Mặc người trên bận-bịu chẳng phê.
Muốn cho thân vượt khỏi lẽ,
Cắm sào trì chí một bề lo tu.

Kim ngọc nan tri tường đồng hải,
Phật tà phàm tục tất nan tri.
Ẩn xác phàm phu gìn Thích-đạo,
Mặc tình thế sự chúng khinh-khi.
Mấy kẻ tu mi tròn như đạo,
Hiền như thức tỉnh kiến huyền-vi.
Ngay thẳng hiểu trung trang hiền thảo,
Kim thời bá-tánh gọi ngu-si.
Nợ thế đền xong mong giai lão,
Hiền thần hiểu nghĩa đáng nên ghi.

Lâm sâu mộng ở trong trần thế,
Việc tu hành như ế chợ đông.

Mãng lo danh lợi não-nồng,
Chữ tu để dạ chớ hòng lọt phai.
Mặc tình ai gièm-pha tai tiếng,
Sửa tâm lành như miếng hoa thơm.
Đến chừng hoa nở nhụy đơm,
Thì là trần-thế mới hờm bẻ hoa.
Câu đạo-lý thiết tường thiết tận,
Khuyên dương-trần bớt giận đừng gây.
Kìa kìa súng nổ trời Tây,
Đến năm Thân Dậu tai đây sấm vang.
Hung-đồ với lũ dọc ngang,
Đến sau rơi máu khắp tràng mới tu.
Thấy đạo-lý còn lu chưa tỏ,
Dân ganh hiền ghét ngõ làm chi?
Buồn đời xuống bút làm thi,
Thương dân chịu chữ cổ lý dạy dân.
Nào nào dân có biết ân,
Mạnh rồi tướng Phật vái Thần làm chi.
Lời châu ngọc khuyên ai để dạ,
Nay gặp người quái lạ tỏ phân.
Hãy mau khuya sớm chuyên cần,
Đặng xem chư-quốc non Tần giành chia.
Nay nhắm lúc đêm khuya lặng-lẽ,
Nhắn ít lời cho kẻ đàng xa.
Phật-nhi tâm tánh thật-thà,
Ông còn phân biệt chánh tà nữa thôi?
Dương-trần thương bạc như vôi,
Gặp cơn bát loạn mới hồi tâm hung.
Lúc áo-não cội thung lo-liệu,
Gắng bền lòng bận-bịu vì ai.
Thất-sơn lộ vẻ dài lâu,
Chừng ni mới thấy nhiệm màu của ta.
Khuyên bổn-đạo gần xa nuôi chí,
Lẽ nhiệm-mầu huyền-bí nơi đây.
Bây giờ nường bóng cờ tây,
Mượn phần xác thịt tỏ bày thiệt hơn.
Thương sanh-chúng đòi cơn dạ ngọc,
Ta quyết gìn chúng-tộc giang-sơn.
Ta khùng mà chẳng có cơn,
Cũng không có tánh giận hờn bá gia.

Cười rồi khóc thiết-tha liệu-điều,
 Vợ xa chồng bận-bịu thể lương.
 Chẳng cần trà, quả, nồng hương,
 Miễn cho bá-tánh biết đường chơn tu.
 Nghe kệ sám như ru giấc mộng,
 Lo chệ cười hầu họng reo vang.
 Ý mình nhiều của giàu sang,
 Phụ khinh tông-tổ chẳng màng người xưa.
 Mặc ý ai ghét ưa ưa ghét,
 Lấy tâm thần xem xét thể nao?
 Sấm vang thì lộ bằng vàng,
 Chư nhu thế-giới khắp tràng tới thi.
 Chữ thi gần chữ sâu-bi,
 Bị ham của báu ly-kỳ máu rơi.
 Chừng đó mới trời ơi đất hỡi,
 Mang khổ hình vì bởi chẳng tu.
 Ham vui quyền quý đại ngu,
 Chữ sang danh vọng như mù đi đêm.
 Ta nào có nói thêm cho chúng,
 Quá yêu đời viết túng ít câu.
 Ít câu mà ý nhiệm sâu,
 Nghĩ suy cho cạn mối hầu khôn-ngoan.
 Đây sắp đến lâm than khắp chốn,
 Việc tu hành đâu tổn tiền chi.
 Này này lời lẽ rán ghi,
 Sau đây sẽ thấy việc gì trên mây.
*Ta mắc lánh tà-tây đa sự,
 Làm Diên-Khùng cũng tự lẽ ni.*
 Ai là đáng bực tu-mi,
 Thương đời ta mới làm thi khuyên đời.
 Còn ả-nhẫn đợi thời đưa đến,
 Nên phải làm kẻ mến người khinh,
 Người hiền tâm trí thông-minh.
 Người hung cứ mãi chống kình với ta.
 Theo học cổ nô-m-na ít tiếng,
 Làm nhiều điều xao-xuyến như tâm.
 Chữ nhu ta học âm-thầm,
 Ai là người trí rán tâm cho ra.
 Để đến lúc phong-ba biển-chuyển,
 Cảnh hồng-trần tự biển mệnh-mông.

Mới là sợ chết ước-mong,
 Mà không ai cứu bởi lòng ác-gian.
 Tiếng đồn hò liễu cống-xang,
 Đêm khuya khuyên-nhủ khắp tràng chúng-sanh.
 Chốn Phật-cảnh vắng tanh kẻ tới,
 Ta ra đời nên mới đổi thay.
 Bởi vì lời lẽ thẳng ngay,
 Cho nên chúng nó ghét bài phú thi.
 Thấy tăng-chúng sâu bi dạ mổ,
 Kệ khuyên trần nước đổ lá môn.
 Khắp cùng làng xóm hương thôn,
 Vì khôn quá thế nên tồn lại ngu.
 Dạy đạo-đức người tu rạn lý,
 Mong cho người hữu chí làm theo.
 Không làm thì ắt mang eo,
 Làm xong vượt khỏi qua đèo chông-gai.
H.H. tháng 7 năm Kỷ-Mão.

LUẬN VIỆC TU HÀNH

Tu hành dương-thế cật đồng tiền,
 Phật-Giáo vì tiền phải ngựa-nghiêng.
 Bát-nhã chẳng đưa người tội ác,
 Thuyền-từ nào rước lại Tây-Thiên.
 Trần-gian đầy-dẫy người làm dối,
 Đạo cả nào trông đến cảnh thiên.
 Đoái thấy người đời lòng bắt chán,
 Dương-trần lâm lạc đáng ưu-phiền.

Muốn đặng về Thần với Thánh-Tiên,
 Kỹ xem cõi thế thấy kia liền.
 Cư trần bất nhiễm là người Thánh,
 Lẫn tục đừng mê chúng bực hiền.
 Phú quý tạo đời thêm mệt xác,
 Tham danh phế đạo chí đâu yên.
 Sao bằng cửa Phật vui thanh-tịnh,
 Lánh cõi trần mê giải nghiệp duyên.

Tiểu vì không đức, tiểu chi tiên,
Phật Thánh xưa kia sách vẫn biên.
Bác-ái xả thân tầm đạo chánh,
Độ người lao khổ dạ không phiền.
Mình vàng Thái-Tử ngôi còn bỏ,
Vóc ngọc Đông-cung tước phể liền.
Xem đó hỡi người mau lập chí,
Tu hành khá nhớ giữ cho nguyên.

Muốn đặng thành Thần với Phật Tiên,
Rán tu ân đức chớ tu tiền.
Lợi danh chớp nháng như luồng gió,
Thấy đó rồi đâu bỗng mất liền.
Sớm thức tỉnh tâm tầm đạo chánh,
Sau này về Phật với ngôi Tiên.
Lập thân giúp thế nên công-quả,
Muôn kiếp danh hiền sách vẫn biên.
H.H. năm Kỷ-Mão

TAM HÙNG TRỞ MẶT

Tam hùng trở mặt ngỏ chào đời,
Từ mẫu bé nhi cũng thành-thời.
Nam-việt xuất thân ơn trên trước,
Đó là việc nước với việc trời.

H.H. tháng 7 năm Kỷ-Mão.

*(Bài này viết trong khi người ta đồn bà Sáu ở núi Tượng
sanh 3 người con: một mặt xanh, một mặt đỏ, một mặt
trắng).*

LỤY TAM CHÂU

Tam châu hữu nạn lụy nhỏ sa,
Thập bát chư bang động can qua.
Dương-gian mãnh thú trừ tàn-ác,
Lê-thứ hậu lai khổ thiết-tha.
Tần bang hậu hận tiên diêu-động,

Nam-quốc lương dân kiến linh-xa.
Phồn hoa đô hội lưu giang huyệt,
Dư đảng dọc ngang cấp ma-ha.
H.H. tháng 8 năm Kỷ-Mão.

VÉN MÀN BÍ MẬT

Giục thúc đạo đồng kiến thúy quyên,
Chư bang diêm tĩnh sĩ danh hiền.
Sa-vi đông-hải tri thiêu nhạc,
Nam-đỉnh ngọc đài lộ kỷ tiên.
Đỡ lực hà quê trung trực thử,
Hùng ca báo quốc nghĩa đào thiên.
Sơn ly Phật-cảnh hồi Nam-việt,
Diện khổ sanh kỳ vị trưởng miên.

BỬU-ngọc trường quan ẩn tích kỳ,
SƠN-đài lộ vẻ liễu huyền-vi.
KỶ thâm tá giả thi thành thủy,
HƯƠNG-vị âm thầm mộc túy vi.
NĂM năm lục ngoạt cơ hàn thử,
NON lịch đài mây rạn tu mi.
BẢY niên hòa địa nhơn hiền thử,
NÚI ngự hoàng san tự Đỉnh-chi.

Hòa bình thế-giải kiến Tiên-bang,
Ngô giả tủng nhung khí đờm gian.
Hồ thiên tiểu ẩn quân tu ký,
Lương thứ dương-trần đạo dĩ an.

Đào nguyên di khả tứ hồ-văn,
Khảo đảo tâm trung mãi vạn năng.
Thì lai đãi ảnh chơn thiên xuất,
Vận thới thô trình trực bình thăng.
Hòa-Hảo, lối tháng 9 năm Kỷ-Mão.

THẦY BA ĐẠO ở Hòa-Hảo hỏi thuốc

Nghe tiếng ơn trên dốc cứu đời,
Dám xin khếp nép ngỏ đôi lời.
Nhơn dân sắp đến vương bịnh khổ,
Tiên dược phương nào được thành-thời.

ĐỨC THẦY đáp họa

Mượn xác ra cơ dốc dẫn đời,
Bày tỏ cùng ai ngỏ mấy lời.
Lục châu xao-xiểng nhơn dân khổ,
Phật-Giáo khẩn cầu đặng thành-thời.

THẦY BA ĐẠO hỏi

Thành-thời đầu đặng phước tại trời,
Đau ốm qua rồi trẻ ăn chơi.
Cho thuốc chỉ đường nhờ phước-phép,
Ngàn năm ơn đức nguyện y lời.

ĐỨC THẦY đáp họa

Thành tâm khẩn Phật với lạy Trời,
Muốn khỏi hội này trẻ ăn chơi.
Lục tự trì tâm là phước-phép,
Nhẫn nhủ cùng ai có mấy lời.

THẦY BA ĐẠO hỏi

Y lời dám hỏi lén một câu,
Tiên-Phật rộng xa rất nhiệm màu.
Đạo đời bốn chữ đây là gốc,
Tà chánh xin nhờ tiếng ngọc-châu.

ĐỨC THẦY đáp

Trả lời ý-kiến đó một câu,
Ẩn xác phàm phu chữa nhiệm-màu.
Đạo đời bốn chữ đây là gốc,
Tà chánh tâm trì rõ ngọc châu.

Muốn đó gần đây giải mộng sầu,
Bốn chữ xuống phàm chớ ở đâu.
Khuyến-khích cùng ai mau tỉnh ngộ,
Lai vãng gần ta rõ Đạo màu.

Văn-sĩ nhẩn-nhen có mấy lời,
Đó muốn tỏ tình có mấy hơi.
Ra ngõ lên xe chừng một lát (1),
Sáng ngày tiếp kiến chuyện trò chơi.

H.H. năm Kỷ-Mão.

(1) Đức Thầy mời thầy ba Đạo sang chơi vì thầy ấy ở nhà và 3 bài thi gửi Đức Thầy do một em học trò đem đến.

BÁT NHÃN

Nhẫn năng xử thế thị nhơn hiền,
Nhẫn giải kỳ tâm tận thủ tiên.
Nhẫn giả hương lân hòa ý hỉ,
Nhẫn hòa phu phụ thuận tình duyên.
Nhẫn tâm nhứt nhứt thường an lạc,
Nhẫn tánh niên niên đắc bảo truyền.
Nhẫn đức bình an tiêu vạn sự,
Nhẫn thành phú quới vĩnh miên miên.

H.H. năm Kỷ-Mão.

Cho Ông HƯƠNG-CHỦ BÓ ở Hòa-Hảo

Tâm hành từ thiện vị an nhiên,
Phổ hóa hiền nhơn kiến Phật tiên.
Huỳnh long lộ vĩ năng kỳ diệu,
Xuất thế điều đình chữa hiệu Tiên.
Danh-Sơn khai bút diu sanh-chúng,

Trung-Trực phò nguy đãi lĩnh thiên.
Tạo xác phù vân khai nhứt điểm,
Qui hồi tự lập diệt tiền khiên.

Kỷ-Mão hạ san mượn xác trần,
Cảm tình đồng loại lão khuyên dân.
Thậm-thâm đây đó niềm liên ái,
Hợp-tác cùng nhau nổi bút thần.

Vi lộ thiên oai bảo giác dân,
Ngọc nam ẩn-sĩ dị-thường nhân.
Sơn giang thủ lĩnh thừa tiên định,
Tứ hải hòa giai tất hữu phân.

Muốn thấy người xưa phải vẹn mày,
Nam-nhân hữu chí kiến Bông-lai.
Nhìn xem hiệu lão trong thơ ấy,
Tứ cú nho gia đã cạn bày.

H.H. lối tháng 9 năm Kỷ-Mão.

SAY

Say mùi tục lụy vẫn lao-đao,
Say nổi kẻ ngu rất hỗn-hào.
Say thắm đạo lành ban vạn vật,
Say đời chưa rõ chuyện vàng thau.

Say ngọc bồ-đề đức hạnh cao,
Say dân ngu muội tưởng điên nào.
Say chừng nó biết ta Tiên-trưởng,
Say chén quỳnh-tương chốn núi cao.

Say thời vận bĩ vẫn còn xa,
Say chuyện trần gian lắm cáo-xà.
Say lấy gậy thiên toan dẹp hết,
Say chờ Thiên-lịnh phán cho ta.

Say đạo huyền-vi nước tịnh-dương,
Say câu Bồ-Tát rưới cho thường.
Say mê Tiên-cảnh ôi thanh-nhã,
Say việc trần-gian lắm họa-ương.

Say-sưa chuyện cổ nhắc chừng đời,
Say nói với trần việc tả-tơi.
Say biểu tri tâm đừng vội-vã,
Say buồn lũ chó sủa mùi dơi.

Say của Thần-Tiên rút cuộc đời,
Say câu điệu lý hỏi người ơi!
Say như Lưu-Khánh ai thềm chịu,
Say thể Trần-Đoàn mới thành thơi.

Say mãi say hoài say vẫn say,
Say cho bá-tánh tập xong bài.
Say như Nhơn-Quý thì mang họa,
Say của lão Khùng ách nạn bay.

Say cho tiêu hết giống con buôn,
Say của Thánh-Nhơn xuất lập tuồng.
Say tạo một nền qui vạn vật,
Say diu trăm họ vượt mây truông (1).

Hòa-Hào, lối tháng 9 năm Kỷ-Mão.

(1) Ông Nguyễn Thanh-Tân có họa tám bài thơ trên đây, nhưng xin miễn in vào tập này.

Cho SUNG-BIỆN T. ở Hòa-Hào

Quan trường nhiều lũ sói tà,
Miệng là mãnh hổ ý là sài lang.
Vinh-quang đâu có vinh-quang,
Tâm còn ích-kỷ tánh còn hại dân,
Có thân chẳng liệu lấy thân,
Cười người điên dại sao gần Tiên bang.
Nực cười cho đứa võ-phu,

Dui mù chẳng sợ cứ mà gièm pha.
Sau này sẽ biết mặt ta,
Tiên, Thần cũng chịu quỷ tà cũng cam.
Dương-trần lắm nỗi đốn-đau,
Tu hành chẳng chịu, đạo màu chẳng theo.
Cứ lo ngựa mặt cười reo,
Trước cười sau khóc khóc rồi lại than.
Than rằng: tà quỷ ác-gian,
Chẳng cho bá-tánh được toàn thân thi.
Mấy năm trí óc còn ghi,
Lời Thầy để lại có thì sai không.
Hòa Hảo, tháng 7 năm Kỷ-Mão.

Thơ của "Ông BÁN CHIẾU"

Đại-Thánh là Phật Thích-Ca,
Người còn khinh-báng hướng ta phàm trần.
Vàng thiệt lại nói vàng râm,
Lúc này vận thối đá mài cũng an.
Cơ buồn phải gượng làm càn,
Cuộc đời rồn-rồn Phật mà phải kiêng.
Trên đời ai tốt bằng sen,
Quan yêu dân chuộng rã bèn sạch trơn.
Bề ngoài coi thể cây sơn,
Xét trong mỗi một ăn mà chẳng hay.
Hiện tiền xem lại tốt thay,
Mặt hậu ngó kỹ lạnh tanh không ngờ,
Mau mau ta hãy bắt bờ,
Đặng cho bá-tánh leo bờ này qua.
Có xạ nào phải bán xa,
Giấu trong chỗ kín cũng thơm đầy nhà.
Nam-mô sáu chữ Di-Đà,
Từ-bi tế-độ vậy mà chúng-sanh.
Xưa nay sáu chữ lạnh-tanh,
Kim-Sơn Phật ấy giáng sanh đàn-rành.
Ngưỡng cầu Thượng-Đẳng Đại Thần,
Phải ra trị nước bảo toàn lê dân.
Ở nhà tụng niệm đều xinh,

Lục châu bát loạn nữ nào ngó ngang.
Bán lộ giang-hồ kính tặng Kim-Sơn Phật (1)
Năm Kỷ-Mão.

(1) LỜI SOẠN GIẢ : Bài thơ này không phải của Đức Thầy, mà chính là của một Di nơn (đang đi bán chiếu?) viết và trao cho một người tín-đồ Hòa-Hảo tại Kiến-An (Chợ mới, thuộc tỉnh Long Xuyên) đem đến cho Đức Thầy. Theo lời người tín-đồ này nói lại thì trong lúc giữa đường, ông bán chiếu không có đem sẵn viết mực theo; thế mà chẳng biết tại sao không đây một phút, ông viết được một bức thơ tuồng chữ sắc-xảo, giống hình chữ nôm, mà không một nho sĩ nào đọc được. Liền đó, Đức Thầy đọc cho anh em có mặt trong lúc ấy nghe.

HÃY CHỜ THIÊN ĐỊNH

BỮU châu công luyện chốn non thần,
SƠN thủy môn giang bảo giác dân.
KỶ quái chờ nơi Thiên nhứt định,
HƯƠNG nồng dành thưởng kẻ tròn ân.

Từ-bi hai chữ sắc nâu sồng,
Gắng chí dạy đời chẳng tiếc công.
Vận bí xa chờ câu thanh-thối,
Buồn ai châm-chích chữ cay nồng.
Hòa Hảo, năm Kỷ-Mão.

Hỏi HỘI LONG-HOA

Long-Hoa hội ấy còn xa,
Rán mà tu niệm đặng nhờ thân sau.
Phải chi hội ấy hầu gần,
Thi Ông hà tất xuống trần làm chi ? (1).
H. H., cuối năm Kỷ-Mão.
(1) Có một bà già 80 tuổi xin Đức Thầy cho biết coi bà có

thể sống để coi hội Long-Hoa chẳng? Đức Thầy bèn đáp lại bằng mấy câu trên đây.

KHUYÊN BÓT CHO VAY

Một cuộc phù vân có mấy hơi,
Cầu xin bá-tánh nhậm đôi lời.
Cho vay mắt-mỏ từ nay bớt,
Có hỏi nới tay để giúp đời.
Nạn khổ đâu đâu đều túng rỗi,
Tai ương chốn chốn khắp cùng nơi.
Tiền ma gạo quý đừng nên trữ,
Sau cũng tiêu theo luật của trời.
H. H., năm Kỷ-Mão.

Ông NGUYỄN-KỶ-TRÂN tức chín Diệm xướng (1)

Ngàn dặm nghe ông có phép tiên,
Cúi xin lời hỏi chớ ưu phiền.
Thanh manh đôi mắt đường không thấy,
Cầu có ơn dư cứu kẻ hiền.

Kẻ hiền đâuặng sáng như xưa,
Ơn ấy bằng non dạ có thừa.
Lượng rộng xin ông đừng có chấp,
Ngàn vàng dám đổi một lời ừa.

ĐỨC THẦY đáp

Chí đại còn xa chữa phép tiên,
Bệnh tình cụ lão quá ưu phiền.
Nhà tôi cũng có bà không thấy,
Thương thăm trời xanh phụ kẻ hiền.

Kẻ hiền lòng dạ tưởng người xưa,
Tứ khổ cổ kim vẫn có thừa.
Tríu-mến tâm thành đâu có chấp,
Vọng cầu hạnh phúc đặng như xưa.

Di-Đà lục tự ấy phương-châm,
Ghi dạ xin ông hoặc đứng nằm.
Khẩn vái tri tâm người thương-cổ,
May Trời phò hộ phúc cho thăm.

Khuyên đó lòng son chớ vội buồn,
Hữu thành Phật độ ắt qua truông.
Nhờ ơn Tiên, Thánh trăm muôn một,
Tôi cũng giùm cho đặng thấy tuông.

Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.

(1) Ông Nguyễn-kỳ-Trân là người làng Định-Yên, thuộc tỉnh Long-Xuyên, hai mắt không thấy nên đến nhờ Đức Thầy chữa giùm.

CHẰNG RA HƠI

(Ông Nguyễn-kỳ-Trân ao-ước Đức Thầy giảng-giải về Đạo-đức cho ông nghe, nhưng vì lúc đó có người của sở Mật-Thám đến dò xét nên Đức Thầy chỉ làm bài thi dưới đây):
Định-Yên cụ lão mới sang chơi,
Tâm bịnh bất an khó cạn lời.
Ông chớ nãn lòng chờ lúc khác,
Bây giờ mở miệng chẳng ra hơi.
Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.

KHAN TIẾNG

Lúc này khan tiếng sự sầu riêng,
Mở giọng thi nhân gợi nỗi phiền.

Hơi-hám xác trần ngâm chẳng nổi,
Mực tàu đã cạn ráo ngòi nghiên.
Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.

Tặng Ông GIÁO XOÀI

*(tức Soài, tức Mạnh-xuân-Quả, lúc ấy dạy học
tại làng Phú-An, thuộc tỉnh Châu-Đốc)*

Giáo tập hôm nay thấy mặt thầy,
Vóc hình mập-mạp học khoa tây.
Sớm chiều luyện tập dìu em trẻ,
A, ẹ, a, b đủ một bày.

Một bày em trẻ muốn theo tây,
Văn pháp, văn nam cũng đủ đây.
Thương tâm tấm tình hay nóng-này,
Bởi vì chẳng rảnh đặng vui say.
Hòa-Hảo, cuối năm Kỷ-Mão.

Tặng Ông GIÁO ĐÀNG

(Lúc ấy ông này đang dạy học tại làng Phú-Lâm, tỉnh Châu-Đốc)

Tâm tánh ngày nay muốn việc lành,
Tu hiền miệng lưỡi muốn lạnh lạnh.
Tranh đua xác thịt vừa nghe chớ,
Cổ chí ngày kia sẽ đạt thành.

Đạt thành mới hiểu Đạo cao thanh,
Trần-thế lánh xa phải học rành.
Lục căn trừ tuyệt tâm hai chữ,
Nhân ngã, sân si hãy dẹp đành.
H.H., cuối năm Kỷ-Mão.

THI XUÂN

Rước xuân năm mới tiếng đi-đùng,
Cờ phất trẻ mừng chúc cội thung.
Áo quần lòe-loẹt đi cùng xóm,
Bánh trái đầy-đầy nổi cốc cung.

Chúc mừng năm mới, mới buổi qua,
Bỏ bớt dị-đoan chẳng cúng gà.
Tre nêu phơ-phất không còn thấy,
Ra mắt tiêu mòn bữa thứ ba.

Kỷ-mão năm nay đã hết rồi,
Tâm thần hoài tưởng chuyện xa-xôi.
Đạo mầu Nam địa càng thâm-diệu,
Dẫn dắt nhơn-sanh cũng chữa rồi.

Bước qua năm mới, mới mừng à,
Khuyến-khích dân tầm đạo Thích-Ca.
Tự giác, giác tha ta phải nói,
Hỡi người dương-thế bớt xa-hoa.

Xa-hoa năm mới, mới khổ à,
Dân chớ chần-chờ chớ bỏ qua.
Đạo-lý xem tường âu mới hãn,
Rán tìm cặn-kế nổi ma-ha.

Năm Thìn bước tới thiệt là rộng,
Nanh gút vầy-vùng nổi long-đong.
Chiến-tranh thảm-khốc toàn lê-thứ,
Lo nổi đói đau giống Lạc-Hồng.

Canh-Thìn bước tới hỡi dân ơi!
Thế-giới đao binh ruột rã-rời.
Khốn nguy đa sự chào xuân mới,
Dân-chúng hoàn cầu khó thành-thời.

Phi phi bỗng xuất mặt Huỳnh-Long,
Dụng lối Bá-Nha réo Lạc-Hồng.
Chạnh cảm cha còn con chẳng biết,
Phải nhờ đạo-đức mới tường thông.

Phần ta thương chúng lưỡng âu sầu,
Dân sự nào tường nẻo cao sâu.
Bôn Bắc tẩu Nam cam khổ rồi,
Nhưng vì bốn-phận phải toan âu.

Con người Nguơn-hạ mấy nhiều hơi.
Đạo-đức nhiệm màu chẳng có chơi.
Lê-la chậm bước đàng bụi gió,
Phải sớm lánh xa khỏi cuộc đời.

Mãnh hổ đầu đưa chí tang-bồng,
Rạng mây nở mặt với non sông.
Quân-tử thánh-nhơn ghi Nhược-thủy,
Cơn buồn chấp bút chuyển huyền thông.

Hòa-Hảo, ngày 28 tháng chạp Kỷ-Mão

(Chép theo bản chánh do ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ).

CÁM CẢNH DÂN NGHÈO

Tết tết cùng năm tháng hết mà,
Thẳng bần công nợ chạy bôn-ba.
Hẹn mai hẹn một chờ khai hạ,
Còn đòi áo tốt rồi chàng ta.

Năm nay ăn tết thật là nghèo,
Sanh-chúng u-buồn nỗi nạn eo.
Đồng khô lúa ngập coi xơ-xác,
Cảnh đói buông lung nỗi giạt bè.

Nhấn-nhủ khắp nơi hỏi một bài,
Ba ngày xuân nhứt bởi nơi ai?
Rượu-trà, cờ-bạc, ôi phung-phí,
Chẳng biết lệ xưa của ai bày?

Tết rồi tết nữa, tết liền tay,
Năm cuối mỗi năm cũng tết hoài.
Làm cho dân-sự vui nha-nhớt,
Chơi giỡn ba ngày rước xuân lai.

Lòng ta cảm thấy nỗi u-buồn,
Suy xét việc đời lụy muốn tuôn.
Chào xuân chẳng thấy xuân mừng nói,
Mê-mệt tâm can trí bắt cuồng.

Hòa-Hảo, ngày 28 tháng chạp Kỷ-Mão.

HAI MƯƠI CHÍN THÁNG CHẠP

Bước tới hùng ca bước tới hoài,
Đạo đời hủ báng mặc tình ai.
Cổ chí nhiệm-màu truyền diệu-pháp,
Bởi vì cốt-nhục cũng hoài thai.

Diệu-vợ xa-xăm nỗi khổ hoài,
Cuộc đời lao-khổ thấy chiều mai.
Chợt ngó xuân sang xuân biết khóc,
Đến thời Thiên định lối bi ai.

Giục-thúc nhơn-sanh kiếm Đạo màu,
Sao còn hoài tưởng chuyện đầu đầu?
Sự sống người đời, ôi! thấy khổ,
Miệt-mài Đạo-đức về huyền sâu.

Hùng ca chuyển pháp kiếm tôi hiền,
Thiên-địa tuần hườn chẳng vị riêng.
 Gian nịnh phản thần, ôi! nhơ-nhuốc,
Gìn lòng trung hiếu sách ghi biên.

Ghi biên những kẻ quá lương hiền,
Một mực trung thành với Phật-Tiên.
Cổ tưởng ước-mơ về Tiên cảnh,
Hiếu hạnh gìn lòng chí ư thiên.

Ư thiên Trời Phật chẳng dụng tiền,
Tìm kiếm con lành giải nghiệp-duyên.
Mê-muội ác-hung về địa-ngục,
Hiền lành nhằm mắt thấy non Tiên.

Non Tiên ra sức tháo dây xiềng,
Dân-chúng an nhàn dạ mới yên.
Cám cảnh thương đời, ôi! mê-muội,
Mong-ước ngày kia giải mộng phiền.

Mộng phiền muốn khỏi phải làm sao?
Hung dữ, ác nhờn chớ bước vào.
Gìn tâm nhu-nhược chờ vận đến,
Vây mới rời xa cảnh máu đào.

Máu đào khắp nước khổ vô cùng,
Nam-Việt dân tình mãi thung-dung.
Chẳng lo tu tỉnh cầu Phật-Thánh,
Để nước đến chơn mới nháy đùng.

Nhảy đùng ắt phải lọt ngoài sâu,
Chẳng gặp xuống ghe chững mới rầu.
Làm sao lo liệu tu cho kịp,
Bập-bẹ nam-mô cũng nhọc cầu.

Nhọc cầu bịnh tật nổi nào đâu,
Lao-khổ nhờn-sanh cảnh nước Tàu.
Trẻ nhỏ rã-rời xa bố mẹ,
Sao còn tranh-đoạt mảng mỗi câu.

Mỗi câu danh-lợi chúng dân rầu,
Kim chỉ phải gìn chuyện cạn sâu.
Vinh-hoa phú-quí chòm mây bạc,
Nho-nhã thi-văn nẻo nhiệm-mầu.

Nhiệm-mầu hạnh-đức quá thanh-thao,
Thần, Thánh, Phật, Tiên xuống kêu gào.
Dương-gian mau tỉnh trong tràng mộng,
Tâm kiếm nơi nào đạo siêu cao.

Hòa thôn Hảo cảnh xứ chi ta,
Tạm dặt nhờn sanh khỏi ái hà.
Tạo xác Huỳnh danh thanh sắc trẻ,
Chờ thời Thiên định thiết hùng ca.

KIM ngọc nào tri Phật, Quỷ, tà.
SƠN đài ra sức dẹp loài ma.
THƯỢNG thọ chúc cầu an bốn biển,
ĐẰNG đấng dưới trên sớm thuận-hòa.

Mong ước ngày kia dựng khai hoàn,
Địa cầu sanh-chúng được nhàn an.
Bốn biển một nhà Cha: Phật,Thánh,
Thì là dân sự hết tàn ngang.

Năm tàn tháng cuối cảnh buồn teo,
Đón rước bạn xuân lẻ quá nghèo.
Thượng cổ gần hồi nên sửa lối,
Theo nhà Phật-Giáo phải như keo.

Dân-chúng chớ nên đốt giấy tiền,
Bởi vì Diêm-chúa chẳng tình riêng.
Phán-quan tả hữu không dùng hối,
Nên phải dạy dân bỏ giấy tiền.

Vàng bạc bởi tay khách trú làm,
Phật, Thần, Tiên, Thánh chẳng dùng ham.
Giấy quần giấy áo không nên đốt,
Nghĩ chuyện đối ma chẳng đáng làm.

*Hòa-Hảo, ngày 29 tháng chạp Kỷ-Mão.
(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*

ĐÊM BA MƯƠI

Đêm nay mới cũ hiệp hai đàng,
Xuân nhụt lễ này tại thế-gian.

Mèo rồng cao thấp chơi cùng giỡn,
Đông hạ xuân sang khắp địa hoàng.

Bóng trăng vắng mặt, tối tối hoài,
Hai giờ hiệp mặt, hai giờ hai.
Một đêm mới cũ cùng nhau gặp,
Tức cảnh thi văn nhả một bài.

Một bài từ cũ mới ngày mai,
Tiếng pháo xa xa vẫn đốt hoài.
Dân ta nghèo túng về Đạo-đức,
Chơi giỡn đua-bơi mãi tối ngày.

Một lúc lâu lâu một tiếng ùng,
Đúng giờ cũng rước ông bà chung.
Từ-bi hai chữ ta ngồi tưởng,
Không có xu mua đốt miệng hùn.

Hòa-Hảo, đêm 30-12 Kỷ-Mão.

Những bài sáng-tác năm Canh-Thìn (1940)

Tam sắc cờ bay phất-phới mà,
Ngồi nhìn nhớ kỹ héo lòng ta.
Thuở xưa đâu có cờ tam sắc,
Gặp cảnh vong bang úa ruột-rà.

Lúc Đức Thầy ở nhà thương Chợ-Quán, Ngài có gởi về Hòa-Hảo bài dưới đây và dặn bôi bỏ bài trên. Anh em bốn-đạo lúc đó cũng chưa hiểu vì sao Đức Thầy bảo sửa. Bỗng một bữa nọ, Cai-Tổng Pho đến nhà Đức Ông đem vấn-đề thi-văn của Đức Thầy ra nói chuyện, có ý muốn làm khó để Đức Ông về bài thi "Cờ tam sắc" nói trên. Liền đó, Đức Ông bảo ông Hương-quản Diệp (ngẫu nhiên có mặt trong lúc đó) đọc bài dưới đây. Nghe xong, Cai-Tổng Pho vỗ tay nói : "Vậy mà người ta nói lại khác chứ !"

Tam sắc cờ bay phất-phới mà,
Ngồi nhìn khoăn-khoái cõi lòng ta.
Thuở xưa đâu có cờ tam sắc,
Nay hiệp Tây Đông thể ruột-rà!
Hòa-Hảo, ngày 1 tháng giêng Canh-Thìn (1940). (Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)

ĐẦU NĂM

Đầu năm tục lệ gọi ngày mừng,
Tiếng pháo đốt hoài cũng thấy chung.
Xóm trên xóm dưới cùng nhau đốt,
Khúc giữa phần ta mãi nghe hùn.

Nghe hùn lỗ nhĩ cũng lòng-tung,
Ngày một tiếp xuân mới vô cùng.
Mèo lui rồng tới bay vợ-vấn,
Thế-giới chiến-tranh nổ khắp bùng.

NĂM CANH-THÌN (1940)

CỜ TAM SẮC

Mồng một năm nay rõ thiệt Thìn,
Hẹn cùng non nước vẫn đình-ninh.
Cổ chí tấm lòng gìn đạo-đức,
Mặc tình bá tánh chẳng thềm tin.

Nam-hải Quan-Âm lấy tịnh bình,
Cầm hành dương-liễu rảy tà tinh.
Quyết lòng độ tận trong sanh-chúng,
Ai ghét ai ưa cũng mặc tình.

Xuân sang ảm-đạm ánh dương mờ,
Thệ quyết một lòng chẳng bỏ ngờ.
Có sông có núi cùng cây cỏ,
Độ tận chúng-sanh khỏi đại khờ.

Lòng ta gặp cảnh rối tơ vò,
Gan ruột phổi phèo một bụng to.
Lo hoài lo mãi không sao xiết,
Tiên cảnh chúa tôi vẫn hẹn-hò.

Hò hẹn Phật-Tiên hiệp một ngày,
Một ngày thế-giới khỏi bi-ai.
Trung-Uơng tam cõi đều hòa mặt,
Ta mới thành-thơ trở gót hài.

Gót hài muốn trở phải làm sao?
Đạo-đức thâm sâu hãy bước vào.
Sớm chiều lo liệu rèn tâm trí,
Niệm tưởng Phật Trời thỏa ước-ao.

*Hòa-Hảo, ngày 1 tháng giêng Canh-Thìn (1940).
(Chép theo bản chánh do ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*

ĐỐT PHÁO XUÂN

Lẹt-đẹt rồi đây lẹt-đẹt bùng,
Đùng-đùng lẹt-đẹt nổ lũng-tung.
Lũng-tung lũng-túng dân ta túng,
Ngao-ngán cho xuân lão bắt khùng.

Đoái thấy xa xa một cái đèn,
Ngoài đường trời tối thiệt len-nhen.
Tiết xuân buồn-bã vì ngập lúa,
Nên phải ăn chơi cách quá hèn.

*Hòa-Hảo, ngày 1 tháng giêng Canh-Thìn (1940).
(Chép theo bản chánh do ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*

TỐI MỒNG MỘT

Nhuần gọi ơn trên rải Đạo mầu,
Thương đời chỉ-vẽ nẻo cao sâu.
Khai rừng kinh kệ câu huyền-bí,
Để cứu nhơn-sanh khỏi thảm-sầu.

Hương đăng nghi-ngút lễ vọng cầu, (1)
Cám lòng bá-tánh nguyện từ câu.
Chí quyết một lời ta độ tận,
Dắt chúng lánh xa cảnh mộng sầu.

*(1) Đêm ấy ông Hương Kiểm Chương và anh em ở
Hưng-Nhơn (Châu- Đốc) đến đưng bông lễ Phật.*

Giữ nguyện đình-ninh tiếng tạc thù,
Làm lành đâu phải tổn tiền xu.
Mà sau lại được về Tiên cảnh,
Thêm thoát ngục mê chốn Diêm-phù.

Diêm-phù chơn Chúa chọn người tu,
Hành phạt ác-hung chốn cửa tù.
Tiếp nghinh những kẻ lòng nhờn-đức,
Hỡi bổ dương-trần hãy rán tu.

Rán tu vệt phá đạo lu-bù,
Thấy chúng đời này lạc chữ tu.
Sớm tỉnh kệ kinh tìm hiểu lý,
Một ngày hội hiệp hết mờ lu.

Mờ lu được sáng rần hóa cù,
Hiệp mặt phân trần nổi ám-u.
Tớ Thầy tôi chúa cùng nhau gặp,
Khấp hết thế-gian thoát chốn tù.

Chốn tù vốn thiệt cõi ta-bà,
Tiên cảnh được về mới lánh xa.
Chúng-sanh chìm đắm trong vòng khổ,
Khuyến dạy bởi vững sắc Ngọc-tòa.

Ngọc-tòa Phật-Tổ nấy sai ta,
Xuống cứu thế-gian nẻo vạy tà.
Hiệp sức tớ Thầy truyền diệu-pháp,
Cho đời thấu tỏ Đạo ma-ha.

Ma-ha thoàn nhã dọn rồi đa, [1]
Bước xuống đi qua bến giác mà.
Sao hỡi còn chờ ta réo mãi?
Dân tình xem giảng cứ ngâm-nga.

Ngâm-nga việc khổ tới bên a,
Bổn phận tu hiền phải lánh xa.
Biết Đạo tùy thời mau tránh khổ,
Chớ đừng thi-thố những tài ba.

Tài ba khoe sức uống thầy mà!
Nhứt dạ yêu đời dụng khuyến ca.
Tỉnh thức nhờn dân đang mờ ám,
Nên làm thi phú đặng ngâm-nga.

Ngâm-nga hiểu nghĩa đáng kim nga,
Huyền-bí nhiều lời chỉ thiệt xa.
Bổn-đạo rán tìm cho cạn-kẻ,
Lòng hiền Phật độ khỏi tinh-ma.

*Hòa-Hảo, đêm mồng 1 tháng giêng Canh-Thìn.
(Chép theo bản chánh do ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)*

[**Hiệu chính:**

[1] Ghi theo ấn bản 1955: "Ma-ha thoàn nhã..." : Thoàn trí tuệ bát nhã rộng lớn (Ma-ha: rộng lớn). Ấn bản 1966 ghi: "Ma-ha thoàn nhỏ dọn rồi đa].

Thầy giáo XOÀI

(tức SOÀI, tức MẠNH-XUÂN-QUẢ) **xướng:**

Đạo-đức bao nhiêu dám gọi Thần,
Bia danh mô-phạm để lừa dân.
Trời Âu tấn hóa nhờ khoa-học,
Đất Á suy đồi tại biếng thân.
Nhồi sọ nhờn-sanh kêu thức tỉnh,
Mê hồn bá tánh gọi người ân.
Dạy đời mở Đạo mình coi đỡ,
Sánh lại khác xa Việt với Tần.

ĐỨC THẦY đáp họa:

Ngu muội Khùng Điên chẳng thuyết Thần,
Đôi lời cường-sĩ gọi lòng dân.
Văn-minh lợi dụng nhờ hay học,
Giỏi chữ lòn đời để lập thân.

Ham sướng dương-trần ôi ! khó tỉnh,
Ưa vui dân sự chẳng thi ân.
Ý mình chê chúng rằng hay dở,
Ganh-ghét hiền nhu thứ ác Tần.

Thầy giáo XOÀI xướng:

Biết ai là Thánh biết ai Thần,
Học hỏi thầy mô dám dạy dân.
Khuyên-nhủ thiện nam nên để tóc,
Vỗ-về tín nữ lại tu thân.
Niết-bàn dành để người phàm tục,
Trần-thế màng chi cuộc ái ân.
Muốn dặt đồng bào qua bể khổ,
Đạo mầu xin luyện mấy non Tần.

ĐỨC THẦY đáp họa:

Đâu màng bá tánh gọi danh Thần,
Tự giác huyền cơ để giáo dân.
Bắt chước ông cha ta để tóc,
Nói theo tổ phụ đặng gìn thân.
Lòng yêu chi sá lời thô tục,
Dạ ái nào thềm chúng đáp ân.
Hồng-Lạc chỉ đường qua cảnh khổ,
Kìa ai chớ tập tánh dân Tần.

Thầy giáo XOÀI xướng:

Mê-tín dị-đoan mới tặng Thần,
Nói gương hiền-triết lại chẵn dân.
Sám kinh lấy nể răn truyền giáo,
Giảng dạy là mưu để ấm thân.
Khai sáng đưa mù đời trách oán,
Làm ngu kẻ trí gọi là ân.

Ông ôi! nay đã bao nhiêu tuổi?
Sao chẳng có lo cuộc Tấn Tần?

ĐỨC THẦY đáp họa:

Lọc lẽ tà tâm ấy gọi Thần,
Trượng phu người phải biết thương dân.
Nồi cơm thiếu bữa tranh nghề giáo,
Trách cá hụt dùng đoạt mỗi thân.
Ở phải giúp giùm sao nói oán?
Ôi thôi, làm mướn chớ rằng ân.
Đạo đời chẳng luận người cao tuổi,
Xin miễn cho ta cuộc Tấn Tần.

Chẳng phải lòng ta muốn họa thơ,
Ví như văn-sĩ đáp lời ngờ.
Đạo mầu giữ phận không cao thấp,
Ai đọc qua rồi phải bỏ lơ.

Thi phú đâu cho thấu đến tai,
Cũng đứng giận-giữ mới là hay.
Bóp lòng chịu ý nên lời trả, (1)
Tôn-chỉ người tu sái việc bài.

(1) Đức Thầy không muốn trả lời ba bài thi của thầy giáo Xoài, nhưng vì ông giáo Long, người đưa thơ, cố nài-nỉ mãi nên bắt buộc dĩ Ngài mới chịu đáp họa.

Tôi làm như thế khác lời tu,
Giả dạng nhà nho muốn trả thù.
Người xỏ tới mình mình đáp lại,
Chớ tình chẳng chịu viết thi ru.

Hòa-Hảo, Tết năm Canh-Thìn.

Ông HUỲNH HIỆP-HÒA

(Làng Bình-Thủy, tỉnh Long-Xuyên) **xướng:**

Phóng cầu Tiên Phật dẫn kim châm,
Phạn ngữ truyền lai tối thậm thâm.
Phanh luyện ô kim mong điểm đạo,
Tiển ngao thể chỉ hóa khai tâm.
Thuấn Nghiêu thọ thọ nguy duy hiển,
Phật Lão hư không bí khuyết thâm.
Thị nhị giáo-sư đoàn thuyết-pháp,
Tảo tương thích điển chúng-sanh tầm.

ĐỨC THẦY hạo:

Mã hồi nhờn diện ngã kim châm,
Pháp-giáo phạn-văn bát diệu thâm.
Lam thất thanh chơn hà khuyết Đạo,
Qui hồi bí hiểm trị nhờn tâm.
Môn-gia khảo sát lai duy hiển,
Vị-khí nan thông ký cảm thâm.
Ngã thị vô biên nhiên lập pháp,
Hòa giai Nam-đỉnh tác thi tầm.

Hòa-Hảo, mừng một Tết năm Canh-Thìn.

Ông HUỲNH HIỆP-HÒA xướng:

Chúng-sanh tầm đắc đạo nan minh,
Bửu-bối trường tâm thể dụng tinh.
Cầm-kiếm đánh lư an trí thủ,
Cần khôn nhứt nguyệt vị đồng linh.
Siêu phàm ôn dưỡng âm-dương số,
Nhập thánh để khai thể-tục tình.
Thái-Thượng, Thích Ca luân kiếp giáo,
Đơn song đồ-đệ cổ kim minh.

ĐỨC THẦY hạo:

Chúng-sanh khổ diệt diện nan minh,
Ly cầu từ-bi cái thể tinh.
Nhan-Thước duyên-do tam diễn thủ,
Can trừ danh-vị nã kỳ linh.
Ngộ thâm nan liễu âm-dương số,
Xác tục trần gian cố dục tình.
Thô phi nam lương toàn khuyến-giáo,
T âm tồn ngôn xuất biện kim minh.

Ông HUỲNH HIỆP-HÒA xướng:

Hội trung bửu-cái cổ-kim truyền,
Tri giác hư linh kế lập thiên.
Siển, triệt phân minh Châu-Võ kỷ,
Âm, dương chuyển luyện Hớn-thê tiên.
Lôi-Âm kinh-ký khai đàn việt,
Sơn-Thứu từ tăng phản bốn nguyên.
Gia bác na thời di phổ hóa,
Huyền-cơ như thử kiếp trần yên.

ĐỨC THẦY hạo:

Bửu gia nan hồi thể-gian truyền,
Tam thể hư không tế kiệm thiên.
Nhơn ngã hạ-ngươn phân bất kỳ.
Qui hồi thượng-cổ bút thê tiên.
Chất âm, thanh, sắc phi tiêu-diệt,
Bài phỏng liêm-gia bế hộ nguyên.
Lập chí hiền-nhu đương kế hóa,
Thi thần ký chú định hòa yên.

Ông HUỖNH HIỆP-HÒA xướng:

Ngọc quang cảnh nội chủ càn-khôn,
Tam nhứt vô cùng kiến thúc tôn.
Âu Á chiến tranh thù thắng lợi?
Kim lê uống-tử sắc hà môn?

Hà môn giáp tý giáng lâm trần,
Đào-tạo lương-tâm khổ não dân.
Xuất hiện mạng chơn phi quyết chiến,
Cầu ai trị địa hội quân thần.

ĐỨC THẦY họa:

Thành tha ngũ nội nã càn-khôn,
Cái thế vô linh mạng thích tôn.
U lịch bá trừ nô bính lợi,
Tiền đồ lê dị đặc giang môn.

Tam thiên lục bá giáng lâm trần,
Khốc tử lang tâm biến họa dân.
Tà quái hạ-nguơn khai ác-chiến,
Ất niên bình thụ kiến quân-thần.

Ông HUỖNH HIỆP-HÒA xướng:

Phiến ngôn đại chấn điểm nam cương,
Khẩu tụng Văn-Vương vị bốc tường.
Dữ thiện ngôn ngôn tung nhứt nhị,
Hành nhơn tịch tịch muội tâm lương.
Mã lai thủ thị danh thương pháp,
Thủy kiệt chướng thâm tấy khổ trường. (1)
Thi vấn hồi âm tri bửu hiệu,
Tứ minh tam vị hiển văn-chương.

(1) Nếu chiết tự 6 câu của đầu bài này thì chúng ta thấy
mấy chữ sau đây: Trạng Trình, Cử Đa, Đề Thám, Ông
Huỳnh Hiệp-Hòa muốn hỏi coi Đức Thầy có phải là một
trong 3 ông đã kể trên đây chẳng?

ĐỨC THẦY họa:

Hồi đầu điểm Đạo chuyển phong cương,
Háo thẳng bi ly đạo khổ tường.
Tề tướng Cam phong an diện nhị,
Hàn nhơn thọ khóa tác tâm lương.
Thiên-tôn mật sát nhơn-gian pháp,
Phật-lý di khai đại-hội trường.
Tam bá ngoại niên chơn bút hiệu,
Hàn lâm nhứt đấu vịnh thiên chương.
Hòa-Hảo, mừng một Tết năm Canh-Thìn.

Ông HUỖNH TRUNG-HÒA (thầy ba Tươi)

ở làng Kiến-An, Long Xuyên) **xướng:**

Lương chưng khó hiểu khách trần-gian,
Sớm mặn chiêu chay lảm nhộn-nhang.
Đặc đất phần tình tô lảng mếp,
Cả trời lửa chướng đốt nong gan.
Khéo đăm điệu hạnh trêu màu Phật,
Đành để xương da nhuộm máu phàm.
Riêng tưởng trồng gieo rừng bác-ái,
Những mong trông ngóng đến Thiên-đàng.

ĐỨC THẦY đáp họa:

Từ rày đặng nẻo lánh trần-gian,
Chẳng hiểu mặn chay mới nhộn nhang.
Ngao ngán cho người ôi quá mếp,

Thương đời mê muội luống bầm gan.
Đạo mầu chẳng hiểu nên lừa Phật,
Hiển diệu ra cơ giác tỉnh phàm.
Dạ luống ước mong đời bác-ái,
Quyết lòng chỉ rõ nẻo Thiên-đàng.
Hòa-Hảo, mừng ba tết năm Canh-Thìn.

Viếng non Ông KẾT

Non Tiên gió mát toại lòng thay,
Tức cảnh thi văn nhả một bài.
Cổ tưởng ước mơ về nhược thủy,
Ngặt vì không cánh lầy gì bay.

Dắt xác phàm phu viếng non Đoài,
Hỏi nhờ đá cục ngủ đêm nay.
Chư sơn Bày núi đều qui tợ,
Thầy tổ cảnh Tiên rõ mặt mày.

Nhìn xem cây lá gió lung-lay,
Sáng lại lui chơn trở gót hài.
Vây hỡi chư Thần mau nổi gót,
Theo Thầy dắt chúng khỏi nòng cay.

Lầu đài núi Cấm lộ nay mai,
Thức tình chúng-sanh mới tỏ bày.
Khuyên dạy dân tình minh đạo-đức,
Tu hành được thấy cảnh Bồng-Lai.

*Trên non, ngày 14 tháng giêng năm Canh-Thìn.
(Đức Thầy đọc bốn bài này cho ông Hương-giáo Tập ở
Thới-sơn (Châu-Đốc) viết tại trên non, và khi về nhà Đức
Thầy còn đọc lại cho anh em tín-đồ chép)*

Ông TÙNG (ở vòm Cái-Đầm, thôn Hòa-Hảo)

hỏi ĐỨC THẦY:

Càn-khôn Tạo-Hóa ở một bầu,
Kính hỏi thăm Thầy vậy ở đâu?
Sắc ở Tà-Lớn hay núi Cấm?
Cán còn khâu mắt cất ở đâu?

ĐỨC-THẦY họa:

Cũng biết càn khôn vẫn một bầu,
Tây-Phương yêu chúng chẳng ngồi lâu.
Sắc của A-Di là Phật-Tổ,
Bốn chữ xuống trần chớ ở đâu?

Ông TÙNG hỏi:

Cắc-cớ vì đâu khéo vấn-vương,
Dem lời Phật Thánh dám bày tường.
Thiên-cơ bất khả sao ông nói?
Phật Thánh Tiên Thần dám phô trương.

ĐỨC THẦY họa:

Vì tình nhơn-loại mới vấn-vương,
Thương đời lăm lặc lão bày tường.
Thiên-cơ được lịnh nên ta nói,
Phật Thánh phần ta mới bày trương.
Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn.

THỜI LAI ĐIỆN MỤC

Hồng nhận ô qui thán giả hồ,
Thi thần đờm khí ngộ hà mô.
Điện phong vạn hộ vô thiên ảnh,
Tổn khí thao tồi vọng nhứt vô.

Nhút vô tam kiến cái thiên hồng,
Tông tích kỳ sanh chuyển kiếp thông.
Khai cảnh nguyệt đài minh hạ giải,
Thới lai diện mục tác hài công.
Hòa-Hảo, tháng giêng năm Canh-Thìn.

Viếng làng MỸ-HỘI-ĐÔNG (Long-Xuyên)

Canh-niên trời bước thừa nhàn,
Để chơn đến viếng xóm làng Hội-Đông.
Về non dạ luống ước-mong,
Cám tình lê-thứ tuôn ròng lụy châu.
Lời thăm cùng khắp đâu đâu,
Hương thôn bốn-đạo lo âu mỗi giếng.
Tu là tu Phật tu Tiên,
Tu cho rõ biết chữ hiền ra sao.
Mùa xuân chưa có mưa dào,
Cũng như Đạo hạnh sắc màu chưa thanh.
Sớm chiều phủ sạch lợi-danh,
Tâm nơi chánh-giác cõi thanh đặng về.
Hỡi ôi, thấy chúng bớt mê,
Đạo mầu siêu-việt tập-đề là đây.
Tinh-thần hiệp vén ngút mây,
Vết cho rõ mặt tở Thầy Hạ-ngươn.
Lòng thương bá tánh đời cơ,
Dầu ai mua oán chác hờn mặc ai.
Chuông linh giục thúc bên tai,
Chúc cầu thanh-trị thới-lai xóm làng.
Hiệp chung một cuộc chi-lan,
Rồng đà lổ bóng đá vàng biết nhau.
Lọc-lửa hiểu đặng vàng thau,
Dem thân mua lấy mận đào thiên-nhiên.

Duyên lành rõ được Khùng Điền,
Chẳng qua kiếp trước thiện duyên hữu phần.
Làm sao khỏi chốn mê-tân,
Đào-nguyên vạn lượng tỏ phân kính sùng.
Thánh-nhơn ghi sách Trung-Dung,
Hiền-nhơn thức-tỉnh biết dùng người ngay.
Hội thanh hiệp mặt vui-vầy,
Gắng công cố chí lòng này chẳng phai.
Vinh-hoa dưỡng thể cúc mai,
Cuối mùa tàn rụi lâu dài đặng đầu.
Thích-Ca Đạo vị huyền-sâu,
Rạch tim xem được một bầu linh-quang.
Mảng còn tư-lự tình-tang,
Thuyền từ tới bến thanh nhàn bố dân.
Hóa-công chí thiện cầm cân,
Công-bình thưởng phạt thứ-dân nào tường.
Sum-vầy chiếc nhạn sâm-thương,
Nho-văn cảm-kính hiền lương của người.
Se-sua nói nói cười cười,
Cao sâu lý-diệu vàng mười khó mua.
Trần-gian thiếu trái chi chua,
Bây giờ trái ngọt không mua bởi mình.
Tới đây cạn lẽ phân-minh,
Quyết đem chơn-ly đặng gìn Phật gia.
Tài sơ trí siển nô-m-na,
Mặc tình chê ghét phận ta ta tường.
Thoảng qua mùi diệu phô-trương,
Kêu dân mau tỉnh trong trường mộng xuân.
Keo sơn đầu cật liền lưng.
Thấy trong bá-tánh nửa mừng nửa lo.
Mừng là mừng việc hay-ho,
Lo là lo việc ốc-sò trái qua.
Tinh tâm mượn lấy thi-ca,
Giác-dân hướng-thiện chánh-tà phân-minh.
Rèn lòng giữ dạ sắt-đinh,

Đừng phai đừng lợt thân mình thành-thời.
Biển trần lao-ly diêu-vời,
Khổ tâm chặt lưới chiều mơ phôi rôi.
Nhìn xem tâm não bồi-hồi,
Sơ nhi đã lậu phá mỗi vinh-vang.
Chùng nào kim phụng hòa-loan,
Đông Tây vô lự mới an sự đời.
Thừa vưng sắc-lich của Trời,
Cùng ông Phật-Tổ giáo đời khuyên dân.
Bấy lâu chạnh cảm ô-ngân,
Bây giờ hiệp mặt phân-trần sạ-duơn.
Dập-dôi gió kếp mưa đơn,
Đau thương vì bởi nghĩa ơn chẳng tròn.
Bày ra thiên-ly héo-von,
Giấu trong tim-óc lòng son chẳng đành.
Trải qua một lúc sỏi-sành,
Trung-Uơng hòa-hiệp mới đành lòng đây.
Hoàn-cầu trái-đất chuyển xoay,
Gốm-ghê cho chúng phối thây muôn ngàn.
Ngày nay đạo-đức chẳng màng,
Rồi sau dẫu có tiền ngàn khó mua.
Biển sông lặn-lội hơn thua,
Tự thân tạo lấy mà mua cái sầu.
Phật, nhơn, tạo hóa một bầu,
Kẻ thanh người trược mới hầu khác nhau.
Thân này sá quản cần lao,
Miễn cho bá tánh được mau an nhàn.
Ngũ niên viễn lự cơ hàn,
Đến chùng qui ph ục Hớn-Đàng mới yên.
Bao la cảnh Phật cõi Tiên,
Tòng mai liễu trúc hữu duyên khoe màu.
Ngũ vân năm sắc năm màu,
Kìa qui nọ phụng lao-xao vui mừng.
Vang-vẫy sấm nổ chuyển-luân,
Kiếng-tiên lộ vẻ vui mừng cha con.

Bấy lâu nghĩa nọ tiêu mòn,
Ngày nay hiệp mặt hết còn thờ-than.
Các nơi liệt-quốc chư-bang,
Chúc cầu bình-trị trưởng-loan sum-vầy.
Bây giờ làm việc tà-tây,
Ngày sau bị khốn tội rày điêu-ngoa.
Biết khôn tìm kiếm ma-ha,
Một-câu lục tự nhà nhà bình-an.
Xa-xuôi đường sá dậm tràng,
Khó bề lui tới rồi nhàn lao-lung.
Lo bề cúc-dục cội thung,
Nghe lời Thầy dạy việc chung của đời.
Bút nghiên tạm gát đợi thời,
Chúc cho bá tánh xét đời biết ta.
Mỹ-Hội-Đông, ngày 22-1 Canh-Thìn.

Ông NGUYỄN THANH-TÂN

(tức Hương-Thân Ưống) **xướng:**

Bóng thỏ đà lu rạng mặt rờng,
Bống phương sĩ-tử nhóm càn đông.
Trời Nghiêu phụng múa vòng tay áo,
Đất Thuấn voi cày ruộng trở bông.
Biển lặng sông trong chờ lệnh chánh,
Nhà an nước trị lẽ thiên công.
Kìa ai gói-gắm lời cơ-mật,
Ức bụng kẻ hiền bở núi sông!

ĐỨC THẦY họa:

Non Lịch rừng nhu lộ vẻ rờng,
Danh hiền bao rải khắp Tây-Đông.
Chòm ong còn múa trong the áo,
Nam-Việt giống nòi trở nhụy bông.
Mặt đất địa cầu qui lập chánh,

Một nền Đạo hạnh lấy tâm công.
Văn nhu áo não tìm cơ-mật,
Sẽ hản việc đời hỡi núi sông!
Mỹ-Hội-Đông, ngày 22-1 Canh-Thìn.

Ông NGUYỄN THANH-TÂN xướng:

Tiết phong một võ nhứt thân khinh,
Háo đạo thơ sanh cảm khốc tình.
Cực vọng nam minh dân tiếp thủy,
Tường khan bắc chỉ thạch tranh vinh.
Mộng hồi cố quốc tam canh nguyệt,
Tỉnh khởi cô bang vạn lý trình.
Kim nhựt phùng chơn tu tận túy,
Hữu tương ly biệt não bình sanh.

ĐỨC THẦY đáp họa:

Hải qui thiết lượng ngốc nhờn khinh,
Cổ viễn hà qua kiến hữu tình.
Quý hóa ai thi hà quốc thủy,
Đài phi sơn lãnh vị thành vinh.
Phù vân lộ thức nhiên âm nguyệt,
Tổ giả vong bang kỷ tráng trình.
Phúc họa trừ phong nhiên Bính tí,
Trùng lai hữu nhựt tại hoài sanh.
Mỹ-Hội-Đông, ngày 22-1 Canh-Thìn.

Ông NGUYỄN KỶ-TRÂN tức chín Diệm
(làng Định-Yên, tỉnh Long-Xuyên) **xướng:**

Cường-khẩu xâm lăng kỷ thập niên,
Vị tri đại-đức giáng, hà Tiên?
Hi-Di ngũ quý kim an tại,

Thái-Thượng tam vương cổ bất truyền.
Độc nhãn sa-đà tàng Bắc-địa,
Liên mi chơn mạng ẩn Nam-thiên.
Phòng ngư xích vĩ đương kim nhựt,
Dẫn lãnh minh lương trú tổ tiên.

Tổ-tiên cứu loạn hựu phò nguy,
Hướng thiện khứ tà chúng bất tri.
Vô tránh vô tranh thiên hạ thiếu,
Toàn trung toàn hiếu thế gian hy.
Ái mao vị tiện ngô đồng phụng,
Tiết giác thâm tàng trạch thủy qui.
Bất tận tam tâm danh lợi khách,
Đáo đầu thâm mãnh niệm từ-bi.

ĐỨC THẦY họa:

Thiên ký Lạc-Hồng đặc ngũ niên,
Sơn-Trung hồi giả bí danh tiên.
Trần-nhơn đãi thế Nam tồn tại,
Lão đạo tiên phong Bắc ý truyền.
Trình mỗ ngộ kim khuê Cổ địa,
Xích mi hải hội luật trùng thiên.
Vị phi minh để đồ tôn nhựt,
Thạnh khí đào thịnh giác kỷ tiên.

Kỷ tiên hữu nhựt ngã đình nguy,
Lượng trí bồi thành thử tất tri.
Võ kỷ hùng phong nhờn mạt thiếu,
Thần-Tiên tiểu ẩn cổ lai hy.
Thí-sanh tán địa liên đài phụng,
Nam-sĩ bài kỳ phục kiết qui.
Vạn vật an-ninh thông điện khách,
Nhứt trường lê-thứ kiến vô bi.

Ông NGUYỄN-KỶ-TRÂN xướng

Gió xuân muôn vật toại lòng rồi,
Nghĩ lại băng-khuâng đạo Chúa tôi.
Cá phụ vẫy-vùng trong dấu cạn,
Trông chừng dấu nước luống ngùi ngùi.

Ngùi ngùi trông thấy đám mây xanh,
Thoạt vậy mưa tuôn đượm nhánh lành.
Thấm đến rừng nhu tươi vật sắc,
Dù ai đắp lũy nguyện bồi thành.

ĐỨC THẦY đáp:

Đạo-đức truyền ban cũng chữa rồi,
Xa đường nguyện ước chuyện con tôi.
Mưa tuôn vừa tiết ngư thông-thả,
Dạ thắm lòng vui cũng bắt ngùi.

Bắt ngùi cho kẻ bạc đầu xanh,
Sum-hiệp cùng nhau cội nhánh lành.
Gặp lúc tiết hòa mưa đượm sắc,
Quyết lòng trợ thế với bồi thành.

Bồi thành mới phải đạo văn nhu,
Có lẽ ngày kia rắn hóa cù.
Lũ-lướt đoàn chim bay kiếm ổ,
Rán mà theo dõi bố văn-nhu!

Văn-nhu vệt phá sụp ao tù,
Nước túng dân nghèo lại thiếu xu.
Khổ, khổ thương đời luân chuyển kiếp,
Phân trần cụ lão chuyện người tu.
Mỹ-Hội-Đông, đêm 22-1 Canh-Thìn.

Vịnh ông ĐỊA bằng sành

(Đề tại nhà ông hai Xòn ở Vàm-Nao thuộc tỉnh Long-Xuyên)

Bánh chệ ngồi chơi sướng hời ông!
Tâm lành sao chẳng tiếp non sông?
Nghen dân bốn phía đương đồ thán,
Vui sướng chi mà lại tỉnh không?

Mỹ-Hội-Đông, sáng ngày 23-1 Canh-Thìn.

Viếng làng PHÚ-AN (Châu-Độc)

Lưng-chưng một bước lạ làng,
Viếng thăm khắp chốn luận bàn huyền-cơ.
Người đời lòng những ước-mơ,
Một câu đạo-hạnh lỡ ngờ chuyện xa.
Đêm khuya còn vắng tiếng gà,
Bút nghiên tạm lấy tờ hoa tổ-trần.
Ô-kim vàng ấy ngàn cân,
Dương-gian muốn đổi lập thân cho tròn.
Trăm năm ghi tạc miếu son,
Trung-quân ái-quốc hãy còn danh bia.
Mặc tình tiếng nợ lời kia,
Chẳng màng thế sự đặt-bia nhiều lời.
Gẫm ra chuyện lạ ở đời,
Kẻ ngu người trí nhiều lời phân-vân.
Xưa kia bạo-ngược nhà Tần,
Đem lòng hung-ác giết lẫn văn-nhu.
Ước mong rắn đặng hóa cù,
Đồng tâm hiệp trí chữ tu dặt-dìu.
Lòng hiền giữ vẹn sớm chiều,
Xem kinh niệm Phật mỹ-miêu mặc-ai.
Hưng-vong suy-thạnh xưa nay,

Cuộc đời vay trả, trả vay đời.
Mấy ai trăm tuổi ở đời,
Được như Bành-Tổ mà rời lợi danh?
Quyết lòng tầm kiếm cõi thanh,
Lánh nơi trần tục học hành đường Tiên.
Trả cho rồi nợ tiền khiên,
Đến ngày hiệp mặt kiếng tiên vui-vầy.
Làm sao rõ mặt tở Thầy,
Tới chùng trăng rọi đài mây mới tường.
Bây giờ nạn ách còn vương,
Cha làm con chịu nhiều đường gai-chông.
Nhiều người kinh-sử lầu thông,
Mà không sửa tánh bởi lòng còn mê.
*Kiểm con hiền đức dặt về,
Về nơi cõi Phật Tây-Phương an nhàn.*
Nợ trần con sớm liệu-toan,
Nghĩa-nhơn trọn- vẹn mới an tâm lòng.
Thuyền từ kêu gọi ngóng trông,
Trông cho dân-chúng bớt lòng tham-ô.
Chùng nào thấy được cơ-đồ,
Nhơn vô viễn lự gia vô nhơn đình.
Đến đây thấy cảnh sanh tình,
Lòng son đòi đoạn công trình dạy khuyên.
Cứ lo chế ngạo Khùng Điên,
Ngày sau chịu mãi chữ phiền chữ đau.
Ngọt bùi lời đạo thanh-thao,
Đời còn mê-muội chùng nào mới thôi.
Vinh-hoa một bả làm mỗi,
Để câu kẻ đại việc tồi chất lên.
Muốn mình lên đặng bậc trên,
Hãy lo rèn đúc mới nên Thánh-Hiền.
Giống lành xưa cũng Rõng Tiên.
Ngày nay hung ác đảo-điên khắp cùng.
Mặc tình nghe phải thì dùng,
Chớ đừng bị-bạc kẻ Khùng làm chi.

Buồn đời gát bút nghĩ suy,
Suy cho cạn lẽ sàu-bi quá chừng.

Cầu ngã kiến văn tối thậm đa,
Thiện duyên tác phước ý như hà.
Phô trương vạn lượng tam hài tuế,
Hội thính na thời kiến thịnh hoa.

Viễn lự ô hô chí Lão Bành!
Nhơn thì sanh dưỡng khí tồn thanh.
Hải qui thế-giải nam hòa vọng,
Nguyện dữ như hà dụng thức canh.

Kim phụng triều vương viễn khứ đình,
Bài hồi phong nhã lạc trầm thanh.
Duyên-do phước thọ lai duy hiển,
Thủ đánh thư hùng thực sử-kinh.

Quang-minh điện-mục khả hồ sơ,
Nhứt diệu phù-vân phú-quới cơ.
Quân-tử Thánh-nhơn hà đại lượng?
Liên hồng vạn thứ cảnh thiên-thơ.
*Chợ-Vàm (Phú-An), ngày 23 tháng giêng Canh-Thìn, tại
nhà Hương-Hào Phi.*

Cho Thầy ba THẬN

ở làng Phú-Lâm (tỉnh Châu-Đốc)

Đêm vắng mà sao cảm quá dài,
Văn-nhu lão trưởng tiếng bi-ai.
Tầm nơi yếu lý câu huyền-diệu,
Thương thăm cho đời thưởng huệ mai.

Đoái tưởng lòng ông quá đổi hiền,
Dậm tràng tới viếng mượn ngòi nghiên.
Tỏ tình yêu quý người lương thiện,
Trông đợi ngày kia khỏi xích-xiêng.

Phú-An, tối 23 tháng giêng Canh-Thìn.

TỎ CÂU HUYỀN-BÍ

Đời đạo liên quan rạng chói ngời,
Trần-hoàn biển khổ thăm vơi-vơi.
Thanh minh đạo-đức câu huyền-bí,
Mượn lấy bút nghiên tỏ ít lời.

Hồng-Lạc giống xưa rất tuyệt vời,
Sao mà dương-thế mắng lo chơi.
Sớm chiều tự liệu rèn tâm trí,
Đạo-đức nhiệm sâu lão khuyển mời.

Thiên sanh thiện tánh tác thì gia,
Tông-tích cổ kim lượng thử hà.
Sư giả hạ trần nhưn mặt kiếp,
Ngã hồi dương-thế thuyết huyền ca.

Đài phong liễu khước tạo Nam-gia,
Thiện chí hồ thiên thức Ngọc-tòa.
Trung sơn tế giáng Lư-Bồng kiểng,
Giác tỉnh sanh kỳ tối diệu đa.

BỬU ngọc mai danh ẩn nhục tràng,
SƠN đài hồ-hải luyện tứ phang.

KỶ sanh tạo giả thi truyền tục,
HƯƠNG giải thao tồi thị Bảo-giang.

Ngũ hồ ly cấu tận hài tiên,
Nguyễn thuyết thanh danh tác thiện duyên.
Thậm thâm tối thiểu kim tàng cốc,
Đa giả khứ hồi giải nghiệp-duyên.

Canh tràng dạ đoản, đoản canh sơ,
Ngã thứ trung sanh trực thể thờ.
Ngỡ khí yên hùng ghi đảm liệt,
Hà giang lương thổ vẽ thiên-cơ.

Khởi điệu tầm vương Phật cổ hồi,
Vạn năng sĩ-tử hiệp hòa ngôi.
Tam thanh truyện tích ghi biên tự.
Khán giả tận tường liệt võng khôi.

Canh niên viễn lự tối thi thần,
Kê thủ nhứt tràng vạn địch nhân.
Nam thức quân thần cuồng lão-sĩ,
Châu nhi phục thi cổ đồng lân.

BỬU kiến trường tâm dụng thể tiên,
SƠN sanh giả kế chường huyền thiên.
KỶ thâm hạ giá ly đài nguyệt,
HƯƠNG vị trầm tinh bí kỷ niên.

Phú-An, đêm 23-1 Canh Thìn.

Cho ông PHAN THANH-LONG

Long rày năm mới thiệt là rỗng.
Mèo-mả bạc-bài bỏ được không?

Hiệu, Khuynh cùng gã mau liền lại,
Kéo để ngày sau chịu nã-nồng.
Trường học Phú-An, ngày 24-1 Canh-Thìn.

DIỆT TIỀN KHIÊN

Bồng-Lai như khứ khổ nan truyền,
Cảm tác quyền hồ tổ thiện duyên.
Quốc-thủy dài chương trung liệt cổ,
Trần gian ngã đáo diệt tiền khiên.

Vạn lý trường đồ mộ nhứt sơn,
Danh tiên liễu bá định hồi yên.
Vị phi lai tục đa ưu lự,
Sơn hải điền viên tất tạo nan.
Hòa-Hảo, tháng giêng năm Canh-Thìn.

ĐỂ CHƠN ĐẤT BẮC

Để chơn đất bắc Thầy trò,
Dân còn quê kịch hát hò nghêu-ngao.
Xóm làng Đồng-Thạnh xôn-xao,
Cùng nhau bàn-tán khác nào trong Nam.
Chúng dân tự ngữ tòng tam,
Kẻ ma người mị kẻ ham người cười.
Làng này đông-đúc nhiều người,
Dân tình cũng được đôi mươi tu hành.
Nhiều người già cả lòng lành,
Có nhiều kỳ lão biết rành tích xưa.
Tới đâu cũng ít người ưa,

Năm lần ca hát sớm trưa dỗ-dành.
Trưng bày tích cũ đành-rành,
Thiên-cơ đạo-đức tu hành phận tôi.
Dân quê nghe nói hỡi ôi!
Hung-đồ cường nghịch một hồi cười reo.
Đâu đây mà có hùm beo,
Khéo bày bá-láp nghe theo làm gì?
Thấy trong lê-thứ cũng kỳ,
Đi đâu cũng bị dân thì ghét vợ.
Ngày đầu nhiều kẻ còn mơ,
Trị chơi ít bịnh ngăn-ngờ xóm riêng.
Cũng không thềm trọng bạc tiền,
Quyết lòng tìm kiếm người hiền mà thôi.
Bắc-kỳ dân ít mép-môi,
Cũng còn cúng kiếng chè xôi ê-hề.
Thương dân nên chịu nặng-nề,
Lời ăn tiếng nói nhiều bề thấp cao.
Tớ thầy nào nệ cần-lao,
Thương dân dạy-dỗ xiết bao nhọc-nhăn.
Ngũ-luân lễ nghĩa năm hằng,
Tam cang trung-trực người rằng ngu-si.
Viết ra mới bốn bài thi,
Đặng cho trần thế biết thì Thần Tiên.
Cũng xưng rằng hiệu Khùng Điên,
Nhắc ra nhiều khúc Rõng-Tiên Hồng-Bàng.

Thơ rằng:

Nam-thiên vô ngại đại Hoành-Sơn,
Nhiên khước hành vi kỷ khách hườn.
Tân tạo huyền sanh hồi châu ngọc,
Hữu nhứt Tiên Thần hiệp luyện đơn.

Vân-vân bạch-bạch thức sinh thần,
Cổ quán thôn-hương nhứt dị nhân.

Tiên-sinh hiện kiếp phò Lê-chúa,
Hậu truyền độ chúng cảm hoài ân.

Liên hồng cảm-kích vĩ long tuyền,
Đồng-Thanh hàng kỳ tác thiện duyên.
Kiến sám truyền danh lưu hậu thế,
Nam-Việt trung-thần đệ nhứt Tiên.

Nhơn danh ly biệt ngạn Bắc-hà,
Cổ súy lương thần vị phong ca.
Thọ tử tâm trung trưng hùng khí,
Qui hồi quốc thủy tiện phương hoa.

Bốn bài thơ đã làm xong,
Văn-nho bàn-bạc nhiều ông lắc đầu.
Nghĩ ra mới biết cơ cầu,
Người chi thi-phú công-hầu cổ nhơn.
Nghiệm suy lời lẽ thiệt hơn,
Dặn-dò bá tánh thi ơn xóm làng.
Nào ta có nói bướng càn,
Về An-Giang tỉnh rõ ràng ai hay.
Từ đây Nam Bắc chuyển quay,
Khi đây khi đó ra tài khuyển dân.
Tuần-hườn tạo hóa cầm cân,
Ở đây cũng dạy hương-lân đủ đều.
Xác nghèo nhà thợ cái lều,
Cơ-hàn rách-rưới nhiều điều nan nguy.
Tuy là gia-trạch hàn-vi,
Nhưng mà hiền-đức khác gì người xưa.
Nhiều người lối xóm đẩy-đưa,
Tấm lòng không mến mà ưa bề ngoài.
Nước tràn ruộng lúa lạc loài,
Bắt đầu lo chuyện miệt-mài bắp khoai.
Giáo-truyền lời lẽ thẳng ngay,
Hương-lân trùm-trưởng đắng cay nhiều bề.
Thầy trò ra sức làm hề,
Ca tụng ly-loạn dựa kề biên-cương.
Có nhiều chệt khách Minh-hương,

Đau lòng nhiều khúc thê-lương bên Tàu.
Chú lùn Nhứt-Bổn hùng-hào,
Chẳng thương sanh-mạng dân Tàu đại ngu.
Bởi chưng hung-bạo chẳng tu,
Cho nên gây sự lu-bù chiến-tranh.
Bắc-Kỳ Trung-Quốc giáp ranh,
Sao không xem đó tu hành hiền lương.
Cá không ăn muối cá ươn,
Chẳng nghe lời dạy lâm đường chông gai.
Hát tuồng Trung-Quốc quá dai,
Ta bèn bỏ bản hát bài tà-tinh.
Cả kêu lớn nhỏ đệ-huynh,
Từ đây nhứt nại chống kinh làm chi.
Bút nghiên lôi lại làm thi,
Đặng cho sanh-chúng bớt nghi tinh-tà.

Cổ qui tài tận hận do Tân,
Thiện chí tu trì lập vĩ thân.
Tồn tại hư vô tầm Bát-nhã,
Tiên kiểm thần thông chỉ huy cần.

Điền tan gia phế tế nhiên hàn,
Khổ đáu ly kỳ ảo viễn cang.
Nghị xuất Thần Tiên yên truyền đạo,
Bần phú cơ đồ bất tự sang.

Nôn nài kia ai nhọc mưu cầu,
Thê thảm cho đời nẻo huyền sâu.
Kiên cố của tiền thiên đạo lý,
Cấp hồi ái truất trót canh trâu.

Thiên ý bất tư hoạnh trữ tài,
Biên hình liên huệ tất ư giai.
Kiệm kỹ tha lam mi hài-chí,
Long trì phi ẩn tạo kiên khai.

Ngạo cảnh du vân triện Bắc-hà,
Quá khứ trú đình vịnh ngân ca.
Thanh tích cổ nhân tân cừ khí,
Nghiên tòng bí khuyết bích-lư xa.

Thâm canh bất mẫn công hầu,
Trông cho lê-thứ gặp châu vinh-huê.
Ở đâu dân cũng còn mê,
Tham câu danh lợi khó kè Thần-Tiên.
Tư lương một mối sầu riêng,
Long thiên đãi ảnh vị thiên cô phần.
Ngành ngao tái chí thi ân,
Biện minh chí hứng đèn lân dựa kè.

Huy hoàng hương nển tự thiên chi,
Hội kiến truyền linh thuyết vĩnh kỳ.
Lôi chất khai âm vô sắc thí,
Ngại hồi bi hiện án tiền phi.

Rừng thông bên cạnh gần kè,
Bôn-phi lê-thứ nhiều bề gian-nan.
Bắc-kỳ còn hời hò khoan,
Chúng dân đi cấy reo vang ruộng đồng.
Thấy đời cũng luống động lòng,
Xứ quê nghèo cực muối mòng thiếu chi.
Dạo miền thành-thị một khi,
Chán-chê thế sự sầu-bi trong lòng.
Ca xang thảm cảnh nã-nồng,
Cả kêu dân-chúng Lạc-Hồng hời ơi!
Giống xưa Tiên cảnh tuyệt vời,
Ngày nay đã lạc đạo đời nhuốc-nhờ.
Người hiền nghe thấu ngẩn-ngờ,
Đớn đau sắp đến bơ-vơ một mình.
Muốn xem được hội Long-Đình,
Thì dân hãy rán sửa mình cho trôn.

Ở ăn cho vẹn mười ơn,
Cảnh tình hiền-đức gặp cơn khai hoàn.
Gắng công khỏi buổi nghèo nàn,
Sum vầy một cuộc Hớn đàng toại thay.
Người nào vẹn được thảo ngay,
Dựa kè cửa Thánh đài mây an nhàn.
Khuyên răn cuối xóm cùng làng,
Giàu sang nắm giữ của ngàn làm chi.
Việc đời nhiều nỗi sầu-bi,
Hạ-nguơn đã hết loạn-ly cơ đồ.
Bây giờ còn hời mờ-hồ,
Chẳng nghe dạy chỉ cơ-đồ về sau.
Thứ xem cho biết vàng thau,
Tình yêu sanh chúng chẳng nao tắc lòng.
Tu hiền như thể phụng rồng,
Mắt nhìn Tiên cảnh mây hồng toại thay.
Bây giờ rán chịu đắng cay,
Ngày sau mới biết mặt mày Khùng Điên.
Đạo đời nào có tư riêng,
Minh-Vương sửa trị mới yên ngôi Trời.
Xa-xăm các chỗ các nơi,
Đâu đâu cũng rán nghe lời tiên tri.
Kẻ hung ngạo-nghe khinh khi,
Nữa sau đến việc sầu-bi nhiều bề.
Tớ Thầy non núi dựa kè,
Cũng tìm am cốc liệu bề dạy khuyên.
Quyết lòng rửa sạch tiền khiên,
Ra oai ra lực hùng-yên mới là.
Bây giờ còn liệu tây tà,
Cho nên đạo-đức khó mà cạn phân.
Nam-thiên báu ngọc châu trân,
Phật Tiên phân định tấm thân mới nhàn.

Duyên sự đê-mê cảnh Hớn-đàng,
Lần dò cho thấu nẻo Tiên-bang.

Xuê-xang mấy kiểng nhìn sương gió,
Lòn cú chừ trông lúc khai hoàn.

Mê-man danh-lợi cõi hồng trần,
Có một hội này lập lấy thân.
Nếu để trễ chầy e chẳng kịp,
Khuyên ai khuya sớm gắng chuyên cần.

Huyền-vi cơ đạo kiến linh kỳ,
Tự thán dương-trần tốc kham bi.
Vô vị phi liên tâm phế kỷ,
Điểm hồng nê địa tự thiên chi.

Chùng nào thấy được phụng hoàng,
Rồng châu chớp-nháng Hớn-đàng hiển-vinh.
Sớm chiều rền đức kính-tinh,
Ngày sau mới thấy phép linh của Trời.
Ai ai cũng ở trong đời,
Chốn nào không đạo là đời vô liêm.
Xét suy cho cạn cổ kim,
Hết tâm bền chí rạch tim xem nhìn.
Ta đây ưa ghét mặc tình,
Dương-gian cứ mãi chống-kình làm chi.
Chùng nào thượng-cổ hồi qui,
Thế-trần mới hết khinh-khi Phật Trời.
Tu hành đạo-đức rao mời,
Như người ngu dại với đời loạn-ly.
Ở sao cho biết tôn-ti,
Dễ-ngươi Phật Thánh sầu-bi mẫn đời.
Khùng-Điên ả-nhẫn tùy thời,
Có-cơ giả dạng dặt đời hạ-ngươn.
Mặc tình ai nói thiệt hơn,
Thấp cao tai tiếng làm ơn cho đời.
Luân phiên Thầy Tổ tách rời,
Chẳng nài lao-lý miễn đời bình an.
Tiếng đồn hò liểu cống xang,
Đêm khuya khuyên nhủ khắp tràng chúng-sanh.
Buổi nay nhằm lúc vắng thanh,

Lời ta khuyên đó như cành gheo chim.
Trau giồi đúng bực thanh liêm,
Nửa sau mới biết thành kim đèn đài.
Việc đời nhiều lúc khô-hài,
Quyết lòng cho thể một bài học hay.
Chuyển miền Nam địa lung-lay.
Nam Trung cùng Bắc một tay giáo đời.
Thiếu ai mà bị réo mời,
Đầu trên xóm dưới thỉnh mời liên thỉnh.
Trớ-trêu phải mượn kệ kinh,
Mặc tình dân-sự biện minh lẽ nào.

THI

Thâm-trầm đạo-đức quá thanh-thao,
Rừng-rú kệ-kinh cắt khoen rào.
Rước đưa sanh-chúng rời bể ái,
Thử-thét cho cùng cạn thấp cao.

Liên lụy trần mê bể ái hà,
Bổng xuất toàn tình mượn thi ca.
Thế-thống Thần Tiên kiên bế chí,
Tương đồng sanh-chúng gộ ma-ha.

Si lung á giá tọa phú hào,
Tiên kiến hậu hiền quý kỷ cao.
Thổ tử hồ bi ghi chí hứng,
Đại đồng đạo cả khắp trùm bao.

Toan ly bể khổ, khổ tới à!
Dân-sự an-nhàn sướng dữ a!
Ta mảng lòng lo gìn sanh-chúng,
Gội nhuần ân-đức vịnh phong ca.

Ma-ha toàn nhả đã dọn rồi, [1]
Chèo lái trương buồm chớ thả trôi.

Bến giác bờ mê, mê phải tránh,
Ly-biệt hồng trần hỡi ai ôi!

Liên-hoa chín phẩm ở ngọc tòa,
Được lệnh Thiên-Hoàng nấy sai ta.
Hạ-giải dạy khuyên truyền đạo-lý,
Giả dạng Diên-Khùng mượn thi ca.

Ham vui đào mận chẳng xong rồi,
Trung hiếu giữ-gìn phận con tôi.
Thế-sự bao la ta chẳng quản,
Tiên-cảnh non Bồng sẵn vị-ngôi.

Nước non náo-nức giống nòi Hồng,
Gắng chí kiếm tìm chủ-nhơn ông.
Tuổi trẻ đầu xanh khoanh tay rể,
Liệu-lượng thâm tình tợ biển sông.

Thay cảnh đổi lòng nổi biệt-ly,
Muốn gặp bồng sơn với linh-kỳ.
Nơi sức bình-sanh quanh nước lửa,
Có một ngày chờ hội ứng thi.

Hồn thơ Tiên Thánh sánh đạo mầu,
Chẳng thấy việc đời mảng góp râu.
Tóm tắt ít lời âu diệt chủng,
Thế-sự mê hồn lụy song mâu.

Cha nọ bồng con vợ khóc òa,
Tan nát xóm diềng khổ dữ a!
Nhà không kẻ ở, ôi! nói trước,
Nếu chẳng tin lời gặp thiết-tha.

Lời xưa di tích rõ việc này,
Ai muốn mắt phàm gặp Rồng Mây.

Hãy rán nghe lời ta mách trước,
Không gìn đạo-đức phải phơi thầy.

Thương dân xuống bút tay đề,
Dặn-dò bá-tánh chớ hề lợt-phai.
Cuộc thế-giới chuyển lay như chóng,
Khuyên dân tình hãy lỏng mà nghe.
Lam-kiều hữu lộ vắng hoe,
Ngục môn không cửa mà hè nhau đi.
Thảm cho trẻ hài-nhi liệu-điều,
Vợ xa chồng bận-biểu thê lương.
Phong trần dày-dạn gió sương,
Chư bang ham báu hùng-cường đua tranh.
Còn một cuộc chiếu manh giành xé,
Khấp hoàn-cầu ó-ré một nơi.
Dòm xem châu ngọc chiều mờ,
Sao đời không sớm tách đời cõi mê.
Để đến việc thảm-thê thê-thảm,
Mắt phàm-trần tưởng lăm bi-ai.
Cũng đồng cốt-nhục hoài thai,
Nên Ta rán sức miệt-mài dạy khuyên.
Thơ với phú Thần Tiên giáng bút,
Bởi cơ trời đà thúc bên lưng.
Không tu chừng khổ cũng ưng.
Tu hành gặp cảnh vui mừng toại thay!

Hoàng hôn tái sắc chuyển luân tài,
Nhặt dạ yêu đời chỉ quá dai.
Tỏ thuyết huyền-vi sanh-chúng rở,
Năng kỳ liên huệ tất biến lai.

Tư lương đeo đuổi giấc mộng sâu,
Bớ hỡi dương trần khá liệu âu.
Nước lửa đến chơn, ôi! khó nhay,
Co giò phóng riết lợt ngoài sâu.

Huyền cơ đạo-hạnh hãy rán tâm,
Đời cùng Tiên Phật dụng như tâm.
Ngàn năm Thích đạo đành chôn lấp,
Thương tưởng bá-gia nổi lạc lầm.

Cảnh thảm khổ chiều mai sẽ đến,
Sao dân còn triểu-miến trần-mê?
Mắt nhìn ngoại quốc thảm-thê,
Nam-bang cảnh khổ cũng kề bên tai.
Cuộc biến động nay mai nguy ngập,
Một hội này rán lập thân danh.
Kìa kìa các bậc công khanh,
Miếu son tạc để đành rành chẳng sai.
Đất với nước hậu lai vinh-diệu,
Đạo lo tròn yếu-điều tẩm thân.
Một câu quân lý tứ ân,
Ta đừng phai-lọt phong-thần bằng ghi.

*Hòa-Hảo, tháng giêng năm Canh-Thìn
(Chép theo bốn chánh của Đức Thầy do Đức Ông giữ)*

GIỌNG KHÀN

Lập chí giác dân đến giọng khàn,
Cảm tình bốn-đạo ngắt lời khan.
Tạm ngưng lý-lẽ trong đôi bữa,
Xin chớ bỏ qua rất muộn-màng.

Muộn-màng chơn-ly khó bằng an,
Thế thái trần mê giải mộng tràng.

Hỡi giống Tiên-Rồng mau mở mắt,
Kiếm tìm đạo-ly lánh hùm lang.
Hòa Hảo, tháng 2 năm Canh-Thìn

Cho ông Tham-Tá NGÀ

(Con của ông Đốc-phủ Lê-quang-Liêm tức Bảy)

Lòng buồn gặp kẻ xa-xôi,
Lâu-la đến chốn buôn mỗi vinh-hoa.
Xả thân tìm kiếm ma-ha,
Chẳng nài viễn-vọng dẹp tà nơi tâm.
Nay gặp bạn tri âm tri kỷ,
Cho những điều thiện mỹ cổ lai.
Đừng nên sớm vội lợt phai,
Xe dây cho chặt mà nài tánh linh.
Nền đạo-đức sắc tinh chớ mẫn,
Có thuyền từ đưa đến non Tiên.
Cứu người hữu phước thiện-duyên,
Về nơi cõi Phật khỏi miền trần ai.
Kẻ ác-đức hậu lai khổ thảm,
Mắt phàm trần tưởng lăm hồ binh.
Mấy lời dặn bảo đình-ninh,
Gần-ghi chạm dạ Long-Đình được xem.
Mùi đạo-diệu gói nem khó sánh,
Chốn trà-đỉnh xa lánh vắng lai.
Tu hành nào luận mặn chay,
Miễn tâm thanh tịnh gặp ngày an cư.
Nền đạo-đức vị tư bất nhả,
Ta đừng phân nhưn ngã mới hay.
Nhìn đời thế thái đổi thay,
Hết vinh tới nhục lẽ này thường xưa.

Đời (1) vật chất văn-minh chiều-chuộng,
Vĩ thời lai vận bỉ trái qua.
Lòng sắt-son đây đó nỡn-nà,
Tâm não bút bê-tha chậm trễ.
Tu với tình bảo toàn thân thể,
Giữ đưng mòn linh tánh mới hay.
Nổi bút-nghiên phận Lão cạn bầy,
Câu điệu-lý cơ-huyền khó kiếm.
Sá chi kẻ dùng lời bao-biếm,
Chê Diên Khùng khó kiếm cho ra.
Não tâm tràng sớm dứt ái-hà,
Nên phải vội lìa xa cõi tạm.
Quyết chỉ nẻo lánh vòng hắc ám,
Đạo và đời thăm-thăm sâu-xa.
Diệm Hồng-Liên thơ-thở quần ca,
Tạo duyên giả phàm gian thân giả.
Chớ lấy đó mà tâm buồn-bã,
Hiệp-hòa nhau chờ đợi năm non.
Kìa hỡi ai giữ phận cho tròn,
Sau huynh-đệ có ngày hòa hiệp.
Chớ nản chí đường tu bỏ líp,
Trổi bước sang gặp lão thể ngôn.
Trổi hùng phong cốt cách duy tôn,
Xác tuy mất hồn thiêng chẳng mất,
Lão cũng tỏ đôi lời khờ-khật,
Câu huyền sâu cho đó ngụ ngôn.
Mã song phi viễn-vọng tâm-hồn,
Hành thế lữ đêm dài cạn tỏ.
Giết cho sạch những loài sâu bọ,
Giống hại người lúc bỏ rầy trồng.
Huệ tâm khai ngữ chuyển huyền thông.
Sanh hồi thiện đối câu thành-thật.
Đêm vắng tắt vài lời để cất,
Gát ngòi nghiên tạm biệt phàm gian.

Rạng vừng mây bóng tỏ lạc nàn,
Để chuyển khác cạn câu hoài vọng.

Dậm tràng đó mới chuyển sang chơi,
Tỏ ý Thần Tiên khá nhận lời.
Huyền-pháp thâm-trầm thơm bất tuyệt,
Vô-vi chánh đạo hỡi người ôi!

Người ôi! chơn-lý thậm lâu đời,
Thâm cảnh điệu-huyền hẹn một nơi.
Hòa mặt Trung-Uơng tam điệp khách,
Đợi chờ thiên-luật mới về nơi.

Về nơi chốn ấy rõ như lời,
Nào Lão có bày chuyện khuấy chơi.
Vẽ việc Trời xanh cho đó biết,
Một lòng gắn chặt chẳng xa rời.

Xa nơi đạo-đức khổ tâm à!
Học cũ ít bài Lão thiết-tha.
Bóng xế tà tây ôi! lăm thể,
Dạ hiền cất bút mượn thi ca.

Thi ca nhiều nẻo thậm rồi đa,
Hồi tị sử thần dạy chuyện xa.
Lánh thế chẳng bày danh lão sĩ,
Ngày nay các chỗ ngộ cuồng-ca.

Hòa-Hảo, lối tháng 2 năm Canh-Thìn (trong lúc ban đêm)

(1) Lúc hầu chuyện với Đức Thầy ông Ngà có khen ông Lê-văn-Trung và nói nếu ông Trung còn sống thì câu chuyện đạo-đức với Đức Thầy ắt là lý thú lắm. Đức Thầy mới viết thêm đoạn (1) này.

KHUYÊN NGƯỜI GIÀU LÒNG PHƯỚC-THIỆN

Mắt nhìn Kỳ-Mão vừa qua,
Gắm trong thiên hạ nhiều nhà thiếu cơm.
Ruộng đồng chẳng có rạ rơm,
Trâu bò ngóng cỏ nhà nông héo lòng. [1]
Canh Thìn bước tới thiết Rồng,
Trông cho mùa khác ruộng đồng ra sao.
Nhà nghèo dạ tợ như bào,
Vợ đau con yếu phương nào cho an.
Cả kêu cùng khắp xóm làng,
Mấy ông điền chủ cứu nần mới qua.
Làng gần chí những tình xa,
Lúc xưa thì cũng ruột-rà với nhau.
Ngày nay tốt phước sang giàu,
Xin thương kẻ khó giúp hào một khi.
Cậu cô chú bác cùng dì,
Khắp nơi thầy chú một khi hảo lòng.
Việc nhà quý bạn đã xong,
Hiệp nhau làm phước rõ lòng hiền hơn.
Lão đây thân khó chẳng sờn,
Tỏ lời khuyến-khích tợ đồn Bá-Nha.
Ông nào lòng dạ hải-hà,
Động tình bác-ái ra mà làm đi.
Giúp người đói khó nhu-mì,
Dạy nó tâm trì niệm Phật làm ngay.
Bà nào góa bụa hữu tài,
Tiền nhiều đất rộng còn bay mút đồng.
Cơm này bố thí cho xong,
Để khi nhắm mắt bên chồng giành chia.
Ông bang các chợ xẩm hia,
Tiệm hàng thanh mậu nhờ dân ruộng vườn.
Ngày nay thất bát khá thương,
Tiền nong chẳng có cơm lường cho qua.
Mắt nhìn lòng ứa ruột-rà,

Cả kêu bốn đạo ai là thiết tu.
Muốn cho rấn đặng hóa cù,
Xả thân làm phước Diêm-phù vượt qua.
Giữ bo đến lúc phong ba,
Gặp cơn bát loạn khó mà yên thân.
Phong trần ai cũng phong trần,
Được sang nhờ của người bần góp râu.
Thấy đời lao-lý mà rầu,
Giúp cho chúng nó ngõ hầu làm ơn.
Xin quên mấy lúc giận hờn,
Ra tay tế-độ nghe đồn Tây-qui.
Xây vắn trời đất tiết thì,
Hết cơn bỉ cực tới kỳ thối lai.
Cổ kim hiếm lúc nạn tai,
Hưng vong suy thịnh bằng nay lẽ thường.
Lớn rông nạn ách phải vương,
Muốn qua truông khổ tìm đường Bồng-lai.
Ngày kia được trở gót hài,
Về nơi Tiên cảnh ngàn ngày đẹp tươi.
Giàu sang nghèo khó cũng người,
Nên ta thương hết đầu cười hay khen.
Lòng nhơn xin khá tập rèn,
Thạch-Sùng Vương-Khải sách đèn ai ưa.
Thánh-hiền roi tích đời xưa,
Nhờ tâm từ thiện người ưa kính thờ.
Chết rồi bỏ của bơ-vơ,
Chi bằng làm phải truyện thơ ghi đời.
Xác phàm có mấy lăm hơi,
Hỏi vay có một mà lời đôi ba.
Của dư cho mượn mới là,
Hảo tâm bố thí ngọc-tòa được lên.
Chê nghèo, giàu nọ đâu bền,
Chi bằng bố đức lập nền từ-bi.
Con hiền khá sớm hồi qui,
Nghe lời Thầy dạy kịp thì bố dân.

Dòm xem kẻ khó tảo tần,
Ruộng tâm sang-sốt dặt lằn với nhau.
Nghèo thời cũng rán cháo rau,
Chớ đùng gian-xảo ngày sau thanh-nhàn.
Bần cùng cũng sớm liệu-toan,
Giữ tâm ngay thảo xóm làng mến yêu.
Mộ khan thần tình cần triều,
Khỏi cơn hoạn-nạn Lam-kiều được lên.
Ít ai giữ đặng chí bền,
Tu theo nước lớn ròng bèn thả trôi.
Tuy xa mà tới mấy hồi,
Đất còn lở thét phải bồi tự nhiên.
Thảm thương cho kẻ tá-điền,
Gặp cơn lúa ngập của tiền ráo tay.
No chiều rồi lại đói mai,
Gia bần trí đoán đặng cay nhiều bề.
Lo tròn cha mẹ nhi thê,
Nhằm năm lưng túc nã-nề tâm trung.
Khá thương những kẻ bần cùng,
Tâm lành dư của hãy dùng vào đây.

Sột-sột nhà sau mụ vét nôi,
Ông chồng quần áo rách lồi-thôi.
Bầy con ngơ-ngác đòi xơi bữa,
Lũ nhỏ giành nhau lẫn chỗ ngồi.
Khua đũa mè mun ngờ chủ thảo,
Muỗng rơi chớ vện tưởng cho mời.
Lầm than đói khó vì tai-ách,
Hỡi kẻ sang giàu cứu nạn trôi.

Nạn trôi lúa ngập đói còn xa,
Điền chủ mau mau nghĩ tận mà !
Tế-độ dân nghèo trong lúc túng,
Giúp giùm kẻ rỗi buổi vừa qua.
Có ăn dư huệ nhờ thân nó,

Nghèo khổ bần phu thảm dữ a !
Nếu đã xả thân tầm đạo-đức,
Mở lòng bố thí ngộ thần ca.

Tỏ lời nhả-nhủ khắp đầu đầu,
Vạn-vật từ nay luống thắm sâu.
Áo-não thương đời đa đói khổ,
U-buồn trăm họ vẽ vài câu.

Hòa-Hảo, ngày 25-2 Canh-Thìn

(Đức Thầy viết bài này để kích-thích lòng bác-ái của những nhà giàu có, ở xứ xa đến giếng Ngại).

(Hiệu chính:

[1] Ghi theo ấn bản 1955 "Trâu bò ngóng cỏ...".

Ấn bản 1966 ghi: "Trâu bò ngóng cỏ nhà nông héo lòng")

o*o

DẶN-DÒ BỔN-ĐẠO

Tháng năm mười tám rở-ràng,
Cùng xóm cuối làng ai cũng cười reo.
Xuống trần nhằm buổi nạn eo,
Gẫm trong dân-sự còn nghèo chữ tu.
Hạ-ngươn sanh-chúng ám-u,
Tây-Phương sắc lệnh vân-du Nam-kỳ.
Mượn nhằm một xác nhu-mì,
Giảng dân sáu tháng vậy thì xem sao.
Rất buồn bá tánh biết bao,
Nạn nguy sắp đến mà ngao-du hoài !
Viết ra giảng kệ bốn bài,
Giã-từ trần-thế lui hài bôn-phi.
An-Nam phong-hóa lễ-nghi,
Đời nay văn-vật bỏ đi chẳng gìn.

Mảng lo chế nhạo chống kinh,
Chẳng toan đạo-đức mà gìn thôn hương.
Ta đây dường thể như lơnh,
Cứu dân chẳng nệ nặng sương lấm đầu.
Sáu trắng Thầy tứ dải-dầu,
Quyết lòng truyền bá Đạo mẫu mà thôi.
Bồng-Lai Diên đại có ngôi,
Tây-Phượng Cực-Lạc Khùng ngồi tòa sen.
Từ-bi ngọn đuốc mới nhen,
Giả như mở cửa mà then còn cầm.
Dân tình xài-xế dập bầm,
Nào hay ta đã thương ngậm sanh linh.
Xác trần ta mở oai thình,
Đạo mẫu truyền pháp thành linh không hay.
Trớ-trêu con tạo thày-lay,
Lôi-âm sắc lệnh đòi rày hỏi han.
Cúi đầu tâu trước Phật đàn:
"Lê dân ngoan-ngạnh xóm làng cừ-khôi".
Đầu đuôi tâu lại khúc nô,
Một trăm mới đặt ối thôi mười người!
Mảng lo cao thấp ngạo cười,
Bởi chưng trần-hạ biếng lười không lo.
Di-Đà nghe tấu buồn xo,
Vạn dân bá tánh dẫn-đo nhiều bề.
Làm sao cửa Phật dựa kề,
Hung sùng tàn ác khó bề dạy khuyên.
Thầy khùng trò lại hóa điên,
Khùng điên mấy tháng tình riêng ai ngờ!
Tượng xưa dấu cũ còn mờ,
Không lo tìm kiếm bến bờ mà nương.
Nói cho bốn-đạo đặt tường,
Dạy dân nào có gạt lường chi dân.
Chim ô đà dựa cầu Ngâm,
Người xưa trở gót mấy lần ai hay.
Đời này chưa vẹn thảo ngay,

Thì là khó thấy mặt mày người xưa.
Dạy đời nào quản nắng mưa,
Ước mong bá tánh sớm ưa tu hành.
Đục trong bốn cuốn ngọn ngành,
Khuyên đời trau tria chữ lành cho xong.
Con người có Tổ có tông,
Học hay chữ nghĩa sao không phượng thờ?
Hiếu trung truyện tích sờ-sờ,
Người đời phải biết phượng thờ mẹ cha.
Từ đây ta mắc bôn-ba,
Đời chơn ra Bắc đặng mà dạy khuyên.
Vạn dân nên trọng Phật Tiên,
Để người lời dạy đọa riêng một mình.
Bắc, Nam chờ đợi cuối Thìn,
Sẽ lo vận chuyển thân hình xác ta.
Viết thêm một khúc ngâm nga,
Dặn dò bốn đạo vậy mà mấy trương.
Ta đâu có cách thôn hương,
Vạn dân cứ chữ hiền lương mà làm.
Thích-Ca còn phế tước hàm,
Lầu cao cửa rộng mà ham tu hành.
Phật, Tiên dụng kẻ lòng thành,
Đạo chơn thì ít ai hành thiết tâm.
Trí phàm như chốn sơn lâm,
Dạy dân như phá rừng cầm cho dân.
Nào đâu dân có biết ân,
Mạnh rồi tưởng Phật vái Thần làm chi.
Đây này lời lẽ rán ghi,
Thương đời nên mới làm thi khuyên đời.
Ra đi dặn lại ít lời,
Khuyên trong bốn-đạo vậy thời rán nghe.
Đầu ai tài phép bày khoe,
Ham linh ham nghiệm sợ e mang nghèo.
Lựa cho phải cột phải kèo,
Phải vai phải vế mà theo kéo lằm.

Ngọc kia ẩn dạng khó tìm,
 Chọn nơi chơn chánh khỏi lâm khổ hình.
 Ách trời nạn nước thành-linh,
 Người hung cứ mãi chống kinh với ta.
 Theo tài học cũ nô-m-na,
 Hỏi ai trí-thức tâm mà cạn sâu.
 Lúc rày chưa thể ngồi lâu,
 Tách đời chốn khác ngõ hầu dạy răn.
 Tín-đồ cùng các chư-tăng,
 Từ rày sắp đến nói năng chọn lời.
 Bớt phiền bớt não cuộc đời,
 Rán nghe lời dạy vậy thời hành y.
 Đạo mẫu *bát-chánh* rán ghi,
 Thứ nhất *chánh-kiến* việc chi xem nhìn.
 Luận bàn chơn-lý cho minh,
 Chuyện chi xét đoán xảo tinh mới là.
 Thứ nhì *chánh-mạng* vậy mà,
 Việc làm do lệnh tâm hồn khiến sai.
 Thứ ba *tư-duy* bằng nay,
 Các điều tưởng nhớ thẳng ngay mới mau.
 Thứ tư *chánh-nghiệp* mặc dầu,
 Nghề chi thì cũng ngõ hầu làm ngay.
 Tà gian tánh ấy tù đày,
 Của người tham những nghề này chớ ham.
 Thứ năm *tinh-tấn* hội đàm,
 Sạch trong kỹ lưỡng mà làm mới ngoan.
 Thứ sáu *chánh-ngữ* liệu toan,
 Nói năng điều chánh thì an chớ gì!
 Thứ bảy *chánh-niêm* vậy thì,
 Khi cầu khi nguyện chuyện gì thành tâm.
 Thứ tám *chánh-định* chớ lằm,
 Từ-bi hai chữ đứng năm chớ quên.
 Ngồi đâu cũng định mới nên,
 Đừng cho công việc hớ-hênh với người.
 Hành y thì đáng vàng mười,

Tùy lòng tùy sức của người đời nay.
 Tu nhơn hiền hậu cũng hay,
 Dạy đời phải viết ngày rày cho tinh.
 Rút trong các luật các kinh,
 Tùy lòng không ép làm in giảng này.
 Thấp cao các bậc chớ chầy,
 Kẻ ngu người trí nghe Thầy dạy khuyên.
 Sớm khuya bá tánh cần chuyên,
 Nghe lời dạy bảo cảnh Tiên dựa kê.
 Ít lâu ta cũng trở về,
 Khuyên cùng bốn-đạo chớ hề lãng-xao.
 Trì lòng chớ có núng-nao,
 Từ đây nhơn-vật mòn hao lần-lần.
 Mấy lời nhắc lại ân-cần,
 Bốn-đạo xa gần nghĩ cạn mới hay.
 Tu trì nguyện ước cầu may,
 Thượng-Nguơn hồi phục là ngày an cư.
 Học câu hỉ-xả đại từ,
 Noi gương nghĩa-sĩ dạ tư chớ gần.
 Bôn Nam tẩu Bắc tảo tần,
 Chúng-sanh rán nhớ thì gần cùng ta.
 Xác trần ta đã rời xa,
 Bá-gia ở lại vậy mà bình-an.
 Kìa kìa anh hổ hò khoan,
 Tình lang về mất hổ-han mặt-mày.
 Sớm lo sắp đặt luyện tài,
 Phật Trời phân định mặt mày mới xinh.
 Ơn trên lượng rộng thình-thình,
 Từ-bi khuyến dạy mặc tình nghe không.
 Giống hiền như thể gieo bông.
 Nhụy đơm thơm phút màu hồng xuê-xang.
 Dân ta dòng giống Tiên-bang,
 Chớ đâu có giống ngõ ngang hung sùng.
 Mặc tình bá tánh có dùng,
 Ai muốn nghe Khùng chép lấy mà coi.

Lấy tâm lấy trí xét soi,
Thầy đi dạy Bắc thứ coi lẽ nào?
Thôi thôi dân chớ hùng-hào,
Khùng từ bốn-đạo tẩu đào Bắc-đô.

Hòa-Hảo, lối tháng 2 Canh-Thìn

(Chép theo bản chánh do ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)

MUỐN RÕ ĐẠO MÀU

Đạo màu diệt khổ có từ lâu,
Thần-Tú ra đời lại góp trâu.
Chuông mõ, sám kinh bèn cải sửa,
Xá phước truyền-lưu lấp đạo màu.

Niệm chữ A-Di dẹp lòng sầu,
Rán trì kinh-kệ hoặc mau lâu.
Cũng có ngày kia ta giải-thoát,
Giải-thoát thì ta rõ đạo màu.

Tây-Phương Cực-Lạc Phật hằng-hà,
Ta rán bèn lòng Phật chẳng xa.
Trong cõi trần mê còn mong đợi,
Thấy Phật trì tâm đến năm gà.

Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn

TRÔNG MÂY

Phiêu-phiêu mây bạc trắng lòà,
Ấy là tại lĩnh Ngọc-tòa sai ta.
Xuống trần thấy chúng thiết-tha,
Vì đâu sắp đến hằng hà lụy rơi.

Chừng nào mới dựng thành-thơ?
Qua năm Tuất-Hợi Phật Trời định phân.

Tây-Vực liên Nam hiệp định phân,
Tam giáo qui nguơn viện lý cân.
Hùng anh Phiên-quốc lai hàng phục,
Đình Hợi đáo niên tạo thiện nhân.

Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn

(trong khi Đức Thầy cảm hứng)

LÝ-LỊCH

THƯỢNG thẩm đạo màu nẻo cao sâu,
ĐẰNG đặng hãy làm chớ để lâu.
ĐẠI pháp vô-vi là chơn lý,
THẦN làm trọn vẹn khỏi lo âu.

Huyền long tự thế gần sanh-chúng,
Bổn tánh *Hòa* thôn *Hảo* dĩ đầu.
Tiên cảnh thoát-ly truyền bá kỷ,
Năng tầm Phật-lý rạch từ câu.

Oai hùm chấn động một góc trời,
Độ chúng ra kinh rải khắp nơi.
Cứu thế chẳng mong ơn ai trả,
Nương xác phàm phu ngộ đợi thời.

Huyền sanh cơ thẩm đáu trung đàn,
Tự giác âm thầm kiến Tiên-bang.
BỬU ngọc SƠN trung KỶ-HƯƠNG chí,
Tứ hải bất hòa khởi liên giang.

KHUYÊN SƯ-VÃI

Trước đài sen báu ngát hương đăng,
Hai chữ nam-mô ấy lẽ hằng.
Thế-sự biếng đua bề lợi-hại,
Tâm-trần rửa sạch mới siêu-thăng.
Khuyên trong sư vải mau mau tỉnh,
Luân hồi quả báo rất công bằng.
Mang tiếng xuất gia sao chẳng liệu?
Đạo-đức xong chưa hỡi chư tăng?
Hòa-Hảo, năm Canh-Thìn

“ XUÂN-HẠ TÁC CUÔNG-THƠ ”

Sĩ điềm tịnh tiểu-nhơn lẩn-lướt,
Thời-vận hèn dụng nhược thẳng cang.
Cầu cho bốn biển bằng an,
Chúc cầu lai thói xóm làng vĩnh-miên.
Xưng danh hiệu nửa Tiên nửa tục,
Đứng trung-thần gạn đục tầm trong.
Gìn câu thủ cựu gia phong,
Gom nhành lá rụng vun trồng giống xưa.
Tơ lòng nhiều đoạn đẩy-đưa,
Mong ơn Phật-Thánh phước thừa cho dân.
Chúng lấy thuyết vô thần bài bác,
Quyết một ngày thông đạt địa thiên.
Chúng-sanh nghe thừa lời truyền,
Cùng nhau thảo thuận danh hiền mới thơm.
Dốc chờ ngày sen đơm nhụy trở,
Khỏi bùn lầy tông-tổ hiển vang.
Bá-Nha hiệp mặt tao-đàn,
Tử-Kỳ trở giọng khái-hoàn bốn phương.
Lòng chạnh cảm quê-hương nghèo-ngặt,

Các nước ngoài bán mắc hàng lên.
Ơn cha nghĩa mẹ phải đền,
Một ngày hiệp mặt lập nền từ-bi.
Những mơ-ước hồi qui thượng-cổ,
Thì hết câu ái-ố gièm-pha.
Phương Nam rạng ngọc chói lòà,
Lưu-ly hổ-phách mấy tòa đài cung.
Dành cho kẻ lòng trung chánh-trực,
Quân cùng Thần náo-nức vui-tươi.
Liên-hoa đua nở nụ cười,
Rước tôi lương-đồng chào người chơn tu.
Thế-gian thoát chốn ngục-tù,
Thần Tiên hiệp mặt thì cù hóa long.
Mắt nhìn thấy thần thông biến hóa,
Đức Di-Đà hiện chóa hào quang.
Việt-Nam là giống Hồng-Bàng,
Không còn hung-bạo lằng-loàn như nay.
Dòm khắp chốn rồng mây chơi giỡn,
Dân hai lòng hết bõn Khùng-Điên.
Thiên cơ biến ảo diệu huyền,
Hiệp chung tam cõi dưới miền trần ai.
Bút nghiên hạ viết bài an lạc,
Dấu cho người đốt nát cũng nghe.
Kìa kìa con cuốc gọi hè,
Chẳng lo gieo giống đậu, mè, bắp, khoai.
Thi tả cảnh Bồng-Lai tại thế,
Mãi chần-chờ e trễ kỳ thi.
Muôn năm Trời định khắc kỳ,
Ngặt ông thất thủ Hạ-bì khó toan.
Ta diên thuở Tam-Hoàng Thượng-cổ,
Khùng thế thời khùng lộ ngoài da.
Ghét dòng con nịnh độc xà,
Khinh-khi trung nghĩa hải hà lòng nhờn.
Đường gai gốc thiên sơn vạn hải,
Dẹp cho rồi tướng báì đàn đặng.

Tử-Nha như thể cát-đăng,
Tùng quân dựa bóng vui bằng hưng Châu.
Các nơi Tiên-trưởng đâu đâu,
Lư-bồng hội hiệp đồng châu Thánh-vương.
Trụ kia bạo-ác phải nhường,
Võ-vương hữu đức đường đường trị dân.
Thì rõ việc Phong-Thần trở lại,
Thuyền Đông-Pha lèo lái cánh trương.
Con lành mau lại Phật đường,
Cùng Thầy cộng hưởng một vườn từ-bi.
Chớ nóng-này sân-si hư việc,
Phải đợi thời vua Kiệt hồi qui.
Xử phân những đũa vô nghi,
Mới là khóa lấp vít tỳ ngọc son.
Khuyên răn giữ cho tròn đời đạo,
Đừng cho loài cầy cáo lung-lăng.
Yêu tinh chực nuốt Đường-tăng,
May nhờ Đại-Thánh phi đăng cứu nguy.
Lôi-Âm tự đường đi chưa đến,
Nên giữa chừng kẻ mẫn người khinh.
Thôi thôi ta để mặc tình,
Dầu ai chê nhạo phạm mình mình toan.
Hòa-Hảo, tháng tư năm Canh-Thìn

TỪ GIÃ BỐN-ĐẠO KHẮP NƠI

Canh-Thìn năm thiết là rỗng,
Từ ngày mượn xác trần-hồng đáo lai.
Tháng năm Kỷ-Mão đến nay,
Khắp trong bá-tánh gặp bài sám-kinh.
Lời văn tao-nhã hữu tình,
Bởi vưng sắc-lịnh Thiên-Đình sai ta.
Xuống trần lão dụng khuyến-ca,
Đầu đuôi cạn tỏ ngâm-nga ít bài.

Tạm đây ta mắc lui hài,
Vĩ trên bệ-ngọc triệu rày hồi-qui.
Không đành tách gót ra đi,
Nên dùng lời lẽ từ thì bá gia.
Thiên đường lộ ấy nào xa,
Muốn cho khỏi khổ xem qua lời truyền.
Dấu xưa noi tích Thánh-hiền,
Thương trần mượn xác bút liền ra cơ.
Thấy trong bá tánh ngẩn-ngờ,
Nay Thầy xa tở bơ-vơ một mình.
Gẫm trong hai chữ nhục-vinh,
Xưa nay thiên hạ kệ kinh ít dùng.
Cúi đầu tâu lại cứu trùng,
Ngọc-Hoàng ban chiếu lão Khùng giáo-dân.
Gái trai lớn nhỏ ân cần,
Chùi lau vện mặt thì gần Thánh Tiên.
Tây-phương đua nở hoa liên,
Chờ người hữu phước thiện duyên từ-hòa.
Nhấn cùng bốn-đạo gần xa,
Ta về âm cảnh thiết-tha tâm tràng.
Đời nay hiểm kẻ nghinh-ngang,
Chẳng kiêng lời lẽ Phật-đàng từ-bi.
Lang tâm trặc-nết vô-nghi,
Nhỏ không biết nể kính vì bề trên.
Nhỏ to lời lẽ chớ quên,
Rán mà nguyện vái đặng đền ơn sâu.
Bá gia bá tánh đâu đâu,
Xem lời ta chỉ về cầu tại gia.
Có đau thì thuốc đó mà,
Dòm trong bản chữ về nhà kiếm cây.
Nay Thầy chịu lịnh về Tây,
Tạm ngưng đạo-đức ít ngày Thầy qua.
Đạo trong khắp cõi ta-bà,
Nơi nơi chốn chốn quỷ ma rối loạn.

Chữ rằng: "Nhơn thiện vi nan".
 Dầu cho tài trí cũng mang nợ nần.
 Có đeo bịnh tật vào thân,
 Giấy vàng xé nhỏ vái Thần độ vô.
 Thành lòng nước lã nên hồ,
 Hữu tâm chí đức cam-lồ Phật ban.
 Cám thương bá-tánh tai nàn,
 Gặp cơn đông tố nào an lòng này.
 Đờn ta vốn thiệt không dây,
 Vô duyên khó biết lời Thầy nói xa.
 Từ trên tới dưới thuận hòa,
 Hay hơn châu báu ngọc-ngà giàu sang.
 Thầy về tâu lại Phật-đàng,
 Cúi xin nhỏ phước xóm làng bình yên.
 Giống nòi thiệt cốt Rồng Tiên,
 Mà nay lạc mất gương hiền nơi đâu.
 Muốn xem bốn chữ Long-Châu,
 Bền gan sắt đá sòng-nâu tu trì.
 Tu hành mà mãi nan nghi,
 Sợ ta gạt-gẫm cũng kỳ cho dân.
 Giã từ khắp hết dương-trần,
 Vân du chốn cũ lười Thần bủa ra.
 Non cao nhiều thứ cáo-xà,
 Trừ loài độc-địa mới là yên thân.
 Biết sao cho toại lòng dân,
 Kê ưa đạo-đức người cần vinh-hoa.
 Xót lòng cậy nước ma-ha,
 Hớp vô ba hớp ắt là lặng tâm.
Thân Khùng đêm vắng khóc thầm,
Cựa mình cũng nhớ giấc nằm nào an.
Từ nay cách biệt xa ngàn,
Ai người tâm đạo đừng toan phụ Thầy.
 Giữa chừng đờn nỡ dứt dây,
 Chưa vui buổi hiệp bỗng Thầy lại xa.
Tỉnh say trong giấc mộng hoa,

Mơ-màng cũng tưởng như ta bên mình.
Tuy là hữu ảnh vô hình,
*Chớ dân lòng tưởng **sân** trình đáo lai. [1]*
 Nghe sơ lời lão cạn bày,
 Tìm trong não óc gặp ngày bình-an.
 Kim-lân, xích-phụng lâm nàn,
 Cho nên phận lão đầu an thân già.
 Tảo-tần lo liệu năm ba,
 Biết sao hiệp mặt lòng già mới nguôi.
 Mặt ngoài gương-gạo bãi-buôi,
 Chớ trong tim phổi rối nùi như tơ.
 Tuồng đời như cá trong hồ,
 Thọc tay vô bắt còn ngờ kẹt hom.
 Bao nhiêu tâm não góp tom,
 Dặn-dò kỹ-lưỡng chăm-nom khắp cùng.
 Chừng nào tôi được hết khùng,
 Thì là dân-sự còn dùng làm chi.
 Bận lòng cạn tỏ vân-vi,
 Bớ dân hai chữ công-trì sớm khuya.
 Nhớ câu ăn giấy bỏ bì,
 Được thân sung-sướng vội lìa Tổ-tông.
 Kể ra lại bắt mũi lòng,
 Ngán đời mua bưởi bán bòng chát-chua.
 Cứ theo cái lối a-dua,
 Dạ toan đốt miếu phá chùa từ-bi.
 Vàng kho thêm gánh ích gì,
 Thôi ta than lắm vậy thì thẹn thêm.
 Bóng trắng cậy đỡ ban đêm,
 Trầu ăn nhả bã lại tằm mời hoài.
 Khùng ngồi nói chuyện quá dai,
 Bị lòng bác ái nói hoài chẳng thôi.
 Thấy đời mặt lọ không bôi,
 Lại khoe kếp giỏi một hồi múa men.
 Từ nay cửa Khổng gài then,
 Chờ ta trở lại thì đèn hết lu.

Thân khùng là phận sĩ-phu,
Chẳng ham danh-diệu miễn tu vuông tròn.
Khôn thì lánh chốn đau đòn,
Đại thì lòn cúi đỡ ngon ăn thừa.
Hai lòng uốn lười đẩy đưa,
Ỗ hơi Hạng-Võ mắc lừa Trương-Lương.
Nhớ qua hồi lúc đời Đường,
Hiền thần Nhơn-Quý người đương ẩn mình.
Cửu-Thiên còn giấu tại dinh,
Chờ ngày mãn hạn phép linh ban rày.
Giảng kinh đọc tụng chiều mai,
Làm theo lời chỉ ngày rày gặp ta.
Xác trần để lại làng Hòa,
Lời thăm bốn phía Ngọc-tòa ta lui.
Âm dương cách trở xa-xuôi,
Nhấn cùng bá tánh chớ nguôi tắc lòng.
Phận khùng thân hỡi long đong.
Còn lo cho thể hai lòng toan mưu.
Ta không gây oán kết cừu,
Cớ sao dân-sự phiền ưu nỗi gì?
Khoa tràng lịnh mở hội thi,
Nên ta xuống bút dạy thì trần-gian.
Chớ mình hồn dựa lâm-san,
Thành-thời còn xuống thể-gian làm gì?
Ước-mơ Thượng-cổ hồi qui,
Thế-trần no ấm phú thi an nhàn.
Quân-thần, phụ-tử vinh-vang,
Hết lo cay đắng, Khùng an phận khùng.
Tới đây từ biệt khắp cùng,
Thầy lìa khỏi xác Thiên-cung phản hồi.
Đục trong cạn tỏ khúc nôi,
Thấy dân tu dối nghĩ thôi bận lòng.
Lang tâm như thú thiếu lông,
Trở-trêu cửa miệng trong lòng gươm đao.
Ra đời chẳng nệ công lao,

Chẳng hờn không giận, hùng-hào còn ganh.
Hiệp chung một cội nhánh-nành,
Sum-sê lá thắm chim xanh nổi đường.
Từ-bi tình ấy đoạn trường,
Kể qua tích cũ mà lường lòng đây.
Như ai có đọc đoạn này,
Xin đừng chê nhạo rằng Thầy nói nhăng.
Muốn sao có phép phi đăng,
Cũng như Đại-Thánh, Đường-Tăng thoát nàn.
Rừng rưng nước mắt hai hàng,
Lánh nơi cõi tục Phật-đàng lui chơn.
Hòa-Hảo, ngày 1-4 Canh-Thìn.

(Đức Thầy viết bài này vì Ngài tiên-tri rằng Ngài sẽ xa cách bốn-đạo. Quả thật ngày 12-4 Canh-Thìn nhà chức-trách ở Châu-Đốc dời Ngài đi Sa-Đéc).

[Hiệu chính: [1] Có Đồng Đạo mộng được thấy Đức Thầy giải thích:

*"Tuy là hữu ảnh vô hình,
Chớ dân lòng tưởng **thân trình** đáo lai."*

*"Tuy chỉ thấy được ảnh Thầy, không gặp được thân hình Thầy, nhưng nếu ai thành lòng cầu tưởng Đức Thầy, Ngài sẽ **thân trình** đến chỉ điểm giúp cho được vững tâm an lạc vượt qua mọi âu lo bế tắc tinh tấn trên đường tu hành]."*

TẠM NGƯNG LÝ-THUYẾT

Gặp buổi gian-truân tiếng nhộn-nhang,
Cảm-tình bốn-đạo sự riêng than.
Thầy an nghỉ xác trong đôi bữa,
Đây cũng trải qua hết nhộn-nhang.

Nhộn-nhang già trẻ có lòng lo,
Mà ấy chẳng qua ngược gió đò.
Đậu lại ít ngày chờ lặng sóng,

Tớ Thầy sẽ gặp việc hay-ho.

Hòa-Hảo, ngày 1-4 Canh-Thìn

(Đức Thầy viết bài này vì lúc ấy có nhân-viên sở Mật-thám ở Châu-Đốc đến dòm ngó).

o*o

“ DIỆU-PHÁP QUANG-MINH ”

(Khùng Điên tự cảm tác)

Gương trí-huệ từ-bi chớp nhoáng,
Bóng quang-âm ngày tháng dập-dồn.
Ta thừa vưng sắc lệnh Thế-Tôn,
Khấp hạ-giải truyền khai đạo-pháp.
Tùy phong-hóa dân-sanh phù-hạp,
Chấp bút thần tả ít bốn kinh.
Bởi luật trời mở rộng thình-thình,
Tri phong-võ bất kỳ chuyển kiếp.
Giống Hồng-Lạc kim chi ngọc điệp,
Nay đổi đời nhiều sự thấp hèn.
Từ ngàn xưa Phật-pháp gài then,
Nên ít kẻ tu hành đắc Đạo.
Ta cũng tỏ đôi lời khờ khạo,
Ngắm cảnh đời tâm não bắt cuồng.
Hiệu Điên Khùng ban rải dư muôn,
Khùng đạo-đức Khùng câu tuyệt-diệu.
Khùng toán biết âm-dương kết-liễu,
Khùng huyền-cơ Khùng Đạo Thích-Ca.
Hươi bút thần dẹp lũ cáo-xà,
Loài độc-địa toan trừ dứt nọc.
Noi tục cổ xác Khùng để tóc,
Phải đua chen tập tánh ông cha.
Mong dương-trần tỉnh giấc Nam-Kha,
Trừ vật-dục trì chơn bất hoại.
Cặp mắt Thánh dòm xem tứ hải,

Thương hồng-trần mượn xác tái sanh.
Bởi vì đời văn-vật cạnh-tranh,
Nên cấu xé cùng nhau thảm-não.
Sá chi kẻ ngu si khinh-ngạo,
Vì trên đời nhiều hạng khác nhau.
Đấng trung-thần dạ ngọc ước-ao,
Người bội phản ghét-vơ đạo-lý.
Khùng cảm mến truyền câu hồi vị,
Thà làm hiền mà biết non sông.
Điên như ta Điên giống Tiên Rồng,
Điên gỡ ách xích-xiềng thế tục.
Chuông Linh-khứu ba hồi giục-thúc,
Đờn Lô-âm khởi điệu êm tai.
Con lành duyên khá trở gót hài,
Điên quyết chí dắt người lánh tục.
Đạo mở cửa bày câu minh mục,
Nước ma-ha tưới tắt lòng phàm.
Cõi Trung-Uơng luân chuyển phương Nam,
Mở hội Thánh chọn người trung hiếu.
Tử vì nước còn ghi linh miếu,(1)
Thác vì đời thanh-sử danh bia.
Mũ cánh chuồn, đai giáp, mang hia,
Tuy thô-kịch mà tâm chánh-trực.
Nước văn-minh chê đồ ấy nực,
Mảng trau-tria xác thịt thanh bai.
Cảnh dương-trần khó sánh Bồng-Lai,
Về Tiên cảnh say mùi rượu Thánh.
Chén quỳnh tương gác điều gai ngạnh,
Vui tinh-thần bày biện cuộc cờ.
Khi thừa nhàn trối giọng ngâm thơ,
Bày thi phú than qua thời thế.
Xuống dương-gian thân Điên nào nệ,
Chốn hồng trần đốc huệ liền khai.
Cho nam-nhi sửa mặt râu mày,
Hàng phụ-nữ giới câu trinh-liệt.

Rán bắt chước những trang tuần-kiệt,
 Gái anh hùng xưa có Trưng-Vương.
 Đuổi quân Tàu cứu vớt quê-hương,(2)
 Rửa xong hận thù chông dốt trả.
 Xưa Châu-Xáng thanh long phải tá,
 Ngăn Sư-Đồ đặng cứu Ngũ-Viên.
 Nói cho đời rõ biết Khùng Điên,
 Điên vận bỉ điên câu ái quốc.
 Viết một ngọn lười này một tấc,
 Dem Đạo lành ban rải nơi nơi.
Mảng chờ trông bá tánh thành-thời,
Khấp bốn biển liên dây hòa-hảo.
 Rừng bác-ái điên đời biển ào,
 Điên như ta vì Đạo vì dân.
 Điên tu cầu Quân thánh rải ân,
 Cho bốn biển dân lành được hưởng.
 Điên dẹp gác âm thanh sắc tướng.
 Tâm vô vi kiếm cảnh Niết-Bàn.
 Thuyền từ-bi thẳng cánh lướt sang,
 Qua Đông-độ vớt người hữu đức.
 Bể ái hà gươm linh sớm dứt,
 Lòng bồ-đề sắt đá dăm kình.
 Cả tiếng kêu lớn nhỏ đệ-huynh,
 Noi chí ấy sửa-sang thời-thế.
 Trời quá buổi chinh chinh vừa xế,
 Chờ ít lâu cũng lặn về Tây.
 Lúc huynh-hôn đèn trí soi đây,
 Tìm nẻo thẳng đi về Cực-Lạc.
 Điên đàm luận ít câu dốt nát,
 Mong chị anh bàn-bạc thế-nào?
 Lời văn thô ý-kiến chẳng cao,
Nội quang-cảnh tâm vô kỳ vật.
Đường đạo-đức bước đi từ nấc,
Ngoại quan hình bất chấp kỳ hình.
 Phải bền lòng chặt nẻo sắt đĩnh,

Rán kiếm chữ bất sanh bất diệt.
Chúng-sanh mê nên đem pháp thuyết,
Giải thoát rồi pháp bất khả dùng.
 Nương gia-đình kính trọng cội thung,
 Lo nưng đỡ trong ngày tuổi hạc,
 Thân Diên Khùng thế-gian tạm xác,
 Chén rượu nồng chẳng nếm mà say.
 Say mê-lê-lết-mết tối ngày,
 Say đạo pháp say mùi hương khói.
 Biết chừng nào chúng-sanh vượt khỏi.
 Bể ái hà rút bỏ vụn lau.
 Say như xưa nhắm lúc Huỳnh-Bào,
 Trần-Di ngủ say câu thành tựu.
 Quyết đưa chúng về nơi non Thấu,
 Tạo Lư-bồng ngộ hội quần Tiên.
 Khương Tử-Nha sông Vị còn phiến,
 Câu không ngạnh chờ non phụng gáy.
 Thuyền bát-nhã ta cầm tay lái,
 Quyết đưa người khỏi bến sông mê.
 Nên phải đành mang lốt làm hề,
 Mặc bá tánh khen chê cũng phải.
 Chí quân-tử lòng nhơn vạn đại,
 Dốc làm sao rõ mặt tang bồng.
 Nghiêng hai vai gánh nặng non sông,
 Vớt trăm họ lầm than bể khổ.
 Ví như loại sanh cầm hồ thố,
 Còn thương nhau lại huống chi người.
 Đứa hai lòng sao chẳng hổ người,
 Đáng thù-thẹn với cây cùng cỏ.
 Dấu bút tích tuông bay theo gió,
 Học sách chi phi báng ông cha.
 Thấy dân tình xem giảng ngâm nga,
 Lão xót dạ đôi lời trần tố.
 Đức Khổng Thánh người sanh nước Lỗ,
 Ngài còn xưng cường quyền giả hồ.

Sá chi lời đạo-chích tục thô,
Kẻ ngu xuẩn khi người nhân đức.
Danh hiền-sĩ non sông náo-nức,
Giả như hồi Chiến-Quốc Xuân-Thu.
Thầy Mạnh ra dùng đạo châu du,
Lúc thập bát chư hầu rối loạn.
Bực Thánh-nhơn công lao chẳng chán,
Huống chi ta nào dám than-van.
Thấy đời mê chưa rõ Phật-đàng,
Nên tỏ ý khắp nơi đặng biết.
Coi ai có chứa bầu nhiệt huyết,
Dùng đạo màu cứu vớt sanh-linh.
*Nếu để chờ sấm nổ vang thình,
E bá tánh ăn-năn đã muộn.*
*Giảng với kẻ ra đà bốn cuốn,
Ít có người khám rõ cơ huyền.*
*Ta dùng tay chờ đợi lịnh Thiên,
Đức Ngọc-Đế xử phân cho chúng.*
Đêm dài-dặn cạn đầu tim lụn,
Chẳng thấy ai tìm kiếm bóng trăng.
Để làm cho mích bụng chị Hằng,
Nơi cung nguyệt chờ trông mồn dạ.
Thiếu chi kẻ đặng chim bẻ ná,
Hiếm bao người được cá quên nôm.
Ưa đồ ngon dứt nhét đầy mồm,
Chẳng thèm kể cha hiền trông đợi.
Trương-Ban-Xương đành quên nhơn-ngõ,
Nữ phụ-phàng vua Tống-Khâm-Tôn.
Xem truyện xưa mà bắt hết hồn,
Gớm cho kẻ thay lòng đổi dạ.
Gã Tần-Cối ít ai còn lạ,
Dụng mưu thần giết thác Nhạc-Phi.
Thương trung thần ghét nịnh mặt lý,
Dám thiết kế hại tôi lương-đồng.
Thuở Hiến-Đế có nhà họ Đổng,

Cũng chuyên quyền muốn tiếm giang-san.
Nhờ Tư-Đồ thiết lập Liên-hoàn,
Nghiệp nhà Hớn mới an một lúc,
Cảnh gian nan như Lưu-Hoàng-Thúc,
Qua ở nhờ Viên-Thiệu dung thân.
Quan-Công Hầu gìn chặt nghĩa ân,
Vượt năm ải về thăm huynh trưởng.
Kẻ nghĩa khí thiên kim vạn lượng,
Lũ nịnh-thần sách-sử nào khen.
Xem tích xưa thẹn với bóng đèn,
Đời lắm kẻ đầu trâu mặt ngựa.
Coi sự sống như Tiên nửa nửa,
Mê mỗi thơm như cá lục-châu.
Sao chẳng lo thức tỉnh quày đầu,
Cho khỏi thẹn với người thiên-cổ.
Cấp-cô-Độc là nhà bá hộ,
Còn đành lòng bố thí xả thân.
Chữ vinh-hoa phú-quí chẳng cần,
Miễn hiểu đạo hơn là châu báu.
Chẳng sớm lo chần-chờ sợ Lão,
E sau này tâm não đoạn trường.
Lũ gian-hùng mang lấy họa-ương,
Trời đất xử những người bội phản.
*Phải chối dậy nường dây hùng-tráng.
Chữ đại hùng đại lực tử-bi.*
Vậy mới trang quân-tử nam-nhi,
Thân dốc vẹn hai câu ngay thảo.
Đời cũng lắm bao người giá áo,
Nường bả vinh nhiều hạng tú cớm.
Thấy dân ngu trong dạ sẵn hờm,
Quyết kiếm thế đặng toan lừa dối.
Ngọn bút sắt chỉ đường người tối,
Gậy kim-cang đưa chúng lên đàng.
Kíp nường theo trực chỉ Tây-phang,
Đến cực-lạc tìm nơi an dưỡng.

Đẹp cày cáo dùng cây thiên-trượng,
Lánh ta-bà cõi thế đua chen.
Được vinh-hoa khinh-bỉ kẻ hèn,
Bạn phản bạn như người Bùi-Kiệm.
Trên mặt đất hạng người ấy hiếm,
Thấy Tiên mù xô xuống giữa dòng.
Nhìn Trịnh-Hâm lão bắt mủ lòng,
Than cặn-kẽ kêu dân sớm tỉnh.
Viết ít câu cho đời ngâm vịnh,
Phận tài sơ xin hãy thứ tha.
Yêu nhơn-sanh trối giọng hùng ca,
Tạm nghiêng bút vẽ tranh thế tạo. [3]
Trong bá tánh nhìn xem châu đảo,
Chớ vội vàng chê Lão ngu-si.
Rạch lang tâm những đứa vô nghi,
Nhắc sơ tích người xưa trong sử.
Khuyên bá-tánh vạn-dân gìn-giữ,
Lão chúc cầu thiên-hạ thái-bình.
Đứng trung cang hành thiện truy kinh,
Mong trên dưới cùng nhau thảo-thuận.
Đã thấy lộ cơ trời báo ứng,
Diệt loài gian tằm kiếm con Tiên.
Nợ hồng-trần tức trái tiền khiên,
Ta quyết dẹp cứu nàn dương thế,
Nơi chí đức Hoàng Thang luật chế,
Đời không hay những việc xa vời.
Gặp cơn mưa ta hãy cho tưới,
Lúc hạn nắng từ-bi giúp nón.
Cảnh thế tạo càng ngày thốn-mỏn,
Giống vi-trùng thường đục phổi tim.
Đến cơn đau phương thuốc phải tìm,
Gặp Biển-Thước, Hoa-Đà lai thế.
Kim với cổ nhìn xem thế-hệ,
Sợ có ngày hoạch tội ư thiên.
Nẻo đục trong cạn tỏ cơ-huyền,

Mực đã cạn lòng yêu chẳng mẫn.
Ai coi qua xin đừng bỏ lãng,
Gắng công-trình vạch lá tìm sâu.
Nay dương-trần gặp buổi mưa ngâu,
Phải sớm hứng giọt sương Đông-hạ.
Điên nhơn-nghĩa điên vì đạo cả,
Thôi chào đời khép cửa buồn duyên.
Có thiện-căn sớm lại cửa thiên,
Câu niệm Phật chờ ngày chung cuộc.

Nam-mô Định-Tâm Vương Bồ-Tát Ma-Ha Tát.
Hòa-Hảo, ngày 10-4 năm Canh-Thìn.

(1) Vì để tránh sự khó dễ của người Pháp, Đức Thầy đã có lần đổi lại là:

"Tượng Quan Thánh còn ghi linh miếu."

(2) Câu này sau lại, Đức Thầy có sửa như vầy:

"Đến đời nay còn phụng lửa hương".

[Hiệu chính: [3] Ghi theo ấn bản 1966.

Có ấn bản ghi: "Tạm nghiêng bút vẽ tranh thế tạo."].

SA-ĐÉC

(Rằm tháng tư năm Canh-Thìn)

Nhìn cuộc thế bộn bề sóng dậy,
Cửa thiên môn còn hời khóa then.
Nương xứ xa tạm viết với đèn,
Tỏ tâm sự của người liễu Đạo.
Sách có chữ thâm ân đục báo,
Phận làm người hiếu thảo noi gương.
Ấy chẳng qua là đạo luân thường,
Chớ Phật Thích lìa quê ngàn dặm.

Non tuyết san rú rừng thâm thắm,
Dem thân phàm tầm đạo siêu sanh.
Đến ngày nay còn rạng lấy danh,
Khấp bốn biển dân lành sùng bái.
Muốn lập Đạo có câu thành bại,
Sự truân chuyên của khách thiền môn.
Khấp sáu châu nức tiếng người đồn,
Ta chịu khổ khổ cho bá tánh.
Tiếng gọi đời sông mê hãy lánh,
Chạm lợi quyền giàu có cạnh tranh.
Bước gai chông đường đủ sỏi-sành,
Đành tách gót lìa quê hương dã.
Ta cũng chẳng lấy chi buồn-bã,
Bởi sự thường của bậc siêu nhơn.
Dầu gian-lao dạ sắt chẳng sờn,
Miễn sanh-chúng thông đường giải-thoát.
Cơn đông-tổ mịt-mù bụi cát,
Chẳng nao lòng của đấng từ bi.
Vì Thiên-đỉnh chưa mở hội thi,
Nên Lão phải phiêu-lưu độ chúng.
Kẻ ác đức cho rằng nói túng,
Nó đâu ngờ lòng Lão yêu đương.
Xe rõ xăng vụt chạy bãi-bương,
Đến khuất dạng tình thương não-nức.
Khấp bá-tánh chớ nên bực-tức,
Bởi nạn tai vừa mới vãn-vương.
Chốn liên-đài bát-ngát mùi hương,
Nhờ chỗ ấy mới thi công-đức.
Dạy con cả nào đâu than cực,
Tiếng làm Thầy phải nặng đôi vai.
Việc khó-khăn lắm lúc khô-hài,
Ấy cũng bởi thày-lay ông Tạo.
Ông nhồi quả cho người hành Đạo,
Lúc nguy-nàn thối chí cùng chẳng?
Nếu bền lòng vị quả cao thẳng,

Chẳng chặt dạ bỏ lẩn Phật-Thánh.
Chốn Phật-đường rán trau đức-hạnh,
Phải bền lòng mới rành trần ai.
Chuyện cao siêu Phật-pháp còn dài,
Khó gặp chữ không không mà có.
Lúc trông rầy rui nhiều sâu bọ,
Rồi ngẩn-ngơ bỏ giống hay sao?
Nấu lọc rành mới biết vàng thau,
Ai thật tánh ai người giả đạo.
Tiếng sấm-sét bên tai xốc-xáo,
Cả muôn người ngơ-ngáo hỏi-han.
Nay thân Thầy cũng đặng bình an,
Khuyên bốn-đạo đừng than lảm tiếng.
Tuy xa đường có lời luận-biện,
Bởi bút thần bay luyện khắp nơi.
Ngọc nhờ lau ngọc mới rạng ngời,
Kim mài giữa kim kia mới bén.
Người làm phải như tắm trong kén,
Có muôn tơ bao bọc ấm thân.
Sách có câu "Minh đức tâm dân",
Được thủ trụ huyền khai nứt khiếu.
Ta còn thương thương trò liệu-điều,
Chớ cũng mừng được dịp phổ-thông.
Đắc Đạo rồi cứu vớt Tổ-tông,
Cũng như Phật xuất gia thuở trước.
Các bậc Thánh châu lưu nhiều nước,
Nghèo thầy Nhan bầu nước đai cơm.
Tuy cơ-hàn mà được danh thơm,
Hơn phú-quí ngời ôi bả lợi.
Quá sung-sướng rồi quên đạo ngời,
Thì khác chi loại thú rừng sảng.
Vật hổ-lang đâu biết đạo hằng,
Chỉ có biết ngủ ăn ăn ngủ.
Khi đói mỗi mặt mày sù-sụ,
Chạy quơ quào vật nhỏ đặng ăn.

Đến chết thây đầy lũ ruồi lẩn,
Bu nút thịt của loài bạo ác.
*Đạo mà biết mùi thơm bát-ngát,
Rút bụi trần mẫn lạt thây ai.
Chữ Nam-mô trì giải giữ chay,
Chay được tánh chay tâm mới quý.
Trong Đạo Phật quá nên huyền-bí,
Chỗ tâm thần tọa vị nơi thân.
Muốn cho nên khuya sớm chuyên cần,
Lòng chí nguyện sở cầu Phật Thánh.
Đuốc thiền lâm phương Đông chói ánh,
Dắt hồn người vượt khỏi sông-mê.
Dầu cho nay xa cách Sở, Tề,
Sau Thầy tứ gặp nhau Phật-cảnh.
Ước trăm họ nhẹ mình có cánh,
Đồng bay về Cựu-Lạc một đàn.
Thì thân Thầy hết phải gian-nan,
Đâu có chịu mang câu nhạo báng.
Nói thì nói chờ ngày thấp-thoáng,
Dòm êm trời thì cứ ra tay.
Quyết chèo thuyền đến chốn Bồng-Lai,
Mới ngơi nghỉ tắm thân của Lão.
Lúc Tam-Tạng Tây phương quyết đáo,
Bị loài yêu làm bạo lăm phen.
Đức từ-bi phải lộ trắng đen,
Lôi-Âm tự cũng đi đến chốn.
Đi dọc đường yêu tinh làm hấn,
Thấy Đường-tăng thơm thịt muốn ăn.
Nhờ môn-đồ Bát-Giải, Sa-Tăng,
Với Đại Thánh Tề-Thiên cứu vớt.
Lòng sáu chữ nhớ không có ngớt,
Thì nạn tai cũng thoát như không.
Khó tìm cho gặp chủ-nhơn-ông,
Còn ẩn ánh nơi vòng sanh-chúng.
Ai mê tâm nghe qua không phủng,*

Rán suy tầm đặng mở tánh linh.
Lòng ngộ rồi chẳng đợi nhiều kinh,
Thì cũng thấy bốn lai diện mục.
Lần thứ chót gọi lời kêu thúc,
Thầy nhắc cho bốn-đạo rõ lòng.
Chùng Ôn Trên ban được lục thông,
Thầy mới được Tây, Đông du thuyết.
Thâu cho được con long ác-nghiệt,
Thì khắp nơi mới biết mến yêu.
Chúng-sanh nên tâm quạt ba-tiêu,
Chữa hỏa-diệm nơi tâm cho tắt.
Thì đạo hạnh ngày kia mới đắc,
Chớ chứa hờn đũa dử ích chi.
Phận tu-hành tai gác mặt lỳ,
Chịu cay đắng của người sang-sốt.
Lòng sâu riêng hãy nên nguôi bớt,
Đừng thở-than bận đến lòng ta.
Để cho Thầy đi đạo ta-bà,
Đặng dạy kẻ đường xa chưa rõ.
Nay rừng buội có người mở ngõ,
Thì noi theo dấu thỏ đàn dê.
Giục vó cu nhiều nỗi thảm-thê,
Dạy sanh-chúng cho rồi mới rảnh.
Cũng hiếm kẻ nghinh-ngang cường ngạnh,
Ôi! kể sao cho hết thói đời!
Mãi say-sưa theo cuộc vui chơi,
Nên kiếp kiếp đời đời lên xuống.
Suối Tiên Thánh đổ ra cuộn-cuộn,
Trần ruộng lòng gieo giống mới nên.
Kẻ vô tình chẳng có chí bền,
Phải sa ngã theo nơi mộng-ảo.
Giấc mộng vàng đặng truyền đại đạo,
Cảnh vô sanh lòng bạo mà mê.
Mùa nước tràn ngập cả điền đê,
Đến nước hạ đồng khô cỏ cháy.

Cuộc gian-nan năm qua đã thấy,
Luận việc đời cũng khúc lớn ròng.
Khi dậy thì tràn cả bờ sông,
Lúc khô hạn đi đồng khao-khát.
Biết làm sao lên lưng bạch hạc,
Bay cả trời tỏ ý từ-bi.
Khấp thế-gian con thảo phục qui,
Chầu trước bệ cha hiền Ngọc-Đế.
Gẫm vinh-nhục sanh trong thế-hệ,
Tuồng xưa kia sắp đặt đã lâu.
Phải chuyển xây trái đất một bầu,
Đặng lựa-lọc con Tiên cháu Phật.
Gồm một nơi sửa-sang tiêm-tất,
Xử phân người cùng vật thưởng phong.
Cho dương-trần rõ luật Thiên-công,
Có Địa ngục Thiên-đường hay chẳng.
Các chúng-sanh nghe rồi yên-lặng,
Suy cho tường rồi sẽ biện minh.
Cơn vui tai từ tạ Thiên-Đình,
Cho phép Lão tổ trần đôi lễ.
Lời Thầy dạy thật là cặn-kẽ,
Bao nhiêu tình bác-ái góp tom.
Trông bá gia tìm đạo quá mòm,
Thôi giã thế ước-mong đời thanh.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Sa-Đéc, đêm rằm tháng 4 Canh-Thìn

(Đức Thầy viết bài này trước mặt một số đông người, trong đó có vài phần tử muốn thử coi, sau khi bị đời khỏi quê-quán Ngài còn đủ tinh-thần chẳng).

ĐẾN LÀNG NHƠN-NGHĨA (Cân-Thơ)

Vui mừng gặp chốn hiền lương,
Dốc lòng mở cửa Phật-đường độ dân.
Làng Nhơn-Nghĩa để chân đến chốn,
Thấy dương-trần trà-trộn tà tâm.
Oai Thần đem đạo huyền thâm,
Nhiệm-mầu phổ-độ âm-thăm ai hay.
Mẹo đã hết, rỗng bay vợ-vẫn,
Khấp hoàn-cầu nghịch lẫn cùng nhau.
Lê-dân trăm họ xáo-xào,
Rã-rời phụ tử, máu đào nhuộm tuôn.
Thương quá sức bắt cuồng tâm não,
Quyết cứu người dùng đạo phổ thông.
Ước-mơ cho được đại-đồng,
Trần-trề khấp cả, Lạc-Hồng thành-thời,
Nhìn vạn vật cuộc đời ngao-ngán,
Bởi hoàn-cầu thù oán cứ gây.
Vẽ hình rồi lại vẽ mây,
Vẽ tranh Thiên tạo Bông-Lai cảnh tình.
Lại thêm vẽ phù sanh cõi tạm,
Đặt hồn người hắc ám khỏi mang.
Cầu cho cuối xóm cùng làng,
Trẻ già lớn nhỏ Phật-đàng yên thân.

THI

Luân-thường nặng nợ phải vai mang,
Nhuần gọi thừa ân của Phật-đàng.
Cố-gắng tâm trì theo đến chốn,
Một ngày vinh-diệu ắt bằng an.

Bằng an bốn biển khỏi đua tranh,
Bởi khắp bá gia được chí lành.

Trau sửa tâm phàm tìm cội cũ,
Về nơi Tiên cảnh mới nhàn thanh.

Nhàn thanh tìm kiếm, kiếm nơi tâm,
Phật cũ ngày xưa hãy rón tìm.
Nhành lá sum-sê màu đượm vẻ,
Non Thần biến đổi hết rừng lâm.

Rừng lâm cây đá thấy ngày nay,
Mà ruột năm non có các đài.
Chờ đợi con hiền nơi tục cổ,
Tới thời thượng-cổ điều hòa mai.

Vỗ-vỗ đêm thanh nước giọng vàng,
Kiếng cây sum MẬU đượm mùi nhang.
Phù dung rã gánh thân yên nhả,
THÀNH thói gia trung gặp chữ nhàn.

Chữ nhàn vô sự mới nên Tiên,
Bát-nhã từ đây gặp cửa thiền.
Bể giác bờ mê ngày vượt khỏi,
Lánh đời tục lụy rút tiền khiên.

Tiền khiên kiếp tạo bởi trần thân,
Đạo diệu giới-trau lập chí cần.
Luyện tánh, trau tâm cho sạch-sẽ,
Rút rồi nợ thế khỏi ưu-phiền.

Ưu-phiền thường sự chốn ta-bà,
Phật cảnh mau về ắt lánh xa.
Tĩnh ngộ từ đây người gặp chủ,
Phủ trần tìm kiếm chữ ma-ha.

Ma-ha mùi ngọt mật cùng đa!
Cảnh thế nhìn xem lũ cáo-xà.

Múa gút nhẵn nanh ưa thịt béo,
Nào khờn dạ ái của thiên-gia.

Thiên-gia chí cả dốc hành thân,
Diêu diêu truyền thi cảm kích thần.
Những tưởng thói đời ôi chát lạt!
Đạo màu siêu-việt của thiên lâm.

Thiên lâm Phật Thích thuở xưa kia,
Non tuyết rền ra bát chánh kia.
Phổ hóa dân lành trong khắp chúng,
Hoàn-cầu bốn biển khắp danh bia.
*(Mấy bài tứ cú trên đây Đức Thầy trao cho ông Võ-Mậu-
Thanh ở làng Nhơn-Nghĩa).*

Luồng thanh điển nhoáng qua như chớp,
Chuyển căn tiền nhắc lớp người xưa.
Phật, Tiên vận chuyển lọc-lừa,
Kiếm con hữu phước mà đưa trở về.
Ôi! khổ thảm bốn bề sóng dậy,
Dòm lừng trời lửa cháy liên-miên.
Tiêu-điều sản-vật điển viên,
Thần-thông biến hóa dưới miền Trung-Ương.
Ngục môn đầy qui vô thường,
Đặt hồn kẻ bạo Diêm-Vương luật trừng.
Nhìn xa nước mắt rưng rưng,
Thương đời mê muội trầm-luân hoài hoài.
Tay hạ bút viết bài chung cuộc,
Ai rõ lòng con cuộc khởi kê.
Thân khùng vận bị trở-trêu,
Phiêu-lưu trôi giạt danh nêu khắp cùng.
Ai giàu có thung-dung thanh nhả,
Ta lo đời sắt đá bền gan.
Âu sâu nước giọng riêng than,

Trách dân chẳng sợ hùm lang cú gằn.
Nhơn-Nghĩa (Xà No), ngày 29 tháng 4 Canh Thìn

Ông NGUYỄN-THANH-TÂN (đến Xà-No thăm Đức Thầy)
xướng:

Cách mấy tuần dư đã vắng lâu,
Mái tây đứng xủ tóc phai màu.
Tin thơ mới đặt thông lời ngọc,
Ngòi bút khôn dẫn ứa hột châu.
Khắc lụn băng-khuâng nơi cửa Khổng,
Canh tàn thỏ-thẻ chốn thang lầu.
Ngàn trùng nước bích xa xuôi đây,
Cúi kính lời quê gợi mạch sầu.

ĐỨC THẦY họa:

Xuống trần dạy-dỗ cũng đà lâu,
Sẵn dịp lìa quê rải đạo mầu.
Thong-thả trau-tria đời lựa ngọc,
Thành-thời chùi rửa khắp tim châu.
Trung-dung khuyên đó noi gương Khổng,
Hiếu-hạnh dạy con chớ mẫn lâu.
Tuyệt đích siêu mầu nơi kệ đây,
Phàm-nhơn sớm vội gác cơn sầu.

Ông NGUYỄN-THANH-TÂN xướng:

Đạo-đức bủa ra khắp cõi trần,
Ơn Thầy phổ-hóa nặng ngàn cân.
Ngậm vành mong trả ghi muôn thuở,
Nhà ngọc lâm đèn nguyện một thân.
Xủ-xếp lũ bàng còn đợi gió,

U-ơ bầy bướm hỡi chờ xuân.
Hội lành rồng gặp cơn mưa móc,
Chi để nho-văn khói lửa Tần.

ĐỨC THẦY họa và cho thêm:

Thương tưởng người mê Lão xuống trần,
Ngặt vì chưa dẹp lũ Huỳnh-Cân.
Lòng yêu sanh-chúng luân chuyển kiếp,
Dạ ái dương-trần đổi sắc thân.
Lèo-lái sẵn rồi còn ngược gió,
Cánh trương chưa gặp cuộc phù-vân.
Sang hè con cuốc sầu mưa móc,
Đoái thấy đời nay học thói Tần.

Vạn lý trường thành khí khẩu chương,
Thanh phong tiết-hạnh dĩ luân-thường.
Dị nhân tái thế từ-bi thuyết,
Đào tị long xà thoát họa ương.

Dặn lòng lục tự mưa đừng sai,
Qua bể về quê ngõ chuốc hài.
Tiên-cảnh kìa kìa gần lộ vẻ,
Chờ người hữu phước đến liên-đài.

Tỏ lời thăm viếng khắp đầu đầu,
Bổn-đạo từ nay gác mộng sầu.
Vọng bái Thánh Thần đèn lộc cả,
Trọng quyền chỉ bảo khắp đầu đầu.

Đâu đâu cũng mẫn tới mà tu,
Ngàn dặm xa-xuôi biệt tít mù.
Công-cán thăm Thầy không nại khổ,
Việc đời lắm kẻ quá là ngu.

Lập thân hành đạo phải truân chuyên,
Cứu thế Thầy đâu mển bạc tiền.
Dặn lòng con hãy bền gan dạ,
Sấn dịp dân lành rõ Phật Tiên.

Phật Tiên thương hết cả nhơn-sanh,
Tu tình trì tâm đạo rán hành.
Chớ lấy sự sầu gieo nảo trí,
Để Thầy an ổn dẫn quần sanh.

Thâm hiểu lòng ta nổi cuộc đời,
Một bầu nhiệt huyết chằng xe lơi.
Mến yêu quốc thủy tình đồng chủng,
Phải tính cho xong nổi cuộc đời.
Xà-No, tháng 6 năm Canh-Thìn

Cho ông chín Diệm tức NGUYỄN KỶ-TRÂN

ở làng Định-Yên (Long-xuyên)

Đường xa ngàn dặm cụ sang thăm,
Nghe đạo huyền-vi cảm-kích thăm.
Cổ tướng ước mơ đời thanh-trị,
Gạn tâm hoài-vọng điệu xa-xăm.
Nòi giống Lạc-Hồng nay nẩy-nở,
Nam bang vui thú buổi đồng tâm.
Ông ơi, hãy rán tìm chơn-lý,
Khác thể Thần Tiên thắm nhạc âm.

Nhạc âm Châu-Võ cuộc Phong Thần,
Tảo Bắc chinh Nam ái nước dân.
Treo sợi xích thẳng chờ vận đến,

Cột dây ngọc-đái đợi người ân,
Thiên-công lắc-lẻo sao lâu quá,
Địa-phủ trở-trêu lấp mắt trần.
Tông tổ mở-mang nhờ đức cả,
Giống dòng no ấm bớt trần thân.

Đường xa diệu vợi cảm tình ông,
Vây mới nở-nang giống Lạc-Hồng.
Nòi chí Thánh-Hiền tìm cội cũ,
Theo gương Phật-Tổ thấy non sông.
Hồ thiên ngọc ẩn chờ qui kiếng,
Trì địa kim sơn đến cõi Bồng.
Hãy rán sưu tầm cho rạch lý,
Một ngày hòa hiệp hết còn mong.

Còn mong cho gặp hội Mây Rồng,
Sắp đến bước đường lăm nẻo chông.
Quân tử tùy thời hơi sút bước,
Tiểu nhơn ý sức mạnh pha xông.
Khốn thay dân sự người cao thấp,
Đau đớn thân hèn kẻ tiếc công.
Dạ luống ai hoài than-thở chút,
Lòng lo dương-thế bắt cuông nông.

Cuông nông cửa Phật quá thêm nông,
Thấy chúng đời này những ước mong.
Trời định nhơn tâm qui nhứt thống,
Đất xoay vật dụng một nền không.
Diệu thâm bát-chánh lời truyền giáo,
Xa thắm tứ-đề tiếng giục ông.
Bớ hời Lạc-Hồng mau lượng xét,
Để chừng phong vũ hết chờ trông.

Xà-No, năm Canh-Thìn.

BÁC ÁI ĐẠI ĐỒNG

Nhơn-dân bá-tánh cũng con lành,
Thầy dạy cho đều khắp chúng-sanh.
May-mắn vận thời đưa đến chốn,
Tiền-khiên dẹp gác kiếm con lành.

Nhấn cùng bốn-đạo khắp đâu đâu,
Vạn vật từ nay luống thâm sâu.
Áo-não thương đời đa đói khổ,
U-buồn trăm họ vẽ vài câu.

Xà-No, tháng 4 năm Canh-Thìn.

NHẤN NHỦ CÙNG AI

Nhấn nhủ cùng ai một ít lời,
Nhờ ơn đưa đẩy tới nhiều nơi (1).
Ghét vợ sĩ khó trau lời hạnh,
Hạnh phúc hiển lương tiếng nước trời.

Nước trời cảm động cảnh trầm-luân,
Đừng để tim gan lửa nó lừng.
Hỏa-diệm mắng chờ cây quạt phép,
Tâm trần siêu-việt kiến thời hưng.

Thời hưng Trời Đất tạo trùng gian,
Ủa, ủa thì ra rất muộn-màng.
Vui thăm Tiên Bồng nơi thỏa hiệp,
Hoàn-cầu sanh-chúng khỏi lăm than.

Xà-No, tháng tư năm Canh-Thìn.

(1) Nhà chức-trách dời Đức Thầy từ Hòa-Hảo đến Sa-Đéc
rời qua Nhơn-Nghĩa (Cần-Thơ).

GIẤY VÀNG

Giấy vàng nay đã giá cao thẳng,
Bìa trắng lại chê vội bỏ lăn.
Thương thâm chúng quặng nạm kẹt hóc,
Chủ nhà quét tước lượm lừng-xăng.

Xà-No, Tháng tư năm Canh-Thìn.

(Thấy quý ông Năm Hiệu, Năm Chơn, biện Hùm xé giấy
vàng mà bỏ bìa trắng nên Đức Thầy tức cảnh làm bài thơ
trên đây. Trước khi làm thơ, Ngài cười, nói rằng: "Trắng
hay vàng uống cũng được. Giấy mắc lắm, tại sao mấy ông
xé bỏ?").

Cho HƯƠNG-BỘ THẠNH

HƯƠNG đăng thơm nức quá nhẹ nhàng,
BỘ đời còn kẹt nổi hùm lang.
THẠNH thay thời sự đưa Khùng đến,
Đạo-đức bày ra bủa khắp làng.

Hương-bộ mang soi bận áo dà,
Đêm ngày tiếp rước khách gần xa.
Nhơn dân bá tánh đều trông thấy,
Hương-bộ mang soi bận áo dà.

Áo dà Hương-bộ bận mang soi,
Ai có tức cười hãy đến coi.
Dòm riết chú chàng vùng mắc cỡ,
Áo dà Hương-bộ bận mang soi.

Võ nghệ ngày xưa của nước nhà,
MẬU truyền nên chẳng kiếm cho ra.

Luyện tập để dành khi đến việc,
THÀNH thời mới được hưởng vinh-hoa.

Vinh-hoa cũng phải rán công phu,
Tìm kiếm mà coi sấu hóa cù.
Kiếp trước ông cha làm đức cả,
Ngày sau con cháu rán lo tu.

Võng dù sao chẳng rán mà tu,
Gặp đặng người xưa phước bổ bù.
Bởi trước giữ-gìn nền đạo-đức,
Bằng vàng chói rạng chẳng hề lu.

HƯƠNG đèn cầu nguyện với ông cha,
BỘ đạo tìm ra nẻo chánh tà.
NHON ái giữ nền noi lối cũ,
NGHĨA hòa huynh-đệ phụng tông gia.

Rày mừng gặp đặng lúc ban ân,
Duyên trước ngày nay mới có phần,
Hãy rán dặn lòng lo trung hiếu,
Đến chừng gặp hội có Tiên, Thần.

Mùi hương phượng-phất gheo cùng đời,
Công-tử sang giàu tiếp cuộc chơi.
Trái mặt phong-trần tìm món lạ,
Nào dè thâm nhiễm tổn hao hơi.
Bo-bo ngày tối lo nổi ống,
Chặt-chĩa hăng đêm đổi tiếng lời.
Những mảng ham vui mang bệnh nghiệt,
Gầy mòn thân thể vội buồn ngơi.

Chán bệnh hiểm nghèo cậy Phật Tiên,
Tâm thành phù hộ hết nạn ghiền. (1)
Dưỡng thân đạo-đức giới linh trí,

An thể hiền tu ắt được nguyên.
Chặt dạ tinh-thần thêm mập khá,
Bền lòng khí-lực tráng nguơn nhiên.
Đẹp mâm, đẹp chiếu cho tiêu tán,
Theo dõi Bồng-Lai lánh cõi thiêng.

Xà-No, tháng 5 năm Canh-Thìn.

(1) Ông Hương-bộ Thạnh trước kia ghiền á-phiện rất nặng,
sau nhờ Đức Thầy dùng huyền diệu làm cho bỏ được bệnh
này.

THÂN GÀ (thơ xưa)

Chắt-chiu trong trứng mới nở ra,
Điều đầu bay lại xót con gà.
Mẹ kêu túc túc xè cánh đuổi.
Chủ nhà tiếc của vỗ tay la.

ĐỨC THẦY họa:

Nịnh gian hai dạ chuyện sanh ra,
Dòm ngó càng thương hại lũ gà.
Trở mặt dòm trời cao tuốt mịt,
Ức lòng thiếu cánh chớ nên la.

Xà-No, tháng 5 năm Canh-Thìn.

VIẾNG ĐÊM

(Bài này là của nội-tổ ông Hương-bộ Thạnh)

Trăng thời chịu vè ngọt là nê,
Vui dạ chi bằng đọc sách đêm.
Học đủ ba dư trời chẳng phụ,

Đến ngày bẻ đặng quế cung Thềm.

ĐỨC THẦY họa:

Tình thương thăm viếng chật như nôm,
Tưởng nhớ lòng ta chớ ở đêm (1).
Nhà nước khác chi người thiếu phụ,
Ôi thôi! chờ vận bước lên thềm.

(1) Lúc đó có nhiều anh em bốn-đạo ở Long-Điền (Long-Xuyên) đến tại nhà ông Hương-bộ Thạnh để thăm Đức Thầy và muốn ở lại vài ngày. Đức Thầy làm bài này để khuyên anh em về sớm.

Canh trường dạ đoản, kiến canh sơ,
Phổ-hóa nhơn-sanh trực thể thờ.
Sư giả hạ trần nhơn mặt kiếp,
Cấp hồi Nam-Việt tác cuồng thơ.

Thôn hành thế lữ ái nhi ca,
Cổ thụ huyền thi thiết nhĩ hà.
Đái bích Lư-Bồng thâm tải hận,
Đãi thì Thiên định thiết phong xa.
Xà-No, ngày 24 tháng 5 Canh-Thìn.

ƯỚC VỌNG NGƯỜI HIỀN

(Lúc Đức Thầy ở Rạch So-Đũa (Xà-No) có một nhóm nhân-sĩ đến viếng, Ngài có cho hai bài thơ dưới đây:)

Cảm tình đồng đạo hiểu tâm không,
Cuồng-sĩ bao giờ cũng ngóng trông.
Mong ước gặp người tri-kỷ ấy,
Toại thay chí cả khách non Bồng.

Non Bồng xót chúng xuống trần-gian,
Gặp buổi hoàn-cầu nước tiếng than.
Ước-vọng người hiền như khát nước,
Chóng mau liễu kết đẹp lằng-loàn.
Xà-No, năm Canh-Thìn.

" NANG THƠ CẨM TÚ "

Trời thanh lạng gió đưa hiu-hắc,
Ngồi thơ phòng thân bắt lạnh lòng.
Gắm xác trần còn cách cội thung,
Đâu có được giữ mừng quạt gió.
Cơn mừng vui nào ngờ lữ ó,
Vội bay ngang rồi xót đi luôn.
Chữ ngậm-ngùi lụy ngọc ứa tuôn,
Nào phải giống chim muông điểu-thú.
Lìa quê-hương quên câu nghĩa cũ,
Bởi xác phàm hấp thụ đã lâu.
Cuộc lung-tung rối-rắm trời Âu,
Nên còn ngại bước đường trở gót.
Tiếng riêng than tai nghe thành-thót,
Trăm ngàn nhà bốn-đạo ước mơ.
Con lạc cha con hỡi u-ơ,
Thầy xa tở ngẩn-ngơ thương mến.
Ngóng trông chờ vận-thời đưa đến,
Đặng chung cùng một tiệc quỳnh-tương.
Cây ngô-đồng hứng vẻ đơm sương,
Cho chim phụng mặc tình sè múa.
Cảnh sum-vầy mây lành bay tủa,
Cả trời Nam lưới bủa thiên-la.
Chữ Thánh Hiền mới được nôm-na,
Ta thỏa chí hô-hào trung nghĩa.
Giống hiền xưa bây giờ mới tìa,

Dốc chờ ngày bông trở thơm tho.
Tuy ngày nay chưa được ấm no,
Sau được dựa nơi non nược thủy.
Đây trưng bày khuyên gìn cang-kỷ,
Đờn những câu tỉ-mỉ rung hồn.
Cho người lành dạ ái bắt nôn,
Cúi đầu trước qui-y Phật-Pháp.
Quản chi thân bị mưa, nắng tấp,
Nơi sang giàu ấm-áp mặc ai.
Vẽ cho dân lập chí râu mày,
Phá tan óc tinh-thần nhu-nhược.
Thân nặng-nề như chim ô-thước,
Quyết làm xong cầu đá sông Ngân.
Nên chăng màng báu ngọc châu trân,
Miễn con thảo nhuần ân Thánh-Đế.
Đứng anh hùng dựng nên thời-thế,
Sá chi loài trùn dế nhỏ-nhen.
Vội đem lòng cương lý ghét-ghen,
Thêm cùng bớt tiếng kèn lời huyễn.
Chốn âm-ty ngưư đầu, mã diện,
Đang trông ngày tới số bắt hồn.
Cõi âm thần bịnh sái dịch ôn,
Chờ mẫn phước ra tay bẻ họng.
Cửa Tiên-bang hãy còn khóa cổng,
Nhà cha xưa cửa đóng then gài.
Con nào hiền thì vện thảo ngay,
Đứa ngỗ-nghịch một mai đứt cổ.
Nhìn gương kiếng sao không biết hổ,
Lũ gian thần nào biết Tổ Tông.
Làm âu-sâu một góc trời Đông,
Bị miệng sói thổi lông tìm vít.
Văn cang-thường đem ra bày trích,
Vạch chỉ lời cổ tích người xưa.
Nghĩ vì đâu có cuộc giày bừa,
Cho lẫn-lóc những người mới tỉnh.

Phải chi Phật lấy ngay bình tịnh,
Rưới cho trần được tỉnh chút tâm.
Mãi để câu vi diệu thậm thâm,
Cho sanh-chúng rùng lâm khó mở.
Được gió nhẹ ngờ đâu dễ thở,
Bỗng đông luồng âm khí nặng-nề.
Phải ngóng chờ cho phụng gặp kê,
Ấy thời đại Thánh Tiên trở mặt.
Càng nhìn dân lòng tơ siết chặt,
Đau chi bằng đau khúc đoạ trường.
Ước sao mà thuận gió buồm trương,
Đò bát-nhã rước tôi lương đồng.
Ngày vui tươi cũng đà lố bóng,
Cớ sao đời còn mãi say-sưa?
Không tìm Thầy đặng hưởng phước thừa,
Ngày lập Hội tay vin nhành quế.
Trau thân phận rạn danh hiệu để,
Thỏa dạ Thầy nơi chốn mây rồng.
Đừng chia lìa Bắc tổ Nam tông,
Chỉ biết giống Lạc-Hồng Thượng-cổ.
Tai nghe chi những câu ái ố,
Lòng từ-bi chớ cố lời gièm.
Đạo hiểu rồi ngon tợ gói nem,
Tuy cõi thế lăm-lem trần-tục.
Mây ganh hờn đầy lòng nghi-ngút,
Giữ dạ trong đừng đục mới màu.
Thân bần tăng mặc bộ sòng nâu,
Cuộc thiên-ly một bầu đều hăn.
Đến kỳ thi danh Thầy chạm bảng,
Trên đài cao gọi các linh hồn.
Nay ngu khờ len-lỏi hương-thôn,
Sau đặc Đạo tiếng đồn bốn biển.
Giàng với sấm ra tài sửa kiếng,
Kệ cùng ca lựa tuyển con lành.
Tuy là ta không thể sanh thành,

Nhưng thương hết ra tài dạy-dỗ.
Đời phải biết suy kim nghiệm cổ,
Thông cơ-đồ dựng nghiệp Thánh Hiền.
Ta quyết lòng rút nợ oan-khiên,
Cứu bá-tánh khỏi nơi lao-khổ.
Gà lồi sớm mượn oai tổ-hộ,
Có một ngày rút lốt hổ-han.
Nhu hiền hòa nhược ắt thẳng cang,
Đời cùng đạo bi hoan, ly hiệp.
Tấm lòng thành gian-truân chớ khiếp,
Đức từ-bi tiếp-dẫn linh-hồn.
Nén hương nguyện cầu với Phật-Tôn,
Ban phước-huệ cứu nạn dương-thế.
Nhớ thuở nhỏ nhờ ơn bồng-bể,
Nay được nên vai-vế trưởng thành.
Ngẫm cuộc đời hai chữ trước-thanh,
Thân hành đạo vang danh khắp chốn.
Nhưng ngặt nỗi gặp đời hỗn-độn,
Câu quân-thần, phụ-tử rã-rời.
Khuyên tu hành hao sức tổn hơi,
Chẳng hề mở miệng ra than trách.
Hãy bỏ dứt tánh tình kiêu-cách,
Các con lành khá chọn ngay đường.
Tuy thân Thầy lướt cuộc gió-sương,
Mà thỏa chí tang-bồng hồ-thỉ.
Câu trượng-phu là trang nghĩa-sĩ,
Chữ anh-tài của đấng trung-lương.
Phận tu hành đạm bạc rau tương,
Miễn cầu được an-khương bốn-bể.
Rung chuông lành bằng muôn tiếng kệ,
Gọi hồn người hành thiện truy kinh.
Ra khuyên dân hện có sơn minh,
Dù bá-tánh hứa câu thệ hải
Miễn tâm được hư-vô tồn-tại,
Sống ở trần hồi cải tiền phi.

Sống làm sao vẹn chữ tu mi,
Sống vùng-vẫy râu-mày nam tử.
Tự như nhiên oai-phong thiên tú,
Bút thần-linh mượn mực tay đề.
E dương-trần công việc trể-bê,
Nên giục-thúc nhơn-sanh cày cấy.
Dụng Bá-Nha lên dây đàn khảy,
Lo cho đời quên vóc ốm gầy.
Ngày hằng mong gặp hội Rồng-mây,
Xanh men-mét cũng thầy thịt xác.
Đi tới đâu giúp người khao-khát,
Ngặt giếng sâu khó múc mau đầy.
Trong suốt ngày làm việc lây-quây,
Dùng giấy, mực trưng-bày đạo-đức.
Biết bao giờ gái trai tỉnh thức,
Trẻ cùng già đồng hiểu Phật-gia.
Nương hùng-phong trời giọng cuồng-ca,
Ca cuộc thế ca câu khuyन्ह-đào.
Buổi nhập tiệc trái qua tràng pháo,
Khói mịt-mù văng xác đầy đường.
Cuộc đời nay như ngựa buông cương,
Khó dừng lại vó cu lụp-bụp.
Mặt nước biển lô-nhồ lặn-hụp,
Chim đua bay, cá lại tranh mồi.
Ngọn thủy-triều nô nức sục-sôi,
Bầu trái đất một phen luân-chuyển.
Ta là kẻ tu hành thiển kiến,
Xét thế-trần luận-biện đôi điều.
Chớ đâu nào bày việc trở-trêu,
Muốn giác-tỉnh người mê trở lại.
*Mong sanh-chúng học đều thông-thái,
Rèn tâm lành bác-ái trau-tria.
Hành đạo thiên cấp-cấp sớm khuya,
Lòng thương chúng khuyên-răn đủ thế.
Mà nào khác chợ trưa đồ ế,*

Bán rề-rề ít kẻ hỏi mua.
Mảng lo theo lối mới tranh-đua,
Lại bỏ ngón se-sua học-thức.
Thân hèn-yếu lại vô năng-lực,
Chẳng tìm nơi thuốc nhiệm sửa gân.
Miệng toàn lời bắt-chước chúa Tần,
Muốn chôn sống anh-tài nhu-sĩ.
Nhưng mắc phải tử-bi lập chí,
Lược cùng thao, thao lược vẹn hai.
Của Thần Tiên đã sắp sẵn bày,
Nhờ ơn mọn giúp thêm chí cả.
Miệng nhích môi đầy văn tao-nhã,
Hạ bút thần thơ đã đề khai.
Khó làm cho Hiền-Thánh lung-lay,
Chỉ tưới nước vun phân cây quý.
Thêm mắc phải tay chàng Nhạc-Nghị,
Cận Thầy xưa định việc an dân.
Tiết trung-lương hiếu-nghĩa rạng ngàn,
Ông Bàn-Cử mẹ ghi chạm thịt.
Luận sơ-sơ cho dân rõ tích,
Để chờ ngày hoán vũ hô phong.
Ban cho đời thoát chữ cay-nồng,
Nay giục thúc câu quân tu ký.
Ngày nào mà Phật Tiên tọa vị,
Ấy thời lai bình trị muôn dân.
Khắp các nơi chư quốc xưng thần,
Trong bốn biển chúng dân lạc nghiệp.
Theo dõi gót người xưa mới kịp,
Vùng mây lạnh ngũ sắc hào quang.
Phật, Thánh, Tiên, Đông-Độ lướt sang,
Miền Nam-địa phân chia đẳng-cấp.
Nước cờ mới nay đà khởi sắp,
Trở tài hay biển lấp non đời.
Dưới cùng trên ảm-đạm khí trời,
Cả thế-giới mưa hòa gió thuận.

Tạo nền móng Thánh-quân đặt vững,
Nơi triều-ca gãy-dựng tôi hiền.
Giờ mắc câu thiên lý vị nhiên,
Nên còn đãi thiên oai nấy lệnh.
Tỏ tình đời ít câu cung thỉnh,
Mong khán-quan vào cửa xem tuồng.
Cỏ cùng cây điều-thú chim-muông,
Nhơn với vật huồn lai bốn-tánh.
Đó mới biết ai là Phật Thánh,
Ai thảo-hiền ai lỗi đạo nhà.
Đồng hát câu phụ-tử khái-ca,
Chúc trăm họ muôn nhà thanh-thối.

NGÂM:

Bồ-đào rượu thánh trà tiên
Muôn năm cọng lạc chúa hiền tôi trung.
Nhơn-Nghĩa, ngày 29-5 Canh-Thìn.

Hỏi HẰNG-NGA: (Cổ-thi)

Ớ ở Hằng-Nga dám hỏi đon,
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn?
Ba mươi mồng một đi đâu vắng?
Nay về hỏi đặng mấy thằng con?

ĐỨC THẦY họa:

Cõi thế nhìn ta gọi tiếng đon,
Phàm nhơn chẳng rõ nói eo tròn?
Hoàn-cầu luân chuyển nên mờ mắt,
Tháng cuối rồi qua cũng một con.
Nhơn-Nghĩa, ngày 14 tháng 6 dl, 1940 (Canh-Thìn)

Hỏi HĂNG-NGA : (Cổ thi)

Ớ ớ Hăng-Nga dám hỏi đon,
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn?
Đông qua Dương-cốc bao nhiêu dặm?
Tây đến U-đô cách mấy hòn?
Uống thuốc trường-sanh đà mấy lượng?
Lấy chồng Hậu-Nghê bấy nhiêu con?
Ba mươi mừng một đi đâu vắng?
Hay có tư tình với nước non?

ĐỨC THẦY họa:

Bởi tại vì ai có tiếng đon,
Luân luân chuyển chuyển mãi eo tròn.
Nam-thiên quê cũ mù xa dặm,
Bắc-ly nhà xưa mịt núi hòn.
Tiên trưởng đờn hay đầu ức lượng,
Phật Thần được giỏi gắng tìm con.
Thương đời phi pháp tuy nhà vắng,
Những để đền bù với nước non.

Vịnh HĂNG-NGA: (Cổ-thi)

Khen ai cắc có bắm trời tây,
Tĩnh giấc Hăng-Nga khéo vẽ mây.
Một phiến linh-đỉnh trôi mặt biển,
Nửa vùng lũng-đứng dán trên mây.
Cá ngờ câu thả tươi-bời lội,
Chim tưởng cung trường sập-sận bay.

Nên một nên hai còn bé tuổi,
Mười lăm mười bảy bốn phương hay.

ĐỨC THẦY họa:

Mây hồng năm sắc ở phương tây,
Sáng-suốt ô kim bởi vện mây.
Miệng nhỏ tiếng to vang bốn biển,
Lưỡi mềm lời lớn dậy Rông Mây.
Lòng trong Thánh kệ tình bơi lội,
Dạ sạch Phật kinh ý luyện bay.
Dầu cho thân mỗ thanh xuân tuổi,
Thức giấc đời mê phải được hay.
Nhơn-Nghĩa, ngày 14-6 Canh-Thìn.

BẠC LIÊU

Diệu-vợi đàng xa đến Bạc-Liêu,
Thiên-môn vện-vẽ quá tiêu-diêu.
Bồng-lai tại thế non dường sánh,
Đẹp-để cho ta trở nhạc thiêu.

Bổn-đạo trông chừng chữ Bạc-Liêu,
Cớ sao giành muốn cấm lời diêu.
Lưng-chưng bèo giạt thân hành đạo,
Bị lũ a-dua cá út thiêu.

Lá phép xin về tỉnh Bạc-Liêu,
Ngụ nơi gia-trạch Hội-đồng Điêu.
Lòng trông Chánh-phủ cho hay chẳng,
Khó dễ làm gì việc bấy nhiêu?
Nhơn-Nghĩa (Xà-No), lối tháng 6 năm Canh-Thìn.

"Tù giã làng NHƠN-NGHĨA"

Kể từ mười tám tháng tư,
Canh-thìn lưu chữ thiện-tử tới đây.
Cho làng Nhơn-Nghĩa biết Thầy,
Dem truyền mỗi đạo thang mây chỉ chừng.
Nay vì thời vận chuyển luân,
Ở trong cõi tạm đã từng đổi thay.
Câu cho già trẻ gái trai,
Rủ nhau niệm Phật liên-đài ắt lên.
Thế-gian ngay thảo đáp đền,
Ngày sau sẽ được chẵn mền thơm-tho.
Tục kêu là rạch Xà-No,
Vàm kinh Ông Bồn eo-co khúc đường.
Ngày Thầy lìa cách quê-hương,
Về đây nương ngụ bởi thương dân lành.
Phủ trần xóa bỏ lợi danh,
Quyết lòng lánh trước tâm thanh mai chiêu.
Thử xưa thời buổi Thuấn Nghiêu,
Thái-bình thịnh-trị mến yêu khẩn tình.
Chớ đâu đồ-thán sanh-linh,
Bởi nay lỗi đạo kệ kinh ngạo cười.
Lo cho mình được đẹp tươi,
Phụ-phàng nghĩa cả lại cười Phật Tiên.
Luật Trời báo ứng nhãn tiền,
Khấp trong thiên-hạ đảo huyền từ nay.
Ra đi để lại một bài,
Cho trong bốn-đạo hôm mai rền lòng.
Bằng chừng tách dặm xa trông,
Dân-sanh gặp trận trời long hầu kẻ.
Tới lui bùa thuốc bộn-bề,
Chơn đời khỏi cửa ra về phủ ơn.
Thấy đời tu dối khuyên lơn,
Từ đây sửa lại gặp cơn thái-bình.
Phật Trời đâu dụng phép linh,

Chỉ dùng đạo-đức mặc tình ghét ưa.
Nghinh-ngang làm thiếu lấy thừa,
Mẹ cha chẳng kể dối lừa ngổ ngang.
Ngày nay mới đến Phật-đàng,
Niệm một tiếng Phật đòi an bịnh liền.
Chậm lành chê Phật ngạo Tiên,
Rồi sau tội nghiệp liên-miên tới mình.
Dương-trần phú trọng bản khinh,
Mãng lo bươi móc cầu vinh thân phàm.
Biết sao đây được túi tham,
Không ngăn không đậy càng làm không kiêng.
Mĩa-mai đến kẻ tu hiền,
Làm cho thỏa chí mới yên giấc nồng.
Gấm đời bụng dạ gai chông,
Nên còn khổ sở trời đông túng nghèo.
Nhìn dân ruột thắt gan teo,
Rán tâm gậy cũ mà leo qua bờ.
Nếu không, gặp cảnh bơ-vơ,
Thuyền ghe chẳng có bến bờ cũng không.
Một mai thấy được non Bồng,
Cảnh Tiên rục-rở mây rồng đẹp thay.
Lại thêm thấy chốn Phật-đài,
Không già không bịnh chẳng ngày nào lo.
Bây giờ lão lại thúc dò,
Đưa qua bến giác đông to tới nhà.
Vậy mà còn ghét kệ ca,
Không gây tình cảm để già nhọc khuyên.
Thương đời ta phải truân-chuyên,
Bạc-Liêu xứ ấy ta liền đến nơi.
Giã từ bốn-đạo ít lời,
Gìn câu nguyện vái chớ lơ nghĩa Thầy.
Bớt lòng thương nhớ từ đây,
Chẳng nên bịn-rịn để Thầy an tâm.
*Nhớ lời dạy dỗ ca ngâm,
Di-Đà sáu chữ trì tâm chớ sờn.*

Cuộc trần Thầy tỏ thiết hơn,
 Mấy người bê-trể chơn tới Thầy.
 Nghe theo lời chỉ sau đây,
 Lãnh bài cầu nguyện về rày mà tu.
 Dạy dân đầu tóc rối bù,
 Mà trong bá-tánh hèm-thù chi ta.
 Trể chơn Thầy mắc đi xa,
 Hỏi thăm Hương-bộ vậy mà cách tu.
 Trắng còn khi tỏ khi lu,
 Cho nên phận Lão viễn du đổi dời.
 Càng đi càng biết nhiều nơi,
 Càng đem chơn-ly tuyệt-vời phổ thông.
 Người Khùng trí lại cuồng-ngông,
 Cố sao thế-cuộc lầu thòng cũng kỳ,
 Xả thân tầm Đạo vô-vi,
 Nhiệm-mầu thâm-diệu nan-tri Lão bày.
 Cầm hương chắp lại hai tay,
 Đưa lên trên trán nguyện bài qui y.
 Nguyện rồi xá xuống tức thì,
 Cầm hương rồi cũng đứng thì thẳng ngay.
 Đọc qua lời nguyện một bài,
 Lạy luôn bốn lạy tạ rày tông-gia.
 Bàn tay lật ngửa vậy mà,
 Chớ đừng lật sấp vì Thầy tái sanh.
 Đi xa thì phải dặn rành,
 Bàn thông-thiên cũng thiết hành như y.
 Bốn phương đều đọc vậy thì,
 Cúi đầu bái tạ từ-bi Phật Trời.
 Sớm chiều bình-đẳng chớ lời,
 Thường hành như vậy nhớ lời đừng sai.
 Có đau xem thuốc ba bài,
 Tâm thành cầu nguyện ắt nay bệnh lành.
 Giấy vàng xé nhỏ đành rành,
 Để trên bàn Phật chí thành uống ngay.
 Thánh Thần phượng-phất hồn bay,

Ở đâu cũng đến độ rày chúng-sanh.
 Con rồng mới nửa gút nanh,
 Mà trong bá-tánh thất thanh hải-hùng.
 Chùng nào Thầy lại gia trung,
 Thì trong bốn-đạo bóng từng phủ che.
 Trách dân còn tiếc lụa the,
 Chẳng làm phước-thiện họa e đến mình.
 Hết nhục rồi lại đến vinh,
 Nghe không thì cũng mặc tình thế-gian.
 Để cho dân-sự luận bàn,
 Nếu tu thì phải chọn vàng lừa thau.
 Cá to mà phải ở ao,
 Muốn ra biển rộng phải nhào kiếm sông.
 Một mai đạo được Tây, Đông.
 Khấp trong thế-giải thỏa lòng ước-mơ.
 Nuôi tắm ắt được nên tở,
 Nếu ta làm phải phước hờ bên lưng.
 Núi non rừng thẳm cũng từng.
 Bây giờ phiêu lạc ta mừng khắp nơi.
 Cho dân đều hiểu cuộc đời,
 Thiên-cơ để dạ Lão thời yên thân.
 Đại-đồng chuông đạo bon ngân,
 Cho người say ngủ tỉnh lần giấc mê.
 Biết lo sửa kiếng trồng huê,
 Thơm-tho gia-trụ danh đề Tổ-tông.
 Bấy lâu lòng những ước-mong,
 Cha con hội hiệp thì lòng mới nguôi.
 Từ nay ai có tới lui,
 Cúi đầu bái Phật lòng vui tu hành.
*Xin đừng đeo-đắm lợi-danh,
 Bỏ trôi đạo-đức hư danh dạy truyền.
 Mai sau được gặp cõi Tiên,
 Phỉ tình nguyện ước khỏi phiền lòng ta.*
 Vài lời để lại khuyến ca,
 Truy phong tách gót đường xa xứ người.

Trò buồn Thầy lại tức cười,
Đâu đâu bá tánh cũng người Trời sanh.
Gần xa Thầy chỉ đành-rành,
Quyết tuyền con lành đem lại Phật-gia.
Cáo tử làng xóm trẻ già,
Chúc cầu lạc nghiệp nhà nhà ấm no.
Nhơn-Nghĩa (Xà-No), ngày rằm tháng 6 Canh-Thìn.

" NGAO-NGÁN TÌNH ĐỜI"

Ngao-ngán tình đời gấm cuộc âu,
Đông, Tây, Nam, Bắc cũng chung bầu.
Vì sao thế sự người sang cả,
Phân biệt tước quờn áo rẽ bầu.

Rẽ bầu đâu có, có mà chi,
Những mặng say sưa mặt cố lý.
Múa mỏ khua môi tài biệt thự,
Giống nòi Nam-Việt mãi chia ly.
Xà-No, năm Canh-Thìn

AI NGƯỜI TRI KỶ

Nghĩ việc đời xưa gấm việc nay,
Ai người tri kỷ ai là ai?
Tái sanh chọn lựa trang hiền thảo,
Thức tỉnh tâm trung sẽ vẹn mây.

Vẹn mây mới đẹp, đẹp Tiên-gia,
Tông-tổ thơm-tho phước hải hà.
Tịch mịch huyền sâu ai hiểu đặng,
Ắt là thấu tích sĩ cuồng ca.

Cường ca nẻo Đạo chốn huyền thâm,
Nghĩ việc xa xa ruột tím bầm.
Đau-đớn cho đời ôi thảm họa,
Mạch sâu có miệng lại dường câm.

Dường câm khó nói, nói còn e,
Thiện tín thờ-ơ nổi rứt-rè.
Tiếng động bên tường nghe vắng vắng.
Sức hèn như chấu chống ngàn xe.

Ngàn xe muốn nghiêng chấu còn bay,
Nước túng tìm phương chống kẻ tài.
Rốt cuộc tương-lai do quyết định,
Phương trời xa thăm năm quyền oai.

Quyền oai thế-hệ cực ta mang,
Luân chuyển nhơn-sanh lắm cuộc nàn.
Ai hỡi dân lành ta sẽ đợi,
Đạo người sửa trọn dứt lăm than.

Lăm than khói lửa với binh đao,
Âu Á lung-tung nhuộm máu đào.
Bá tánh say sưa mùi phú-quí,
Sau này sẽ vướng cảnh đồ lao.

Đồ lao muốn lánh sớm nghe ta,
Bố thí trì chay giữ giới mà.
Phật đạo trau dồi tâm tánh lại,
Giác thuyền chuyên chở lúc can qua.

Can qua dân chúng chớ buồn lo,
Tích đức chờ ta chốn hẹn-hò.
Tiên cảnh Phật đài xem rứt-rỡ,
Hoàn-cầu đến đó ấm cùng no.

Cùng no bốn biển một cha thôi,
Bỏ dứt thói hư với tật tồi.
Trên có Phật Trời soi việc thế,
Dưới đây cơm áo Lão về ngôi.

Nhà thương Chợ-quán, đêm 18-7 Canh-Thìn (1940).

SẮP MÀN CẢNH TRÍ

Cảm bấy lòng ta nổi thẹn thường,
Sắp màn cảnh trí chứa nên khuôn.
Chúng-sanh lỡ bước ngơ bờ bến,
Nhơn-loại tầm đường ngán buổi trường.
Tạo hóa khiến đời mang sống khổ,
Đất trời xui đạo bị đông lường.
U hoài tưởng lại thân lưu lạc,
Rùng thẳm khát-khao kiếm suối nguồn.

Nhà thương Chợ-quán, năm Canh-Thìn.

HIỂN THÂN SÃI KHÓ

Bá nhứt thân này chịu nạn tai,
Cầu xin Phật-Tổ vẽ tuồng hay,
Giúp cho Sãi khó qua bờ giác,
Trừ lũ yêu ma khuấy chọc Ngài.

Nhưng Ngài biến hóa ở Tây-Phương,
Còn Sãi dẫn thân cảnh đoạn trường.
Nam-Hải Quan-Âm bình nước tịnh,
Rưới giùm bá tánh bớt tai ương.

Phận tố xác phàm tố sẽ dung,
Cúng dường cho Phật, Phật đành ưng.
Dù cho phải chịu ngàn cay đắng,
Cũng nguyện Đạo màu sẽ chấn-hưng.
Nhà thương Chợ-quán, năm Canh-Thìn.

BÓNG HỒNG

Bóng hồng vừa mới thoáng qua,
Nhơn-sanh tỉnh giấc tìm nhà Thánh Tiên.
Thánh chúa phán ra miền Nam-địa,
Mặc cho đời mai-mĩa cười chê.
Nhìn dân châu lụy ủ-ê,
Biết sao trút hết gánh về ta mang.
Mang cho hết tai nạn thế-giới,
Kẻ tâm lành bớt đợi chờ trông.
Cốt xưa thiệt giống Lạc-Hồng,
Trên hòa dưới thuận một lòng mến yêu.
Nay hiếm kẻ ỷ nhiều tiền của,
Vội làm trò hát múa lẳng-xăng.
Xâu nhau đặng có tranh ăn,
Cùng là giành mặc cho bằng ngoại-bang.
Người sao lại bỉ bàng tôm cá.
Thức ăn thừa khiếp nổi ném quăng.
Kẻ nghèo lo chạy ngày hằng.
Lại không đủ bữa rồi nhăn đời người.
Xem thế sự biếng cười biếng khóc,
Chẳng rung-rinh quèo móc chi ta.
Cười là cười thói ranh ma,
Khóc là khóc kẻ chưa ta đỡ-dành.
Cơn lỡ-vỡ buồn tanh chuyện quái,
Tim non đời kinh hải bao phen.
Từ xưa ông cống xù quèn,
Ngày nay ông bịnh ông ghen việc nhà.

Bởi mắc việc đi xa đánh chén,
Bà ở nhà sẽ lén cải trang.
Sét tin ruột nọ bàng-hoàng.
Gượng say làm tỉnh rồi nhàn cụng ly.
Thấy hiểm kẻo vô nghi lạc Đạo,
Đua một lòng làm bạo làm xằng.
Ai mà xét đến ăn-năn,
Quày đầu hướng thiện bần tăng dặt giùm.

"BÓNG HỒNG"
(Tiếp theo bài trước)

Mắt thấy đũa vô nghi phát giận,
Ngặt nổi mình còn bận pháp-thân.
Chờ con đầy-đủ nghĩa-nhân,
Ra tay tế-độ dặt lần về ngôi.
Có ngày mở rộng quý-khôi,
Non thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân.
Huyền cơ máy tạo xoay vần,
Đồng về Phật-cảnh mười phần xinh tươi.
Thánh Tiên vừa nhích miệng cười,
Chúc mừng trần-thế có người chơn tu.
Ngày nay vừa lúc trăng thu,
Tiết trời ảm đạm mịt-mù gió mây.
Mua phùng lát-đất đượm bay,
Canh tràng thơ-thần thân Thầy bơ-vơ.
Truân-chuyên Tạo-hóa thờ-ơ,
Đưa người lương-thiện lỡ bờ xa quê.
Ru con buồn ngủ chưa mê,
Tầm đòi lên kén sợ dề phá chuồng.
Nực cười cho lũ sói muông.
Dem điều cay nghiệt phá tuồng Thuấn Nghiêu.
Đến sau phách lạc hồn xiêu,
Rã-rời thân thể mang nhiều họa-ương.

Ai ôi! hãy ngắm cho tường,
Nhìn ông tận mặt hùng cường làm chi?
(Viết tại nhà thương Chợ-quán, ngày 25-8 Canh-Thìn)

PHÒNG VẮNG ĐÊM KHUYA

Vận thời luân chuyển đưa ta tới,
Tới chốn nhà thương dưỡng bệnh điên.
Lắc-lẻo Hóa-công bày tấn kịch,
Chia xa bốn-đạo xuất mộng phiền.

Phòng vắng đêm khuya lặng tiếng người,
Tâm thần phưởng-phất cảnh vui tươi.
Ước-mơ thế giới lân Hòa-Hào,
Nhà Phật con Tiên hé miệng cười.

Lạnh-lùng mây bạc bị luồng đông,
Cũng bởi quá yêu giống Lạc-Hồng.
Cay đắng siểm gièm thân Lão chịu,
Miễn đời thanh trị hết cuồng ngông.

Ta bước, bước đường gập nẻo chông,
Mà không nản chí với nao lòng.
Dắt-diu nhưn-loại câu huyền-bí,
Bủa đức dạy đời rạng Á-đông.

Nhà thương Chợ-quán, đêm 25-8 Canh-Thìn

GỢI VỀ CHO BỐN-ĐẠO



Tiếp đặt lời thăm viếng, ngỏ lời cảm ơn chung hết
thiện-nam tín-nữ trẻ già, cầu chúc cho tất cả được sáng-suốt và
hăng-hái bước vững trên đường Đạo-hạnh thanh-cao của Phật-

pháp.

Ở trên này lúc nào Thầy cũng vui-vẻ, rất sung-sướng mà làm hết phận-sự của đạo-đức.

Chốn này là nơi để cho Thầy tỏ dấu cho hầu hết nhơn-sanh biết rằng chấn-hưng Phật-giáo thì phải chịu những sự tang thương biến cải và khuyên tín-đồ chớ buồn lòng lo-lắng, vì Ông Trên định vậy thôi. Rồi ít lâu có ngày sum-hiệp chớ chẳng hề chi cả.

Về kinh giảng, tốt hơn kỹ-lưỡng chẳng nên phát lúc này.

Về thuốc men cũng tùy theo tâm Đạo mà chỉ vẽ thôi. Thời-kỳ nghiêm trọng, chẳng nên làm theo ý cầu xin của người, tạm ngưng việc đó rồi sẽ cho.

Bấy nhiêu lời cho nam-nữ mừng lòng, không cần chi thi phú đông-dài. Ý Thầy tốt hơn giữ lấy bề trong, còn bề ngoài thì để cho Thầy yên tịnh thì sẽ có nhiều điều may-mắn đưa đến.

Dầu cho xoay chuyển đất trời,
Lòng ta chỉ dốc độ đời mà thôi.

Cội lành mong đặng đâm chồi,
Chặt gìn Phật-đạo đèn bồi ơn xưa.
Đừng thù kẻ nghịch thêm thừa,
Mở lòng hà-hải lọc-lừa đàng ngay.
Thế-gian hiểm kẻ Thánh tài,
Ra đời phải chịu ít ngày gian-nan.
Cổ kim nghiệm biết đừng than,
Để cho Trời Phật lo toan việc này.

Nhà thương Chợ-quán, ngày 25-9 Canh-Thìn

NGHĨ NHỮNG NGÀY QUA

Bây giờ ngồi nghĩ những ngày qua,
Lòng tở lạ không, chẳng nhớ nhà.

Nhớ cả vạn dân trong bốn biển,
Gặp hồi trụ lạc Đạo càng xa.

Mộng hồn trong bóng vẩn-vơ bay,
Sương tỏa trắng trong chói rạng đài.
Bóng xế tà-tà về núi ngủ,
Trông chừng ông Tạo vẽ tuồng hay.

Ông hời khách chờ khách sẽ xem,
Cảnh cũ ôi thôi quá cũ mèm!
Vùng-vẫy đỡ nưng cơn sấm chớp,
Vinh-hoa phú-quí chẳng mơ thêm.

Phút chốc vui mừng cuộc trí tri,
Cùng nhau hiệp mặt hết sâu-bi.
Tình yêu nhơn-loại càng thêm đậm,
Có lẽ chơn-nhơn lúc thanh thì.

Xúc-động tâm hoài gọi chúng-sanh,
Thoát ly cảnh tục sớm tu hành.
Giác thuyên đến bến đưa người thế,
Chớ đắm hồng trầm nẻo lợi danh.

Nhà thương Chợ-quán, năm Canh-Thìn

KHÔNG BUỒN NGỦ

Đêm nay lại sao ta không buồn ngủ? [1]
Đi, đứng, nằm, ủ-rũ nỗi niềm xa.
Hình như say chén rượu quá khề-khà,
Nhớ những kẻ bê tha trong ảo mộng.
Đường danh-lợi đưa chen mùi ong-ông,
Đâu có màng tiếng vọng của người tu.
Cảnh thế-gian dường thể chốn ao tù,
Trong biển khổ mấy ai mà thoát đặng.

Nơi cửa Thánh, ôi! người càng quạnh vắng,
Chốn nhà ma chen-chúc quá thêm đông.
Biết làm sao gieo Đạo khắp đại đồng,
Đưa nhơn-loại đi vào vòng hạnh-phúc.
Thương trăm họ ruột tơ thêm vò khúc.
Để trí suy giục-thúc cả muôn dân.
Bỗng hay đâu nghi-ngút khói vua Tần,
Tặng-sĩ phải gắng vui mới hắc ám.
Nào ai biết tâm ta đời bác lăm,
Kiếp người dường chùm gởi bám vào cây.
Ở thế-gian ai rõ kẻ chơn Thầy,
Dắt sanh-chúng lìa nơi sông mê khổ.
Cõi trần-thế biết bao điều ái ố,
Hơn cùng thua nhằm mắt cũng ra ma.

Chi cho bằng:

Lúc sống sanh tìm lấy cuộc nhơn hòa,
Chữ thuận thảo hay hơn là tranh-đấu.
Thưở ít tuổi ấy là thời thơ ấu,
Ơn mẹ cha dạy-dỗ lúc nâng-niu.
Lớn lên rồi cần giữ lấy qui điều,
Của Phật-Thánh dạy người trung lẫn hiếu.
Con nghịch phản đều mang câu đằm tiếu,
Giữ sao tròn đạo nghĩa mới khôn ngoan.
Lòng sắt son dám sánh nổi ngàn vàng,
Khó mua chuộc những người đầy liêm-sĩ.
Đường xa mới rõ biết tài ngựa ký,
Lúc nguy nàn tường tận kẻ vô lương.
Phụ ông cha làm lăm thói bạo cường,
Giành ăn uống ganh em cùng ghét cháu.
Trời sanh muỗi là loài thường hút máu,
Cũng lăm người mượn kể ấy dung thân.
Nên thưở xưa Trời sắp cuộc Phong Thần,
Diệt kẻ quấy lọc-lừa dân lương-thiện.
Mong Tạo-hóa sắp xong tuồng cổ-điển,
Đặng nhơn-sanh kiến cảnh thái bình hòa.

Ngỏ lời khuyên nhơn-loại khắp gần xa,
Rán tu tình hưởng đời chung cực-lạc.
Trên cửa Phật mùi hương thơm bát ngát,
Dưới quân thần phụ tử khái hoàn ca.
Ấy là xong bốn biển hiệp một nhà,
Không ganh-ghét dứt câu thù hận oán.
Trên kẻ trí lấy công-bình phân-đoán,
Dưới vạn dân trăm họ được im-lìm.
Trẻ với già gìn hai chữ từ-khiêm,
Không còn thấy loạn-luân nền cang-kỷ.
Đạo tôi chúa chặt gìn câu chung thi,
Đạo thầy trò khắc cốt với ghi xương.
Đạo cha con chặt-chẽ chữ miên trường.
Đạo chồng vợ thuận-hòa cho đến thác.
Biết lễ nghĩa kính yêu cùng cô bác,
Nội tông cùng ngoại tổ với cậu dì.
Thêm kính nhường anh chị kẻ cố tri,
Mắt chẳng thấy lũ gian phi xảo trá.
Đạo bè bạn bất phân nhơn với ngã,
Chữ nghĩa tình sắt đá mãi bền gan.
Trên non tiên vắng-vắng tiếng phụng-hoàng,
Phật, Tiên, Thánh an bang cùng định quốc.
Đời xuất Thánh tỏ bày câu tiêm-tất,
Rán giữ-gìn kéo mắt giống hiền xưa.
Những thói hư tật xấu phải răn chữa,
Sau sẽ thấy người xưa tường tận mặt.
Ta kể sơ ít điều cho vẫn tắt,
Ước mong đời xét kỹ đặng tu hành.
Phật từ-bi đặng chữ cao thanh,
Người lương-thiện hưởng muôn điều hạnh-phúc.

Đến đây ngao-ngán việc trần,
Thôi dừng bút lại định thần xét suy.
Giàu-sang lăm kẻ vô nghi,
Ý mình trên bực kể gì nghĩa-nhân.

Chẳng kiêng chẳng nể Phật Thần,
Suy mưu làm quấy nghiệp trần phải mang.
Vì chưng ta mắc tai nà,
Lòng thương trăm họ lỡ-làng từ nay.
Cầu Trời, Phật độ tiêu tai,
Cứu trong thiên-hạ Đạo khai khắp trời.
Nhà thương Chợ-quán, năm Canh-Thìn

[**Hiệu chính:**

[1] Ghi theo ấn bản năm 1966:

"Đêm nay **lại** sao ta không buồn ngủ" (*lại thêm một đêm
nửa không buồn ngủ*)].

THU ĐÃ CUỐI

*(Bài này không có tựa. Chép theo bốn chánh do Đức Ông
giữ)*

Thu đã cuối bắc lai-rai thổi,
Xét cõi lòng chạnh nỗi thương tâm.
Canh tràng thốn-thức đứng nằm,
Phiền-ba xe ngựa ù-ầm bên tai.
Nguồn mây bạc cuốn quay mũi viết,
Chăm vào nghiên chi viết ngại-ngùng.
Cũng bung sao lại khuấy bung,
Một bày ngơ-ngác cõi tòng còn xa.
Thấy Tăng-Sĩ thiệt-thà hữu chí,
Vội đem lòng ích-kỷ hại nhân.
Ôi, đời yếm cừu nghinh tân,
Rùng-rùng xóa bỏ Phật, Thần, Thánh, Tiên.
Làm cho Lão nửa phiền nửa tui,
Ước sao mình như cuội trên trăng.
Đặng soi khắp cả dương-trần,
Cho người trong tối đặng lẫn điển quang.
Kể đến lúc bằng ngàn đất khách,
Dem thân này cắt mạch sầu đông.

Dầu ai trao đổi lạt nồng,
Trao chua chế ngọt tấm lòng chẳng nao.
Nhưng nghĩ lại héo xào tim phổi,
Biết gốc lành sao cội không gìn.
Ngạt-ngào tiếng kệ lời kinh,
Ơn nhờ chư Phật oai tinh giáo-truyền.
Thân làm Đạo ba giếng năm mỗi,
Dù gặp cơn gió thổi mưa tuôn.
Bại rồi thành lại nên tuồng.
Vạn dân hưởng được nước nguồn Ma-ha.
Trải một lúc cuồng ba sóng dậy,
Chắc nhơn-sanh sẽ thấy việc chi ?
Trời đà sắp-đặt ly-kỳ,
Tới ngày trả quả ầm ỳ biết bao.
Thỏa cho kẻ khát-khao đạo-đức,
Danh Thánh tài thơm rục non sông.
Theo đòi học cổ của ông,
Nguồn văn gọi người đồng tâm tu.
Lòng đừng chắt mỗi thù chi cả,
Lũ bạo tàn tất tả nay mai.
Bấy lâu khoe giỏi khoe tài,
Trời xanh rọi thấu diệt loài kiêu căng.
Lời ta nói có ngăn lảm nhảm,
Để đây rồi chúng qui hiểu lầm.
Điệu đờn trối khúc huyền thâm,
Nhà nghề chọn bản tri âm đâu nào.
Giọng Tăng-Sĩ thanh thao như kiếng,
Hạn đã lâu sông giếng cạn mòn.
Cỏ cây khô héo thon-von,
Nay nhờ mưa đượm mà còn khát khao.
Nghĩ đến đây gió ào-ào thổi,
Ngẩng mình ra nhìn ngọn đông-phong.
Khổng-Minh nhờ gió dụng công,
Còn ta nhờ được muối-mòng bay tan.
Khuyên chớ chấp kẻ lòng lang sói,

Để đức lành ta rọi khắp nơi,
Non sông rức-rỡ chói ngời,
Mảnh gương Phật-đạo soi đời cổ kim.
Nhơn loại sẽ khỏi chìm bể khổ,
Khấp muôn loài nguyện độ siêu-thăng.
Kể chi miệng mỗi lưỡi lẫn.
Mặc tình thế-sự kêu thảng hay ông.
Chớ chia rẽ phải đồng tâm lực,
Khua giọng vàng đánh thức bốn phương.
Chấn-hưng Phật-Giáo học-đường,
Dưới trên hòa-thuận chọn đường qui nguyên.
Tay Tăng-Sĩ gậy thiền quyết nắm,
Lần buội bờ xuống thăm lên đèo.
Dầu cho gặp lắm hùm beo,
Từ-bi vẫn niệm quyết leo khỏi rừng.
Đâu nản chí mà ngừng việc phải,
Cuộc tang thương biến cải cảnh trần.
Bực mình đeo đấm pháp-thân,
Chờ cơn gió tạnh sẽ lần bước ra.
*Thấy thiện-tín chan hòa giọt lụy,
Tâm não nùng chạnh nghĩ xa vời.
Chim trời dựng ổ chiều mơ,
Bầy con chiu-chít cả đời nhàn thân.*
Còn một đoạn mưa Tân nắng Sở,
Trải qua rồi việc dở hóa hay.
Thế-gian sẽ biết Thánh-tài,
Bể-bồng con dại hát bài khai-ca.
Ai mà được trông qua cảnh ấy,
Cội phúc nhà tạo lấy mà nhờ.
Thương đời tả ít lời thơ,
Nè tu dân-sự còn chờ dịp nao?
Phận Tăng-Sĩ nài bao gió bụi,
Miễn xổ lông tháo củi ta-bà.
Theo đòi gương-phẩm Thích-Ca,
Dốc đem tâm chí tầm ra Đạo mầu.

Cả vạn vật chung bầu thế-giải,
Vĩ oán thù dựng bãi chiến-trường.
Cũng đồng xưng bá xưng vương,
Tranh quyền đoạt lợi đờm đương xé giành.
Ta nguyện một lời hành chánh đạo,
Chẳng phải người thông thạo hoàn toàn.
Nhưng mà gắng chí kêu vang,
Người ôi! thức tỉnh lánh nạn tu thân.
Nguồn bạch thủy trong ngần mát-mẻ,
Múc rưới vào độ kẻ chúng-sinh.
Thần-thông phép Phật muôn nghìn,
Cội lành nắm chặt ắt mình thành-thời.
Nay Tăng-Sĩ có lời kêu gọi,
Dụng tinh-thần chống-chỏi quỷ tà.
Đừng cho chúng đến gần ta,
Nhơn-sanh còn hời ngà-ngà giấc say.
Phật, Tiên, Thánh muôn loài vạn-vật,
Cũng ở trong quả đất dựng gầy.
Siêu-thăng nhẹ tách đường mây.
Trầm-luân oan-nghiệt càng gây thêm hoài.
Ta chí dốc tâm đài-nguyệt-kiến,
Cho dương-trần rọi chuyện sai lầm.
Định thần dẹp hết tà tâm,
Huờn lai bốn-tánh Thần khâm qui nương.
Bỏ cái tánh tự cường tự trọng,
Gỡ cuộc đời cái bóng theo hình.
Tu hành đâu kể nhục vinh,
Ta làm bốn-phận ngạo khinh mặc đời.
Đầu ngưỡng-vọng đất trời minh chứng,
Tấm lòng thành quyết dựng Đạo đời.
Đôi đều hòa-nhã nơi nơi,
Thân này mới chịu ngồi ngời thạch-bàn.
Lòng trẻ thảo biết đoàn biết kết,
Phí xác phàm mê mệt đâu nài.
Bằng rừng vẹt phá gốc gai,

Đưa người lương-thiện đến ngay Niết-Bàn.
 Thấy biển khổ đâu an lòng đặng,
 Xông thuyền ra cứu vớt sanh-linh.
 Miễn cho bá tánh vẹn mình,
 Hết cơn bịnh tật hết tin đạo tà.
 Cúi nhờ nước ma-ha mát mẻ,
 Xin Phật ban cho kẻ khát lòng.
 Chim khôn thì uống nước trong,
 Người khôn mau sớm rửa lòng bợn nhơ.
 Để ma bịnh theo hờ bén gót,
 Thần chết kia ôm hót bên mình.
 Đạo lành sao lại chẳng tin,
 Dầu cho thông thái cũng gìn cốt xưa.
 Nở đâu lại vầy bừa đồng loại,
 Cũng gốc Ngài Thượng-Đế xuống trần.
 Quày đầu nghe tiếng chuông ngân,
 Trở về nơi cũ cho gần Phật, Tiên.
*Thấy sanh-chúng quá ghiền cảnh tục,
 Nên nhiều lần giục thúc muôn dân.
 Bạch trình giữ lấy nghĩa-nhân,
 Muốn về cõi Phật, lập thân cõi trần.*
 Vượt cảnh khổ muôn phần u-ám,
 Ganh, ghét, hờn, thì thảm muôn bề.
 Khuyên trong nam nữ chợ quê,
 Cúi đầu thiện-niệm trông về Tây-Phương.
 NGÂM:
 Tu cho kẻ bạo khâm-nhường,
 Đẹp lòng cha mẹ Cửu-Huyền chờ trông.

"ĐÊM NGỒI MỘT MÌNH"

(tiếp theo bài trước)

Riêng phòng vắng-về một mình ta,
 Đèn điện bật lên ánh sáng lò.

Trí não nghĩ suy tuồng biến đổi,
 Tâm hồn liệu lượng cảnh thay nhà.
 Tai nghe bốn phía xe cùng ngựa,
 Mắt thấy chung quanh vách trắng ngà.
 Cô độc nhưng lòng nô-nức mãi,
 Cố tình kinh-nghiệm những ngày qua.
Nhà thương Chợ-quán, ngày 30-9 Canh-Thìn

MƯỜI BỐN THÁNG MƯỜI

Cảnh trời mây mịt vẽ lằng-quảng,
 Mười bốn tháng mười lại khuất trăng.
 Ngẫm việc thiên-cơ càng biến chuyển,
 Xem chừng địa-lý quá xung xằng.
 Tơ lòng vương-vấn đời thêm bận,
 Tâm dạ ai-hoài cuộc nhện giăng.
 Biết đó biết đây thời với vận,
 Để ngày kết cuộc khó ăn-năn.
*Nhà thương Chợ-quán, ngày 14-10 năm Canh-Thìn.
 (trước khi Cộng-sản nổi dậy ở Xoài-Hột)*

"THAN ĐỜI"

(Chép theo bốn chánh do Đức Ông giữ)

Chạnh lòng nghĩ lại cảnh phiến ba,
 Nghi-ngút bợn nhơ khói vạ tà.
 Lăn lóc phong-trần dày dạn mặt,
 Truân chuyên bể ái kiếp mảy hoa.
 Hồ sâu chất chứa người bạc-ác,
 Hang thẳm chôn chổng kẻ thiết tha.
 Trời đã hoàng hôn mau chợt tỉnh,
 Tìm đèn Trí-Huệ lánh thân ra.

Lánh thân ra khỏi kẻo mang tai,
Tâm nẻo cao siêu đến Phật-đài.
Bến giác Thần, Tiên mau chực sẵn,
Bể mê phàm tục phải cao bay.
Nợ duyên đeo-đắm nơi đời tạm,
Kiếp số luân-chìm chốn gốc gai.
Rày gặp mưa nhuần ân Thánh-đế,
Cam-lồ rưới tắt lửa trần-ai.

Nhà thương Chợ-quán, ngày 3-12 Canh-Thìn

"TRAO LỜI CÙNG ÔNG TÁO"

(Chép theo bản chánh do Đức Ông giữ)

Đôi lời cặn hỏi Táo-quân ông,
Sắp tính về châu Thượng-giới không.
Nếu có việc trần tâu thẳng lẽ,
Đừng như những kẻ bèn hơi đồng.

Đêm ngồi nghĩ hỏi thăm ông Táo,
Số-sách trần ông tính đã xong chưa?
Năm Canh-Thìn nhiều trận gió mưa,
Cho nhơn-loại trăm cay cùng ngàn đắng.
Còn một tháng trông coi dài dặn,
Chắc hăm-ba theo lệ cũng châu Trời.
Đêm nay trò chuyện với tôi chơi,
Thêm dặn trước ít lời ông xin nhớ.
Táo cười rằng! có chi nhẩn-nhở?
Mới hôm nay sao lại gấp quá chừng?
Có điều chi lo liệu bâng khuâng,
Mà vội-vã dặn-dò tôi sớm vậy?
Sãi cả cười, vượt-ve tấm đẫy:
Sợ ngày về ông bận lắm chèo xôi.
Của chúng-sanh làm lẽ vắng hồi,

E quên mất những lời tôi gửi-gắm.
Nên tính trước trao tờ cáo-thảm,
Cuộc trần-gian đà trải một năm qua,
Luôn từ ngày Tăng-Sĩ xa nhà,
Đều uất-kết tâu qua cùng Thượng-Đế:
Ngày vâng chỉ đáo-lai trần-thế,
Cõi Trung-Uơng nhằm đất nước Việt-Nam.
Chọn một chàng tuổi trẻ tục-phàm,
Mượn tay gã, tờ hoa Thần hạ bút.
Khuyên bá-tánh tâm Tiên rời tục,
Chỉ máy Trời bày tỏ việc về sau.
Gái cùng trai già trẻ bước vào,
Đường trí-huệ qui-y gìn Đạo-pháp.
Thần cũng chẳng say mê chùa tháp,
Chẳng tham tiền, tham vật, món chi chi.
Hơn năm dư quyết chí duy trì,
Truyền sanh-chúng phải kính thờ Trời, Phật.
Cũng lắm kẻ phàm phu sơ thất,
Vội trêu đùa lũ qui ngạ đoàn ma.
Lúc ăn-năn sửa tánh rất thật-thà,
Còn lắm kẻ nghinh-nganh theo chọc rỏi.
Mượn luật-pháp ẩn trong bóng tối,
Mãi làm điều phi nghĩa chuyện bất lương.
Dạ hiểm sâu không thước đo lường,
Dốc phá hoại đường ngay, bôi lẽ thẳng.
Thêm lời tiếng thấp cao nhẹ nặng,
Làm cho người tu tỉnh phải xót-xa;
Nên hạ thần kính-cẩn tâu qua,
Xin Ngọc-Đế phân minh giùm trần-thế.
Nay cũng lắm người ưa kinh-kệ,
Muốn tu mà gặp lúc quá gay-go.
Xác trần còn mắc phải neo dò.
Giờ rước khách đã ngưng rồi năm tháng.
Thiên-số định cũng chưa quá hạn,
Nên phải còn bận mãi ách nản tai.

Vọng Thánh-minh đức rạng khắp nhơn-loài,
Ban phước xuống dân lành cho bớt khổ.

Gạo lúa kém là đồ sản-thổ,
Hàng hóa cao, ấy của ngoại bang vào
Kẻ nghèo hèn thêm nỗi đói, đau,
Rất mong-mỏi an-cư cùng lạc nghiệp.

Oai trời đất, thế-trần khùng-khiếp,
Nhưng ngặt loài thỏ-cáo cứ đua tranh.

Lũ sói hùm hươu gút múa nanh,
Cho trăm họ hải-hùng cơn sấm nổ.

Thần rún sức ra công khuyến dỗ,
Gìn thuần-phong mỹ-tục của Rồng-Tiên.

Tập ở ăn theo nếp Thánh-hiền,
Lòng tu tình, dòm Phật-Tiên nổi chí.

Bày tường-tận trước sau chung thị,
Đời văn-minh vật-chất bỏ gương xưa.

Nghiệp Tổ Tiên con cháu vầy bừa,
Học thói mới lằng loàn theo sở dục.

Khắp thế-giới binh lương cụ túc,
Quyết tranh-giành quyền-lợi, xé-xâu nhau.

Thấy nhơn-sanh tuôn giọt máu đào,
Lòng bác-ái động tình rơi nước mắt.

Tiếng ai-bi thở than véo-vắt,
Khắp Đông, Tây, Nam, Bắc chịu ưu sầu.

Kẻ lương-hiền chờ giọt mưa ngâu,
Người bạo ngược thừa cơ nguy thủ lợi.

Ở thị thiềng đua chen xướng-khởi,
Những tuồng hư, cho bọn gái lẫn trai.

Nào hút thuốc phiện, hội ve chai,
Nào trùm-đĩ, ma-cô, nghề hút máu.

Ai để mắt xem đời chu đáo,
Chẳng khỏi than giùm dân-tộc hư hèn.

Diện áo quần, son phấn lẫn chen,
Miễn cho mình được lên xe xuống ngựa.

Mãng điếm-tô huy-hoàng nhà cửa,
Ai khốn-cùng để mặc đất, trời xây.

Thấy nhơn gian khuyh đảo tỏ bày,
Cho Thượng-Đế lăm tường trong sanh-chúng.

Bấy nhiêu điều xét xem nhơn-chúng,
Táo đệ giùm cho thấu đến Thiên-cung.

Còn nhiều điều gớm-ghiếc hải-hùng,
Lấy yếu lược đôi câu mà trần tố.

Nay cùng ông hữu duyên tương ngộ,
Chúc ông về Thượng-giải được ban khen.

Phần Sĩ-Tăng tay trống miệng kèn,
Giác thiện-tín chấn-hưng nền Phật-giáo.

Nếu chừng nào khai thông đại Đạo,
Đuốc từ-bi rọi khắp cả nhơn-gian.

Bể trầm-luân khô cạn sáu đàng,
Tăng-Sĩ mới trở về nơi thanh-tịnh.

Nhà thương Chợ-quán, ngày 3 tháng chạp Canh-Thìn.



"TỰ THÁN"

(Chép theo bốn chánh do Đức Ông giữ)

Vì đâu bốc ngọn lửa Tần,
Mà lòng Tăng-Sĩ như dần nát tan.

Nghĩ mình chọn kiếp con hoang,
Quê hương rày đã đậm tràng sơn-xuyên.

Tổ-đường còn một cảnh huyên,
Từ-đường hôm sớm luống phiến chờ trông.

Hai em thiếu trí thơ-đồng,
Chị đà an phận theo chồng đàng xa.

Từ mang một tấm áo dà,

Mùi thiên dã thắm ơn nhà lợt phai.
Sống sanh ra phận râu mày,
Một đời một Đạo đến ngày chung thân.
Tuy là xa cách cổ nhân,
Nơi đời triêu mển sớm gần cửa không.
Từ-bi buộc chặt cõi lòng,
Còn ơn cú-cục để hòng mai sau.
Bể trần sóng cuộn lao-xao,
Xông thuyền bát-nhã lướt vào một phen.
Quản chi lực kém tài hèn,
Dù đời bạc đãi ngọn đèn cứ nêu.
Soi từ đài các xá lều,
Cho người truy-lạc biết điều nghĩa-nhân.
Tài tai hai chữ cân phân,
Trời ban họa phước một lần cho ta.
Mắt đen thấy mắt trắng lòà,
Phật ma, ma Phật mới ra vỡ tuồng.
Trời già tay khéo, khéo luôn,
Sắp chi chua ngọt pha buồn lẫn vui?
Năm canh luống những sứt-sùi,
Cám trong nhân-chủng lắm người dở-dang.
Sầu chung ta cất tiếng than,
Phù-sinh kiếp có đoạn tràng thì thôi.
Bon bon chuông giục mấy hồi,
Rầm rầm sấm nổ trên đời xa xa.
Đầu canh tiếng động bên nhà,
Chờ ba canh một thì gà gáy tan.
Ngày xuân cách cội xa làng,
Người quê Quán-Chợ như toàn linh-đình.
Vừa cơn sóng gió bất bình,
Sổ trời đã định phận mình biết sao.
Ngày xưa mấy bức yên-hào,
Vào sanh ra tử dạ nào trách than.
Thân này đã ngấm trầm nhang.
Vui câu bác-ái bền gan đợi chờ,

Đêm khuya vắng lặng như tờ,
Vài hàng nhủ hết chớ ngơ-ngẩn lòng.
Gắng tình đừng lảm ngóng trông.
Hung-tinh sao ấy trời Đông lờ-mờ.
Hềm vì mắc lá thiên-thơ,
Đôi điều ghi chép cõi bờ chưa xong.
Thôi thì lòng dạn lấy lòng,
Gắm đây đến cuộc mây rỗng chẳng xa.
Đêm khuya lác-đác sương sa,
Phòng khuya lạnh-lẽo có ta với phòng.
Gật-gù suy cuộc hưng vong,
Quyết xoay máy tạo gánh gồng chưa yên.
Trí thần nhớ đến tiếng quyên,
Gọi hồn cố-quốc sầu riêng một mình.
Trầm-ngâm về mặt làm thình,
Tựa mình bên gối giấc quỳnh đã say.
Mơ tiên hồn muốn vụt bay,
Nhà thương Chợ-quán, tháng chạp năm Canh-Thìn

"TÌNH BẠN TRẦN GIAN"

(Chép theo bốn chánh do Đức Ông giữ)

Nghiệp chướng lằng-loàn hại xác thân,
Chuông lành buông tiếng vọng bon ngân.
Cương-thường gánh nặng trai gìn trọn,
Tơ-tóc vai quẩn gái vẹn phân.
Nợ nước văn-chương toan báo đáp,
Ơn nhà đạo-đức quyết đền ân.
Khuyên người trí-sĩ mau mau tỉnh,
Giấc mộng nam-kha chốn thế-trần.

Thế-trần tạm giả gạt đời ta,
Lướt khỏi sông mê khỏi ái hà.
Nhân-ngã, ngã-nhân đừng cách biệt,

Sắc không, không sắc chớ lìa xa.
Diệu-huyền chơn lý noi đường sáng,
Ảo-thuật tà-tâm kiếm nẻo ra.
Lóng-lánh gương xưa lời Phật dạy,
Hồng-trần ái-dục giết tài hoa.

Tài-hoa cho lắm, lắm nản tai,
Trụy-lạc phong-trần chốn gốc gai.
Nếu đã tỉnh tâm tầm lẽ thẳng,
Cũng nên rèn tánh gặt đàng ngay.
Sân-si phỏng có điều thêm bận,
Nhẫn-nhịn ắt không chuyện kéo dài.
Tiếng gọi hồn mê hồn được giác,
Phải toan sấm-sửa rút trần-ai.

Trần-ai chỉ có thú phong-lưu,
Tranh-đấu thành ra mãi oán cừu.
Chung cuộc chỉ mang câu thất vọng,
Xong đời ghi chất mối sâu uừ.
Cổ kim máy tạo nhiều huyền-bí,
Lão ấu xây vắn lắm mẹo mưu.
Cũng chẳng cướp xong quyền võ-trụ,
Mà còn đeo dằm thú phong-lưu.

Phong-lưu nào phải gọi người ngoan,
Sa ngã biến nên kẻ khốn nàn.
Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược,
Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang.
Tuổi già thân yếu đa sầu cảm,
Tóc bạc mình ve lắm rộn-ràng.
Biết được trần-gian là mộng huyễn,
Tử thần sửa soạn kéo vào quan.

Kéo vào quan-quách biết bao người,
Cảnh sống sum-vầy phỏng mấy mươi?

Lắm lúc đua chen vui lẫn giận,
Nhiều khi vụng-vãi khóc pha cười.
Tuồng đời chuốt-ngót cho xong tiếng,
Cuộc thế trau-giồi mượn tắc hơi.
Nín thở nằm ngay không cự quây,
Xót thương con trẻ khóc đôi lời.

Đôi lời kể lại nổi hàn huyền,
Ma lớn chạy to phí lắm tiền.
Tưởng vậy xác thân đa hạnh-phúc,
Nào hay hồn-phách lắm oan-khiên.
Thiên-đường siêu-thoát thời thông-thả,
Địa-ngục trầm-luân ắt đảo-diên.
Nên chọn một nơi thanh-tịnh ấy,
Rút trần bất nhiễm mới là yên.

Mới là yên-ổn lánh trần-gian,
Chí nguyện tiêu-diêu cảnh Phật-đàng.
Diệu-pháp chuyển thân vô sự thế,
Huyền-thông hóa kiếp chẳng lo toan.
Tâm linh mắt thánh xem ba cõi,
Tánh hiển tai thần lóng bốn phang.
Phổ-tế chúng-sanh qua bể khổ,
Di-Đà miệng niệm lánh trần-gian.

Trần-gian khói lửa với đao binh,
Chư Phật sớm bày phép hiển-linh.
Cứu khổ nam-mô vô lượng phước,
Diệt nạn tu-rị hữu thiên kinh.
Sóng xao dương-thế nhiều cay đắng,
Gió cuốn trần-gian nổi bất bình.
Tín-nữ thiện-nam gìn mỗi đạo,
Dầu cho lặn-lóc rán kiên-trinh.



Kiên-trình mà chịu lúc nản tai,
 Dầu có gian-nan dạ chớ nài.
 Vàng đá bao phen cơn nước lửa,
 Chì thau lắm chuyện lúc non hài.
 Bền gan chờ đợi ngày sum hiệp,
 Gắng chí trông mong bữa tiệc khai.
 Thiên địa tuần-hườn gom một mối,
 Phàm-trần vẹn kiếp kiến Bồng-Lai.

Nhà thương Chợ-Quán, tháng chạp năm Canh-Thìn

Đức Thầy gọi ông MƯỜI (chú Đức Ông)



Ngày Tết đến, nường mực viết thay lời, trước kính bái tông đường, sau chúc mừng ông bà đặng muôn điều hạnh-phúc. Sau có hai bài thơ, xin ông xem chơi cho rõ điều tâm sự:

Xuân đến chúc mừng tuổi thúc ông,
 Đàng xa không thể viếng môn tông.
 Câu thơ cao hứng thay bầu rượu,
 Bài phú vui mừng thế chậu bông.
 Đạo-đức gắng công nên cách mặt,
 Văn-chương rèn chí chẳng phai lòng.
 Ở nhà tạm gác sau này trả,
 Xin bớt đau lòng bớt ngóng trông.

Trước đã đem thân hiến Phật đài,
 Chắc rằng sẽ được buổi trùng lai.
 Ra công khai-hóa vì nhân-chúng,
 Nhọc sức mở-mang bởi cốt-hài.
 Sanh đấng nam-nhi toan xử thế,
 Sống làm hiền-triết nghĩa gồm hai.
 Thuận hòa trăm họ đời an-lạc,
 Chừng ấy xe tiên thế dếp giày.

Nhà thương Chợ-Quán, tháng chạp năm Canh-Thìn

MƯỢN CÂY ĐUỐC HUỆ



Phụ mẫu thâm ân vô lượng kiếp,
 Quân-thần nghĩa trọng hữu thiên niên.
 Vận phải bĩ trầm điều chua chát,
 Thời đáo lai muôn chuyện ngọt ngon.
 Nghĩ cuộc đời mà chan-chứa nỗi hao mòn,
 Xem cảnh thế luống xót-xa niềm chích mát.
 Đời này như thế người kia cũng thế,
 Làm sao mà tránh khỏi việc lấm than.
 Sống tranh đua khi chết cũng xương tàn,
Cho nên: Mượn đuốc huệ đánh tan mùi tục lụy.

Buồn với mượn bút tay đề,
 Tu hành tâm đạo dựa kè Tiên-bang.
 Nào nào trần thế có sang,
 Sắp đều đau khổ nghèo nàn hỡi ai!
 Thảm trong thế sự ngày nay,
 Lắm điều lao-lý quá dài gian-nan.
 Một tay tá quốc an bang,
 Nước nhà vững đặt Hớn-đàng hiển vinh.
 Bây giờ phải mượn kệ kinh,
 Dắt-diu trần-thế mặc tình nghe không.
 Kêu thẳng hay gọi là ông,
 Cũng không có muốn ai hòng tôn-ti.

Nhà thương Chợ-Quán, tháng chạp năm Canh-Thìn
 (Bài trên đây Đức Thầy gọi về nhà, một lượt với 2 bài thơ gọi ông Mười).

NHỔ BÀN THÔNG-THIÊN

*(vì sợ liên-can vụ "Đạo Tưởng" ở Tân-Châu, thuộc tỉnh
Châu-Đốc)*

Đạo ác xảy ra rất thảm phiến,
Làm cho dân sự nhỏ thông-thiên.
Xô ngang ít bữa rồi trồng lại,
Thần Thánh đi xa khó rước liền.

Hòa-Hảo, hạ tuần tháng Giêng năm Canh-Thìn.

**NĂM TÂN-TY
(1941)**

**Chúc xuân ông Thầy thuốc TRẦN-VĂN-TÂM
làm việc tại Nhà thương Chợ-Quán**



Tràng pháo vang-vầy đến rước xuân,
Chúc ông năm mới chữ vui mừng.
Trăm điều phúc-lộc vừa đem lại,
Muôn chuyện nhàn-cư đến chẳng ngưng.
Tộc-họ cùng chung gìn nghiệp cũ,
Gia-đình sum-hợp giữ thường-luân.
Thanh-liêm một mực tròn nhơn-cách,
Rạng vẻ non sông tiếng lẫy-lừng.

Nhà thương Chợ-quán, Tết năm Tân-Ty (1941)

Những bài sáng-tác năm Tân-Ty (1941)

"NGÀY TẾT"

Tháng lụng ngày qua năm đã tàn,
Trẻ già nô-nức đón xuân sang.
Chờ coi năm mới hên hay chẳng?
Chóng đạt công-danh kẻo muộn-màng.

Ngày tết đến rồi các bạn ơi,
Tổ-Tiên truyền lại mấy ngàn đời;
Ước ao xuân mới bằng xuân cũ,
Thanh-bạch tâm hồn cuộc thành-thời.

Này hỡi chúa xuân ta rán chờ,
Khỏi ngày thảm lệ buổi nguy cơ.
Pháo tan xác pháo rền rang nhĩ,
Khói bốc đường mây án mịt-mờ.

Thời giờ kinh hải sẽ đi qua,
Thế-giới trì xong cuộc thái hòa.

Chùng ấy chúa xuân thêm tráng lệ,
Huy-hoàng tục cổ của ông cha.

Thiên hạ đua nhau rặng mới mới,
Lòng ta nào thấy mới chi đâu.
Lao xao phố chợ hoành đôi tấm,
Rộn-riệp cửa nhà liễn mấy câu.
Lũ trẻ cười reo pha tiếng pháo,
Cụ già đùa chuyện lẫn năm châu.
Nào dè xuân ấy là xuân gượng,
Của buổi loạn-ly gợi thảm sầu.

Lớp-bớp pháo chi nổ quá ồn,
Khấp cùng thành-thị khấp hương-thôn.
Người dư của-cải tiêu xa-xí,
Kẻ thiếu tiền-nong nợ mắc đồn.
Ba bữa cờ trương còn hớn-hở,
Bảy ngày nêu hạ hết lo nôn.
Thì ra năm mới như năm cũ,
Cảnh khó dân đen vẫn tự tồn.

(Chép theo bản chánh do Đức Ông giữ)

" CẢNH XUÂN "

Kiếng vật khoe màu đua sắc tươi,
Cành hoa hé nở tựa như cười.
Xuân về cảnh đẹp càng thêm vẻ,
Dám hỏi Đông-Hoàng tuổi mấy mươi?
Nhà thương Chợ-Quán, Tết năm Tân-Ty.

ĐI TRÌNH-BÁO

*(Lúc Đức Thầy về Bạc-liêu ở nhà ông Võ-văn-Giỏi thì nhà
cầm quyền buộc phải đi trình diện tại bót cò mỗi tuần một
lần, vào ngày thứ hai).*

Việc chi mà phải đi trình báo?
Mỗi tháng bốn kỳ nhọc căng ông.
Đợi máy huyền-cơ xây đến mức,
Tính xong cuộc thế lại non Bông.

Thứ hai **bùng sáng** mưa tầm-tã, [1]
Lính đứng ngoài đường giục-giã ông.
Kiếp khách trần-gian vay lăm nợ,
Để đến trọn nghĩa với non sông.

Người cười, người nhạo bảo ông điên,
Ông chẳng giận ai, cũng chẳng phiền.
Chỉ tiếc trần-gian đùa quá vội,
Chưa tưởng điên tục hay điên tiên.

Bạc-liêu, 6-6 Tân-Ty (30-6-41)

[**Hiệu chính:** [1] *Có ấn bản ghi:*
*"Thứ hai **hùng sáng** mưa tầm-tã,".*

TẠM NGƯNG LÝ-LỄ

(vì nhà cầm quyền ở Bạc-liêu buộc ràng, dòm ngó)

Gặp lúc truân chuyên lăm buộc ràng,
Cảm tình bốn-đạo tiếng riêng than.
Tạm ngưng lý-lễ trong cơn túng,
Xin chớ ưu-sầu cuộc dở-dang.

Nghĩ cuộc đời lương tâm càng cố-gắng,
Lòng ta sao rồi-rãm cuộc tầm-tơ.

Vì đâu nên nổi hững-hờ,
Với người tha-thiết đợi chờ ngoài song!
Bạc-liêu, 20-6 Tân-Ty (14-7-41)

VỊNH QUẠT MÁY

Khoa-học đời nay thật khéo cho,
Bày ra cái máy chạy vo-vo.
Tranh quyền tạo-hóa nòng thay lạnh,
Đông-Á lần hồi phụ quạt mo.

Có tiền mua lấy cũng nên cho,
Tủ sắt còn đầy còn gió vo.
Nhưng ngặt khan dầu e hết điện,
Trở về lối cũ lượm cau mo.

Cau mo chùng ấy đắt tiền cho,
Ngóng cổ thêm dài hút gió vo.
Chủ khách ngăn-ngờ cơn nóng bức,
Thôi thì "toa mỏa" tạm dùng mo.
Bạc-liêu, 21-6 Tân-Tỵ (15-7-41)

VỊNH CON BEO ĐÁ

(để chưng tại nhà ông Võ-văn-Giỏi ở Bạc-liêu)

Beo ơi, beo hỡi là beo!
Gần cạp sao mi lại giống mèo?
Ngóng cổ chờ ai đem thịt tới?
Hay chờ gạt chó cướp đàn heo?
Bạc-liêu, 1-6 nhuận Tân-Tỵ (24-7-41)

Cho ông HẠNH, rể của ông VÕ-VĂN-GIỎI

(ở Bạc-Liêu)

Đó rán tầm đường đến cảnh Tiên,
Thú vui phong nguyệt lắm ưu phiền.
Lòng phàm rửa sạch niềm nhân ngã,
Phước Phật trau-giồi kết thiện-duyên.
Thiện-duyên ấy cũng tại nơi ta,
Hộ niệm oai linh Đức Phật-Đà.
Sớm, tối, đi, nằm, y chánh-pháp,

Thầy nguyên dắt đến cảnh Long-Hoa.
Bạc-liêu, 1-6 nhuận Tân-Tỵ (24-7-41)

VÌ SANH-CHÚNG

Vì nghiệp trần mê hay bởi ai?
Tâm, can, tì, phế, thận đau hoài (1)
Hay vì sanh-chúng còn lao-lý,
Nguyện uống cho đời chén thuốc cay.
Bạc-liêu, 6-6 nhuận Tân-Tỵ (29-7-41)
(1) Lúc Đức Thầy còn ở Bạc-Liêu, Ngài thường đau ốm không thuốc nào trị được.

NGŨ NGÔN CÁCH CÚ

Đã trải hai năm dư,
Mang một túi đồ-thư.
Lòng hằng mong phổ-hóa,
Dụng đủ cách thanh tử.

Muốn khai kinh thả cá,
Trời chưa cho thỏa dạ.
Gặp buổi quá thâm u,
Đời đây câu nhưn-ngã.

Sóng bể cuộn phương Đông,
Chùng nào mới cho xong.
Câu ấy nhưn-dân hỏi,
Phải chờ lệnh Thiên-công.

Tại sao ta lại đau?
Quyết trị liệu phương nào?
Bệnh ni là tâm bệnh,
Để hết được đi sao?
Bạc-liêu, ngày 6-6 nhuận Tân-Tỵ (29-7-41)

MONG CHỜ

Tây-Phương chư Phật cảm ta-bà,
Chuyển pháp độ đời khỏi đọa-sa.
Mong-mỏi chúng-sanh đồng mật niệm,
Vọng cầu thế-giới dứt can qua.

Can-qua binh lửa sát sanh-linh,
Khẩn bách Quan-Âm trút tịnh bình.
Giọt nước lành dương mau tưới tắt,
Cứu đời an lạc hết giao chinh.

Lòng người muốn khỏi họa đao-binh,
Nhưng Phật chờ oai sắc Ngọc-đỉnh.
Trị tội cho xong loài ác-bạo,
Công-đồng thưởng phạt hết đao-binh.
Bạc-liêu, ngày 6-6 nhuận Tân-Tỵ (29-7-41)

NIỆM DI-ĐÀ

Mắt nhìn trần đỏ niệm Di-Đà,
Nguyện vái thân này khỏi đọa sa.
Muôn đạo hồng quang oai-đức Phật,
Soi đường minh-thiện đến Long-Hoa.
Bạc-liêu, ngày 10-6 nhuận Tân-Tỵ (2-8-41)
(Bài trên đây Đức Thầy viết ra để cho anh em tín-đồ nguyện trước khi niệm Phật).

Cho ông VÕ-VĂN-GIỎI ở Bạc-Liêu

Hào-quang chư Phật rọi mười phương,
Đạo-pháp xem qua chớ gọi thường.
Chuyên-chú nghĩ suy từ nét dấu,
Cố công gìn-giữ tánh thuần lương.

Bạc-liêu, 20-7 Tân-Tỵ (11-9-41)
(Bài này cũng có ở trong quyển Khuyến-Thiện)

GIẢI-THOÁT CỬU-HUYỀN

Rán tu đặc đạo cứu cửu-huyền,
Thoát chốn mê-đồ đến cảnh Tiên.
Ngõ đáp ơn dày công sáng tạo,
Cho ta hình vóc học cơ-huyền.
Bạc-liêu, 21-8 Tân-Tỵ (11-10-41)

TỘI VỚI THIÊN-HOÀNG

Chúng-sanh đắc tội với Thiên-Hoàng,
Đạo-lý chẳng gìn ở dọc ngang.
Nên mới gây ra trường thảm họa,
Làm cho lê-thứ chịu lầm than.
Bạc-liêu, 22-10 Tân-Tỵ (10-12-41)

MẤY ĐOẠN TƯ LÒNG

Theo lời ông Hương-bộ Thạnh thì trong khi Đức Thầy ở Bạc-liêu, ông ở Nhơn-Nghĩa (Cần-thơ) hằng-hải đi cổ-động cho người ta vào Đạo.

Khi được lệnh Đức Thầy bảo đừng đi hoạt-động nữa, ông buồn lắm. Nhơn thấy người tá-điền đem cho một trái sầu riêng, ông tức cảnh làm bài thi dưới đây rồi cho bà Hương-bộ đem đến Đức Thầy.

Đức Thầy trả lại ông bài thơ: "Trái sầu riêng" và có cho thêm bài Mấy đoạn tư lòng như dưới đây:

TRÁI SẦU RIÊNG

Thân hình gai góc nghĩ càng thương,
Thật trái sầu riêng báu của vườn.
Lắm kẻ chê bai rằng nhám-nhúa,

Nhiều người yêu chuộng tại mùi hương.
Giúp đời trải dạ cơn khao-khát,
Đỡ chủ tàng che lúc nắng sương.
Trình bạch tấm lòng trời đất rõ,
Đình-ninh dạ trắng núi sông tường.

MẤY ĐOẠN TƯ LÒNG

Mấy đoạn tư lòng mấy đoạn đau,
Muôn dân ngơ-ngẩn đợi mưa dào.
Thiết-tha thiện-tín cầu cầu nguyện,
Vui-đẹp dạ Thầy luống ước-ao.
Lòng người muốn vậy trời chưa vậy,
Cuộc thế xây vắn đất phụ sao?
Nhẫn nhẫn cho rồi câu bỉ cực,
Thời lai sẽ được cảnh tiêu dao.

Bạc-liêu, năm 1941

*Theo lời ông Hương-bộ thi Đức Thầy còn gởi thêm 2 bài tứ cú
mà Đức Thầy đã cho rỏ ông Võ-văn-Giỏi ở Bạc-liêu.*

TƯ TƯỜNG

Khuyên niệm Phật than rằng chưa rành,
Lúc bắt hồn mắc việc cũng đi.

**

Chấp tay niệm Phật Di-Đà,
Lòng ta ta biết ai mà mặc ai.

**

Cuốn sổ bình sanh công với tội,
Chờ nơi thẩm phán sẽ cung khai.

**

Thất đức thì ma quý rối loạn,
Tu đức thì ma quý tiêu tan.

**

Phải rán tu đặng mà chết,
Chớ đừng để chết đến mà chẳng có tu.
Bạc-liêu, 22 tháng 10 Tân-Tỵ

VỌNG BẮC HÒA NAM

Lâm san rày đã rời ra,
Dạo trong lê-thứ vậy mà xét-soi.
Bàn với luận đặng coi chơn-lý,
Lậu cơ trời thiên-ý bày ra.
Thấy đời ta cũng thiết-tha,
Chiến-tranh ngoại-quốc hăng hà lụy rơi.
Bị danh-lợi xe lơi tình nghĩa,
Mới tranh-giành xoi xĩa cùng nhau.
Phơi thầy mà chẳng núng-nao,
Tranh cùng với đoạt chừng nào mới thôi.
Hạ-nguơn lao khổ lắm ôi!
Tu sau mới được qua đời chông gai.
Lo bốn-phận thảo ngay trọn vẹn,
Chừng lập đời không thẹn tấm thân.
Câu quân lý tứ ân chạm dạ,
Nếu chẳng gìn phải đọa đày than.
Chừng nào tiếng sấm nổ vang,
Thất-sơn lộ vẻ đèn vàng báu thay.
Chọn bến nước rui may trong đục,
Nếu chần-chờ lục đục trể chơn.
Yêu đời ta dạy làm ơn,
Lời ta khuyên nhủ như đờn Bá-Nha.
Trong bốn-đạo gần xa ghi nhớ,
Phải thi hành phận tớ cho xong.
Để sau đến việc long-đong,
Xác thân khó thấy Mây Rồng hội kia.
Chữ trung-tín chạm bia trước mộ,
Người phượng thờ đặng độ chúng-sanh.
Trả nợ thế nghĩa-ân trọn vẹn,
Cảnh non Bồng kỳ hẹn ngày kia.
Chúng ham làm chức nặc-nia,
Ngày sau như thể vô địa quên nôm.
Nay nhằm lúc đêm hôm vắng-vẻ,

Muốn tu hành lặng-lẽ mà nghe.
Thử yên lặng để ve nó gáy,
Gáy ít điều rõ máy thiên-cơ.
Người khôn nghe nói ngẩn-ngơ,
Người ngu nghe nói mãi ngờ Khùng Điền.
Kẻ chẳng mẫn tình riêng hay ghét,
Ta tu hành hay mét làm chi.
Hổ thay cho bực tu-mi,
Thân mình chẳng vẹn vậy thì không lo.
Để đến việc dang lưng mà chịu,
Ai biết điều sớm liệu cho xong.
Miệng sự thể nhiều ông kiêu-hãnh,
Ta dạy đời chẳng rảnh mà tranh.
Gió đưa nhằm lúc đêm thanh,
Lời ta dạy-dỗ như nhành gheo chim.
Gắng công mài sắt nên kim,
Những câu huyền-bí rón tìm cho ra.
Viết ít câu ngâm-nga thời-thế,
Ta khuyên đời như kế Trương-Lương.
Tấm thân nào nại gió-sương,
Thương-yêu lê-thứ lo lường năm canh.
Nếu ai muốn luận-tranh đạo-đức,
Ta cho đời một bức thi ca.
Hết gần rồi lại nói xa,
Nói cho sanh chúng rõ mà người chi.
Dân với chúng còn nghi mãi mãi,
Đạo tu hành nói phải mà nghe.
Ngàn năm đạo-lý vắng hoe,
Bị người Thần-Tú bày chèn cùng xô.
Kính với sấm ngoài môi nó tụng,
Đạo suy-tồi bại-lụn vì ai.
Đem nguồn chơn-lý bằng nay,
Ta thương dân chúng lạc-loài giống xưa.
Mặc ý ai ghét ưa, ưa ghét,
Định tâm thần xem xét thể nao.
Dạy đời chẳng nệ công lao,
Khuyên người danh-lợi chớ rào làm chi.
Ngày sau đến việc sầu bi,
Thương đời ta mới làm thi khuyên đời.
Còn ẩn-nhẫn đợi thời chưa đến,

Nên phải làm kẻ mẫn người khinh.
Bạc-liêu, năm Tân-Tỵ

Ông PHAN-CHÂU-BÁ (Long-Xuyên) hỏi:

Tang bổng nợ ấy trả sao xong?
Chí dốc từ-bi cố tắc lòng.
Nhơn đạo còn mang chưa xử trọn,
Nghĩ sao giải-thoát nợ tang bổng?

ĐỨC THẦY đáp lại:

Đành rằng nợ thế trả chưa xong,
Mà biết ăn năn sửa lấy lòng.
Niệm chữ Di-Đà tan chướng nghiệp,
Thuyền từ Thầy rước lại non Bồng.

Non Bồng Tiên Phật xót nhân-sinh,
Trí-huê trau giồi khán kệ-kinh,
An phận hơn bề danh lợi tạm,
Tề gia trung hiếu vẹn thân mình.

Bạc-liêu, năm Tân-Tỵ

BÀI NGUYỆN TRƯỚC BÀN THỜ CỬU-HUYỀN

Đầu cúi lạy Cửu-Huyền Thất-Tổ,
Ngõ đáp ơn báo-bổ sanh thành.
Ngay con qui Phật tu hành,
Cửu-Huyền Thất-Tổ lòng lành chúng tri.
Lời Phật dạy từ-bi bác-ái,
Dạ nhơn-tử quảng đại mở-mang.
Hiếu-trung con giữ vẹn toàn,
Từ rày chẳng dám lãng-loàn như xưa.
Sau hưởng đặng phước thừa của Phật,
Hồn nhẹ-nhàng vượt khỏi tử-sanh.

Nguyện đem công quả tu hành,
Cứu trong tông-tổ vãng-sanh liên-đài.
Về Phật-quốc ngày ngày an lạc,
Cả giống-dòng giải-thoát luân-trần.
Rồi đem đạo-pháp huyền-thâm,
Độ trong sanh-chúng hết lằm hết mê.
Cả vạn-vật đồng về Phật cảnh,
Chẳng luyến trần ảo-ảnh gạt lường.
Nguyện cầu chư Phật mười phương,
Niết-Bàn tịch tịch là đường vô-sanh.

*(Bài này Đức Thầy viết tại Bạc-liêu lối cuối năm Tân-Tỵ,
nhưng vì thấy nó hơi dài nên Đức Thầy viết bài khác chỉ có
12 câu cho anh em bốn-đạo học mau thuộc. Ấy là bài "Cúi
kính dưng hương trước Cứu-huyền")*

NÉM CẤP-BĂNG

Lấy cái cấp-băng ném xuống sông,
Thôi, thôi! tôi cũng mét-xì (1) ông.
Tuồng đời gắm lại nơ quô rên (2).
Xăng phú ba manh (3) trở lại đồng!
Bạc-liêu, năm 1941

(1) Merci

(2) Ne vaut rien.

(3) S'en f. . . pas mal,

Những bài sáng-tác năm Nhâm-Ngũ (1942)

Năm Nhâm-Ngũ (1942)

CHO THẦY ĐỘI GIÀU (1)

Chúc thầy trong năm mới,
Đạo tâm càng phấn khởi.
Mở rộng cửa từ-bi,
Giúp người đang mong đợi.

Mong đợi được tu-hành,
Thầy nên giảng việc lành.
Cho người mê giác-ngộ,
Là phổ-tế chúng-sanh.

Chúng-sanh đang tham-đạm,
Bởi tội ác gây ra.
Bần-tăng thường khẩn-nguyện,
Mong trăm họ thái hòa.

Bạc-liêu, Tết năm Nhâm-Ngũ (1942)

(1) Thầy đội Giàu là nhân-viên giúp việc sở Mật-Thám Bạc-liêu và thuộc phái Tịnh-Độ Cư-Sĩ.

Cho ông TRẦN-QUANG-HẠNH

TRẦN tâm rút sạch cuộc mê-si,
QUAN-sát Đạo màu nẻo ẩn vi.
HẠNH đức vun bồi thêm rạng tỏ,
Thoát phàm theo dõi gót Từ-Bi.
Bạc-liêu, Tết nguyên-đán năm Nhâm-Ngũ (1942)

THỨC TỈNH MỘT NỮ TÍN-ĐỒ Ở BẠC-LIÊU

Trót đã qui-y giữa Phật-đài,
Nguyện rằng đệ-tử dứt trần ai.
Mong nhờ đuốc huệ soi đường tối,
Chớ nhiễm nghiệp phàm chớ đắm say.

Đắm say một phút cội lành xa,
Sớm tỉnh trì tâm chống quỷ tà.
Dối gót theo Thầy nương Phật cảnh,
Vui vầy xem hội, hội Long-Hoa.

Long-Hoa Tiên-Phật đáo ta-bà,
Lừa lọc con lành diệt quỷ ma.
Nếu mãi mê-mang mùi tục lụy,
Linh hồn chìm đắm chốn mê-hà.

Lòng Thầy chua xót ruột Thầy đau,
Nghe được lời khuyên tỉnh với nào !
Kiếm huệ dứt xong rồi quả báo,
Lo gì cửa Phật chẳng chen vào.

Cuộc trần, ôi quá khổ !
Trường đồ đen là chỗ nhuộm-nhơ.
Biết bao người vì nó phải bơ-vơ,
Sự nghiệp hết gia-đình tan nát.
Sớm tỉnh ngộ lên đường giải-thoát,
Lánh xa trường đồ bác chớ chen chân.
Nếu lỡ cơ mua tảo bán tần,
Thân-trí cực, nợ lần-khân chẳng dứt.

Chi cho bằng:
Qui y thì khá làm y,

Giữ lòng thanh-tịnh từ-bi giúp đời.
Bạc-liêu, 6-3 Nhâm-Ngũ (20-4-42).

Cho ông Cò tàu Hào (Sài-gòn)

Nam-Mô Bốn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật,
Cung kính Phật, cung kính Pháp, cung kính Tăng.

Tam qui ngũ giới lòng hằng gìn theo,
Chúc ông toàn nhả vững lèo.
Qua bờ giác ngạn sớm treo gương màu.
Nơi cội tạm sông sâu bể khổ,
Làng ngựa xe cám đổ tao-nhân.
Gây ra lãm nợ phong-trần,
Luân-hồi sáu nẻo khôn lần bước ra.
Rày tỉnh ngộ ái hà quyết dứt,
Đèn đạo tâm sáng rục soi đường.
Cầu tu cho đạt ngũ-hương,
Hươi gươm trí-huệ Ma-vương hải-hùng.
Làm cho chúng phược từng chơn-ly,
Trong sắc-thân giám-thị lục căn.
Đừng cho chúng tính lãng-quảng,
Ngoài thì chấp thủ mà ngăn lục trần.
Phá ngũ uẩn rút lần tham ái,
Cội sân-si cũng phải tảo trừ.
Đem về giác tánh chơn-như,
Kim thân thị hiện dứt trừ tử sanh.
Đem tâm hồi hướng gốc lành,
Làm tôi Phật-Tổ chí thành chí chơn.
Dầu mắc phải mưa đơn gió kếp,
Cũng chuyên trì mà dẹp gai chông.
Ngày nào đắc được lục thông,
Vớt hồn cha mẹ, tổ-tông bảy đời.
Về Cực-Lạc thành-thời an dưỡng,
Ấy là ngày ban thưởng công tu.
Chúc cho đó vệt mây mù,
Vững-vàng bất thối công-phu vương tròn.
Đến ngày biển cạn non mòn,
Tứ ân đã trả chẳng còn tội căn.

Nay ông nhập tự làm tăng,
Trước sau tuy khác thiện-căn vẫn đồng.
Lặng tai nghe được tin hồng,
Tờ hoa ít chữ gọi lòng chia vui.
Bạc-liêu, ngày 25-4 Nhâm-Ngũ (8-6-42)

CẢM TÁC

*(Đức Thầy cảm tác viết bài này vì ông Nguyễn-văn-Ngo ở
Bạc-liêu nghi Ngải cản-trở việc ông ta muốn kết nghĩa thông-
gia với ông ký Giới ở Bạc-liêu)*

Ngồi mà ngẫm nghĩ chuyện xưa,
Thánh-Hiền chẳng biết sao vừa lòng dân.
Đem thân mà rút nợ trần,
Nợ trần đâu khéo chần ngần chun ra.
Nhìn đời lụy muốn ứa sa,
Thế-gian đui tối nửa ma nửa người.
Muốn reo vang một tiếng cười,
Nhưng lòng chẳng nở khi người mê-si.
Đâu thông pháp-luật từ-bi,
Gán cho Tăng-Sĩ làm chi sự đời.
Con thuyền bát-nhã xa khơi,
Dầu cho sóng gió rã-rời cũng cam.
Thường nhờn là tánh tục phàm,
Biết đâu tội phước luận-đàm tương lai.
Tình trường đây đẩy thi hài,
Lạ gì chẳng biết những bài học xưa.
Thánh-nhơn còn hỡi răn chữa,
Hưởng chi Phật-đạo tam thừa qui mô.
Sa-môn chí những tín-đồ,
Mai-vong cản mỗi tựa hồ gớm-ghê.
Một là gây nghiệp trần-mê,
Hai là tan-nát phu-thê một đời.
Lòng ta trong sạch người ơi,
Người sao chẳng xét luận lời phi ngôn.
Cờ nguy ngựa chốt đánh đồn,
Trước sau cũng chữ vong-tồn an nguy.
Tỏ lời tâm huyết lâm ly,
Mong ai ngộ nhận quyết-nghi duyên trần.

Trách lằm mang nghiệp vào thân,
Chín e vai-vác Thánh Thần chép biên.
Phận ta nổi gót Phật Tiên,
Ngợi khen cũng mặc điều huyền cũng hay.
Thương đời phải chịu đắng cay,
Thân danh chẳng quản, chông-gai chi sờn.
Ít ai nghe rõ giọng đồn,
Của người rút bỏ oán ơn cỗi phàm.
Ngày hăng giái ngũ qui tam,
Sắc không, không sắc tánh phàm đổi thay.
Chẳng qua tai-ách những ngày,
Nên phần xác-thịt đọa đày trần-gian.
Lìa quê tách bước xa ngàn,
Gia-đình chẳng đoái còn màng chi ai.
Dốc tâm nguyện đến Phật-đài,
Hiệp cùng chư Phật độ rày chúng-sinh.
Nện vang một tiếng chuông linh,
Cho người trong mộng biện minh lẽ nào.

Gãm cuộc thế chẳng qua tuồng mộng-ảo,
Cuộc truy-hoan thường giết khách tài-hoa.
Nghe chuông linh sớm dứt bể ái-hà,
Kéo vật-dục cuốn lôi vào bể-khổ.

Ví dầu lập chữ công-danh,
Đến khi rớt cuộc cũng đành thả trôi.
Lá úa vàng nó rụng người ôi!
Muôn năm mới có một thời,
Tới kỳ hiệp (1) hội Phật Trời định phân.
Con lành đều đủ nghĩa-nhân,
Cha là Phật, Thánh, Tiên, Thần phước dư.
Có đâu như thế bấy chừ,
Loạn-luân cang-kỷ bất từ, bất lương.
Thân ta dầu lằm đoạn trường,
Cũng làm cho vẹn chữ thương nhờn-loài.
Ngày kia thỏa chí làm trai,
Tiếng lành như thể hương bay nức-nởng.
Bây giờ bờ bến chưa xong,
Dở-dang thời vận mà lòng chẳng nao.
Ngàn xưa mấy bức anh hào,

Nằm gai nếm mật dạ nào trách than.
 Trượng-phu chí cả dọc-ngang,
 Đạo trong bốn biển mới trang Thánh-Hiền.
 Làm cho kẻ bạo ngựa-nghiêng.
 Đạo lành mở cửa nơi miền Nam-bang.
 Tiếng đồn hò liễu cổng xang,
 Đêm khuya khuyên nhủ khắp tràng chúng-sanh.
 Thu còn gặp lúc trăng thanh,
 Vang lời thỏ-thẻ như cành gheo chim.
 Thấy trong người ấy thanh-liêm,
 Tỏ bày tâm sự rán tìm cho ra.
 Bồi-hồi chợt tỉnh Nam-kha,
 Đường danh nẻo lợi xem ra ích gì.
 Trời thu ảm đạm ai-bị,
 Nạn tai vương-vấn bởi vì Trời riêng.
 Thảm thương lê-thứ ưu phiền,
 Chớ lòng đâu có lo riêng nỗi mình.
 Mờ mờ tỏ tỏ xinh xinh,
 Đêm nay bóng nguyệt như rình xem ta.
 Miệng cười ta bảo Hăng Nga,
 Làm ơn rọi chữ "San-Hà" nơi đâu,
 Gẫm trong cõi tạm nhiệm màu,
 Ngặt mang xác thịt khó hầu cao bay.
 Chữ tài thường gặp chữ tai,
 Trớ-trêu tạo-hóa ông bày trò chua.
 Ta nào có muốn tranh đua,
 Vun trồng cội phúc chờ mùa trở bông.
 Bay mùi thơm cả Tây-Đông,
 Bắc, Nam nhơn-vật Lạc-Hồng thành-thời.
 Tâm hồn hoà cảm nơi nơi,
 Gẫm người hữu chí đôi lời cảm ơn.
Bạc-liêu, ngày 29 tháng 6 Nhâm-Ngũ (1942)
 (1) *Có chỗ chép: Tới kỳ lập hội...*

BUỒN

Buồn thay chư Phật ẩn non đoài,
 Buồn biết bao giờ trở gót hài.
 Buồn thấy chúng-sanh đa xót cảm,

Buồn lo trăm họ nghiệp gây hoài.
 Buồn đời lưu-lạc trong u tối,
 Buồn thế gian-nan suốt cả ngày.
 Buồn buổi cạnh tranh e hoãn đạo,
 Buồn dân ngu-muội ghét người ngay.

TÙI

Tủi sàu Phật giáo ở non Tần,
 Tủi phận môn-đồ quá tối-tân.
 Tủi cuộc hôn-nhơn bày trước Phật,
 Tủi cơ-nghiệp báu phước nguồn ân.
 Tủi thay ai tạo trò vô lý,
 Tủi bấy lấp nguồn đạo hữu chân.
 Tủi hổ trông nhìn người dối thế,
 Tủi duyên ác-cảm đấm hồng trần.
Bạc-liêu, ngày 29 tháng 6 Nhâm-Ngũ (1942)

Gửi Bác-Sĩ CAO TRIỀU-LỢI ở Bạc-Liêu

(để cảm tạ ông này chữa bệnh cho Đức Thầy mà không lấy tiền thuốc)

Gửi ít hàng thăm ông bác-sĩ,
 Cầu chúc ông phước chỉ được lai tăng.
 Cuộc thế trần nhiều đoạn khó-khăn,
 Nên lời kéo bần-tăng vào cảnh ngộ.
 Xuống Bạc-liêu chưa bao nhiêu độ,
 Bồng ruột tằm quặn-quặn rút đau.
 Phần thương dân phổi héo gan xào,
 Ngồi, đi, đứng, nằm lẫn-lóc mãi.
 Cũng nhận được trần-hoàn là khổ hải,
 Dốc tâm đường phóng giải cho thân tâm.
 Dìu nhơn-sanh khỏi chốn mê lầm,
 Bờ giác ngạn kiên tâm lần bước tới.
 Hoàn-cảnh chẳng gặp hồi lai thới,
 Ẩn-nhẫn hoà chờ đợi vận hạnh thông.

Để đem phô trí óc với gan lòng,
Đền-đáp lại cuộc chờ trông ngoài ngõ.
Cũng rất thẹn bịnh đau vò-vỡ,
Tuy thuốc dùng chẳng tuyệt được cơn đau.
Chớ ơn ông đâu dễ quên nào,
Muốn đáp lại lấy chi mà đền đáp?
Nếu ông có vui lòng dung-nạp,
Tỏ vài hàng gọi đáp ân nhau.
Phần phước duyên nguyện để về sau,
Khi thông-thả sẽ đến trao lời cảm tạ.

Cám ơn ông tặng thuốc Tây-phương,
Khâu giúp bản tăng khúc đoạn trường.
Nhưng bịnh trầm-ưu nên chẳng mạnh.
Nợ cùng bách tính hỡi còn vương.

Vương-vấn trong vòng cương tỏa ấy,
Lòng nào mà chẳng xót thương chung.
Bao giờ đạo pháp ta thông đạt,
Quyết cứu sanh-linh cảnh não-nùng.

Thôi cũng an lòng nơi số phận,
Đợi chờ vận tới sẽ tuông mây.
Về trên thượng-giới đền Kim-khuyết,
Tâu lại trần-gian cố sự này.
Bạc-liêu, ngày 18-7-42 (Nhâm-Ngũ)

Cho thẳng TÂN

(Tân là cháu ngoại ông Võ-văn-Giỏi ở Bạcliêu)

Nghe lời ông dạy hỡi con Tân!
Học tập muốn nên phải rán cần.
Chớ có biếng lười theo lũ trẻ,
Ắt đòn bẻ dứt hỡi con Tân!

Con Tân có tật đái dầm,
Bời vì biếng nhác mê tâm quen đời
Quen đời tuổi đã hai tư,

Mà còn chẳng bỏ thói hư thói hèn,
Muốn cho cha mẹ ngợi-khen,
Từ rày nên rán tập rèn cho siêng.
Ông bà có sẵn của tiền,
Lại thường làm ruộng phước-duyên để dành.
Lớn lên ăn ở cao-thanh,
Biết yêu, biết quý, điều lành nghe con!
Bạc-liêu, ngày 3-7 Nhâm-Ngũ (14-8-42)

HOÀI CỔ

Bình tâm cất bút tỏ lời [1],
Xét xem hai chữ vận thời còn xa.
Liếc nhìn thế-giới can qua,
Ngàn muôn binh tướng xua ra chiến trường.
Dốc lòng tranh bá đồ vương,
Đeo râu danh-lợi lập đường nghĩa-nhân.
Gieo điều tàn-khốc cho dân,
Khiến lòng Tăng-Sĩ băng-khuâng lo lường.
Tiếc thay đạo-nghĩa luân-thường,
Thánh-nhơn đã vạch sẵn đường từ xưa.
Để cho quân-tử lọc-lừa,
Ở ăn hợp lẽ rán chữa tiểu nhân.
Trên vua minh chánh cầm cân,
Dưới quan liêm-tiết xử phân công-bình.
Quyền cha quản xuất gia-đình,
Dạy con phải phép vẹn gìn hiếu trung.
Từ ngày cách mặt cứu-trùng,
Thay đời đổi cách bất tòng Thánh-Tiên.
Bút lông đẹp với đĩa nghiên,
Thế vào bút sắt cùng viên mực tròn.
Lăn lăn thế đạo suy mòn,
Nền xưa nếp cũ, hỡi còn mấy ai.
Nên ta thở vắn than dài,
Cúi đầu lạy Phật niệm hoài mấy câu.
Dứt trần mang bộ sống nâu,
Trông ngày chư quốc chư hầu tỉnh tâm.
Đừng gây chinh-chiến ù ầm.

Để gây hạnh-phúc mà tầm Phật Tiên.
Ta-bà thật cảnh ưu phiền,
Duyên trần cấu kết oan khiên báo đền.
Thiếu-quang thắm-thoát đường tên,
Mắc vòng sanh-tử có bền được đâu.
Chi bằng theo học đạo mầu,
Sớm qua khổ hải theo hầu Phật Tiên.
Tham chi giả tạm của tiền,
Như chim vào lưới xích-xiêng trói thân.
Tính xong món nợ lân-khân,
Thoát vòng cương tỏa pháp-thân nhẹ-nhàng.
Tiêu điều đạo đức luận bàn,
Vân du võ-trụ thanh-nhàn biết bao.
Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942)

[**Hiệu chính:** [1] Ấn bản 1966 ghi:
"Bình tâm cất bút **tổ** lời"].

DỤNG KINH-QUYỀN

Hỡi ôi! Trời đất mấy muôn trùng,
Muốn dụng kinh-quyền đạt hiệu trung.
Ngặt nỗi thân phàm vương-vấn nạn,
Trường thi chưa mở trống chưa thùng.

Trống chưa thùng sĩ-tử vẫn chờ trông,
Mong ngóng mau mau thấy mặt rồng.
Bảng-hỗ danh đề tên chí-sĩ,
Đem tài thao-lược giúp non sông.

Giúp non-sông trong lúc chịu gian-truân,
Thảm-lệ tràn tuôn mãi chẳng ngừng.
Mật mật mờ mờ mưa gió đạn,
Phong-trần dày-đọa mấy mươi xuân.

Mấy mươi xuân vắng chúa, trông hoài,
Thân gởi nơi người nợ chẳng vay.
Trời đất lẽ nào không xét đến,
Để cho dân Việt khổ lâu dài.

Khổ lâu dài nay sắp mãn hay chưa,
Cầu nguyện Phật trời gọi móc mưa.
Kíp mở Long-Hoa xây máy tạo,
Cho dân Hồng-Lạc thọ ân thừa.

Thọ ân thừa mà được cảnh nhàn an,
Trăm họ đầu đê trước Thánh-Hoàng.
Nguyện giữ cang-thường gìn Phật-đạo,
Giao-hòa mãi mãi với lân-bang.

Với lân bang sẽ dứt mối thâm thù,
Trên dưới một lòng chí nguyện tu.
Chẳng dám trễ-bê đường đạo-đức,
Đặng mong chẳng vướng cảnh ao-tù.

Cảnh ao-tù giờ vẫn phải còn mang,
Nặng triệu trên đầu héo ruột gan.
Chí dốc thoát-ly vòng xích tỏa,
Cầu trên Thánh-chúa vững ngai vàng.

Chúa vững ngai vàng sãi mới yên,
Rời ngay cảnh tục trở về tiên.
Chẳng còn tham-luyến nơi trần-thế,
Vì cả thế-gian hết não phiền.
Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942)

RÚT CÁI NGU ĐẦN

Vướng nghiệp trần-hoàn bởi quả nhân,
Gây ra kiếp số chịu phong-trần.
Nay nhờ đuốc huệ soi đường tối,
Đặng rút cái ngu lẫn cái đần.

Muốn bán cái ngu lẫn cái đần,
Ngu đần cả nước lẫn cùng dân.
Sớm lo lòn cúi chiều ăn ngủ,
Nào biết liệu toan gỡ nợ-nần.

Nợ-nần tiên-tổ gây nên,
Con cháu ngày nay phải báo đền,
Đành thế, nhưng vừa lời với vốn,
Lẽ gì chịu đại trả nông-nghênh?
Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942)

THẬP NGHỊ NHƠN-DUYÊN

Nhơn duyên thứ nhứt phát khởi từ màn vô-minh mà che lấp bản ngã (linh-hồn) nên làm cho người phải tằm tối mê say, gây tạo ác nghiệp, chịu nẻo luân hồi thống khổ. Đây là 12 duyên sanh: Vô-minh sanh hành, hành sanh thức, thức sanh danh-sắc, danh-sắc sanh lục-nhập, lục-nhập sanh xúc-động, xúc-động sanh thọ-cảm, thọ-cảm sanh ái, ái sanh bảo-thủ, bảo-thủ sanh hữu, hữu sanh sanh, sanh sanh lão-tử.

Đó là 12 duyên-sanh, nó dắt đi từ kiếp này đến kiếp kia không có dứt; cái vô-minh nghĩa là tối tăm mê dốt, từ hồi vô-thị. Có mê dốt ta mới hành-động, rồi hành-động ấy sanh ra muôn pháp, nên mới có cái thức (biết), ví như loài cây cỏ, sắt đá (vô tình) không biết chi cả, đâu có danh-sắc, còn ta là loài hữu-tình (có) cái biết ấy nên có xác-thịt và linh-hồn, danh-sắc. Xác thịt và linh-hồn có thì phải có 6 căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhiệm với 6 trần là: sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp nên gọi là lục-nhập. Có lục-nhập mới có tiếp-xúc với mọi người và vạn vật, nên gọi là xúc-động, rồi từ chỗ tiếp-xúc mới thọ hưởng của tiền-trần nên gọi là thọ-cảm. Có thọ-cảm, thọ hưởng của tiền-trần rồi mới có cái ưa thích, quyến luyến, thâm tình nên gọi là ái.

Muôn việc chi ở đời, nếu ta yêu thích cái điều đó, thì ta phải gắng công giữ-gìn chặt-chịa nên gọi là bảo-thủ; mà gìn-giữ chặt-chịa thì mới có sống, nếu không, làm sao mà ta sống, nên gọi là hữu. Rồi cái sống ấy, miễn tiếc ấy mới đầu thai trở lại cõi trần đặng hưởng dụng nên gọi là sanh. Muôn loài vạn vật hể sanh ra thì lớn, hể lớn thì sẽ già, bị trong tứ đại (đất, nước, gió, lửa) làm nên nào là tứ thời cảm-mạo bất hòa, hể già thì yếu đau, nếu đau tất là phải chết nên gọi là lão tử.

Ấy vậy cái nghiệp-nhơn của già, chết, ấy là tại cái vô-minh mà ra tất cả.

MÔN HOÀN DIỆT



Nếu ta tìm con đường bát chánh đạo của Phật mà đi, giữ tâm thanh tịnh, làm việc nhơn từ, không lòng hờn-giận, chẳng dạ ghét-ganh, chuyên tâm niệm Phật, giúp thế độ đời, đừng chứa điều phiền-não và để bụng tham-lam ích-kỷ, gây mối thiện-duyên, lần lần trí-huệ mở-mang, cõi lòng sáng-suốt, thì màn vô-minh sẽ bị diệt mất.

Vô-minh bị diệt thì hành diệt; hành bị diệt thì thức diệt; thức bị diệt thì danh-sắc diệt; danh-sắc diệt thì lục-nhập diệt; lục-nhập diệt thì xúc-động diệt; xúc-động diệt thì thọ-cảm diệt; thọ-cảm bị diệt thì ái diệt; ái bị diệt thì bảo-thủ diệt; bảo-thủ bị diệt thì hữu diệt; hữu bị diệt thì sanh diệt; sanh bị diệt thì lão, tử diệt. Ấy là giải-thoát vậy.

Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ (1942)

ĐỨC PHẬT ĐỐI VỚI CHÚNG-SANH

Một ông cha ở trong gia-đình vẫn có lòng thương xót hết các con, dù lớn nhỏ, khôn dại gì cũng vậy. Tại sao? Vì xét ra lớn nhỏ là tại đứa sanh ra trước, đứa sanh sau; khôn dại là tại đứa chăm học cùng biếng trễ, chớ cũng đồng là con đều do huyết nhục sanh ra. Vậy bốn-phận ông cha thì hết lòng lo dạy-dỗ các con, lo-lắng cho có gia-cư, nghiệp-nghê, tài-sản để cho con, ruộng đất để cho con. Vậy thì tình thương vẫn đồng, mà cái chỗ âu-yếm ban thưởng nhiều khi có khác, ấy là phải tùy theo mỗi đứa. Tại sao vậy? Vì đứa nào hiếu thuận từ-hòa, dễ dạy, dễ biểu, thì ông cha âu-yếm hơn đứa ngỗ-nghịch, bạo tàn. Với đứa khó dạy thì ông chỉ biết than-thở mà thôi, chớ không thể âu-yếm đặng. Còn đứa nào cần-kiệm, lo giữ-gìn gia-sản của cha nó, chẳng cho hư-hoại, cẩn thận từ ly, đầu lời nói hay việc làm để bảo tồn danh-giá của cha nó, thì cha nó hằng ngày ban thưởng cho nó luôn, chớ không thể ban thưởng cho những đứa hoang chơi, tàn phá sự-nghiệp, làm những điều điểm-nhục gia môn! Những đứa ấy, ông cha có thể nén lòng mà rước lấy sự chế-nhạo, trách-cứ là nhiều lắm rồi, chớ làm sao mà ban thưởng đặng.

Cũng mừng tượng như trên, hỡi các người! Đức Phật đối với chúng-sanh và môn-đồ như người cha đối với các hạng con trên đây vậy. Phật cũng yêu hết chúng sanh, dầu kẻ ngu người trí, yêu tất cả môn-đồ (dầu kẻ biếng-nhác với kẻ siêng-năng). Bởi tại duyên-nghiệp mỗi chúng-sanh chẳng đồng nhau, tu cao thấp khác nhau, nhưng mỗi chúng-sanh đều có Phật tánh. Vậy lòng từ-bi của Phật là vì thương xót chúng-sanh, lo dạy-đỗ chúng-sanh, nhưng mà sự gần gũi và ban phước-huệ vẫn có khác, vì phải tùy theo mỗi kẻ tín-đồ. Người tín-đồ nào hằng ngày vâng lời Phật dạy, rón lo học hỏi, tìm kiếm đạo mầu, quý trọng chuyện lành thì Phật thường gần-gũi hơn đũa đã dạy nhiều lần mà chẳng chịu nghe theo, và thường ban thưởng cho kẻ tín-đồ nào quý trọng kinh luật của Phật, chăm lòng giữ theo giới-luật, cẩn thận từ lời nói việc làm, đừng để cho người ta nhạo-báng Phật hay chê-bai Thầy của mình. Còn những kẻ tín-đồ dối tu, chẳng vâng lời dạy, chẳng giữ giới-luật thì trên là Đức Phật và dưới là ông Thầy của kẻ ấy chỉ lấy lòng từ-bi mà nhận sự trách-cứ của kẻ ngoại đạo, chớ không thế nào mà gần-gũi và ban phước-huệ cho kẻ chẳng thành-tín kia đặng.

Bạc-liêu, ngày 24-8 Nhâm-Ngũ (1942)

LỜI KHUYÊN BÔN-ĐẠO

Trong khi các trò còn ở trong biển mê sông khổ, thường bị những chướng-nghiệp nhiều đời mà làm cho linh-hồn chìm đắm trong ba cõi sáu đường, xuống xuống lên lên, luân-hồi chuyển kiếp, ấy cũng tại sự mê lầm của lục căn mà say đắm lục trần; ý-thức lằm-lạc ấy khiến các trò nhận lấy cái thân ô-trược này là thật, cái cảnh phú-quí cùng cuộc tình duyên tồn tại vui say. Nào hay thân vô thường tạm mượn do tứ đại hiệp thành. Cuộc phú-quí tựa đám phù vân, cái sắc nước hương trời ấy của các trò có khác chi cảnh hoa sớm nở chiều tàn, không chi bền chắc, còn tội-chướng thì linh-hồn phải chịu luân chuyển báo đền.

Ngày nay đã tỉnh ngộ qui y cùng Phật-pháp. Như vậy cửa trường-sanh bất diệt các trò đã gặp nẻo, nương đèn trí-huệ, ly xuất phàm-trần, chán cảnh phồn hoa tìm nơi tịch tịnh. Nhưng các trò tuy lòng mộ Đạo, chớ chưa hiểu rành nẻo bước đường đi. Hãy tạm xét chữ qui y cho thấu đáo: Qui là về, mà về đâu? Về cửa Phật. Y có nghĩa là vâng lời theo khuôn-mẫu.

Vậy qui y đầu Phật là nương nhờ cửa Phật và làm y theo lời Phật dạy, Phật từ-thiện cách nào ta phải từ-thiện theo cách ấy, Phật tu cách nào đắc Đạo rồi dạy ta, ta cũng làm theo cách ấy. Thầy cảnh tỉnh giác-ngộ điều gì chánh đáng thì khá vâng lời. Cần nhứt ở chỗ giữ giới-luật hằng ngày. Còn sự lễ bái là điều phụ thuộc, là món trợ đạo để nhắc-nhở các trò nhớ phận sự mà làm. Thầy xét trong tam nghiệp, các trò còn mang nặng lắm. Trong đường tu, nương theo tam nghiệp, thì khổ não lắm. Chúng-sanh tịnh được tam nghiệp mới mong về cõi Phật. Tam nghiệp là: Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp (đọc lại trong cuốn Khuyến-Thiện).

Nhưng Thầy xét lại khẩu nghiệp của các trò nặng-nề hơn hết. Hãy lấy gương trí-huệ mà dọn sạch ma lòng, hãy lấy lòng khoan-dung mà đối-đãi lẫn nhau, hãy lấy lòng bác-ái nhân-đạo mà cư-xử với mọi người. Cần hiểu cái lý vô ngã của nhà Phật. Hãy rón sức thi hành sẽ có Thầy ủng-hộ,

KỆ RẰNG:

Đạo-pháp thường hay dung với hòa,
Xét người cho tốt xét thân ta.
Nếu người rõ phận vui lòng thứ,
Ta thứ được người, người thứ ta.

Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ

PHẬT LÀ GÌ?

Phật giả là Giác giả, Giác giả là Tỉnh giả.

Khi Đức Thích-Ca thành Phật thì Ngài nói pháp tứ-đế mà độ đời trước hơn các pháp, và chỉ con đường Trung-Đạo cho người hành theo.

ĐƯỜNG TRUNG ĐẠO CỦA PHẬT:

1. Không trường-dưỡng xác thịt quá ư sung-sướng như: ăn nhiều, ngủ nhiều, chẳng lo làm công chuyện, chẳng học hỏi, vì sung-sướng thái quá thì sanh nhiều dục-vọng mê đắm, làm cho trí-đạo tối tăm, không thể đạt huệ được.
2. Không nên hành xác hay ép xác-thịt thái quá như: phơi nắng dầm sương, bỏ ăn, bỏ ngủ, làm lụng quá sức lực của mình, vì ép xác quá độ thì hay sanh bệnh-hoạn nhiều, người mà đa mang bệnh tật rồi, tinh-thần kém-cỏi, nhọc-mệt, trí-hóa lu mờ, không đủ sức mà học Đạo đặng.

Nên người biết Đạo chẳng ép xác thái quá mà cũng chẳng để nó sung-sướng quá độ, chỉ ăn ngủ có chừng mực, làm việc vừa với sức mình, gìn-giữ sức khỏe mới mong học được đạo-pháp.

Vậy Phật chẳng buộc ai phải ăn ở khổ hạnh và cũng chẳng biểu ai ăn ở sung-sướng, chẳng ép ai ăn chay, chẳng xúi ai ăn mặn, tùy theo trình-độ và lòng nhen của mình.

Điều cần yếu là phải:

Làm hết các việc từ-thiện,

Tránh tất cả điều độc-ác,

Quyết rửa tâm lòng cho trong sạch.

Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ

CHƯ PHẬT CÓ BỐN ĐẠI-ĐỨC

Chư Phật có bốn đại-đức. Vậy ta niệm danh-hiệu Phật để nhớ Phật và rán sức làm theo bốn đại-đức của Phật đặng ngày sau chúng quả như Ngài. Bốn đức ấy là:

1. **Đức từ**: Phật đối với chúng-sanh như mẹ với con, lúc nào cũng lo-lắng đến, hết lòng dìu-dắt, dạy-dỗ, không nỡ để chúng-sanh sa vào đường tội lỗi mà chịu khổ não;
2. **Đức bi**: Nếu chúng-sanh nào dạy-dỗ chẳng nghe, làm điều độc-ác để phải tội thì Phật chẳng vì thế mà ghét bỏ, lại thương xót không cùng;

3. **Đức hi**: Thường thường an vui mà làm những việc lành. Dầu gặp hoàn-cảnh trái-nghịch cũng chẳng vì thế mà sanh lòng buồn-bã;
4. **Đức xả**: Ngài chẳng chấp một pháp nào trong thế-gian, sẵn lòng lìa xa các nghiệp tiền-trần, tha-thứ hết thảy những ai tối-tăm lầm-lỗi, chẳng còn vương-víu chi với cuộc lợi-danh, tài-sắc, nhìn cõi đời chẳng bao giờ sanh lòng luyến ái.

Vậy ta niệm Phật, phải biết đại đức của chư Phật và làm sao cho ta có thể đắc được bốn đức ấy.

Ta cũng nên bố-thí, nhẫn-nhục, trì-giới (để độ tham, sân, si).

Còn phương-pháp niệm Phật là để trừ cái vọng- niệm của chúng-sanh, vì trong tâm của chúng-sanh niệm niệm mê-lầm chẳng dứt; vì cái vọng-niệm về việc thế-trần ấy mà không cho cõi lòng an-lạc, phiền não ngăn che, chơn tâm mờ ám. Nên nay, hễ thành tâm niệm Phật thì nếu được một niệm Phật ắt lìa được một niệm chúng-sanh, mà niệm niệm Phật thì lìa tất cả niệm chúng-sanh. Cho đến khi nhứt tâm bất loạn, chừng ấy vọng niệm chúng-sanh đã dứt thì lòng ham muốn và các tình-dục còn đâu mà nảy sanh ra được.

Nên niệm Phật là niệm cái bản-lai thanh-tịnh của Phật cho lòng của mình nương theo đó mà được thanh-tịnh và chẳng còn trước nhiễm trần-ai.

Cần tu thập thiện thì sự niệm mới có hiệu quả. Tu thập thiện, dứt được thập ác (cũng gọi là tịnh tam nghiệp).

Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ

SƠ GIẢI VỀ TỨ DIỆU-ĐỀ

1. Khổ đề: Gồm các sự khổ trong đời.
2. Tập đề: Gồm có các tập-nhơn sanh ra quả-khổ.
3. Đạo đề: Gồm có tám đường chánh.
4. Diệt đề: Phương-pháp diệt khổ, hưởng quả Niết-Bàn.

SƠ GIẢI:

A) **Khổ đê**: Đức Phật nói rằng tất cả chúng-sanh trong cõi trần này chịu muôn ngàn điều khổ não, kể chẳng xiết, nhưng có thể tóm tắt lại làm tám điều, vì trong tám điều khổ ấy nó có thể nảy ra muôn ngàn sự khổ-não kia:

1/ Sự sanh khổ- Vì linh-hồn chưa được hoàn-toàn tròn đạo hạnh mà đắc quả vị nên còn phải đầu thai làm con người thế-gian. Khi nhập vào thai trong bụng người đàn-bà thì phải chịu sự tối-tăm tối-túng, chẳng thấy trời trăng. Bị bao-bọc ràng-rịt, thai nhi bị sự nuôi dưỡng bằng tinh-huyết của mẹ, lúc mẹ đau ốm thì thai nhi yếu-ớt; lúc mẹ làm-lụng mệt-nhọc, thai-nhi chẳng yên; lúc mẹ đói cơm, thai nhi dường như cái túi bị treo chẳng vững; lúc mẹ ăn uống no bụng, thai nhi bị sự lấn-ép của bao-tử và ruột rất nhọc-nhẫn. Khi đúng ngày giờ phải chun ra cửa sản-môn ô-uế như hai viên đá ép mình, khi ra khỏi mình mẹ, cảm thấy hơi gió cắt da, đau nhức khó chịu nên cất lên tiếng khóc để tỏ ý chẳng bằng lòng với cảnh cực nhọc.

Xét như vậy nên Phật mới cho sanh là khổ; mà chúng ta là người học đạo, xét cho chí lý đều cũng phải công-nhận sự nhận xét của Phật rất đúng vậy.

2/ Sự già khổ - Hễ sanh ra thì lớn, lớn rồi tất phải già; xét nghĩ trong lúc tuổi xuân xanh, đời sống cứng-cỏi, hoạt-động hăng-hái, đi đứng lạ-làng, nói năng bật-thiệt, xác thịt mạnh-mẽ, học-hỏi dễ-dàng tỏ tai sáng mắt, thấy biết nhiều điều. Ô hô! Mà nay sao lại rằng rụng mắt lờ, ù tai, choán óc, da nhăn má cốp, gối mỏi, lưng khòm, nằm ngồi chậm-chạp, đi đứng xéo-xiêng, uống ăn đồ cháo, bọn trẻ dễ khinh, già đành nhờ cậy, đi tay nương gậy, phể việc dân quan, tinh thần hao kém; khí lực hầu tàn, thoát nhớ thoát quên, nhiều khi lằm-lẫn, tóc bạc da mồi, lảm điều lao nhọc.

Vậy nên Phật mới cho sự già là khổ, mà chúng ta cũng không thể nào không công-nhận.

3/ Sự đau khổ - Nghĩ vì thân thể con người sanh ra cõi trần, có lớn già thì tất nhiên yếu đuối; nếu đã yếu đuối ắt ăn ngủ chẳng được điều-hòa, thêm ngoài thì bốn mùa thay đổi tám tiết xây vắn, do nơi thân già yếu đuối, cảm những tà khí mà sanh ra bệnh tật. Ôi! Hễ thân huyễn giả này mang lấy bệnh tật rồi, nào là cơn tình, cơn mê, tay chơn nhức-nhối gan ruột quặn đau, phổi héo tim khô, da teo huyết cạn, kẻ mang lao mang tổn, phương đàm ho suyễn,

người thì đui cùi lở-lói, bại xuội sưng tê, thang-thuốc chẳng an, khăn-nguyên chẳng giảm, cầu sống chẳng đặng, cầu chết chẳng xong.

Vậy thử hỏi khách trần-gian ai mà không muốn xa muốn tránh, mà nào ai được khỏi? Muốn tránh, tránh chẳng được, lại đa mang; như còn khổ não về bệnh tật, bút nào mà tỏ ra cho hết.

4/ Sự chết khổ - Vật chi mà sanh trong cõi trần-gian theo các công-lệ tự-nhiên, hễ có sanh ra thì phải có ngày tiêu-diệt. Còn cái thân con người của ta đã do nơi tứ đại (đất, nước, gió,lửa) mà hiệp thành, có bền chắc chi đâu mà tránh khỏi ngày tan rã?

Tại sao mà gọi thân tứ đại hiệp thành? Xét rằng tuy là ta thấy có sự cấu tạo của cha mẹ mà thành thân của ta, nhưng mà cái thân này suy gấm cho kỹ lại: thịt và xương cốt là chất đặc nên thuộc đất; máu huyết chất lỏng nên thuộc nước; hơi thở của ta thuộc về gió; sự ấm áp của ta thuộc về lửa.

Nhờ 4 món ấy chung hợp lại mới thành cái xác thịt của ta. Nếu hễ đến ngày tàn hạ rồi thì xương thịt rã ra huồn lại đất, máu huyết chảy ra huồn lại nước, hơi thở dứt đi thì trở lại với gió, sự ấm áp dứt đi thì nó trở lại cái nóng của mặt trời. Như vậy tại làm sao gọi rằng khổ? Vì lúc sống linh hồn nhờ xác thịt mà học hỏi, kinh-nghiệm việc đời, xử sự tiếp vật, đeo-đắm theo lợi lợi, danh danh, tài tài, sắc sắc, không có chịu tra cứu phân biệt cho rõ giả chơn, ý-thức sai lầm, nhận không rằng có, nhận có rằng không, thấy tà nói chánh, gặp chánh tưởng tà, rồi cũng do sự sai lầm ấy mà nhận huyễn thân này làm thiết thân của mình, mãi lo o-bế sửa-sang, dỗi mài cạo gọt, cương nó dưỡng nó như : tích trữ cơm tiền, dành cho nó ăn, dành để thuốc-thang cho nó uống, kiếm tìm thanh sắc để cho nó vui, xây-dựng cửa nhà cho nó ở (vẫn biết rằng ở trong đời ai cũng phải lo thân, nhưng mà người hiểu Đạo, biết rõ cái thân của mình tạm mượn trong thời-gian để học-hỏi nên lo vừa chừng, chẳng có ích-kỷ mà lo cho mình vừa giúp-ích cho đời, chừng bỏ xác thì có cái khác, còn người không hiểu Đạo thì bo-bo giữ nó bằng lối ích-kỷ mê lằm) ấy là muốn cho nó được trường-tồn; kíp đến khi tử-thần gõ cửa, số vô-thường đã tới, sanh ra muôn ngàn kinh-hải, thần-trí hôn-mê rất triệu mền cõi đời, cửa nhà con vợ, mà không làm sao sống được nữa, nên lúc ấy kẻ phòn mang, trợn mắt, người chắt lưỡi, nghiêng răng, lăn lộn giật mình, kêu than thảm-thiết. Xét coi lúc ấy khổ sở là dường nào.

5. Mưu cầu bất đắc...
6. Biệt ly...
7. Oan tăng hội...
8. Lo ngại...

Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ

"TRONG VIỆC TU THÂN XỬ KỶ"

Sự lễ bái không đủ cho ta tỏ ra một tín-đồ chân thành của đạo Phật được. Tại sao vậy?

Vì Đức Phật chẳng bao giờ ngờ ý rằng "các người hãy lay thờ ta cho nhiều rồi ta sẽ độ giúp các người" mà trái lại, Ngài dạy rằng: "Các người nên hiểu biết phận-sự con người phải làm gì trong kiếp sống và tìm kiếm chân tánh của mình". Thiệt-hành theo giáo-lý của Ngài thì Ngài sẽ hướng-dẫn và ủng-hộ vậy.

Ta hãy đem đức-tin trong sạch mà thờ kính Phật và hãy đem lòng lành mà hành-động y theo lời phán dạy của Phật.

Nếu ta cứ đem đức-tin thờ-phượng tôn-giáo bằng cách sai-lầm thì rất có hại cho đời mạng của ta. Như vậy chỉ tỏ ra một người rất mê-tín (mặc dầu đạo của ta thờ là một đạo rất chánh đáng).

Vậy đồng thời với Đức Tin là Lòng Lành phải để cho nó đi cặp luôn luôn.

Có Đức Tin (Tin về thần quyền) mà thiếu Lòng Lành thì rất dễ bị tà-thần cám dỗ, bợn tăng-đồ lợi-dưỡng gạt-lường. Bởi những kẻ ấy thường bày ra cúng-kiến để chuộc tội hoặc bắc-buộc ta thờ-kính một cách phiền-phức làm cho lòng u-tối của ta càng ngày càng u-tối thêm.

Còn có lòng lành mà thiếu đức tin vào công việc từ-thiện của mình thì lòng lành ấy thường hay thối chuyển vậy.

Vậy đồng thời với đức tin là lòng trí lành phải đi cặp luôn luôn.

Có đức tin và lòng lành rồi thì dùng trí-huệ mà bình-đoán cái đạo của ta đang học hay sẽ học một cách xác-thực, tìm hiểu cho rõ-ràng cái mục-đích ấy, như thế mới mong thoát khỏi tà kiến gạt-gẫm ta đem đức tin, lòng lành cống hiến vào chỗ thấp hèn hay một ông thầy mê dốt.

Người học Đạo muốn mở-mang trí-huệ cần phải tìm phương-pháp diệt cái vô-minh (tối-tăm ngu-muội).

Muốn diệt cái vô-minh trước phải điều-luyện khối tinh-thần cho mạnh-mẽ đặng tự lập con đường rõ-ràng, duy nhất của mỗi Đạo mình đang học để lấy đó làm cương-mục mà bài trừ những thành-kiến, cố chấp, thói quen, sự chần chờ, lòng ham muốn, tánh kiêu-ngạo, tật-đố, gièm-siểm, dua-nịnh, ích-kỷ tư tâm, sự gây gỗ, mê đắm trong bể dục-tình và sự phiền-não nó làm cho não loạn cõi lòng. Nên bài trừ được nó rồi trí huệ tất mở-mang vậy.

Người có tâm nếu không tập suy-gẫm cho mở trí thì hay dễ bị lường gạt.

Người có trí mà vô tâm thì hay xảo trá. Nên trí và tâm người học Đạo cần tìm cách làm cho nó được phát-triển cả hai để lấy tâm làm chủ trì mọi việc, lấy trí mà phán xét mọi việc trước khi ta sắp đưa cho tâm chủ trì. Được như thế chắc-chắn ta học Đạo mau thành công đắc quả.

Đừng thấy ai theo mỗi Đạo nào đông-đảo rồi ta cũng vội vàng theo Đạo ấy mà lúc đó ta chưa hiểu giáo-lý ấy như thế nào.

Cũng đừng thấy người ta thờ Phật rồi vội-vã lập bàn thờ Phật, mà chưa hiểu ông Phật thể nào và tại sao phải thờ kính Đức Phật. Nếu tu như thế, thờ Phật như thế, thì càng tu càng thờ bao nhiêu càng tỏ ra cho thiên-hạ thấy rõ ta mê-tín bấy nhiêu. Đó cũng là cái đích để cho người vô Đạo nhắm đó mà bài-bác, nhạo chê hủy-báng và cũng rất uổng cho cái công-trình thành-kính lễ-bái của ta vậy.

Cho được tránh những điều ấy, trước khi thờ, học Đạo nào, hay theo ông thầy nào, ta hãy suy-gẫm phán-đoán kỹ-càng; chừng hiểu biết rõ-ràng ta sẽ hành theo Đạo ấy, Thầy ấy. Chẳng được như vậy, dẫu mình theo Đạo rất chánh đáng, ông Thầy rất thông minh cũng chẳng có ích chi cho mình cả.

Sự đầu tiên của người hành Đạo là cốt sửa những tư-tưởng, tìm cách đánh đổ tư-tưởng xấu-xa, đem thay vào những tư-tưởng ôn-hòa, đạo-đức.

Bạc-liêu, năm Nhâm-Ngũ

NHỮNG CÂU CHÚ THƯỜNG NIỆM

Thấy trong quyển "Tăng đồ nhà Phật" có chép những câu chú mà xưa kia các vị "tì theo" và "tì kheo ni" thường đọc trong những công chuyện thường ngày, Đức Thầy lúc còn ở Bạc Liêu, bèn dịch mấy câu chú này bằng lối thơ văn. Dưới đây là những câu chú bằng hán văn và phạn văn, kể đó là những bài của Đức Thầy dịch lại:

*Thùy miên thí ngộ,
Đương nguyện chúng-sanh.
Nhứt thiết trí giác,
Châu cố thập phương.*

Như tôi tỉnh giấc lúc bình minh,
Chí nguyện cầu cho cả chúng-sinh.
Tâm trí khai thông cùng tỉnh táo,
Mười phương đều rõ mấy anh linh.

*Đại tiểu tiện thời,
Đương nguyện chúng-sanh.
Khí tham, sân si,
Quyên trừ tội pháp.
(Án ngận lỗ đà da tá ha!)*

Cũng như tôi tiểu tiện ra,
Nguyện cầu sanh-chúng tống ra khỏi mình:
Tham-lam, gây-gỗ, si tình,
Khỏi điều tội-lỗi nhẹ mình cao bay.

*Sự ngật tự thủy,
Đương nguyện chúng-sanh.
Xuất thế Pháp trung,
Tốc tạt nhi vãng.*

Việc xong rồi đến tôi dùng nước,
Cũng như tôi lấy nước này ra.
Nguyện chúng-sanh xuất khỏi ta-bà,
Nhờ đạo-pháp lướt qua mau chóng.

*Tẩy dịch hình uế,
Đương nguyện chúng-sanh.*

*Thanh tịnh điều nhu,
Tất kiến vô tất.*

Như tôi rửa sạch khỏi dơ mình,
Chí nguyện cầu cho cả chúng-sanh.
Đặc được thân tâm thanh tịnh lạc,
Điều hòa chẳng nhiễm nghiệp mê-linh.

*Dĩ thủy quán chưởng,
Đương nguyện chúng-sanh.
Đặc thanh tịnh thủ,
Thọ trì Phật-pháp.
(Án chủ ca ra da tá ha!)*

Lấy nước tôi rửa sạch tay,
Nguyện cầu sanh-chúng được tay thơm lành.
Ngõ hầu nắm pháp vô sanh,
Giữ-gìn lời Phật ban hành từ xưa.

*Dĩ thủy tẩy diện,
Đương nguyện chúng-sanh.
Đặc tịnh pháp-môn,
Vĩnh vô cấu nhiễm.
(Án lam tá ha!)*

Lấy nước rửa sạch mặt mày,
Tôi nguyện sanh-chúng đặc rày pháp-môn.
Lặng yên trong cõi trường tồn,
Chẳng hề nhiễm tục hờn bợn nhơ.

*Thấu khẩu liên tâm tịnh,
Dẫn thủy bá hoa hương.
Tam nghiệp hằng thanh tịnh,
Đồng Phật vãng Tây-Phương.
(Án hám án hán tá ha!)*

Súc miệng tôi cũng lóng lờng,
Ngậm nước như ngậm trăm bông đủ mùi.
Cầu tịnh ba nghiệp xong xuôi,
Tây-Phương quyết đến chung vui Phật-đài.

*Thủ chấp sát nha,
Đương nguyện chúng-sanh.*

*Giai đắc diệu pháp,
Cứu cánh thanh-tịnh.*
Tay tôi cầm lấy xát nha,
Nguyện cầu sanh-chúng gặp khoa diệu-mầu.
Thầy đều thấy lý cao sâu,
Đến nơi yên tĩnh tột sâu vô ngần.

*Trước hạ quần thời,
Đương nguyện chúng-sanh.*
*Phục chư thiện căn,
Cụ túc tà hủy!*
Cũng như tôi mặc quần đây,
Đặng cho phần dưới khỏi thầy lỏa-lồ.
Nguyện chúng-sanh điểm-tô điều thiện,
Lấy việc lành che chuyện xấu-xa.

*Nhược trước thượng y,
Đương nguyện chúng-sanh.*
*Hoạch thắng thiện căn,
Chí pháp bỉ-ngạn.*
Như tôi mặc áo trên vào,
Nguyện cầu sanh-chúng trùm bao gốc lành.
Trối bước tìm cuộc vô sanh,
Đến nơi sáng-suốt tịnh-thanh Niết-Bàn.

*Chỉnh y thúc đáí,
Đương nguyện chúng-sanh.*
*Kiểm thúc thiện căn,
Bất linh tán thất.*
Như tôi gài áo buộc ràng dây,
Cầu nguyện chúng-sanh khắp cõi này.
Buộc chặt căn lành vào thể-phách,
Chẳng lo thất lạc đổi cùng thay.

*Nhược đắc kiến Phật,
Đương nguyện chúng-sanh.*
*Đắc vô ngại nhãn,
Kiến nhưt thiết Phật.*
Như tôi được thấy Phật đây,
Nguyện cầu sanh-chúng đắc rày nhãn-quan.

Mắt thông dòm suốt khắp ngàn,
Nhìn thấy chư Phật thập phang đại đồng.

*Pháp-vương vô thượng tôn,
Tam giáí vô luân thất;
Thiên nhưn chi đạo sư,
Tứ sanh chi từ phụ.*
*Ngã kim tạm qui y,
Năng diệt tam kỳ nghiệp.*
*Xưng dương nhược tán thán,
Úc kiếp mạc năng tận.*
Ngài là vua Pháp tột cao,
Khấp trong ba cõi chẳng sao sánh tày.
Tiên, người đồng kính đạo Thầy,
Cha lành hết cả bốn loài chúng-sanh.
Nay tôi qui mạng thiết hành,
Ngõ mong trừ dứt nghiệp sanh ba đời.
Tỏ ra khen ngợi những lời,
Dầu cho ức kiếp chẳng nơi nào cùng.

*Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giáí diệc vô tỷ.*
*Thế-gian sở hữu ngã tân kiến,
Nhứt thiết vô hữu như Phật giá.*
Trên dưới trời chẳng ai bằng Phật,
Khấp mười phương hẳn thật khó so.
Dòm trong cõi thế rộng to,
Một người khó kiếm sánh đo cùng Ngài.

*Năng lễ, sở lễ, tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghị.*
*Ngã thử đạo tràng như đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.*
*Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc qui mạng lễ.*
Sự lạ Phật vốn không yên tĩnh,
Đạo cảm-giao khó tính khôn bàn.
Nay tôi ở trong đạo tràng,
Cũng như kết chặt vào đoàn ngọc-châu.
Mười phương Phật hiện bầu hình ảnh,

Có bóng tôi cũng sánh các Ngài.
Từ chơn cho chí mặt mày,
Cúi đầu làm lễ nguyện rày qui y.

*Phật quan nhứt bát thủy,
Bát vạn tứ thiên trùng.
Nhược bất trì thủ chú,
Như thực chúng-sanh nhục.
(Án phạ tất ba ra ma ni tá ha!)*
Phật thấy chén nước có trùng.
Bốn ngàn tám vạn muốn dùng cho tinh.
Nếu không trì chú niệm kinh,
Khác nào ăn thịt chúng-sinh hằng-hà.

*Nhược kiến không bát,
Đương nguyện chúng-sanh.
Cứ cánh thanh-tịnh,
Không-vô phiền-não.*
Như tôi thấy chén không,
Cầu nguyện chúng-sanh đồng.
Đến tận bờ thanh-tịnh,
Phiền não vẫn không không.

*Nhược kiến măn bát,
Đương nguyện chúng-sanh.
Cụ túc thạnh măn,
Nhứt thiết thiện pháp.*
Bằng như tôi thấy bát đây đây,
Cầu nguyện chúng-sanh khắp cõi này.
Chứa được đủ no thêm vẹn-vẽ,
Pháp lành các món cũng về đây.

*Thiên tai giải-thoát phục,
Vô thượng phước điền y.
Ngã kim đánh đái thọ,
Thế thế bất xả ly!
(Án tất đà da tá ha!)*
Lành thay y phục thoát trần,
Khác nào thừa ruộng tội phần tốt tươi.

Cúi đầu đội nó trên người,
Thề nguyện kiếp kiếp đời đời chẳng phai.

*Thiên tai giải-thoát phục,
Vô thượng phước điền y.
Ngã kim đánh đái thọ,
Thế thế thường đắc phi.
(Án độ ba độ ba tá ha!)*
Lành thay y-phục thoát trần,
Khác nào thừa ruộng tội phần tốt tươi.
Cúi đầu đội nó trên người,
Thề nguyện được mặc đời đời chẳng phai.

*Thiên tai giải-thoát phục,
Vô thượng phước điền y.
Phụng trì Như-Lai mạng,
Quảng độ chư chúng-sanh.
(Án ma ha ca bà, ba tra tất đế ta ha!)*
Lành thay y-phục thoát trần,
Khác nào thừa ruộng tội phần tốt thay.
Nguyện theo mạng lịnh Như-Lai,
Mở lòng rộng-rãi độ rày chúng-sanh.

*Nguyện thử chung thính siêu pháp-giái,
Thiết vi u-ám tất giai văn.
Văn trần thanh-tịnh chứng viên thông,
Nhứt thiết chúng-sanh thành chánh-giác!*
Nguyện tiếng chuông lành thông các cõi,
Thiết vi địa-ngục cũng nghe rành.
Nghe rồi thân tịnh tâm tròn sáng,
Tất cả chúng-sanh Phật đạo thành!

*Văn chung thính phiền-não khinh,
Trí-huệ chưởng bồ-đề sanh.
Ly địa-ngục xuất hòa khanh,
Nguyện thành Phật độ chúng-sanh.
(Án đà ra đế dạ ta bà ha!)*
Nghe chuông phiền não tiêu tan,
Bồ-đề tâm mở trí toan huệ mầu.
Lìa xa địa-ngục thăm sâu,

Khỏi nơi hầm lửa đặng cầu chơn tâm.
Nguyện tu thành Phật chẳng lằm,
Độ trong sanh-chúng hết lâm tai nản!

*Thủ chấp tịnh bình,
Đương nguyện chúng-sanh.
Nội ngoại vô cấu,
Tất linh quang khiết!
(Ăn thế dà rô ca sát ta ha,
Ăn phạ tất ra thí dà lô sắt mạng sắt tá ha!)*

Tay tôi cầm lấy tịnh bình,
Nguyện cầu thân thể chúng-sanh trong ngoài.
Đều không nhiễm trước trần ai,
Sạch tinh sáng láng tặc lai diệu huyền!
Bạc-liêu, tháng 7 năm Nhâm-Ngũ.

CHO CÔ HAI GƯƠNG (CẦN-THƠ)

Thầy thương đệ-tử ngẩn-ngơ sầu,
Vẫn biết công-phu con dải-dầu.
Nhưng nỗi tiền-khiên gây lằm nợ,
Đời này trả dứt mới mong cầu.

Mong cầu gặp Phật hội Long-Hoa,
Con rán trì tâm niệm Phật-Đà.
Xét lại xác Thầy xưa cũng hoại,
Thân phàm bỏ lại thế-gian mà!

Đến hội trăm quan còn hiện được,
Thì ra xác thịt có cần đâu?
Khuyên con nghĩ cạn đừng ưu-lự,
Mượn chước huyền-cơ giải mạch sầu.

Ví Thầy xác thể phải còn đau,
Hà hướng chi con tránh được nào?
Quả dữ trả rồi nhân thiện đến,
Nếu Thầy đắc đạo bỏ con sao?

Đường xá xa xuôi Thầy nguyện cầu,
Phật Thần ban rải huệ linh màu.
Cho con yên-ổn thân đôi chút,
Chớ để nào Thầy quên trẻ đâu!
Bạc-liêu, 24-8 Nhâm- Ngũ (3-10-42)

CHO CÔ NĂM VÕ-THỊ-HỢI Ở BẠC-LIÊU

Hãy rán tu tâm dưỡng tánh lành,
Đừng cho ma nghiệp vọng tâm-sanh.
Quay về cội phúc đường chân đạo,
Phật-pháp thiên-na dốc thực hành.

Chớ nhiễm trần-hoàn đượm phần son,
Chiêm-bao cuộc thế chẳng thường còn.
Chi bằng nhớ lại câu hồng thệ,
Tĩnh ngộ nghe Thầy dạy hỡi con!

Hỡi con! Đời tục rất hôi tanh,
Trí-huệ trau-giồi kiếm nẻo thanh.
Mãn kiếp hồng-trần sanh Lạc-quốc
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.

Thầy thấy con nay đắm cõi trần,
Đường tu lơ-lãng chẳng ân-cần.
Thương thay công quả tu từ trước,
Lại muốn bỏ đành gốc thiện nhân!

Chẳng sớm về nhà lo sám-hối,
Cầu trên Phật-Tổ giải mê-căn.
Ắt là hồn trẻ còn chi nữa (1),
Địa-ngục trầm-luân cách thượng tầng.

Sàigòn, ngày 23-12-42 (16-11 Nhâm-Ngũ).
(1) *Quả thật cô này sau chết tại nhà thương Biên-hòa năm 1945.*

NĂM QUÍ-MÙI (1943)

HỎI PHÔNG ĐÁ (Cổ thi)

Ông đứng làm chi đây hỏi ông?
Trơ trơ như đá vững như đồng.
Giữ gìn non nước cho ai đó?
Dâu bể cuộc đời có biết không?

PHÔNG ĐÁ TRẢ LỜI

Ông đứng đây cho chúng biết ông,
Kêu lên một tiếng tở chuông đồng.
Khắp trong thiên-hạ đều lai tinh,
Bước xuống thuyền từ đến cửa không.

Đứng chờ thờ-vận đến cho ông,
Rải Đạo huyền-vi khắp Đại-Đồng.
Bao bọc non Hồng cùng nước Lạc,
Việc đời cũng biết chớ sao không?

Đứng chờ Đại Chúng trọng tôn ông,
Dựng cuộc hòa-minh khắp Đại-Đồng.
Mao-việt giang-sơn bờ cõi vững,
Đuổi loài Phiên-tặc lợi về không.

*HỒNG-VÂN CƯ-SĨ (biệt hiệu của Đức Thầy)
Sài Gòn, năm 1943.*

CHO ÔNG ĐỖ-VĂN VIỄN

Sắp Đổi Đi Làm Việc Xứ Xa

Ngàn dặm đường xa cách ải quan,
Chúc nguyện đệ-tử được bình-an.
Mong trời nhỏ phước cho dân thiện,
Vô bệnh, vô ưu, muôn việc nhàn.

**Những bài sáng-tác năm Quý-Mùi và năm Giáp-Thân
(1943 - 1944)**

Đó rán trì lòng ẩn-nhẫn qua,
Thì-giờ hạnh-phúc có đâu xa.
Ngày nay sứ-đệ tuy xa-cách,
Trời Phật ban cho sẽ hiệp-hòa.

Cơ này thế-giới lắm phong-ba,
Lửa-loc con tiên diệt quỷ tà.
Phú có cao-đàng phân kẻ bạo,
Cho người lương-thiện khỏi xông-pha.

Non nước tuy xa đâu cũng trời,
Cũng Trời, cũng Phật, cũng an nơi.
Một tâm chí nguyện cho tròn đạo,
Lòng chớ lo chi sự đổi dời.

Sàigòn, năm 1943

CHO BÀ NĂM CÒ Ở SÀI GÒN

Ngọn gió thiên môn cuốn bụi hồng,
Lợi danh hai chữ mắt lờ trông.
Nương theo đước huệ tầm chơn-lý,
Lóng tiếng từ-bi diệt dục lòng.
Tĩnh ngộ đã nghe lời Phật thuyết,
Thoát mê suy nghiệm lẽ huyền thâm.
Mau chơn bước đến Long-Hoa hội,
Chầu Phật hòa vui cõi Đại-Đồng.

Sàigòn, năm 1943

GỌI ĐOÀN

Hỡi anh em trong nhà Nam-Việt !
Nhớ nước ta hùng liệt thuở xưa.
Ngàn năm Bắc địch vầy bừa,
Mà còn đứng dậy tổng đưa quân thù.
Hồn chiến-sĩ ngàn thu rạng tỏ,
Gương anh-hào chói đỏ như châu.

Non sông thanh bạch một bầu,
Ngọn cờ độc-lập bay hầu khắp nơi.
Lịch-sử cũng rạng ngời mấy đoạn,
Lắm anh-hùng hảo-hán xuất thân.
Sanh vi tướng tử vi thần,
Câu châm ngôn ấy truyền lần đến nay.
Tới Nguyễn-trào sa tay một phút,
Lũ Tây-dương bòn rút mấy mươi năm.
Thương dân ruột tím gan bầm,
Rửa chưa xong hận còn căm mỗi hờn.
Nay chẳng lẽ ngồi đờn những bản,
Vong-quốc-ca cho bạn chung nghe.
Thôi thì ta hãy hiệp bè,
Cùng nhau đoàn-kết đặng khoe sức hùng.
Khắp Bắc, Nam đùng đùng một trận,
Ấy mới mong quốc-vận phản hồi.
Trước là dẹp lũ Tây bồi,
Sau đưa quốc-tặc qui hồi Diêm-cung.
Nếu nay chẳng vẫy-vùng cương-quyết,
Thì ắt là tiêu-diệt giống nòi,
Muôn năm chịu kiếp tôi đòi,
Thân người như thể còn coi ra gì?!

**

GỌI ĐOÀN THANH NIÊN

Hỡi thanh-niên trong nhà Nam-Việt,
Thanh-niên đừng mài-miệt truy-hoan.
Cùng nhau hiệp bạn vầy đoàn,
Luyện rèn thao-lược đặng toan báo cừu.
Cứu được nước danh lưu thanh-sử,
Noi tinh thần quân tử Phù-Tang.
Lòng yêu tổ-quốc hoàn toàn,
Xông pha chiến địa gian-nan sá-gì,
Chớ có ngủ li-bì trong mộng,

Để dân ta mãi sống khốn cùng.
Á-đông sủng nổ đùng đùng,
Thì ta cũng phải vẫy-vùng thoát-ly.
Đừng nhu-nhược mê-si tứ sắc,
Mà buông tha lũ giặc cùng đường.
Thanh-niên nghĩa-vụ phi thường,
Phận là phải biết yêu thương giống nòi.
Nay chẳng lẽ ngồi coi thẳng bại,
Của cọp rồng trên giải đất ta.
Một mai cọp đã lìa nhà,
Biết rồng có chịu buông tha chẳng cùng?
Vậy anh em phải chung lưng lại,
Dùng sức mình đánh bại kẻ thù.
Tỏ ra khí-phách trượng-phu,
Vung long-tuyền-kiếm tận tru gian thần,
Xưa nước đã bao lần khuyh đảo,
Được cứu nguy nhờ máu anh-hùng.
Hy-sinh báo quốc tận trung,
Dem bầu nhiệt huyết so cùng sắt gang.
Việt-Nam là giống Hồng-Bàng,
Muôn đời xa lánh tai-nàn diệt vong.
Sàigòn, năm 1943

"TẶNG ĐOÀN THANH-NIÊN ÁI-QUỐC"

Vừa nghe nói Đoàn Thanh-Niên ái-Quốc,
Lòng sĩ-tăng bỗng bật sự vui say.
Ấu là Trời đã sẵn bày,
Non sông chìm đắm có ngày phục hưng.
Khắp Á-Đông tung-bừng náo-nhiệt,
Nô-nức nhau kiến-thiết quốc-gia.
Kẻ sang hải-ngoại về nhà,
Người trong tăng-lữ cũng là ước-ao.
Bấy lâu đã khát-khao tự-trị,
Thanh-Niên Đoàn chuẩn-bị xong chưa?
Chừng nào sức mạnh có thừa,
Diệt-trừ kẻ bạo cho vừa lòng dân.

Gương trung-nghĩa Thánh Thần cảm động,
Ắt có ngày mở rộng cơ-quan.
Từ Nam ra Bắc xa ngàn,
Nhưng lòng phải một mối toàn mưu hay.
Chừ dầu có đặng cay rán chịu,
Đợi cơ Trời kết-liều thù chung.
Làm cho rõ mặt anh-hùng,
Làm cho địch-thủ rùng rùng bó tay.
Vậy mới đáng làm trai Nam-Việt,
Chen vai cùng hào-kiệt Phù-Tang.
Gánh-gồng bảo-bọc giang-san,
Giữ-gìn biên-cảnh bằng an đời đời.
Trăm họ mới thành-thời nhàn-nhã,
Lo đắp-bồi văn-hóa ngàn năm.
Tham quan chừng ấy vắng tầm,
Mọt dân chừng ấy kiếm tầm đâu ra.
Đôi lời thô-kịch ngâm-nga,
Tặng viên Đoàn-Trưởng gọi là yêu nhau.
Sàigòn, năm 1943

NHÃN ĐỢI THỜI CƠ

Vì có nhiều anh em bốn-đạo phân-vân về chỗ mùa hạ năm Quý-Mùi (1943) đã qua mà chưa thấy chuyện gì có thể cho là phù hợp với câu:

*"Qua năm dê đến lúc mùa hè.
Trong bá tánh biết ai hữu chí"
nên Đức Thầy có làm mấy bài thi dưới đây:*

Bay hồn khiếp vía kể từ đây,
Nhãn gởi cho ai tội trách Thầy.
Trời hạ năm dê chưa nữa nữa,
Tuần-huòn máy tạo cũng lần xây.

Lần xây thiện-tín rõ chơn Thầy,
Chớ nóng tánh phàm chớ vội quây.

Ngày lụn tháng qua năm sẽ đến,
Trẻ già sẽ thấy cái hay hay.

Hay hay nam-nữ thỏa lòng khuây,
Nếu chẳng thì ra lại trách Thầy.
Muốn sớm tận nhìn e úa rụng,
Trì tâm tu niệm để rồi đây.

Rồi đây úa rụng xót lòng thay,
Uổng tiếc công-trình bấy đến nay.
Có khó mới khôn, khôn rảnh khó,
Gìn tâm thiện niệm bố râu mày.

Râu mày biết giữ đạo tâm chay,
Đặc quả thành công cũng có ngày.
Thất-Tổ Cửu-Huyền nơi chín suối,
Những mong hậu tấn biết tâm chay.

Tâm chay hậu tấn rán tu thân,
Bến giác chẳng xa cũng chẳng gần.
Trời Phật thương người lo độ tận,
Muốn lo giải-thoát phải tu thân.

Tu thân thiện-tín phải chuyên cần,
Lục-tự Di-Đà giữ Tứ Ân.
Rán nhẫn trăm phần dầu khó nhẫn,
Dạ thưa quan chức phận làm dân.

Làm dân bá nhẫn thị lương hiền,
Chữ nhẫn lời truyền Phật, Thánh, Tiên.
Gương trước Hốn, Tần, Hàn-Tín nhẫn,
Đã không khổ nhục khỏi ưu-phiên.

Ưu phiên trăm mối suốt canh thâm,
Thiện-tín chưa thông lẽ nhiệm-mầu.
Mãng sợ sông Ngân cầu lỗi nhịp,
Lo chi ô-thước chẳng xong cầu.

Xong cầu bờ giác bến sông mê,
Thế-sự nhân-sanh hết nhúng trề.

Đạo-pháp huyền-vi thâm diệu diệu,
Chẳng màng thế sự tiếng khen chê.
Sàigòn, năm Quí-Mùi (1943)

BÀ-RÁ

Bà-Rá mấy năm nhốt tội nhờn,
Hành-hà những kẻ mền giang-sơn.
Bao giờ cuộc thế xoay chiều mới,
Tháo cũi tuông mây đặng rửa hờn.
Sàigòn, năm Quí-Mùi (1943)

ĐI CHƠI ĐÊM VỚI ÔNG LUẬT-SƯ MAI-VĂN-DẬU

Cùng ông thầy kiện đi chơi,
Hứng luồng gió mát thành-thời tấm lòng.
Đi vừa giáp đặng một vòng,
Ngồi lại bàn đá ngó mong trên trời.
Sao một nơi, trăng một nơi,
Trời xinh cảnh lịch tuyệt vời như tranh.
Đi ngang bồn cỏ xanh xanh,
Ổng quên luật-lệ ổng đành bước lên.
Rầy ông, ông giả đồ quên,
Phải mà có lính biên tên sổ cò.
Rồi đi nhiều nỗi quanh co,
Ngay đường khám lớn nhỏ to luận bàn.
Bỗng đâu một tiếng la vang,
Năm tay ổng kéo chạy sang cạnh lề.
Ấy là tiếng "ách-ta-lê"(1),
Không đứng chỉnh-tề chúng bấn dập xương,
Sàigòn, mùa thu năm 1943
(1) Halte là! (Hiệu lệnh bảo đứng lại).

AN-ỦI MỘT TÍN-ĐỒ

Con thuyền bát-nhã sang sông,
Miệng ngoài gọi khách lòng trong ngại-ngùng.
Đã từng dựa kẻ nâu-sùng,
Cớ sao tâm trí còn từng ngoại duyên.
Muốn lên tiên được cảnh tiên,
Nấc thang vinh-hạnh Thầy riêng cho mình.
Từ đây đến buổi thanh-bình,
Muôn người niệm Phật quả mình biết bao.
Trồng cây mà chẳng rấp rào,
Để cho gió lại tạc vào gốc lay.
Lòng người chẳng ớt mà cay,
Bị câu tài-sắc đổi thay khôn lường.
Một mai đến số vô-thường,
Công kia với tội có lường kịp chẳng?
Sàigòn, năm 1943

NĂM GIÁP-THÂN (1944)

CHO CÔ KÝ GIỎI Ở BẠC LIÊU

Rày đã tu thân lánh bụi hồng,
Dạ đừng suy nghĩ chuyện minh-mông.
Để tâm yên tĩnh tầm chơn-lý,
Phổ cứu nhơn-sanh khắp đại-đồng.

Cô hai cô đã đi về,
Mà sao tâm não nhiều bề ưu tư.
Làm sao gỡ mối sầu tư,
Cho Thầy cho bạn cũng như cho mình?

Viết cho cô diệụ ít hàng,
Chuối già ăn hết rỏ ràng mười hai.
Nội nhà ngó thấy bằng nay,
Từ đây sắp đến không ai dám mời.
Tưởng ăn vài trái đồ chơi,
Ai dè bao-tử là nơi kho tàng.
Sàigòn, năm 1944

ẠC-NÚC

Ạc-Núc từ khi đến đất này,
Giết đà vô số kẻ thù Tây.
Làm cho chí-sĩ nhà Nam-Việt,
Chẳng đội trời chung với lũ mầy.

ĐỜ-CU

Người Pháp bây giờ mới phục hưng,
Trẻ già múa nhày từng-từng-tưng.
Đờ-cu hội hiệp lằng-xăng xộn,
Đưa biếu đầu đi đưa biếu đùng.
Sàigòn, năm 1944

MUỐN LÁNH PHỒN-HOA

Muốn lánh phồn-hoa, lánh thị-thành,
Tìm nơi non thắm ngõ mai danh.
Đợi cơ thiên-địa xây vắn đến,
Chờ cuộc phong-lôi đổi vận lành.
Sớm húng sương trong cùng vũ-trụ,
Chiều mong gió mát với trời thanh.
Xa nơi đa sự điều cao hạ,
Muốn lánh phồn-hoa lánh thị-thành.
Sàigòn, năm 1944

Những bài sáng-tác Năm Ất-Dậu
(1945)

NĂM ẤT-DẬU
(1945)

HUẤN-LỆNH

Hỡi tất cả thiện-nam tín-nữ !

Ngày mà chúng ta chịu khổ dưới gót giày của người Pháp và bọn quan lại hung tàn đã vừa qua. Kể từ nay tôn-giáo của chúng ta sẽ được tự-do truyền-bá. Vậy tôi nhân cơ-hội này tỏ cho các người được hiểu rằng:

Đạo Phật là đạo từ-bi bác-ái, dĩ đức hạo sanh khoan hồng đại độ; tuy tình thế đổi thay chốn tam lòng nhưn chẳng đổi.

Vậy hãy coi toàn dân cũng như anh em một nhà, mong họ liên-kết với chúng ta để kiến-thiết lại quê-hương cùng nền Đạo nghĩa. Những kẻ bạo-tàn từ trước đến giờ, nay đã ăn-năn giác-ngộ thì hãy dĩ đức nhiều dung tội trạng của họ, để sau này quốc-gia định-đoạt, còn mình chỉ khuyên họ trở lại đường lành, chớ chẳng nên làm điều gì thái quá mà động đến từ tâm của chư Phật.

Mong các người hãy tuân theo huấn-lệnh này.

Sài Gòn, ngày 2 tháng 2 Ất-Dậu (1945)

HỖI ĐỒNG-BÀO VIỆT-NAM !

Nước nhà đã *tuyên-bố độc-lập*. Kẻ thù giết cha ông của chúng ta hầu hết đã bị giam cầm. Giờ đây, bốn-phận của mỗi người Việt-Nam cần phải làm thế nào cho sự độc-lập hoàn-toàn của nước nhà chóng thực-hiện.

Vậy tôi xin khuyên tất cả đồng-bào muốn tỏ ra xứng đáng với một người dân một nước tự-do thì chúng ta hãy nên đoàn-kết chặt-chẽ cùng nhau, hãy quên hết những mối thù hềm ganh-ghét, đừng bày ra cái họa nôi da xáo thịt khiến cho ngoại nhơn khinh-bĩ một dân-tộc như dân-tộc Việt-Nam ta đã có nhiều tấm lòng nhân-hậu và những trang lịch-sử vẻ-vang, Còn bọn sâu dân một nước để sau này cho Tòa-án quốc-gia định-đoạt, hiện giờ hãy rần tuân theo kỷ-luật của nhà binh.

*Lo trả thù riêng, đốt phá nhà cửa, hoặc trộm cướp sát-nhân, làm rối trật-tự, có hại cho sự kiến-thiết quốc-gia. **Kẻ yêu nước chẳng nên làm.***

Những người lính Việt-Nam trong quân-đội Pháp thoát ngũ hãy ra nhà binh Nhứt ghi tên, sẽ vô tội. Những lính cảnh-sát hãy đem khí-giới ra nộp và hiệp-tác với nhà đương cuộc để giữ an-ninh. Những kẻ trộm cướp có khí-giới hãy đem khí-giới nộp và thú tội sẽ được tha-thứ.

*Bình-tĩnh hiệp-tác chặt-chẽ với nhà đương cuộc, giữ sự an-ninh cho dân-chúng, có lợi cho sự kiến-thiết quốc-gia. **Kẻ yêu nước nên làm.***

Nhân danh cho VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP VẬN-ĐÔNG HỘI
khiêm CỐ-VĂN DANH-DỰ VIỆT-NAM ÁI-QUỐC ĐẢNG
Ký tên: HÒA-HÀO
Sàigòn, tháng 2 Ất-Dậu (1945)

LỜI RIÊNG CHO BỐN-ĐẠO

Tôi ở Sàigòn khi cuộc đảo chánh xảy ra, vẫn đoán biết sẽ có vài chuyện chẳng hay trong quần-chúng, lập tức gởi thơ về khuyên giải mọi người, nhưng vì đường giao-thông bất-tiện mà thơ ấy đến rất chậm trễ, tôi lấy làm chẳng vui mà thấy một vài người trong Đạo và ngoài đời nhận lấy cái danh-từ của tôi mà làm một ít cử-chỉ trả thù không có xứng đáng với tấm lòng đạo-đức từ-bi; trước kia chúng nó hà-khắc ta, chúng nó đành; ngày nay ta hà-

khắc lại, sao đành. Vì lòng chúng nó đầy sự hung-tàn, còn lòng ta lại đầy nhân-ái!

Nên kể từ nay kẻ nào trong Đạo còn làm điều gì không có mạng lĩnh sẽ bị loại ra khỏi Đạo và giao nhà đương-cuộc xử một cách gắt-gao.

Ký tên: HÒA-HÀO
Sàigòn, tháng 2 Ất-Dậu (1945)

HIỆU-TRIỆU

Hỡi đồng-bào Việt-Nam!

Vì một cái chánh-sách sai lầm của tiền-nhân ta mà Đế-Quốc Pháp có cơ-hội tốt để chiếm-đoạt lãnh-thổ nước Việt-Nam. Gần ngót trăm năm nay, đồng bào ta trải biết bao cay đắng: lớp kẻ thù giày đạp, lớp quan lại tham-ô, vì thế nên người dân Việt-Nam gánh vác biết bao sưu-thuế nặng-nề. Kẻ thù đã lợi-dụng chánh-sách ngu dân để nhồi sọ quần-chúng, gây mầm chia rẽ Bắc, Nam, Trung, phá rối sự đoàn-kết, hầu mong cho cuộc đô-hộ được vĩnh-viễn trên giải non sông đất nước mà Tổ-Tiên ta phải phí biết bao máu đào mới gây dựng được.

Và lại từ trước cho đến nay các bậc anh-hùng, các nhà chí-sĩ khắp ba kỳ đã bao phen vùng-vẫy chống lại quân thù mong gây dựng lại nền Độc-Lập cho quê hương đất Việt.

Nhưng than-ôi! Chỉ vì thiếu khí-giới tối-tân, chỉ vì sơ đường luyện tập mà giọt máu anh-hùng đành hòa với bao nhiêu giọt lệ, khóc phứt sa cơ, để lại cho người đồng thời và cho đoàn hậu-thế muôn vàn tiếc thương ân-hận.

Cách bốn năm nay, Đế-quốc Pháp đã tan tành gãy đổ; địa vị người Tây cũng bị suy-lạc rất nhiều trên bán đảo Đông-Dương. Kế đến quân-đội Nhứt tràn sang, bọn cầm quyền Pháp ở xứ ta muốn duy trì quyền chủ-trị của họ bèn lợi-dụng tất cả điều-kiện kinh-tế, để cung-cấp các sự nhu-cầu cho quân-đội Nhứt hầu giữ vững cuộc bang-giao. Đàng khác, họ gia-tăng sự áp-bức, làm cho dân-chúng ta phải điêu-linh trong vòng khổ-sở, hầu làm cho chúng ta mất cả năng-lực, cùng tinh-thần tranh-đấu, mong kéo dài ngày tháng chờ cơ hội thuận-tiện để vầy-vùng.

Đến ngày hôm nay, giai-đoạn tranh-đấu đã đến thời-kỳ quyết-liệt, cho nên lòng hân-hoan và mối hy-vọng của kẻ thù đã

bộc-lộ rất rõ-ràng. Vì vậy tình bang-giao giữa chúng nó với Chánh-phủ Nhật-bổn chẳng còn được ổn-thỏa nữa.

Đó là lý-do để cho quân-đội Nhật giải quyết vấn-đề Đông-Dương và rạng ngày 26 tháng giêng năm Ất-Dậu ta (nhằm ngày 10 Mars 1945 theo dương-lịch), bộ máy cai-trị của chúng nó bị hoàn-toàn gãy đổ

Hỡi đồng-bào Việt-nam!

Chúng ta đã bước và đang bước đến một khúc nghiêm-trọng trên lịch sử. Giờ đây ta đã có thêm nhiều đặc-quyền lo-lắng đến cái giang-san gấm-vóc của Tổ-Tiên ta di-truyền lại.

Vận-động cuộc độc-lập!

Vận-động cuộc độc-lập!

Phải! Toàn-quốc phải liên-hiệp vận-động cho cuộc Độc-Lập. Đây là cái chủ-trương duy nhất của Việt-Nam Độc-Lập Vận-Động-HỘI (V.N.Đ.L.V.Đ.H.).

"Việt-Nam Hoàn-Toàn Tự-Do, Độc-Lập"

Đây là cái khẩu-hiệu duy-nhất của người Việt-Nam.

Hỡi các đồng chí thân yêu!

Từ khi Quốc gia bị khuynh-đảo đến nay, chúng ta chỉ hợp từng đoàn-thể nhỏ hoặc độc thân tranh-đấu và phải bao phen thất bại một cách đặng cay chỉ vì thiếu tinh-thần đoàn-kết, thiếu sức bền-bỉ dẻo-dai để chống lại kẻ xâm-lăng vô cùng tàn-bạo. Thời giờ này ta đã học-hỏi được nhiều rồi, ta đã thâm thập kinh-nghiệm khá hơn rồi; vậy thì ta nên đồng nhận chân ý-thức như nhau, nắm tay nhau quả-quyết mạnh dạn tiến bước trên con đường tranh-đấu.

Hỡi các bạn trí-thức Việt-Nam!

-- Các bạn có bị cái thứ văn-minh cặn-bã cám-đổ chẳng?
-- Các bạn có quên tinh-thần quốc-gia hùng-dũng của Việt-Nam chẳng?
-- Không! Không! Chúng tôi chắc hẳn rằng không vậy.

Các bạn cũng biết cái cặn-bã của nền văn-minh Pháp nhồi nắn rất nhiều đồng-bào ta trở thành những bộ máy của bọn xâm-lăng. Các bạn đã ôn-nhuần những trang lịch-sử vẻ-vang mà từ ngàn xưa đến giờ, tiền nhân ta viết ra bằng tâm-cơ và bằng huyết-hãn, vẫn còn đầm-đìa trên mặt giấy. Vậy ngày nay, các bạn nên lợi-dụng thời-cơ thuận tiện để đem tất cả trí, năng, đức, hạnh,

tham-gia vào Hội, lãnh-đạo nhân-dân hầu huấn-luyện cho nhau cái tinh-thần quốc-gia kiên-cố.

Hỡi các bạn thanh-niên!

Trong ba năm nay, theo mạng lệnh của người Tây, có rất nhiều bạn nhờ sự tháo-luyện, nên thân-thể được cường-tráng. Tuy vậy mà thử hỏi quân thù có thật lòng thương giống-nòi dân Việt này chẳng?

Decoux, Ducouroy có thật lòng thương yêu quý mến các bạn chẳng? Có khi nào kẻ dị-chủng ấy đã chiếm-đoạt cái di-sản quý báu vô cùng vô tận của Tổ-Tiên ta di-truyền lại mà thương bạn mến bạn. Ấy chỉ vì chúng nó lợi-dụng bạn, luyện-tập bạn phòng khi hữu sự thì đem bạn làm mồi cho gươm súng hầu bảo-vệ lợi-quyền tư riêng của chúng.

Nhưng rủi thay cho quân-thù, may thay cho lương dân Đại-Việt! Bọn nó chưa đủ ngày giờ thực-hành ý-định liền bị sanh cầm. Ngày nay, thay vì phải bắt buộc phụng-sự cho những kẻ đã sát-hại tiền-nhân ta, chiếm-đoạt lãnh-thổ ta, giành-giặt lợi-quyền ta, đàn-áp đồng chủng ta, các bạn hãy để tinh-thần tráng-khiên ấy vừa giúp vào công cuộc kiến-thiết nền Độc-Lập cho giang-san đất Việt.

Hỡi các bạn Thanh-Niên! Các bạn nên tham-gia vào V.N.Đ.L.V.Đ.H. để đạt tới mục đích.

Hỡi các cụ đồ nho! Hỡi các nhà sư!

Các cụ Đồ Nho! Từ trước đến nay, luôn luôn các cụ vẫn hoài bão một nhiệt-vọng cho sự Độc-Lập của nước Việt-Nam, luôn luôn các cụ vẫn nuôi-nấng một tinh-thần Quốc-gia càng ngày càng mạnh-mẽ. Cái ngày mà các cụ mong-mỏi, thiết-tha đã đến và ngày giờ này các cụ rất khoan-khoái được thấy cái nguồn sanh-lực của nước Việt-Nam tái phát. Bao nhiêu tiết-tháo của thời xưa vẫn còn in sâu vào tâm não, bao nhiêu thành-tích vẻ-vang hùng-tráng của thời xưa đã chép ra mà nét chữ vẫn chưa mờ, còn lưu lại nơi trí óc các cụ những kỷ-niệm liệt-oanh rực-rỡ.

Hỡi các cụ đồ nho! Hãy tham-gia vào phong-trào mới của nước nhà để khích-lệ nhân-tâm.

Các bậc Tăng-Sư, Thiên-Đức! Các cụ có nhớ chẳng? Trên lịch-sử Việt-Nam thời xưa nhà Đại-Đức "Khuông-Việt" dẫu khoác áo cà-sa, rời miền tục lụy, thế mà khi Quốc-gia hữu sự cũng ra tay gánh vác non sông.

Từ khi người Pháp qua chiếm đất ta, bề ngoài gọi rằng cho ta tự-do tín-ngưỡng, nhưng bên trong dùng đủ mọi cách âm thầm chia rẽ và phá hoại cho tín-đồ nhà Phật không có sức đoàn-kết chấn hưng hầu bài-trừ cái lưu tệ dị-đoan mê-tín.

Đã vậy lại không có cơ-quan tuyên-truyền thống nhứt, cũng chẳng có trường chung đào luyện tăng-sư. Các cụ nên biết: hễ nước mất thì cơ-sở của Đạo phải bị lấp vùi; nước còn nền Đạo được phát khai rực-rỡ.

Chúng tôi ước-mong các cụ noi gương đức Đại-Sư "Khuông-Việt" tự mình gia-nhập vào V.N.Đ.L.V.Đ.H. để làm gương, hay là để khuyến-kích các môn nhơn đệ-tử mau tham-gia vào phong-trào mới hầu chấn-chỉnh Quốc-gia ta. Khi nào nước nhà được cường thịnh, đạo Phật mới đặng khuếch-trương tự-do hầu gieo rắc tư-tưởng Thiện-Hòa và tinh-thần Từ-Bi, Bác-Ái khắp bàng nhân bá-tánh.

Hỡi các nhà Thương-mãi!

Nông-gia! Thợ thuyền!

Dưới sự kiềm chế của bọn xâm-lãng, nền thương-mãi quốc-gia bị đắm chìm kiệt-quệ, cơ hồ bị tay người ngoại quốc chiếm hảnh. Vì thế dưới sự chi-phối của bọn Đế-quốc Pháp, các nền kinh-tế, thương-mãi của người Nam không có cơ góc đầu dậy nổi.

Các nền tiểu-công-nghệ, thủ-công-nghệ bị uy-hiệp nặng-nề cho đến đổi những nhà tiểu tư bản đều bị vô-sản hóa, lâm vào một tình-trạng vô cùng lâm than khổ não.

Thương-gia Việt-Nam đành bó tay không phương giải-cứu. Muốn cho nền thương-mãi đặng phát-triển, thương-gia đặng thịnh-vượng, phi trừ sự "Độc-Lập" của nước nhà ra chẳng có cái gì có thể vãn cứu nổi.

Các nông-gia bị cái áp-lực bất công của bọn thực-dân người Pháp và những kẻ quan-lại kiêm địa-chủ hiếp bức đủ mọi phương-diện, đều bị bóc-lột rất quá đáng. Nông-nghiệp là nguồn gốc kinh-tế của xứ-mình; nhưng vì muốn làm cho quân-đội Nhựt-Bổn thiếu kém đồ ăn và lấy cơ cung-cấp cho quân-đội Nhựt mà người Pháp, ngót mấy năm nay, thi-hành chánh-sách hết sức độc-ác, tịch thu hay mua rẻ nông-sản, kiểm-tra hóa-vật bày ra nông-phổ hợp tác lũng-đoạn lợi quyền, làm cho nông-nghiệp phải chịu thiệt-thòi rời-rã, không còn sản-xuất như xưa, kẻ làm ruộng vì vậy mà nghèo hèn đói rách. Bọn cầm quyền Pháp chẳng có giúp cho kỹ-thuat canh-cải được điều gì tốt đẹp cả, và chỉ khai-thác ít con kinh cho

chiếu lệ, chớ 80 năm nay nghề nông ta vẫn còn nằm trong vòng ấu-tri phôi-thai với những khí-cụ của ông bà ta để lại. Họ chẳng có đem lại thứ máy-móc nào giúp cho nông-nghiệp được phát-đạt và vì thế mà đời sống của nông-phu cũng không khi nào được thur-thái, cho đến muối là một món ăn mà Đông-Dương sản-xuất rất nhiều, nhưng vì người Pháp mà mấy năm nay trở nên thiếu-thốn chẳng đủ cung-cấp cho nhân-dân.

Nền kỹ-nghệ trong xứ chẳng những không được khuyến-kích giúp đỡ mà lại còn bị cấm ngăn gián-tiếp khiến cho sự nhu-cầu của dân-chúng thiếu-thốn mọi bề, từ một cây kim may cho đến một cơ-khí tinh-xảo. Tóm lại tất cả các nhà kinh-tế, kỹ-nghệ, thương-mãi nông-nghiệp, tất cả các nguồn-lợi thiên-nhiên hay nhân tạo, tất cả các nguyên-liệu cho sự sống còn của xứ sở bị người Pháp hoặc chiếm đoạt, hoặc tàn-phá làm cho nước nhà không còn là một nơi phì-nhiều phong-phú nữa.

Thợ-thuyền nhơn-công cũng ở dưới sự bạc-đãi, bức bách như nông dân; họ sống một cuộc đời luôn luôn thiếu kém và vẫn phải rụt-rè khẹp-nẹp với bọn chủ xưởng người Tây, về mặt đây hung-ác.

Nhiều khi làm người nhơn công bị hành-hà tàn-nhẫn, giết chết biệt thây, hoặc bị sốt rét rút hết máu-me nơi cánh rừng cao-su bát-ngát, hoặc chết dưới những hầm mỏ âm-u mà nào ai có mở cuộc điều-tra, nào ai dám mở lời kê ca thống trách và pháp-luật vẫn bỏ mặc tình, chẳng một điều gì chở-che bảo-bọc, ấy cũng tại nguyên-nhân nào? Nếu chẳng phải tại nước mất nhà tan, nên đám người vong-quốc ấy phải ngậm-ngùi với biết bao điều ân-hận.

Hỡi các thương-gia, nông-gia, thợ-thuyền! Cố gắng lên! Hùng mạnh lên! Và liên-kết cổ động tranh-đấu cho nền độc-lập hoàn-toàn của Quốc-gia hầu vãn-cứu đồng-bào mình cùng quyền-lợi mình.

Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội thành lập chẳng phải chỉ để lo riêng cho cái quyền-lợi của một người hay một hạng người mà là cho chung cả mấy mươi triệu người dân Việt.

Vậy thì mỗi người công-dân Việt-Nam đều phải nghĩ đến xứ-sở mình, đến tương-lai đất nước mình, đến sự sống còn của dân-tộc mình; **vì mặc dầu đã bị triệt-hạ trên giải đất Đông-Dương, Đế-quốc Pháp bên kia trời cũng vẫn còn hoài-bảo**

cái mộng-tưởng khôi phục lại quyền chủ trị; vậy thì đồng-bào hãy cố gắng lên!

Chúng tôi mong rằng các bậc lão thành, các hàng trí-thức, các thanh-niên nam-nữ, các đồng-bào vì đất nước chung, vì mục-đích chung, hợp sức cùng nhau để đạt cái nhiệt-vọng tối-đại tối cao thì tiên-nhân ta mới đành ngậm cười nơi chín suối.

VIỆT-NAM ĐỘC-LẬP VẬN-ĐỘNG HỘI
"Ủng hộ triệt-đế các đảng Ái-quốc chân chính"
"Bài-trừ triệt-đế bọn một nước sâu dân".

Sài-gòn, tháng 3dl.1945

Sài-gòn, ngày 21 tháng 4 năm 1945 dl.

Lời ủy-nhiệm cho các Ban Trị-Sự Tỉnh-bộ.

Vì Thầy không thể trực-tiếp giải quyết những việc biến-cổ xảy ra hằng ngày ở trong đạo, nên cho Ban-Trị Sự được thay mặt trọn quyền thu-xếp tổ-chức giữ-gìn cho toàn thể bốn-đạo được có trật-tự yên-ổn làm ăn. Xét những việc đã xảy ra từ ngày chánh biến đến nay, đều do những **kẻ không vâng lệnh Thầy, và các nhà trí-thức trong đạo**, tự mình hành-động không ý-thức, phương-pháp.

1. Là vì có nhiều kẻ dối tu làm bậy.
2. Thiếu học-thức kinh-nghiệm, hành-động không thứ lớp.
3. Thiếu tổ-chức và Ban-Chỉ-huy.
4. Không vâng lời Thầy dạy.
5. Để bọn trộm-cướp xen vào tá danh.

Nên trong khi chờ Chánh-Phủ phê chuẩn **Hội Phật-Giáo Liên-Hiệp**, chúng ta phải lo cho toàn thể trong đạo bằng cách xếp họ vào trật-tự một cách yên-tĩnh, không ồn-ào quảng cáo, không phiền-nhiều đến cơ-quan cai-trị và nhơn tâm.

Ban Trị-Sự phải giải-quyết những vấn-đề dưới đây, khỏi phải hỏi ý kiến Thầy:

Điều 1-- Được quyền tổ-chức các Ban Trị-Sự trong đạo ở các làng trong tỉnh.

Điều 2-- Được quyền chỉ-huy họ, bắt-buộc họ phải tuân lệnh Ban Trị-Sự ở Tỉnh, không được khinh-suất hành-động.

Điều 3-- Chưa được phép quyn tiền và góp chi-phí, phải ngăn-cấm điều ấy.

Điều 4-- Cho các Ban Trị-Sự các nơi hay, phải lập thông-qui trong đạo, biên tên tuổi, nghề-nghiệp, để kiểm-soát bốn-đạo mới và cũ, biên riêng số.

Điều 5-- Kẻ nào làm bậy được quyền bôi tên trong sổ đạo, cho nhà chức-trách hay, hoặc bắt mà nạp cho nhà chức-trách trừng trị.

Điều 6-- Nếu có xảy ra việc biến-cổ bất ngờ, Ban Trị-Sự nên phái người trực-tiếp với nhà chức-trách thương-lượng, điều-đinh cho ổn-thỏa, đừng để hiểu lầm nhau.

Điều 7-- Những kẻ nào gần đây có phạm vào tội trộm-cướp, không đặng biên tên vào sổ đạo.

Điều 8-- Ra lệnh cấm bốn-đạo không được tự ý lên Thầy, phải báo cáo sự biến-động cho Ban Trị-Sự biết, để Ban Trị-Sự phúc trình cho Thầy biết mà thôi.

Điều 9-- Những việc nhỏ-nhặt đã giải quyết xong, khỏi báo cáo cũng được.

Điều 10-- Cho bốn-đạo biết từ đây có tin gì trên Thầy về, chỉ gửi bằng giấy tờ có chữ ký tên và gửi cho Ban Trị-Sự Tỉnh-bộ mới được, đừng nghe theo lời truyền khẩu sẽ vô giá-trị, dầu người đó nói ở trên Thầy mới về cũng không được tin.

Điều 11-- Kẻ nào đem tuyên-truyền tin láo-xược, kẻ đó sẽ bị Ban Trị-Sự quở và kêu nhà chức-trách bắt.

Điều 12-- Kẻ nào xét coi những việc gì có ích-lợi chung trong đạo, mà không có trái với luật nước, không náo-động nhơn tâm, cả Ban Trị-Sự đồng ý, thì được tùy-tiện bổ-cứu thi-hành.

Điều 13-- Kẻ nào tự ý đi Sài-gòn thì sẽ không được trên này thừa-nhận.

Điều 14-- Cảnh-cáo cho mọi người biết, kẻ háo danh tham lợi là kẻ làm cho hoen-ố nền đạo.

Điều 15-- Giải nghĩa cho anh em trong đạo biết rằng: thay-thế vào những hành-động điên cuồng, anh em nên để thì giờ đó học chữ quốc-ngữ, đặng xem kinh sách, cho thông hiểu việc đời, mở-mang trí-huệ, mà biết được phải trái, trước khi hành-động một việc gì.

Điều 16-- Kẻ nào biết người đồng-đạo làm việc trái phép mà không thông báo cho Ban Trị-Sự hay, thì đồng tội với kẻ quấy, sẽ bị loại ra khỏi đạo.

Những điều trên đây lần-lượt thi-hành và liên-lạc với nhà chức-trách hiện thời, để giải nghĩa cho họ biết mình làm việc như vậy là có ý giúp Chánh-Phủ trong việc trị-an, mà từ trước đến giờ mình không tổ-chức được.

Thầy ước-ao và tin cậy sự sốt-sắng của các Ban Trị-Sự, để các nơi đừng có việc xảy ra đáng tiếc, thì nền đạo chúng ta mới bành-trướng được.

Bức thư này có thể cho Tham-Biện, Chủ-Quận hay Tổng coi cũng được.

Ký tên: *HÒA-HẢO*

LỜI TÂM HUYẾT (1)

Hỡi tất cả thiện nam tín nữ!

Trước khi các người quy y Phật-pháp, ai ai cũng có lời nguyện cải hối ăn-năn làm lành lánh dữ, theo dõi mục đích từ-bi bác-ái của chư Phật.

Thầy nhận thấy có nhiều người thành tâm làm điều phải mà cũng có một ít kẻ tu hành giả dối, lợi dụng nền tôn-giáo gạt lường bốn-đạo mà lấy tiền để sống hoặc nói nhiều điều mộng huyễn sai lạc sự tín-ngưỡng chơn-chánh.

Vì muốn giữ sự trật-tự, sự yên-tĩnh chung cho toàn-thể, nên hôm nay Thầy nhắc lại cho bốn-đạo một lần nữa, những điều sau đây để mọi người làm theo:

1. Không ai được phép đến nhà Thầy để thăm hay nói chuyện riêng về gia-đình cá-nhân chỉ trừ khi nào vô cố bị áp-bức.
2. Không được chép bài vở nào của người khác để làm rối sự tín-ngưỡng.

Phải coi chừng những bài giả của bọn khác mạo nhận là của Thầy (những giảng cấm dung trữ).

3. Không được bàn-tán thời cuộc.
4. Không được bàn-tán về chánh-trị và làm việc nào nhỏ mọn có thể gây ác-cảm với những người ngoại đạo.
5. Tôn-trọng giới-luật của đạo, răn sửa mình cho trong sạch để gây quả-phúc tốt cho linh-hồn và xác-thịt.

6. Phải tố-giác hành-vi xấu-xa của anh em đồng đạo cho người có nhiệm-vụ và trí-thức trong đạo, không được yêm-ẩn hay vì tình riêng mà che-chở.
7. Nếu người nào không giữ được giới-luật của đạo, tốt hơn là ra khỏi đạo, không có sự ép buộc phải ở trong đạo.
8. Những người nào cờ bạc, rượu trà, làm điều xấu-xa, nên biên tên họ đem cho mấy người có trách-nhiệm để những người ấy đem cho Thầy, Thầy sẽ trừng-trị một cách thích-đáng để làm gương cho kẻ khác, thời giờ này cần nhứt mỗi người bốn-đạo phải bình-tĩnh, nhẫn-nhục, không nên nghe lời ai xúi biếu làm điều phi pháp, tổn-hại đến danh-dự chung.

Thầy mong rằng các thiện-nam tín-nữ thân-yêu không trái ý Thầy, để Thầy yên tâm mà tịnh-dưỡng trong một thời-gian.

Sàigòn, mùa hè năm Ất-Dậu (1945)

(1) Đây là lời lẽ trong một Huấn lệnh hay Chỉ thị mà Đức Thầy gửi cho Ban Trị-Sự P.G.H.H. ở các tỉnh. Vì hiện không có bốn-chánh nên chúng tôi chẳng nhớ rõ ngày tháng.

GỌI ĐOÀN TRÁNG SĨ

Hãy tỉnh giấc hỡi muôn ngàn tráng-sĩ,
Nhìn thời xưa hùng-vĩ nước nhà ta.

Bắc Nam một giải san-hà,
Mồ hôi giọt máu ông cha tài bồi.
Trải qua cũng lắm hồi vận bị,
Rồi anh em tráng-sĩ đứng lên.
Liều mình đục pháo xông tên,
Liều mình giết giặc xây nền tự-do.
Tiếng roi lại bình Ngô, sát Đát,
Sử xanh còn ngào-ngạt hương thơm
Trông phường giá áo túi cơm,
Trông phường úy tử mà nhòm đi thôi.
Nay vận nước đến hồi thịnh-thái,
Chí anh hùng ta hãy noi gương;
Một mai nước được phú-cường,
Tấm thân tráng-sĩ cột rường nhà Nam.

Sàigòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945)

GỌI ĐOÀN PHỤ-NỮ

Chị em ôi, Bắc Nam là một,
Chị em là rường cột giống-nòi.
Dở sử xanh Nam-Việt mà coi,
Gương Trưng, Triệu còn roi muôn thuở.
Chẳng có lẽ xưa hay mà nay dở,
Khiếp-nhược là cái cố vong gia.
Chí anh-hùng của khách quân-thoa.
Đâu có kém bực tu-mi nam-tử.
Sách Thánh-hiền truyền lưu mấy chữ,
Thất-phu còn trách-nhiệm với non sông.
Cả tiếng kêu bạn gái má hồng,
Dem son phấn điểm tô Tổ-Quốc.

Sàigòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945)

KHUYẾN NÔNG

Hỡi đồng-bào! Hỡi đồng-bào!
Thần chết đã tràn vào Trung-Bắc,
Ngày lại ngày siết chặt giống nòi;
Lật qua các báo mà coi,
Thấy con số chết xem mòi kinh nguy.
Cũng tại vì Tây-di bày kế,
Phá-hoại nền kinh-tế nước ta.
Làm cho điên-đảo sơn-hà,
Làm cho điêu-đứng con nhà Lạc-Long.
Bồng phút đâu cuồng phong một trận,
Quân Phù-Tang khai hãn bất kỳ.
Còn đâu mưu khéo giải vi,
Còn đâu hoãn kế trong kỳ viện binh?
Dầu những kẻ vô tình với nước,
Cũng tình hồn mơ-ước tự-do.
Tiếng vang độc-lập reo hò,
Từ Nam chí Bắc nung lò khí thiêng.

Quyết phen này kết-liên một khối,
Dem máu đào tắm gội giang-san.
Giờ đây xem lại mùa-màng [1],
Năm rồi miền Bắc tan-hoang còn gì.
Chỉ có xứ Nam-Kỳ béo-bở,
Cơ-hội này bỏ dở sao xong.
Cả kêu điền-chủ phu-nông,
Đứng lên đừng để ruộng đồng bỏ hoang.
Muốn cứu khỏi tai nạn của nước,
No dạ dày là chước đầu tiên.
Nam-Kỳ đâu phải sống riêng,
Mà còn cung-cấp cho miền Bắc, Trung.
Quân-đội Nhứt cần dùng lương thảo,
Cũng phải ăn lúa gạo Nam-kỳ.
Ta còn ngần ngại nỗi chi,
Mà không cày cấy kịp thì hỡi dân?!
Điền-chủ phải một lần chịu tổn,
Giúp áo quần, giúp vốn thêm lên.
Muốn cho dân được lòng bền,
Mua giùm canh-cụ là nền khuếch-trương.
Giá mướn phải thường thường để thờ,
Xử ôn-hòa niềm-nỡ yêu nhau.
Cùng chung một giọt máu đào,
Phen này hiệp sức nâng cao nước nhà.
Kẻ phu-tá cũng là trọng trách,
Cứu giống-nòi quét sạch non sông.
Một phen vác cuốc ra đồng,
Thề rằng ruộng phải được trồng lúa khoai.
Mưa nắng ấy đâu nài thân xác,
Chí hy-sinh đầu thác cũng cam.
Miễn sao cho cánh đồng Nam,
Dồi-dào lúa chín gặt đơm về nhà.
Chừng ấy mới hát ca vui-vẻ,
Ai còn khinh là kẻ dân ngu.
Không đem được chút công-phu,
Không đem sức-lực đền-bù nước non.
Gởi một tấc lòng son nhẵn-nhủ,
Khuyên đồng-bào hãy rủ cho đồng.
Năm tay trở lại cánh đồng,
Cần-lao, nhẩn-nại Lạc-Long tổ truyền.

Sàigòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945)

[Hiệu chính: [1] Ghi theo ấn bản 1955. Ấn bản 1966 ghi: "Giờ đây **đem lại** mùa-màng"].

ĐÍNH-CHÁNH

Gần đây lắm kẻ ngoa truyền,
Một bài sấm-ngữ nơi miền Hậu-giang.
Nói rằng: tháng tám tai nàn,
Tối-tăm trời đất tan-hoang cửa nhà.
Kẻ gần rồi đến người xa
Từ trong thôn dã đến ra thị-thành.
Hại cho quốc-kế dân-sanh,
Ruộng đồng tươi đẹp dân đành ngó lơ.
Thương thay những kẻ ngu khờ,
Lầm mưu gian-trá ngẩn-ngơ ưu-sầu.
Hỏi rằng: Sấm bởi nơi đâu,
Nói: "Ông Hòa-Hảo làm đầu truyền ra".
Buộc lòng tôi phải đính ngoa,
Cho trong toàn quốc gần xa được tường.
Chuyện ấy là chuyện hoang-đường,
Của bọn phá-hoại chủ-trương hại mình.
Anh em ta hãy đồng tình,
Nếu gặp "năm óc" đem trình "Công-An".
Chúng ta giải-quyết lẹ-làng,
Đừng để chuyện huyền tràn lan ra nhiều.
Ký tên: *HÒA-HẢO*
Sàigòn, tháng tư năm Ất-Dậu (1945)

VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO LIÊN-HIỆP-HỘI

TÔN-CHỈ

Liên-hiệp các tôn-phái đạo Phật, các nhà sư, các tín-đồ, các nhà trí-thức có xu-hướng về Phật-giáo để:

1. Tìm cách nâng cao tinh-thần đạo Phật.
2. Tìm những phương-tiện cứu-giúp kẻ nguy-nàn vì thời cuộc gây ra.
3. Giúp đỡ lẫn nhau trong việc quan, hôn, tang, tế.
4. Bình-vực lẫn nhau trong sự tín-ngưỡng tự-do.

ĐIỀU-KIỆN NHẬP HỘI

Bất luận nhà sư hay cư-sĩ, trí-thức, bần-dân hễ được có xu-hướng rõ-rệt về Phật-Giáo, thành tâm chuẩn-nhận cái tôn-chỉ trên đây, đều được gia-nhập vào Hội, ở tôn-phái nào cũng đặng, mặc dầu gia-nhập Hội, nhưng vẫn giữ được sự tu hành và cúng-kiếng của THẦY mình hay TÔN-PHÁI mình.

Các tôn-giáo khác muốn liên-hiệp, phải có cuộc bàn-bạc riêng.

HỘI VIÊN

Hội-viên phân làm hai hạng:

- I. Hoạt-động hội-viên,
- II. Tương-trợ hội-viên.

a)- *Hoạt động hội-viên* -- Gồm các nhà sư hay cư-sĩ, trí-thức có lòng hy-sinh đời mình, tài-sản mình, mong mở-mang nền đạo-nghĩa và giúp nhân-loại trong sự lầm than.

b)- *Tương-trợ hội-viên* -- Gồm tất cả đại-chúng có lòng thiện-từ, vì gia-đình, vì sự nghiệp làm ăn, không thể hy-sinh nhất-thiết, nhưng có lòng tán-dương ủng-hộ công việc của Hội bằng tinh-thần hay vật-chất.

TRỌNG-TRÁCH HỘI-VIÊN

1. Phải giải-thích các tôn-chỉ của Hội cho quần-chúng hiểu rõ và làm cho Hội mau phát-triển.
2. Tuân theo các điều-lệ của Hội.
3. Giúp nguyệt-phí cho Hội.

QUYỀN-LỢI CỦA HỘI-VIÊN

1. Hội phải cho giấy chứng-nhận là người của Hội.
2. Hội sẽ binh-vực khi sự tín-ngưỡng của mình bị kẻ khác hủy-hoại.
3. Nếu cần đến, Hội sẽ giúp-đỡ trong việc ốm đau, hay quan, hôn, tang, tế, tùy theo sức của Hội.
4. Hội-viên có quyền bày tỏ ý-kiến mình về việc đạo-đức hay công cuộc phước-thiện đối với nhơn-sanh.
5. Hội-viên có quyền bình-phẩm, chất-vấn hoặc tố-cáo các công việc của Hội một cách thân-hữu.
6. Hội-viên có quyền xin ra khỏi Hội khi thấy mình không thể đeo-đuổi công việc của Hội.
7. Hội-viên có quyền cử Ban Trị-Sự và ứng-cử.

TRỤ-SỞ CỦA HỘI

Hội sẽ lấy chùa của Hội-viên, nhà cửa của những người từ tâm dựng cúng, hoặc là Hội mua, cất hay mượn, làm trụ-sở cho Hội.

NGUYÊN-TẮC TỔ-CHỨC

Các Ban Trị-Sự của Hội ở các nơi sẽ do đại-biểu của các tôn-phái nhà Phật trong xứ, các trí-thức và Thiện-nam, Tín-nữ đề-cử thành-lập. Các nhà sư, các cư sĩ, các thiện trí-thức hoạt-động (nam nữ không phân) có đủ tài để chỉ-huy và được lòng tín-nhiệm của đại-chúng là điều-kiện tối cần cho nhân-viên trong Ban Trị-Sự.

Mỗi phái đều cử người đại-biểu trong Ban Trị-Sự

HỆ-THỐNG TỔ-CHỨC

- a. Về toàn quốc, có Ban Trị-Sự Việt-Nam Phật-Giáo Liên-Hiệp Hội chấp-hành toàn quốc, về toàn xứ có Ban Trị-Sự V.N.P.G.L.H.H. chấp-hành toàn xứ, về toàn tỉnh có Ban Trị-Sự V.N.P.G.L.H.H. chấp-hành toàn tỉnh, về toàn thôn có Ban Trị-Sự chấp hành toàn thôn.
- b. Các Ban Trị-Sự mỗi xứ, mỗi tỉnh, mỗi quận, mỗi thôn đều phải tuân theo mạng-lệnh của Trung-Ương, làm việc hằng ngày phải liên-lạc với Thượng và Hạ cấp.
- c. Tất cả Ban Trị-Sự mỗi năm phải cử lại một lần, ngày cử sẽ có Ủy-Ban Trung-Ương thông-cáo trước, khi cử xong Ban Trung-Ương sẽ bố-cáo danh-sách của các nhân-viên đắc cử cho Hội-viên hay.
- d. Khi các Ban Trị-Sự mỗi xứ, mỗi tỉnh, mỗi quận, mỗi thôn cử xong phải đệ-trình danh-sách lên cho Ban Trung-Ương thừa nhận. Ban Trị-Sự gồm có:
 - I. Chánh và Phó Hội-Trưởng
 - II. Chánh và Phó Thư-ký
 - III. Chánh và Phó Thủ Quỹ
 - IV. Hai viên Kiểm-soát
 - V. Hai viên Cố-vấn
 - VI. Hai viên Tuyên-truyền và Liên-lạc
 - VII. Ba viên Dự-khuyết
- e. Các Ban Trị-Sự ngoài việc hằng ngày ra mỗi tháng phải hội-họp một lần tại hội-quán, hoặc nhà, hoặc chùa của Hội-viên đăng hội nhóm để nghe các nhân-viên trong Ban Trị-Sự bày tỏ sự hoạt-động của Hội.

Ngày hội-họp định vào ngày 15 và 30 âm lịch trong mỗi tháng.

f. Khi các Ban Trị-Sự cử xong, phải khẩn-cấp lập thêm 3 Ban:

VIII. Ban Nghiên-cứu đạo Phật.

IX. Ban Huấn-luyện và Truyền-bá đạo Phật.

X. Ban Chẩn-tế, lo tìm phương giúp-đỡ kẻ khổn-cùng.

I. *Ban Nghiên-cứu đạo Phật.*-- Gồm các nhà sư, những nhà thông-thái, để hằng ngày tra cứu kinh-điển, dịch sách, hay viết sách nói về đạo Phật.

II. *Ban Huấn-luyện và Truyền-bá đạo Phật.*-- Gồm các nhà sư, cư-sĩ, trí-thức hoạt-động, đặng Hội phái đi các nơi giảng-giải đạo Phật cho đại-chúng nghe, hoặc giả mở trường dạy đạo Phật.

III. *Ban Chẩn-tế.*-- Gồm các nhà hảo tâm từ-thiện nam-nữ hoạt động, chuyên lo cứu giúp kẻ nghèo-nàn đói-khó, tật-bệnh, hoặc giả thành-lập các nhà dưỡng lão, nuôi trẻ mồ côi, người tàn-tật, nếu có thể được, nên mua trữ thuốc men vải bô, lúa gạo để dành cho cuộc phước-thiện.

KỶ-LUẬT CỦA HỘI

- A. Không được ganh-ghét chế-nhạo lẫn nhau nếu khác Thầy hay khác Tôn-giáo.
- B. Không được khuyến dụ bôn-đạo của ông sư hoặc tôn-phái khác bỏ THẦY hay Tôn-phái người ta theo THẦY hay Tôn-giáo mình.
- C. Không được lợi dụng danh từ-thiện của Hội để quyền góp tiền bạc làm của riêng.
- D. Không được chế-nhạo các Tôn-phái khác.
- E. Phải hòa-nhã với tất cả các tôn-giáo khác và dân-chúng.
- F. Phải thành-thật yêu-thương đoàn-kết và tìm cách chỉ dạy lẫn nhau.
- G. Phải trung-thành với tôn-chỉ của Hội.
- H. Phải tố-cáo các hành-vi bất chánh của các Hội-viên trước Ban Trị-Sự, không được vì tình riêng mà giấu-giếm.
- I. Phải nhận lỗi và tỏ lòng ăn-năn hối-ngộ khi Ban Trị-Sự xét mình có lỗi.
- J. Phải chịu sự chỉ huy của Ban Trị-Sự địa phương mình.

Nếu phạm những điều trên đây:

Lần thứ nhất: Bị phê-bình

Lần thứ nhì: Cảnh-cáo

Lần thứ ba: Trục-xuất lập tức và giao cho pháp-luật trừng-trị.

HẠNG ĐỊNH VỀ NGUYỆT-PHÍ

Vì có kẻ đủ sức người không, nên nguyệt-phí phân làm bốn hạng:

Hạng thứ nhất: 3\$00

Hạng thứ nhì: 2\$00

Hạng thứ ba: 1\$00

Hạng thứ tư: 0\$50

Tất cả Ban Trị-Sự hễ chỗ nào cử xong đều trình lên Chánh-Phủ và nhà cầm quyền địa-phương danh-sách của Ban Trị-Sự và sổ sách cho Nhà-Nước kiểm-soát.

Sàigòn, tháng tư Ất-Dậu (1945)

YÊU NƯỚC

Yêu nước bao đành trơ mắt ngó,
Thương đời chưa vội ẩn non cao.
Quyết đem tâm sự tâu cùng Phật.
Coi lệnh từ-bi dạy lẽ nào.

Phụng-Hiệp, tháng tư Ất Dậu (1945)

Bài này Đức Thầy đọc tại Phụng-Hiệp lúc đi khuyến nông; sau khi diễn thuyết, Đức Thầy hỏi câu này: "Tôi là một nhà tu hành, lẽ thì vào chốn non cao, núi thẳm, tu tâm dưỡng tánh, có nào hôm nay lại xen vào chánh-trị?!"

Không ai nói gì, Đức Thầy có vẻ buồn, cau chơn mày rồi ngâm bài thơ tứ tuyệt trên đây.

(Do theo lời ông Mai-Ngọc-Quế thuật lại).

HỒI CHUÔNG CẢNH TÌNH NHỮNG KẺ TRÔNG TÂY, HĂNG-HỒ VỚI NẠN ĐÓI BẮC-KỲ

Nam-kỳ có một lũ hề,
 Mà râu nhẵn-nhụi chuyên nghề buôn dân.
 Nhờ ơn Mẫu-quốc vinh thân,
 Giờ toan mua tào bán tần nữa sao?
 Dừng-dưng trước nghĩa đồng-bào,
 Đói cơm khát nước trông vào thống tâm.
 Làm ngư, giả điếc, giả câm,
 Tay ôm hủ bạc, mắt đăm đăm chờ.
 Vái rằng: "Mẫu-quốc gặp cơ."
 Trở qua Nam-Việt con thờ muôn năm.
 Dầu con nay ở xa-xăm,
 Chớ lòng thương nhớ đứng năm không yên.
 Trước kia "nước mẹ" xin tiền,
 Của muôn trong túi con liền tuôn ra.
 Ngày nay tuy chẳng lại qua,
 Con cũng lén-lén cúng cha ít nhiều.
 Đồng-bào con chết bao nhiêu,
 Con để mặc kệ quạ điều bươi thây".
 Ai ơi còn ước mơ Tây,
 Mắt kia quá tối lại Thầy chữa cho.
SĨ-CUÔNG (biệt hiệu của Đức Thầy)
Tháng tư năm Ất-Dậu (1945)

CAI TỔNG CHÁNH (CÙ-LAO GIÊNG) xướng:

Giữ đạo từ lâu kín nhem mầu,
 Để lòng tầm đạo biết nơi đâu.
 Ngửa mong báí-ái từ-bi hóa,
 Trông lượng ơn Thầy chỉ đạo sâu.

ĐỨC THẦY đáp họa

Kín nhem lòng nhơn ấy mới mầu,
 Đức là đạo cả chớ nơi đâu?
 Duyên lành sẵn có ơn trên hóa,
 Bồi đắp nền nhơn đức lại sâu.

Long Xuyên, tháng 4 Ất Dậu 1945

(Đức Thầy ứng khẩu đáp họa liền bằng cách đọc cho một người tín-đồ chép vì lúc ấy Ngài đang dùng cơm).

"PHỤ-NỮ CA ĐIỀU"

Ngán thay bốn-đạo đàn bà,
 Lắm lời điêu-xảo gần xa đều tường.
 Làm cho hoen-ố Phật-đường,
 Không rên được đức khiêm-nhường từ-bi.
 Tu còn ái-ố sân-si,
 Tu còn nhiều tánh dị-kỳ trần mê.
 Khó mong cửa Phật dựa kề,
 Càng gần địa-ngục nhiều bề thảm thương.
 Tinh tâm đốt nén tâm hương,
 Nguyên rằng đệ-tử một đường lo tu.
 Ăn-năn kéo uổng công phu...!
Sa-đéc, ngày 28-7-45
(trong lúc Đức Thầy đi Khuyến-nông)

TẶNG THI-SĨ VIỆT-CHÂU

Thi-sĩ Việt-Châu tức là ông Nguyễn-xuân-Thiếp mà hầu hết anh em tín-đồ đều nghe danh. Là văn-sĩ kiêm thi-sĩ, ông Việt-Châu có viết một tập thơ xuất sắc, nhan đề "Lông ngỗng gieo tình" để kể lại đoạn tình-duyên của Trọng-Thủy và Mị-Châu.

Trong khi cùng ngồi xe với Đức Thầy trên đường về Sài Gòn, ông có trao cho Đức Thầy xem tập thơ ấy. Đức Thầy liền ngâm hai câu thơ dưới đây để phê bình gián-tiếp áng văn kiệt-tác của ông Việt-Châu.

"Mị-Châu ơi hỡi Mị-Châu,
 Mê chi thẳng chệt để sâu cho cha!"

Liền đó, Đức Thầy bảo ông Việt-Châu thử làm thi tả cảnh ngồi trên xe trên đường về Sài Gòn. Thấy ông Việt-Châu nặn óc mãi mà không ra thơ, Đức Thầy liền ứng khẩu đọc bài dưới đây:

Xe về chở theo chàng thi-sĩ,
 Bảo làm thi mãi nghĩ không ra.
 Vậy mà giữa chốn phồn hoa,

Vang danh thi-sĩ hiệu là Việt-Châu.
 Quen thói viết thơ sầu thơ cảm.
 Không diu dân hắc ám qua truông.
 Ngâm nga giọng quá u buồn,
 Làm cho độc-giả quay cuồng mê-ly.
 Theo dõi gót từ-bi mấy bữa.
 Phàm tâm kia đã rửa hay chẳng?
 Đương cơn sóng dậy đất bằng,
 Thi-nhân đứng ngó để tăng-sĩ làm.
 Tăng-sĩ quyết chùa, am bể cửa,
 Tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha.
 Đền xong nợ nước thù nhà,
 Thiên môn trở gót Phật-Đà nam-mô.
 Chừng ấy mới tịnh vô nhứt vật,
 Bụi hồng trần rút sạch cửa không.
 Chuông linh ngân tiếng đại-đồng,
 Ta-bà thế-giới sắc không một màu.
 Sài-Gòn đến, trống lâu đã trở.
 Đề-huê nhau cửa mở xuống xe.
 Khuyến nông chấm dứt mùa hè...
Trên đường về Sài-gòn, tháng 6 năm Ất-Dậu (1945)

ĐI KHUYẾN NÔNG VỀ

Lìa Sài-gòn trong vòng hai tháng,
 Khi lộn về tiệm quán tanh-banh.
 Bối chưng pháo lũy phi hành,
 Quặng bom mù quáng tan-tành còn chi.
 Động lòng của kẻ từ-bi,
 Tây-Phương tẩu lại A-Di Phật-Đà.
 Răng: bên thế-giới ta-bà,
 Chúng-sanh tàn-sát cũng là vì tham.
 Di-Đà mở cuộc hội-đàm,
 Cùng chư Bồ-Tát quyết đăm phép lành.
 Tịnh bình rưới khắp chúng-sanh,
 Làm cho giác-ngộ hiền lành như ta.
 Công-đồng hoạch-định san-hà,

Nước ai nấy ở nhà nhà tự-do.
Sài-gòn, tháng 6 năm Ất Dậu (1945)

TỰ THÁN

Gió hiu-hắc bên rừng quạnh-quẽ,
 Nhìn non sông đượm vẻ tang-thương.
 Mỗi tình chủng-loại vẫn-vương,
 Thấy quân xâm-lược hùng cường cắn gan.
 Vừa toan rút gươm vàng ngăn giặc,
 Bỗng họa đầu gieo rắc bất-kỳ.
 Cường quyền một lũ ngu-si,
 Oan nầy hận ấy sử ghi muôn đời.
 Truyền khắp nước muôn lời vu cáo,
 Dùn trăm ngàn thói bạo hiếp dân.
 Làm cho trong nước rẻ phân,
 Làm cho giặc Pháp một lần sướng rang.
 Vậy cũng gọi an bang định quốc,
 Rồi rút lui bỏ mất thành trì.
 Giống nòi nữ giết nhau chi?
 Bạng duật tương trì lợi lũ ngư ông.
 Đoàn hậu tấn có lòng yêu nước,
 Khá nhìn xem gương trước răn mình.
 Riêng ta hai chữ nhục vinh,
 Thoảng cười thế sự nhân tình quá đen.
 *
 Lòng dân chớ khá xem khinh,
 Bạo tàn giết mất nhân tình thì thua.
Miền Đông, cuối năm Ất-Dậu (1945)

**NĂM BÌNH-TUẤT
(1946)**

**NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC NĂM BÌNH-TUẤT
(1946)**

TIẾNG SÚNG BÊN LẦU

Nước non tan vỡ bởi vì đâu ?
Riêng một ta mang nặng khối sầu.
Lòng những hiến thân mưu độc-lập,
Nào hay tai họa áp bên lầu.

Bên lầu tiếng súng nổ vang tai,
Trời đất phụ chi kẻ trí tài.
Mưu quốc hóa ra người phản quốc,
Ngàn thu mỗi hận để nào phai.

Từ ấy lao mình vượt khổn nguy,
Băng rừng lội suối giả man-di.
Ngày mong ải Bắc oan này giải,
Đem sức ra nâng là quốc-kỳ.

Nhưng khổ càng mong càng vắng bật,
Trời Nam tràn ngập lũ Tây-di.
Biết bao đồng chí phơi xương máu,
Thức-giã nhìn nhau hỏi tội gì ?

Vì tội không đành phụ nước non,
Phô bày tiết-tháo tấm lòng son.
Ngăn phường sâu một lửa dân-chúng,
Chẳng nệ thân danh nổi mất còn.

Nếu mất thôi đành xong món nợ,
Nay còn há dễ ngó lơ sao ?
Đọc-ngang chí cả dù lao-khổ,
Thất bại đâu làm dạ núng-nao.

Thất bại đâu làm dạ núng-nao,
Non sông bao phủ khí anh-hào.
Phen này cũng quyết đền ơn nước,

Máu giặc nguyện đem nhuộm chiến-bào.

Miền-Đông, năm 1946.

(Trong khi Đức Thầy ẩn lánh Việt-Minh và người Pháp vừa mới tái chiếm Nam-Việt)

*

ĐỒNG ĐẢNG TƯƠNG TÀN

Người đồng đảng giết người đồng đảng,
Ai Việt-minh, Cộng-Sản là ai ?

Đương cơn quyền lợi đắm say,

Anh hùng chí-sĩ râu mày thế ư ?

Đường muôn dặm lời thơ một khúc,

Giờ giặc đà tá túc nhà ta.

Ai ra nưng đỡ san-hà,

Ai ra cứu vớt nước nhà lâm nguy ?

Phát-xít sẽ tìm truy tàn-sát,

Không đảng nào mà thoát tai-ương.

Nghĩ càng bực-tức đau-thương,

Giết nhau để lợi cho phường xâm-lãng.

Miền-Đông, năm 1946

CHÍ NAM NHI

Nam nhi mang chí cả,

Bao tấm lòng sắt đá.

Thương giống-nòi đẹp bả vinh-huê,

Lướt đạn bom giữ vững một lời thề:

Tàn-sát hết quân thù xâm-lược,

Tranh độc lập tự-do cho nước,

Cho giống nòi rạng-rỡ trước năm châu.

Khí thiêng-liêng sông núi nhiệm-mầu,

Un-đúc giống anh-hùng vang bốn bể.

Gương sáng ấy soi chung hậu thế,

Anh em ôi ! theo dõi gót cùng ta.

Ra tay quét sạch san-hà,

Ra tay bồi-đắp nước ta hùng-cường.

Miền-Đông, ngày 10 tháng giêng Bính-Tuất (1946)

*

RIÊNG TÔI

Rút áo cà-sa khoác chiến-bào,
Hiềm vì nghịch cảnh quá thương-đau.
Bên rừng tạm gởi thân cô quạnh,
Nhìn thấy non sông suối lệ trào.

Nhìn thấy non sông suối lệ trào,
Lòng nguyện giữ vững chí thanh-cao.
Ai người mãi quốc cầu vinh nhĩ,
Hậu thế muôn thu xét thử nào ?

Hậu thế muôn thu xét thử nào ?
Lòng này yêu nước biết là bao ?
Vì ai gieo-rắc điều hồ-mị,
Đành ngó non sông nhuộm máu đào.

Đành ngó non sông nhuộm máu đào,
Thời-cơ độc nhút cứu đồng bào.
Muôn ngàn chiến-sĩ chờ ra trận,
Bỗng vướng gông cùm chốn ngục-lao.
Miền-Đông, năm 1946

*

TIẾNG CHUÔNG CẢNH-TỈNH

Hãy tỉnh giấc hỡi muôn ngàn chiến-sĩ,
Mở lòng ra thương nghĩ sanh-linh.
Đồng-bào ai nữ dứt tình,
Mà đem chém giết để mình an vui.
Dù lúc trước nếm mùi cay đắng,
Kẻ độc-tài đem tặng cho ta.
Sau này tòa-án nước nhà,
Sẽ đem kẻ ấy mà gia tội hình.

Lúc bấy giờ muôn binh xâm-lược,
 Đang đập vày non nước Việt-Nam.
 Thù riêng muôn vạn cho cam,
 Cũng nên gát bỏ để làm nghĩa công.
 Khắp Bắc Nam Lạc-Hồng một giống,
 Tha thứ nhau để sống cùng nhau.
 Quý nhau từng giọt máu đào,
 Để đem máu ấy tưới vào địch quân.
 Đấng anh-hùng vang lừng bốn bể,
 Các sắc dân đều nể đều vì.
 Đồng bào nữ giết nhau chi,
 Bạng duật tương trì lợi lũ ngư-ông.
 Hỡi những kẻ có lòng yêu nước,
 Nghe lời khuyên tinh được giấc mê.
 Anh em lớn nhỏ quày về,
 Hiệp nhau một khối chớ hề phân ly.
 Đà-đào bọn Nam-Kỳ nô-lê,
 Kiếp cúi lòn thế-hệ qua rồi.
 Lời vàng kêu gọi khắp nơi,
 Anh em chiến-sĩ nhớ lời ta khuyên.
*(Viết vào lối tháng 2 tại Miền-Đông năm 1946 để khuyên anh em
 tiến-đổi Hòa-Hảo chấm dứt các cuộc xung-đột với Việt-Minh).*

QUYẾT RÚT CÀ-SA

Thấy dân thấy nước nghĩ mà đau,
 Quyết rút cà-sa khoác chiến-bào.
 Đuổi bọn xâm-lãng, gìn đất nước,
 Ngọn cờ độc-lập phất-phơ cao.
 Ngọn cờ độc-lập phất-phơ cao,
 Nòi giống Lạc-Hồng hiệp sức nhau.
 Tay súng tay gươm xông trận địa,
 Dầu cho giặc mạnh há lòng nao.
 Dầu cho giặc mạnh há lòng nao,
 Nam-Việt ngàn xưa đúc khí hào.
 Lúc giặc xâm-lãng mưu thống-trị,

Anh-hùng đâu sá cảnh gian-lao.

Anh-hùng đâu sá cảnh gian-lao,
 Chiến-trận giao-phong rướ máu đào.
 Miễn đặng bảo tồn non nước cũ,
 Giữ an tánh-mạng cả đồng-bào.
Miền-Đông, năm 1946

TẶNG HỘI-ĐỒNG CỐ-VẤN NAM-KỲ

Tám ông Cố-vấn Hội-đồng,
 Phùng mang trọn mắt ra công bán nòi.
 Hồ hào nghinh-tiếp quân voi,
 Vẽ vày mộ tổ để vùi mẽ-đay.
 Thịnh múa mỏ, Phát khoe tài,
 Nam-Kỳ hiến-pháp sắp bày mị dân.
 Nào là chấn-chỉnh (củng-cố) hương-lân,
 Để cho lũ chó làm sên sấn mỗi.
 Vụng-về thay, bọn Tây-bồi !
 Sắm tuồng vẽ mặt mà giỡn phẩn đen.
 Ngàn muôn cử chỉ đê-hèn,
 Cúi-lòn, bưng bợ tập rèn công phu.
 Lòng mong dân nước đại ngu,
 Để đám nghị mù tự-tiện làm quan.
 Nào ngờ trong lúc dở-dang,
 Nghị Phát vắng số tuổi vàng vội đi.
 Nghị Thịnh lụy nhỏ lâm-ly,
 Than rằng bạn nữ bỏ đi giữa chừng !
 Họp bàn tính kế trùng hưng,
 Vợ bạn đã nửa chừng xuân nhưng còn.
 Ra tay diu-dắt bốn con,
 Tuổi vàng bạn hỡi lòng còn ghen không ?
 Muôn dân như chữa vừa lòng,
 Ước sao cả lũ vào tròng Diêm-La.
 Từ nay trong nước Nam ta,
 Thề rằng chẳng chịu đẻ ra giống này.
Miền-Đông, năm 1946

*

NGHỊ THINH VỚI CAO ỦY D'ARGENLIEU

NGHỊ THINH: Dạ dạ... Dám bẩm quan Cao-Ủy,
Thậm chí nguy, thậm cấp chí nguy !
Rối beng trật-tự Nam-Kỳ,
Bạn tôi Nghị Phát mạng phi mất rồi.
Còn bày ông ngồi trơ mỏ chó,
Lòng những lo sóng gió bất kỳ.
Nếu không phương pháp phòng nguy,
Ức tình tôi sẽ điện đi hoàn-cầu.
Cho thế-giới góp thâu tài-liệu.
Rằng Việt dân chẳng chịu phục tòng.
Thế này cai-trị sao xong,
Trả nước lại nó mới hòng ngủ yên.
D'ARGENLIEU: Quan Cao-Ủy mặt liền sầm lại,
Lũ dân gì kỳ quái lạ thường.
Máy bay tàu chiến biểu-dương,
Rõ-ràng Đại-pháp hùng-cường thế nì,
Mà chúng vẫn khinh-khi sự chết,
Chẳng lẽ ta giết hết trẻ già,
Bằng không, muốn dứt can qua,
Giao cho việc nước việc nhà nó toan.
Mình làm khách bàn quan khi khỏe,
Nước Việt-Nam son trẻ ra đời,
Cộng-hòa đem lại khắp nơi,
Muôn dân an lạc thành-thời phú-cường.
NGHỊ THINH: Nghị Thinh nghe bèn òa tiếng khóc:
Thế còn công khó nhọc tôi đâu ?
D'ARGENLIEU: Mua cho ông một vé tàu,
Ba-ri đến đó ngõ hầu dung thân.
Miền-Đông, năm 1946.

*

TÌNH YÊU

Ta có tình yêu rất đượm nồng,
Yêu đời yêu lẫn cả non sông.
Tình yêu chan-chứa trên hoàn-vũ,
Không thể yêu riêng khách má hồng.

O*O

Nếu khách má hồng muốn được yêu,
Thì trong tâm chí hãy xoay chiều.
Hưởng về phụng-sự cho nhơn-loại,
Sẽ gặp tình ta trong khối yêu.

O*O

Ta đã đa mang một khối tình,
Dường như thệ-hải với sơn-minh.
Tình yêu mà chẳng riêng ai cả,
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng-sinh.

Miền-Đông, năm 1946

*(Một thiếu-nữ ở Saigon thăm yêu Đức Thầy trong khi Ngài còn ẩn
lánh V.M và Pháp; thấy vậy, Đức Thầy bèn viết ba bài thi trên đây
để cảnh tỉnh cô ấy).*

*

LẤY CHỒNG CHỆT

*Lúc Đức Thầy đang ẩn lánh 1946, Ngài có gặp một cô gái Việt
lấy chồng Ngô. Tức cảnh, Ngài có làm bài thi sau đây (dùng biệt-
hiệu Hoài-Việt):*

Cô ơi, nước Việt-Nam thiếu gì trai trẻ,
Mà vội đi lấy lẽ « ba Tàu » ? !
Của tiền quý báu là bao,
Đem tuổi mười tám so vào bốn mươi ?
Rồi nuôi tánh biếng lười mê ngủ,
Để ngày kia ủ-rủ đau thương.
Khi ba Tàu xách gói hồi hương,
Vàng bạc tóm, bỏ cô thơ-thần.
Cô nhìn theo muôn vàn tiếc hận,
Cô vì chàng mà bấn tiết-trình.
Cô tủi thân, cô lại bất bình,
Nhưng muộn quá, tuổi xuân không trở lại.
Trông tương-lai cô đây sợ hãi,
Hoa úa tàn người lại rẽ khinh.
Cô tiếc rằng phải tuổi còn xinh (xanh),
Cô sẽ chọn người chồng Nam-Việt.
Ở trong hàng thanh-niên, thanh-niết,
Tuy nghèo hèn mà biết thi chung.

Yêu-đương nhau đến phút cuối cùng,
Vợ chồng ấy mới chân hạnh-phúc.
Ta là khách phương xa tá-túc,
Thấy sự đời về khúc vãn-chương.
Thấy đời cô chìm-đắm trong gió sương.
Than ít tiếng gọi hồn chung-loại.

Việt-Nam ! người Việt-Nam mau trở lại !
Yêu giống nòi có phải hơn không ?
Dầu sao cũng giống Lạc-Hồng !

Miền-Đông, năm 1946

*

TUYÊN - NGÔN của ĐẢNG VIỆT-NAM DÂN-CHỦ XÃ-HỘI

(Do Đức Huỳnh Giáo-Chủ công-bố ngày 21-9-46 [*]
Theo bốn của B.C.H. Liên-Tỉnh Dân-Xã M.T.N.V.)
1947 - 1949

Đảng VIỆT-NAM DÂN-CHỦ XÃ-HỘI (gọi tắt là Việt-Nam Dân-Xã-Đảng) thành lập ngày 21 tháng 9 năm 1946, do sự thỏa-thuận và đoàn-kết giữa nhiều đoàn-thể ái-quốc (kháng-chiến, cần-lao, tôn-giáo và chánh-trị).

Việt-Nam Dân-Xã Đảng là một đảng quốc-gia tranh-thủ sự tự-chủ hoàn-toàn của dân-tộc, củng-cố nền độc-lập quốc-gia và cấu-tạo xã-hội Việt-Nam mới.

Sở dĩ Đảng đặt vấn-đề độc-lập quốc-gia trước các vấn-đề khác là vì:

1.- Trên lập-trường quốc-tế, nước Việt-Nam có được độc-lập, dân-tộc Việt-Nam mới được sống bình-đẳng với dân-tộc khác; dân-tộc bình-đẳng nhau mới chủ-trương được dân-tộc hiệp-lực, mới kiến-thiết được hòa-bình xác-thực cho thế-giới.

2.- Dân-tộc Việt-Nam được tự-chủ và mạnh mới tránh khỏi sự chi-phối của đế-quốc chủ-nghĩa để thi-hành một cách có hiệu-quả những biện-pháp chánh-trị và kinh-tế, đem lại hạnh-phúc cho các tầng lớp dân-chúng.

O*O

Việt-Nam Dân-Xã Đảng là một đảng dân-chủ, chủ-trương thiết-thi triệt-để nguyên-tắc chánh-trị của chủ-nghĩa dân-chủ: « chủ-quyền ở nơi toàn-thể nhân-dân ».

Đã chủ-trương « Toàn dân chánh-trị » thế tất đảng chống độc-tài bất cứ hình-thức nào.

O*O

Việt-Nam Dân-Xã Đảng là một đảng cách-mạng xã-hội, chủ-trương tổ-chức nền kinh-tế theo nguyên-tắc chủ-nghĩa xã-hội: không để giai-cấp mạnh cướp công-quả của giai-cấp yếu, làm cho mọi người đều được hưởng phúc-lợi cân-xúng với tài-năng và việc làm của mình; những người tàn-tật yếu-đuối thì được nuôi dưỡng đầy-đủ.

O*O

Đặc điểm của Việt-Nam Dân-Xã Đảng là, trong giai-đoạn hiện tại, không chủ-trương giai-cấp đấu-tranh giữa dân-tộc Việt-Nam vì lẽ ở xã-hội Việt-Nam hiện thời, trên 80 năm bị-trị, chỉ có một giai-cấp bị « tư-bản thực-dân » bóc-lột.

Muốn tránh khỏi giai-cấp tranh-đấu về sau, thì sự cấu-tạo « xã-hội Việt-Nam mới » phải căn-cứ nơi những yếu-tố không cho sanh-trưởng giai-cấp bóc-lột và chỉ trợ-trưởng một giai-cấp một, tức là giai-cấp sanh-sản.

O

CHƯƠNG – TRÌNH của ĐẢNG VIỆT-NAM DÂN-CHỦ XÃ-HỘI

(Do Đức Huỳnh Giáo-Chủ công-bố ngày 21-9-46 [*]
Theo tài liệu của B.C.H. Liên-Tỉnh Dân-Xã M.T.N.V.)
1947 - 1949

I- CHÁNH-TRỊ

a) Đối ngoại:

- 1.- Căn cứ vào chánh-sách (1) của Liên-Hiệp-Quốc (O.N.U.) và sự bảo-vệ chung nền hòa-bình, cộng-tác với các dân-tộc khác trên lập-trường tự-do và bình-đẳng.
- 2.- Tranh-đấu giải-phóng dân-tộc, đem lại độc-lập cho nước nhà.
- 3.- Thừa-nhận quyền dân-tộc tự-quyết của các dân-tộc nhược-tiểu. Đoàn kết với các dân-tộc ấy để chống đế-quốc xâm-lãng.

b) Đối Nội:

- 4.- Nước Việt-Nam có một. Ba bộ Trung-Nam-Bắc gồm một.
- 5.- Củng-cố chánh-thể Dân-Chủ Cộng-Hòa bằng cách đảm-bảo tự-do dân-chủ cho toàn dân.
- 6.- Ủng-hộ Chánh-Phủ Trung-Ương về mặt tranh-thủ thống-nhút và độc-lập.
- 7.- Liên-hiệp với các đảng-phái để chống họa thực-dân.
- 8.- Chủ-trương «toàn-dân chánh-trị».
- 9.- Chống độc-tài bất cứ hình thức nào.

II. - KINH - TẾ

a) Nguyên-tắc chung:

- Trọng quyền tư-hữu tài-sản đến một độ không có hại đến đời sống công-cộng.
- Dự-bị: Một phần xí-nghiệp quốc-gia (Secteur de l'État), Một phần xí-nghiệp quốc-hữu-hóa (Secteur nationalisé). Một phần tự-do cho tư-nhân và ngoại-kiều (Secteur libre pour Vietnamiens et Etrangers).
- Thi-hành những biện-pháp không cho bóc-lột công-nhân.

b) Nông-nghiệp:

- 1.- Di dân để mở đất hoang.
- 2.- Lập đồn-điền quốc-gia, lập-làng kiểu-mẫu theo chủ-nghĩa xã-hội đồn-điền.
- 3.- Mua lại đồn-điền bị tập-trung quá độ để bán lại cho nông-dân hoặc để cho quốc-gia.
- 4.- Lập bình-dân ngân-quỹ và lập hợp-tác-xã sản-xuất để giúp nông-dân mua dụng-cụ và máy-móc (cày, gặt, vận-tải...), hợp-tác-xã để tránh nạn trung-gian.
- 5.- Phổ-thông khoa-học để gia-tăng sản-xuất nông-nghiệp, chăn-nuôi, thủy-lợi, lâm-sản....

c) Công-nghệ:

- 1.- Mở-mang khí-cụ cần-thiết cho sự khuếch-trương nền kinh-tế quốc-gia.
- 2.- Lần-lượt phát-triển kỹ-nghệ cần-yếu, bắt đầu từ kỹ-nghệ nhẹ.

d) Thương-mãi:

Lập hợp-tác-xã tiêu-thụ bán vật-dụng cần-thiết từng thành-thị, từng làng.

e) Tài-chánh:

Lập Ngân-hàng quốc-gia.

III.- XÃ-HỘI

- 1.- Bài-trừ thuốc phiện, rượu mạnh, cờ-bạc, mại-dâm, tham-ô.
- 2.- Thi-hành triệt-để luật xã-hội.
- 3.- Cải-thiện và nâng cao đời sống tinh-thần và vật-chất của dân cày và thầy thợ bằng cách mở thật nhiều cơ-quan y-tế, giáo-dục, cứu-tế, nhà bảo-sanh, ấu-tri viện, nhà dưỡng-lão, nhà-thương, trường-học, nhà hát-bóng... làm cho dân cày cũng hưởng được những ích-lợi của khoa-học như thầy thợ ở đô-thị.

IV.- VĂN - HÓA

- 1.- Bài-trừ văn-hóa nô-lệ.
- 2.- Sơ-học, tiểu-học cưỡng-bách và vô-phí.
- 3.- Giáo-dục chuyên môn, tổ-chức du-học, cấp học-bổng.
- 4.- Lập cơ-quan điều-hướng nghề-nghiệp.

V.- THANH - NIÊN

- 1.- Tổ-chức thanh-niên thành đoàn-thể và huấn-luyện cho thành người thích-ứng với thời-đại mới.
- 2.- Mở quán, trạm, nhà hội, sân vận-động cho thanh-niên.

VI.- BINH - BỊ

- 1.- Thành-lập một đội binh phòng-vệ.
- 2.- Mở lớp dự bị quân-sự phòng-vệ từng làng trong một thời hạn ngắn.
- 3.- Mở trường đào-tạo sĩ-quan, gởi võ-quan cao cấp đi tập-sự ở ngoại-quốc.
- 4.- Mở lớp huấn-luyện đặc-biệt cho sĩ-quan và quân-sĩ của các đạo quân muốn gia-nhập đạo binh thường-trực quốc-gia.

(1) Có bản chép là: căn cứ vào hiến-chương của Liên-Hiệp-Quốc (charte des Nations unies).

[Hiệu chính: [*] Có ấn bản ghi: "Đức Huỳnh Thủ Lãnh".]

*

TẾ CHIẾN-SĨ TRẬN VONG Ở VƯỜN THƠM

Trên linh-tọa hương trầm nghi-ngút,
Tắc lòng thành cầu chúc vong linh.
Sa-trường hỡi các sĩ-binh,
Vườn Thơm tuyệt mạng hiến mình non sông.
Thiệt chẳng hổ giống-dòng Nam-Việt,
Từng nêu cao khí-tiết Lạc-Hồng.
Đã mang lấy nợ non sông,
Quyết lòng báo quốc tồn vong sá gì.
Gương yêu nước đáng ghi đáng nhớ,
Chí hy-sinh nhắc-nhở mai sau.
Sống không hổ kiếp anh-hào,
Không ham tiền bạc sang giàu cá-nhân.
Thân chiến-sĩ vì dân vì nước,
Vì tự do hạnh-phước đồng-bào.
Bao nài nguy hiểm gian lao,
Một năm kháng-chiến ra vào chông-gai.
Bôm, đạn thét không phai tâm ý,
Súng gươm rền nung chí hùng anh.
Quyết đem xương máu hy-sanh,
Hy-sanh cứu nước rạng danh muôn đời.
Thù giặc Pháp làm người phải trả,
Trừ tham quân bởi quá ngang-tàng.
Nước mất đâu dễ ngồi an,
Mượn gươm Lê, Lý dẹp tan quân thù.
Ngày hôm ấy tàn thu sương đượm,
Quân Pháp đem lực-lượng tấn-công.
Máy bay, tàu thủy, súng đồng,
Lục quân cơ-khí quyết lòng hại dân.
Chúng gặp phải liên-quân anh-dũng,
Hạ phi-cơ, tuốt súng, lấy bôm.
Quanh tàu vây chặt mấy vòng,
Cả kinh giặc Pháp phục tòng rút lui.
Phận rủi-ro riêng xui mạng bạc,

Khiến anh-hùng cõi hạc xa bay.
Nước non đang thiếu anh-tài,
Tử thần vội cướp đưa ngay châu Trời.
Hồn tử-sĩ nghe lời than tiếc,
Trừ tham quân tận diệt xâm-lãng.
Nam binh sát-khí đặng đặng,
Thề-nguyên thành lũy đập bằng mới thôi.
Kẻ chết đã yên rồi một kiếp,
Người sống còn tái tiếp noi gương.
Lòng thành thắp một tuần hương,
Vái hồn liệt-sĩ bốn phương tụ về.
Nơi làng vắng cam bễ đơn giản,
Lễ mọn này trước án bày ra.
Hiển-linh xin chứng gọi là....
Quéo-Ba, ngày 1-10-46 (Bính-Tuất)

*

CỤ PHẠM-THIỀU MỜI ĐỨC THẦY Tham-Chánh

Mưa gió thâm canh mãi dập-dồn,
Âm-u tràn ngập cả càn-khôn.
Hỡi ai thức ngủ trong đêm ấy,
Có thấu tai chẳng tiếng quốc-hồn ?

Sao còn khoắc-khoải nhớ hiềm xưa ?
Trang sử chùi đi những vết nơ.
Gìn-giữ tim son không chút bợn,
Mặc tòa dư-luận thấu hay chưa.

Sao còn lãnh đạm với đồng bang,
Toan trút cho ai gánh trị-an ?
Thảm kịch « tương tàn » chưa hết diễn,
Long-Xuyên Châu-Đốc lụy muôn hàng.

Sao còn ngần-ngại chẳng ra tay,
Trước cảnh xâm-lãng cảnh đọa-đày ?
Ngọn lửa binh đao lan khắp đất,
Phật Trời soi thấu cũng châu mày.

Chẳng áo cà-sa, chẳng chiến-bào,
Về đây tham-chánh mới là cao.
Non sông chờ đợi người minh-triết,
Chớ để danh thơm chỉ Võ-Hầu.
TRƯỜNG-PHONG
(*biệt hiệu của cụ Phạm-Thiều*)

ĐỨC THẦY họa:

Những nỗi đau thương mãi dập-dồn,
Càng nhiều luân-lạc lại càng khôn.
Lặng nhìn thế sự nào ai ngủ !
Chờ dịp vung tay dậy quốc-hồn.

Từ-bi đầu vướng mối hiềm xưa,
Nhưng vẫn lọc-lửa bạn sạch như.
Nếu quả tri-âm tri-ngộ có,
Thì là hiệp lực hiểu hay chưa ?

Nhìn sang Trung-quốc khách lân bang,
Cứ cố xỏ ngăm sao trị an ?
Nếu thiệt hai bên đồng hiệp trí.
Kẻ gây thảm kịch phải qui hàng,

Lắm kẻ chực hờ đặng phỗng tay,
Mà sao chánh-sách bắt dân đây.
Vẫn còn áp-dụng vì phe đảng ?
Chẳng muốn xông ra sợ cháy mày !

Thà ở trong quân mặc chiến-bào,
Ngày qua sẽ biết thấp hay cao.
Nào ai đem sánh mình minh-triết,
Mà dám lăm-le mộng Võ-Hầu ?
HOÀNG-ANH (*biệt hiệu của ĐỨC THẦY*)
Miền-Đông, ngày 1 tháng 10-1946

O*O

ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ TUYÊN - BỐ - LỜI TÒA-SOẠN Báo QUẦN-CHÚNG (ngày 14-11-46) –

Ông Huỳnh-Phú-S... tức là Giáo-Chủ Phật-Giáo Hòa-Hảo, Người đã có một lịch-sử chánh-trị cận-đại ở Nam-Bộ, người ta đã nói về Ông rất nhiều. Kể sau này các báo đều đăng tin rằng Ông có dự vào U.B.H.C.N.B..

Nhớ lại đoạn đường đã qua, nhiều người phân-vân. Để trả lời chung, hôm nay Ông Huỳnh-Phú-S... nhờ chúng tôi đăng bài tuyên-bố để trả lời: « Vì sao tôi tham-chánh ». Chúng tôi sẵn-sàng đưa ra trước dư-luận:

Tháng tám năm 1945, Phát-xít Nhật đầu hàng không điều-kiện. Tin ấy bay ra làm cho tất cả dân-chúng Việt-Nam từ nhà lãnh đạo cách-mạng cho đến đại-chúng cần-lao, mọi người đều nhận thấy một ánh sáng của quê hương chói dậy. Giờ thiêng-liêng của lịch-sử đã đến; sự hoạt-động bí-mật nhường chỗ cho sự hoạt-động công-khai.

Tôi, một đệ tử trung-thành của đạo Phật, một chiến-sĩ tri chí của phong-trào giải-phóng dân-tộc Việt-Nam sẵn-sàng cùng đoàn-thể mình cương-quyết đứng dậy đáp lại tiếng gọi của non sông, cương-quyết tranh-đấu để bảo-vệ quyền-lợi chung cho nòi giống. Tiếc vì một hoàn-cảnh đặc-biệt đau thương buộc tôi phải dung mình trong non cao rừng thẳm. Sự độc-đoán, sự ngờ-vực đã đưa đến chỗ chia-ly, mà kẻ thức-thời nhìn qua sự thật không khỏi ngậm-ngùi than-trách. Một năm trời biển-cổ, dấu tang thương gieo khắp trời Nam, song cảnh cam-go ấy tôi muốn tìm phương cứu chữa, nhưng khốn thay, bị đứt mối liên-lạc với Trung-Ương và các đồng-chí, nên đành nuốt hận và nhìn bọn xâm-lãng tung-hoành trong đất nước. Lúc ấy tất cả quần-chúng của tôi, Ban chỉ-huy cao-cấp không còn. Ban chỉ-huy địa-phương tan rã, họ bơ-vơ như bầy chim lạc đàn không nơi nương dựa, mà còn phải trải qua những giờ phút hãi-hùng, rồi nén lòng chờ đợi cứu tinh, rồi tuyệt vọng. Khi quân giặc đến, không ai chỉ đạo cho họ tranh-đấu, nỗi lòng hoang-mang xui cho những phần-tử quá trung-thành mà nông-nổi không dẫn được khí phẫn-uất nên họ đi tới chỗ xung-đột vô ý-thức.

Tháng 2 năm 1946, tôi vừa bắt được liên-lạc và hiểu rõ tình-trạng đau đớn trên thì liền dùng đủ biện-pháp làm cho cuộc xô-xát âm-thầm chấm-dứt. Hơn nữa, trên các mặt trận, cũng cố-gắng tìm cách ủng-hộ chiến-sĩ về hai phương-diện vật-chất lẫn tinh-thần, đồng thời xếp đặt các chiến-sĩ mình vào một tổ-chức quân-sự, chen vai thích cánh với đồng-bào trong cuộc kháng-chiến.

Hôm nay, nhận rõ cuộc tranh-đấu cho tổ-quốc còn dài và cần nhiều nỗ lực, hưởng-ứng với tiếng gọi đại đoàn-kết của Chánh-phủ Trung-Uơng, tôi quyết-định tham-gia hành-chánh với những mục-đích này:

- 1.- Để tỏ cho quốc-dân và chánh-phủ thấy rằng chúng tôi chủ-tương thống-nhứt lãnh-thổ và độc-lập quốc-gia.
- 2.- Để biểu-dương tinh-thần đoàn-kết của dân-tộc hầu mau đem thắng-lợi cuối cùng.
- 3.- Để tỏ cho các đảng phái thấy rằng chúng tôi không khi nào có những tham-vọng cao sang vương-bá hay vì hềm riêng mà hờ-hững với phận-sự cứu-quốc.

Biểu-lộ tấm lòng thành-thật ấy, tôi chỉ nhận một nhiệm-vụ cần-thiết, hạp với hoàn-cảnh và năng-lực mình, cố-gắng giàn-xếp về hành-chánh và quân-sự để củng-cố và tăng-cường lực-lượng của quốc-gia.

Đối với toàn thể tín-đồ Phật-Giáo, tôi vẫn không quên rằng tôi là một đệ-tử trung-thành của Đức Phật Thích-Ca, tôi tin chắc rằng giáo-lý giải-thoát chúng-sanh chẳng những được truyền-bà ở Thiên-lâm mà còn phải thực-hiện trên trường chánh-trị.

Đối với các đồng-chí hiện đang cùng tôi đeo đuổi một chương trình Dân-Chủ Xã-Hội, tôi tuyên-bố luôn luôn sát cánh với họ để chung lo gầy-dựng một nước Việt-Nam công-bình và nhơn-đạo, một nước Việt-Nam tương-xúng với các nước Dân-Chủ tiên-tiến trên hoàn-cầu.

*

ÔNG HỒN-QUYÊN (Ở SÀI-GÒN) VÀO CHIẾN-KHU PHÒNG-VẤN ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ

Vấn.- Ông có thể cho chúng tôi biết về tổ-chức quân-sự và hành-chánh trong đoàn-thể của ông chẳng?

Đáp.- Tôi không thể nói cho ông rõ tất cả những chi-tiết của sự tổ-chức ấy. Nhưng về đại-cương tôi có thể nói rằng cách chừng 6 tháng nay, những chiến-sĩ trong hàng ngũ của tôi, khi họ nghe tôi còn sống, họ bắt đầu tập họp lại thành những bộ-đội kháng-chiến ở khắp các tỉnh miền Tây. Tuy không trực-tiếp liên-lạc với Chánh-Phủ Trung-Uơng nhưng họ cũng lấy tên là Vệ-Quốc Đoàn để tỏ rằng lúc nào họ cũng theo sự hướng-đạo của Chánh-Phủ mà tranh-đấu. Từ nay về sau các bộ-đội ấy liên-lạc trực-tiếp với các khu-trưởng trong vùng của họ để nối hệ-thống thành đạo quân chánh-qui của nước Việt-Nam.

Về hành-chánh chúng tôi không có tổ-chức nào riêng biệt. Chỉ có những tổ-chức để ủng-hộ cuộc kháng-chiến trong các làng-mạc. Hiện thời chúng tôi đã ra chỉ-dụ cho các tổ-chức ấy phải xem xét chương-trình tổ-chức chung của Chánh-Phủ để sáp nhập vào các cơ-quan chánh-thức của Chánh-Phủ.

Vấn.- Chúng tôi nghe nói hình như ở Hậu-Giang còn vài cuộc rắc-rối do tín-đồ ông gây ra. Có phải vậy không?

Đáp.- Từ trước tới nay, tôi đã nghe rất nhiều lời phê bình của một số đồng-bào về những hành-động vô ý-thức của một nhóm tín-đồ tôi. Hôm nay nhơn-dịp gặp ông, tôi xin thanh-minh và đính-chánh về những lời đồn-đãi đó. Tôi quả quyết với ông rằng: Tất cả tín-đồ có học-thức và những người hiểu biết được rõ-ràng một vài phần trong giáo-lý chơn-chánh của đạo Phật thì trong thời đã qua họ đã thiệt hành được lời dạy bảo của Đức Phật là lấy lòng nhơn hậu mà đối-đãi với sự thù-oán mặc dầu trong đó họ bị đau khổ nhiều.

Còn riêng về những cuộc xô-xát vừa qua là do sự phẫn-uất của một nhóm võ-sĩ mà tôi đã kết nạp vào hàng ngũ Bảo-An Đội, bởi vì cửa Phật luôn luôn mở rộng cho bất cứ một chúng-sanh nào muốn trở về với Đạo mà tôi thấy họ rất cần-thiết cho phong-trào tranh đấu để giải-phóng dân-tộc.

Hiện nay, nếu quả thật như lời ông, còn một vài cuộc rắc-rối là do những bọn bất lương, mà trong tất cả thời loạn nào cũng có, mượn danh nghĩa của ông Trần-Văn-Soái tự là Năm-Lửa để bóc-lột lương-dân. Nhưng chính ông Năm-Lửa đang nỗ-lực tiêu-trừ bọn ấy và cũng đang phải đối-phó với những bọn phản-động trong hàng ngũ binh-đội Pháp, sau ngày 30-10, ở một vài nơi còn tiếp-tục

khủng bố chúng tôi và dân-chúng, như 16 người trong hàng ngũ chúng tôi bị bắn và đánh chết trong lúc ban đêm tại Lấp-Vò chẳng hạn. Còn toàn thể đều tuân theo lệnh ngưng-chiến theo tinh-thần của Thỏa-Hiệp-Án 14-9.

Vấn.- Vậy sau khi ông tham-chánh tình-hình tín-đồ của ông ở Hậu-giang thế nào?

Đáp.- Một năm qua, tôi mất hẳn liên-lạc trong sáu tháng đầu. Từ tháng hai, khi tôi có vài liên-lạc gián tiếp thì những xung-đột dữ-dội ngừng dứt rõ-rệt. Tuy vậy, không tránh khỏi vài sự xung-đột nhỏ giữa hai bên. Nó có tính-cách cá-nhơn hơn là tính-cách toàn-thể như trước, vì tôi và những người cấp trên Việt-Minh không gặp-gỡ nhau nên những huấn-lệnh nghiêm-trị của một bên không được hiệu-lực toàn-vẹn. Theo những báo-cáo mấy hôm nay thì sau khi tôi tham-chánh, quần-chúng của tôi bắt đầu có một sự tín-nhiệm ở nơi sự hiệp-tác giữa đôi bên và sự tham-chánh của tôi cáo-chung những tuyên-truyền láo-khoét, phao-vu từ trước tới giờ. Những sự tuyên-truyền đó đã làm cho toàn-thể bị tủi nhục.

Vấn.- Trong việc tham-chánh, ông có đại-biểu-cho một chánh đảng nào không?

Đáp.- Về dĩ-vãng, sự hoạt-động của tôi xuất phát trong địa-phận Phật-Giáo và kết nạp được hơn triệu tín-đồ. Thế theo tinh-thần đại đoàn-kết của toàn dân, tôi thay mặt cho đám quần chúng đó mà tham-gia hành-chánh về mặt tinh-thần. Nhưng trong sự hoạt-động để kiến-thiết quốc-gia về mặt chánh-trị thì tôi sẽ là đại-biểu cho chánh đảng nào có một chương-trình dân-chủ xã-hội.

Vấn.- Như vậy xin ông cho biết lý-tưởng chánh-trị của ông có liên-quan với giáo-lý nhà Phật không?

Đáp.- Theo sự nhận-xét của tôi về giáo-lý nhà Phật do nơi Đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật đã khai-sáng lấy Chủ-nghĩa từ-bi bác-ái đại-đồng đối với tất cả chúng-sanh làm nòng cốt thì tôi nhận Ngài là một nhà cách-mạng triệt-để về tư-tưởng; vì những câu « Nhứt thiết chúng-sanh giai hữu Phật-tánh » và « Phật cũng đồng nhứt thể bình-đẳng với chúng-sanh » đã có những sự bình-đẳng về thể-tánh như thế mà chúng-sanh còn không bằng được Đức Phật là do nơi trình-độ giác-ngộ của họ không đồng-đều, chớ không phải họ không tiến-hóa ngang hàng với chư Phật được. Nếu trong cõi nhơn-gian này còn có chúng-sanh tiền-tiến áp-bức những chúng-

sanh lạc-hậu thì là một việc trái hẳn với những giáo-lý chơn-chánh ấy. Giáo-lý đó, Đức Thích-Ca Mâu-Ni không áp-dụng được một cách thiết-thực trong đời của Ngài là do nơi hoàn cảnh xã-hội của Ấn-Độ xưa không thuận-tiện. Thế nên Ngài chỉ phát-dương cái tinh-thần đó mà thôi. Ngày nay, trình-độ tiến-hóa của nhơn-loại đã tới một mực khả-quan, đồng thời với tiến-bộ về khoa-học thì ta có thể thực-hành giáo-lý ấy để thiết-hiện một xã-hội công-bằng và nhơn-đạo. Thế nên với cái tâm hồn bác-ái, từ-bi mà tôi đã hấp-thụ, tôi sẽ điều-hòa với phương-pháp tổ-chức xã-hội mới, để phụng-sự một cách thiết-thực đồng-bào và nhơn-loại.

Vấn.- Trước khi từ giã, xin ông cho biết đời sống ở bưng-biên có ảnh-hưởng chi tới sự hành Đạo của ông chẳng?

Đáp.- Với sự hành Đạo của tôi cảnh sống nào tôi cũng có thể sống được. Cái hành Đạo đúng theo ý-tưởng xác-thực của nó là làm thế nào phát-hiện được những đức tánh cao cả và thực-hành trên thiết-tế bằng mọi biện-pháp để đem lại cái phước-lợi cho toàn thể chúng-sanh thì đó là sự thỏa-mãn trong đời hành Đạo của mình, chớ những sự tùy-tiện về vật-chất đối với tôi, không có nghĩa lý gì hết.

(Trích lục báo « NAM-KỲ » ngày 29-11-1946)

NĂM ĐÌNH-HỢI (1947)

ANH PHIỆT XƯƠNG: (1)

Non nước ngựa nghiêng vẫn ngựa ý ?
Ai ôi tỉnh dậy, dậy rồi đi.
Đi lo sự nghiệp trai thời loạn,
Khỏi thẹn người xưa lúc gặp thì.

ĐỨC THẦY họa:

Lặng-lẽ tính toán đầu ngựa ý !
Chỉnh-tu binh mã để rồi đi.
Khi đi muông sói đều tan-vỡ,
Rõ mặt hùng-anh tạo thế thì...

Miền-Đông, mùa xuân năm 1947

(1) Bài này của anh mười Phiệt, thuộc nhóm Bình-Xuyên (làm đã từ lâu) đọc có ý kích-thích Đức Thầy trong khi Ngài đang nằm nghỉ trưa. Đức Thầy liền ứng khẩu đáp họa liền làm cho anh em Bình-Xuyên vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt.

*

TẶNG CHIẾN-SĨ BÌNH-XUYÊN

Trước khét tiếng trong làng dao búa,
Lúc quân thù thống-trị nước non Nam.
Khách giang hồ tụ ngũ tùng tam,
Quyết khuấy nước chọc trời cho thỏa chí.
Dân-chúng trách đăm người không biết nghĩ,
Cứ quanh năm suốt tháng phá hương-thôn.
Vì an ninh giặc Pháp cử binh rồn,
Khi sa lưới phải lao tù nơi hải đảo.
Rồi vượt biển bao nài cơn gió bão,
Về quê nhà tánh cũ cứ nghinh-ngang.
Lúc hoàn-cầu tiếng súng nổ vang,
Bừng tỉnh giấc bàng-hoàng suy nghĩ lại.

NHỮNG BÀI SÁNG-TÁC NĂM ĐÌNH-HỢI (1947)

Từ thuở bé bao phen tang hải,
 Khí kiêu-hùng đem lại những chi đầu ?
 Nhìn non sông đượm vẻ âu sầu,
 Lòng yêu nước bắt đầu tim sóng dậy.
 Cờ độc-lập Bắc, Nam, Trung phe phẩy,
 Trước gió chiều hãnh-diện với lân bang.
 Bỗng phương Âu vô số bọn tham tàn,
 Tàu, bôm, súng đem sang non nước Việt.
 Ách nô-lệ dân ta đã chán biết,
 Nên quyết lòng nổi dậy chống xâm-lăng.
 Chỉ quân Tây thề một tiếng rằng:
 Thà cam chết, không làm dân bị trị.
 Bọn cách-mạng giả danh đang rối trí,
 Khu Bình-Xuyên tiếng súng nổ vang tai.
 Đoàn dũng binh tiếng đếm một hai....
 Nhắm hướng có quân thù xông lướt đến.
 Đạp thành lũy cứu giống nòi yếu mền,
 Làm rơi đầu, đổ máu biết bao ngàn.
 Tiếng anh-hùng nổi dậy khắp giang-san,
 Thay những tiếng bạo-tàn cơn thất chí.
 Xông trận địa nêu gương trang dũng-sĩ,
 Tự hào rằng Nam-Việt kém chi ai.
 Ngàn muôn năm ghi nhớ khách anh-tài,
 Trong sách sử tiếng Bình-Xuyên luôn chói rạng.

Miền-Đông, ngày 10-1-1947

*

TẾT Ở CHIẾN - KHU

Tặng bạn ngày xuân chén rượu nồng,
 Uống rồi vùng-vẫy khắp Tây-Đông.
 Đem nguồn sống mới cho nơn loại,
 Để tiến, tiến lên cõi đại-đồng

O*O

Rượu xuân càng nhấp càng say,
 Gió xuân càng thổi thì tài càng tăng.

O*O

Ngày tết năm nay ở chiến-khu,
 Bưng-biên gió lốc tiếng vi-vu.
 Xa xa súng nổ thay trừ-tịch,
 Dân Việt còn mang nặng mối thù,

O*O

Mối thù nô-lệ trả chưa xong,
 Pháp-tặc còn trêu giống Lạc-Hồng.
 Dùng thói dã-man mưu thống-trị,
 Thì ta quyết chiến để nào không !

O*O

Để nào không dám gặng hy-sinh,
 Giữ vững non sông đất nước mình.
 Tự lập nghìn xưa gương chói rạng,
 Anh-hùng khởi xuất chốn dân-binh.

O*O

Dân-binh Nam-Việt mấy ai bì ?
 Không súng tầm-vông cũng vác đi.
 Xông lướt trận tiền ngăn giặc mạnh,
 Liều thân cứu nước lúc lâm nguy.

O*O

Nước lúc lâm nguy há đứng nhìn,
 Lòng mang Đại-Nghĩa để thân khinh,
 Máu đào xương trắng phơi đây nội,
 Quyết đổi tự do mới thỏa tình,

O*O

Thỏa tình được sống dưới trời Đông,
 Tổ phụ ngày xưa rất đẹp lòng.
 Nhìn thấy cháu con không thẹn mặt,
 Từ đây non nước thoát nguy vong.

Bình-Hòa (Chợ-lớn) ngày 2-1 Đinh-Hợi (1947)

*

KỶ-NIỆM RỪNG CHÀ-LÀ

Rừng Chà-Là, rừng Chà-Là vạn tuế... !
 Thành lũy ấy chông gai bao xiết kể,
 Muôn quân thù đâu dám dẫm chơn vô.

Đây là nơi tướng Việt thiết mưu-mô,
Chờ cơ-hội quét tan loài xâm lược.
Tranh độc-lập để bảo-tồn non nước,
Biết bao lần chúng giặc phải cuồng-điên.
Vì đem quân cả phá Bình-Xuyên,
Chạm trán với chiến binh hùng-dũng.
Một năm qua bần gan không nao-núng,
Dù thảo-lương thiếu túng chịu gian-nan.
Nơi rừng xanh chịu lắm cảnh cơ-hàn,
Mưa nắng tấp gió sương dầu-dãi.
Nước Nam-Việt ở ven bờ Nam-hải,
Ngàn xưa từng chống lại họa xâm-lãng.
Bạch-Đăng Giang công-nghiệp ấy ai bằng
Quân Việt ít đánh tan Mông-Cổ mạnh.
Nay giặc Pháp buông lung kiêu-hãnh,
Ý-lại vào tàu-chiến với phi-cơ.
Nơi sa-trường chúng gặp cảnh bất ngờ,
Sức kháng-chiến ngàn xưa nay sống dậy.
Nơi Hành-dinh gió vàng phe phẩy,
Khách viễn phương mượn lấy tờ hoa.
Vài câu văn thô kịch gọi là,
Để kỷ-niệm chốn « Bình-Xuyên » anh-dũng.
H.H. tặng chiến-sĩ Liên-khu Bình-Xuyên (2-1947)
*

ÔNG TRẦN-VĂN-SOÁI và ÔNG NGUYỄN-GIÁC-NGỘ

Tôi vừa hội hiệp với ông Bửu-Vinh bỗng có sự biến cố xảy ra,
tôi và ông Vinh suýt chết, chưa rõ nguyên-nhân còn điều-tra; trong
mấy anh em phòng-vệ không biết chết hay chạy đi, nếu có ai chạy
về báo cáo rằng tôi bị bắt hay mưu sát thì *các ông đừng tin và
đừng báo động [1].*

Cấm chỉ đồn đãi, cấm chỉ kéo quân đi tiếp cứu, hãy đóng
quân y tại chỗ.
Sáng ngày tôi cùng ông Bửu-Vinh điều tra kỹ-lưỡng rồi về sau.

Phải triệt-để tuân lệnh.

Ngày 16-4-47; 9 giờ 15 đêm

Ký-tên: S.

*[Hiệu chính: [1] Ghi theo ấn bản 1955. Ấn bản 1966 ghi: "các
ông đừng báo động" (không có 3 chữ "đừng tin và)].*

PHỤ - LỤC

Những bài không rõ thời-gian tính sáng-tác,
và những phương thuốc gia-truyền

**NHỮNG BÀI SAU ĐÂY KHÔNG RÕ ĐỨC THẦY VIẾT
TẠI Đâu VÀ HỒI Nào**

LO NƯỚC

Nước Việt trẻ già mãi ngóng trông,
Ngày nào hưng phục cõi trời Đông.
Lễ đâu Tạo-hóa riêng cay độc,
Đày khắc mãi chi giống Lạc-Hồng.
*

NỢ NƯỚC

Một phen nợ nước lâm đền,
Đạo làm thần-tử cho bền chí trai.
Thừa cơ xoay trở gót hài,
Vung gươm Thần-Thánh dẹp loài cầu phiên.
*

KHÔNG KHÔNG

Đại đạo giáo dân, dân bất tri,
Khai năng bạch phát đãi hà thi.
Công-danh phú-quí chung hườn mộng,
Kỳ-cá miên qui thổ nhứt kỳ.
*

TỈNH GIẤC MƠ

Một giấc mơ-màng, một giấc say,
Tỉnh hồn mới biết cuộc trần-ai.
Trần-ai rày đã xa phiên lụy,
Rán bước qua truông kéo nữa hoài.
*

Nợ thế âu toan tròn nợ thế,
Đường tu sớm liệu vẹn đường tu.
O*O

SÀU BÁ TÁNH

Cúi lạy Tây-phương chốn Phật-đàn,
Vưng lời truyền dạy các chư bang.
Âu-sầu bá tánh gieo tình ác,
Bị lũ con buôn quá tráo hàng.

*

GÌN TỤC CỐ

Cũng dòng dân Việt cũng màu da,
Sao lại chê bai thói tục nhà.
Phong-hóa lễ-nghi trẻ nhúng bỏ,
Gia nghiêm nghĩa tiết choán Nam-gia !

*

LỔ VÙNG HỒNG

Khói tỏa mây ung sương mịt mù,
Vùng hồng vừa lỗ cảnh trời thu.
Ruộng sâu đã cấy chờ bông trái,
Thì sẽ ấm no thoát ngục tù.

O*O

Ngục tù giam hãm mấy mươi năm,
Nhớ lại quặn đau khúc ruột tằm.
Rày gặp mưa nhuần ân Thánh-đế
Tưới cho trăm họ bớt mê lầm.

*

XÉ-XÂU NHAU

Gẫm thấy cuộc đời xô-xát mãi,
Đặt tay nhau đến bãi tha-ma.

O*O

Gió Á mưa Âu bùng sấm dậy.
Hải hùng tranh chiến xé xâu nhau.
Hồng-trần trở lại màn u-ám.
Khấp cả chúng-sanh nhuộm máu đào.

*

CHUYỂN PHÁP-LUÂN

Lòng thương lê-thứ đáo ta-bà,
Thừa chuyển pháp-luân dụng khuyến ca.
Cảnh tình người mê về cõi ngộ ,
Dạy răn kẻ tục vượt nê-hà.

*

LÚC TA TỈNH

Tỉnh giấc mơ màng cảnh mộng hoa,
Tỉnh lòng lê-thứ chữ nhờn hòa.
Tỉnh thân tầm đạo xa trần-tục,
Tỉnh chuyện gần xa tiếng thiết-tha.

O*O

Tỉnh biết đời nay lỗi đạo hằng,
Tỉnh tâm già trẻ bớt làm nhăng.
Tỉnh câu phụ tử tình thâm ấy,
Tỉnh hết vạn dân biết thương tăng.

*

CHO MỘT VỊ SƠ TÂM

Duyên lành mới gặp cảm tình ông,
Rõ việc mở mang giống Lạc-Hồng.
Bí hiểm cơ-huyền nơi diệu lý,
Nhiệm màu Phật pháp chốn thần thông.
Trau tía nhục thể về nơi cũ,
Chùi rửa tim gan một tắc lòng.
Cổ tưởng ước mơ đời thanh trị,
Ngặt vì vận bị bắt cuồng nông.

*

CHÍ THANH CAO

Một thân quyết chí phá lâm tòng,
Đặt chúng đời này liễu diệu thông.
Nhắc nhở con hiền noi tục cổ,
Kêu chừng trẻ thảo góc trời đông.
Ngày thanh mong tướng cho mau tới,
Đêm vắng ước mơ lộ về hồng.
Sẽ được hiệp hòa non phụng gáy,
Trung thần thỏa dạ hết chờ trông.

*

BÁO-HIẾU ĐẠO NHÀ (1)

Quả đơm cúng tế lệ xưa nay,
Sát vật trâu heo đũa mị bày.
Kẻ mất cho ăn suy khó hiểu,
Người còn bạc đãi lạ lòng thay.
Cháu con báo hiếu theo Nhà-Phật,
Cha mẹ qua đời thủ lễ chay.
Trong sạch nghĩa nhân vậy mới đáng,
Hồn linh siêu thoát nhẹ cao bay.

*(1) Bài này Đức Thầy, thuyết-giảng tại Tổ-Đình Hòa Hảo, khuyên
tín-đồ không nên sát sanh trong lễ giỗ quả đơm.*



VÀI TOA THUỐC NAM

Mà Đức Thầy đã dùng từ năm 1939 để trị
Bệnh cho bá-tánh thập phương.

1.- BÌNH HO

É tía, rau tần, rễ chanh, gừng lùi, lá bưởi, bông thọ, rễ chòi mò
(sao), một xu nhờn trần, một xu trắc bá diệp.

2.- BÌNH BAN

Chối đực, vòi voi, hắc-sửu, rau bọ, rễ chòi mò, năm thứ đậu, đọt
tre mở một năm (sao chín).

3.- BÌNH THƯỜNG

Lá xoài, lá ổi, lá mít, lá bưởi, bông trang hay là bông thọ (để
sống).

33 TOA THUỐC GIA TRUYỀN MÀ ĐỨC THẦY ĐÃ GIAO CHO ANH
EM TÍN-ĐỒ Ở BẠC-LIÊU HỒI THÁNG 6 DL. 1945, TRONG LÚC
NGÀI ĐI KHUYẾN NÔNG.

1.- CẢM MẠO (thuốc tán)

Xuyên hậu phát 1 lượng, Quán trần bì (sao) 1 lượng, Bạch bì 1
lượng, Xuyên khung (sao) 1 lượng, Sa nhân 1 lượng, Bạch khấu 1
lượng, Bạch trực (sao) 2 lượng, Thương trực (sao) 2 lượng, Cam
thảo 1 lượng, Thảo quả 2 lượng, Hoát hương 2 lượng, Thạch cao
1 lượng, Chánh thần khúc 1 lượng.

Tán khô để vô ve, mỗi lần uống 1 chỉ với nước gừng, trị nóng
lạnh, mới cảm, nhức đầu, thổ tả, đau bụng, ban trái.

2.- CẢM GIÓ (thuốc ban)

Sa sâm 2 chỉ, Kiết cánh 1 chỉ, Phục linh 1 chỉ, Tiên hồ 2 chỉ, Độc
huột 2 chỉ, Sài hồ 2 chỉ, Cam thảo 1 chỉ, Xuyên khung 1 chỉ, Chỉ
xát 1 chỉ, Khương huột 1 chỉ, Sanh cương 2 chỉ.

Uống rồi trùm lại chờ đổ mồ hôi

3.- Cảm ba bốn ngày sắp lên, nửa trong nửa ngoài, nóng
lạnh từ hồi, cổ không thông, khô cả nước miếng hoặc làm rét.

Sài hồ 3 chỉ, Bạch bì sâm 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ,
Thảo quả 3 trái, Chế bản hạ 2 chỉ, Hoàng cầm 3 chỉ, Thương trực
(sao) 2 chỉ, Hậu phát 2 chỉ, Gừng sống 4 lát.

Uống hai nước.

4.- Ho gió, mới cảm trong mười ngày thì cứ uống

Tử tô diệp 2 chỉ, Bạc hà 2 chỉ, Quế tiện 1 chỉ, Hạnh nhờn 2 chỉ,
Sanh cương 5 lát, Trần bì (sao) 2 chỉ, Tang bạch bì 3 chỉ, Đại phúc
bì 2 chỉ, Trầm hương tốt (gói riêng) 2 chỉ, Ma hoàng 1 chỉ, Tô tử 2
chỉ, Cam thảo 2 chỉ.

Sắc uống hai nước.

5.- Trị bệnh ho vừa phát nóng lạnh dữ lên thì ho dữ-dội ấy là
cảm gió vào phổi hóa nóng nhiều.

Sa sâm 3 chỉ, Kiết cánh 2 chỉ, Cát căn 2 chỉ, Chỉ xác (sao) 2 chỉ, Tử
tô diệp 2 chỉ, Tiên hồ 2 chỉ, Phục linh cũ 2 chỉ, Nam mộc hương 1
chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Chế bản hạ 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Sanh
cương 5 lát.

Uống hai nước.

6.- Ho thuộc về thận

Trạch tả 3 chỉ, Táo nhục 3 chỉ, Thiên môn đông 2 chỉ, Ngưu tất 2
chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Lão thực địa 8 chỉ, Mạch môn đông 3 chỉ,
Hạnh nhờn 2 chỉ, Phục linh cũ 3 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Mẫu đơn 3
chỉ.

Sắc 2 nước vắt nước cốt chia ra hai phần uống 2 lần.

7.- Ho gió lâu quá mà thuốc nào cũng vô hiệu

Kha tử (nướng cho vàng) 5 chỉ, Cam thảo 2 chỉ.

Hai vị này chung lại, sắc uống, hiệu nghiệm như thần.

8.- Ho ra huyết ói cả tô, lúc đầu vừa ói ra nó nặng ngực (thượng tiêu)

Đại hoàng tốt (sao rượu cho khô) 2 chỉ, Xuyên hoàng liên 3 chỉ, Huỳnh cầm 4 chỉ.

Sắc hai nước uống hai lần, cho ỉa đừng sợ (mệt mà bổ). Xổ rồi lại uống thang dưới đây:

Văn thảo (sao) 2 chỉ, Lão thực địa 8 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Thiên môn đông (khử bỏ tim) 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Phục linh cũ 3 chỉ, Mạch môn đông 2 chỉ, Đơn bì 4 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Đông hoa 2 chỉ.

Hốt 1 thang sắc hai nước, vắt lấy nước cốt uống hai lần, uống luôn 3 thang thì hết, nếu uống mà sôi bụng ỉa ấy là Lão thực địa xấu, phải mua thứ tốt.

9.- Đàn bà huyết băng cầm lại rồi còn đương mệt nhọc lại hóa ho nhiều

Phòng đản sâm 3 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Mạch môn đông (khử bỏ tim) 2 chỉ, Công giao châu 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Lão thực địa 5 chỉ, Đại đương qui 3 chỉ, Phục linh cũ 2 chỉ, Bạch thược (sao) 3 chỉ, Đông hoa 2 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Tam thốc can 2 chỉ, Kỳ ngại khô 1 chỉ.

Sắc hai nước, uống hai lần. Uống năm thang mới giảm và hết.

10.- Đàn bà đường kinh đi râm-ri cả 10 ngày hay nửa tháng mà không dứt

Tam thốc can 3 chỉ, Viễn chí 2 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Chánh phục thần 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Chá hoàng kỳ 4 chỉ, Quảng mộc

hương (gói riêng không sắc) 6 chỉ, Đại qui đầu 3 chỉ, Tàng táo (sao) 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Long nhãn nhục 2 chỉ.

Sắc hai nước, uống hai lần, uống ba thang thì hết, cứ ăn hành, tỏi.

11.- Huyết hư, cảm mạo, nóng lạnh, không có mồ hôi, đường kinh quá kỳ không đi

Lão thực địa 5 chỉ, Bạch thược 2 chỉ, Đại đương qui 3 chỉ, Tử tô điệp 2 chỉ, Kiết cánh 2 chỉ, Pháp hạ 2 chỉ, Phục linh 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Phòng đản sâm 3 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Tiền hồ 2 chỉ, Càn cát 1 chỉ, Chỉ xác (sao) 2 chỉ.

Sắc hai nước, chia ra uống hai lần, uống 3 thang đổi toa.

12.- Điều hòa huyết, trị huyết nóng đau bụng, nhức mỏi, đường kinh trôi sục

Lão thực địa 3 chỉ, Xuyên khung 3 chỉ, Chế hươu phụ 1 chỉ, Ích mẫu 2 chỉ, Bạch thược 3 chỉ, Đương qui 3 chỉ, Ô dược 2 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc hai nước uống hai lần.

13.- Điều kinh, đàn bà kinh kỳ trôi sục, đau bụng nhiều ít không chừng

Trạch tả (sao) 3 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Bạch thược 3 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Lão thực địa 7 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Mẫu đơn 3 chỉ, Phục linh 3 chỉ, Đương qui 3 chỉ.

Sắc hai nước uống nhiều thang mới hết.

14.- Thuốc sản hậu (trong 15 ngày mà hóa các chứng bệnh gì cứ uống. Còn trong 8 ngày thì cứ uống chớ ngại chi)

Đương qui vĩ 7 chỉ, Đào nhân 3 chỉ, Cam thảo chá 2 chỉ, Xuyên khung 5 chỉ, Bào cương 2 chỉ.

Nước lã 1 chén, nước đá 1 chén, sắc còn 7 phân, thêm 1 chung nước đá vô chén thuốc, thuốc sắc rồi uống ấm. Khi mới sanh để hốt hai thang, sắc thang trước lấy nước nhứt, lại sắc thang sau lấy nước nhứt uống vô, rồi lấy cái xác của hai thang (sắc rồi) sắc nước nhì cũng như cách trên bảo vậy. Nếu uống liền bốn thang như vậy thì càng tốt.

15.- Thuốc ỉa nước nhiều và nóng nhiều.

Trạch tả 3 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Phòng đàn sâm 3 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Sanh cương 5 lát, Phục linh 3 chỉ, Biên đậu (sao) 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Sài hồ 3 chỉ, Đại táo 3 trái, Hoài sơn (sao) 3 chỉ.

Sắc 2 nước uống ấm.

16.- Tỳ vị, quá hư lạnh, sanh ra ỉa nước, ăn không vô.

Bạch trực (sao) 3 chỉ, Phòng đàn sâm 3 chỉ, Hắc phụ tử 3 chỉ, Hắc cương 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Phục linh 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Biên đậu (sao) 3 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc hai nước uống hai lần. Chừng vài thang thì hết ỉa.

17.- Ăn chậm tiêu, sinh bụng no hơi, đau bụng, hoặc lạnh tay chơn, ói mửa ỉa ra nước mà không thôi.

Phòng đàn sâm 4 chỉ, Càn cương 2 chỉ, Hắc phụ tử 2 chỉ, Cam thảo chính 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Hoài sơn (sao) 3 chỉ.

Hốt 1 thang sắc hai nước uống hai lần, uống 3 thang đổi toa.

18.- Ăn không tiêu, đau bụng, ngăn ngực, nghẹn trong cổ

Phòng đàn sâm 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Mạch nha (sao) 2 chỉ, Thần khúc 2 chỉ, Đại táo 3 trái, Phục linh 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Bào cương 1 chỉ, Sơn tra 2 chỉ, Gừng sống 5 lát.

Sắc hai nước uống ấm.

19.- Bệnh kiết đi sông nhiều, rặn nhiều và ra đàm ít

Bạch thước (sao) 3 chỉ, Xuyên hoàng liên 4 chỉ, Vỏ lựu nướng 5 chỉ, Thương trực (sao) 4 chỉ, Quảng mộc hương 3 chỉ.

Chung lại tán nhỏ, thêm vô một chỉ nhựa bông, tán chung. Uống mỗi lần 1 chỉ. Chừng 3 lần hết bệnh (Cần thêm nhiều cho dứt căn). Đàn bà đẻ uống cũng được.

20.- Trị bệnh uất mới có, xổ êm

Sài hồ 3 chỉ, Đại hoàng 3 chỉ, Sanh cương 4 lát, Chế bản hạ 3 chỉ, Sanh chỉ xác 3 chỉ, Xích thước được 2 chỉ, Huỳnh cầm 2 chỉ, Đại táo 3 trái.

Uống một nước để lâu ước chừng 2 giờ xem có đi sông chẳng hoặc có sôi ruột mà chưa sông thì uống thêm nước nhì; như có sông mà ít thì uống thêm nửa nước nhì. Uống thuốc xổ thì nên dè-dặt vì bệnh hư dễ xổ, bệnh thiệt khó xổ. Vậy nên mình coi thêm bớt cho vừa ý.

21.- Xổ rửa sạch độc cũ, đau lâu uất bón phong nhiều, ung độc ghẻ chốc, nóng trong mình

Phòng phong 2 chỉ, Bạch thước 1 chỉ, Xuyên khung 1 chỉ, Phát tiêu (để riêng) 2 chỉ, Liên kiều 1 chỉ, Kiết cánh 1 chỉ, Ma hoàng 1 chỉ, Huột thạch 15 phân, Đại hoàng 2 chỉ, Bạc hà 1 chỉ, Cam thảo 1 chỉ, Chi tử 1 chỉ, Huỳnh cầm 1 chỉ, Bạch trực (sao) 2 chỉ, Kinh giới 1 chỉ, Thạch cao 15 phân.

Sắc 2 nước uống 2 lần (uống quá sức thuốc có hại).

22.- Thuốc tiêu trị bá chứng như: Thũng thực vật, bại xứ

Hương phụ tử chế 1 cân (chia 4 phần tẩm muối, tẩm gừng, tẩm nước đá, tẩm giấm trộn đêm, sao cho cháy một chút). Hắc sừ nửa cân (phân nửa sao, phân nửa để sống). Ngũ linh chỉ 1 cân

(rửa sạch, tẩm giấm sao cháy một chút). Tạo giác nửa cân (để sống).

Bốn vị chế xong đều tán nhỏ, khuấy hồ gạo vò viên bằng hột bắp, mỗi lần uống 30 hoàn với nước trà tổng hạ, như uống nhiều bằng 2 thì xỏ êm, uống ít thì tiêu.

23.- Đau lưng

Trạch tả (sao) 3 chỉ, Mẫu đơn 3 chỉ, Lão thực địa 7 chỉ, Đổ trọng (sao muối) 2 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Phục linh 3 chỉ, Thục đan 2 chỉ.

Sắc hai nước uống ấm.

24.- Tức và lói ra sau lưng

Sài hồ 4 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Phục linh 4 chỉ, Bạc hà 2 chỉ, Hương phụ chế 3 chỉ, Bạch thược (sao) 4 chỉ, Đương qui 3 chỉ, Cam thảo 1 chỉ, Ô dước 2 chỉ.

Sắc hai nước thêm 5 lát gừng sống.

25.- Phong đau mình, nhức mỏi, bổ huyết và hành huyết, bổ khí

Lão thực địa 4 chỉ, Xuyên khung 3 chỉ, Phòng đàn sâm 4 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Độc hoạt dương 2 chỉ, Xuyên túc đoạn 2 chỉ, Bạch thược (sao) 3 chỉ, Đại qui đầu 3 chỉ, Phục linh cũ 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Chá hoàng kỳ 2 chỉ, Linh tiên 2 chỉ.

Sắc hai nước uống hai lần. Uống 2 thang nghỉ. Rồi uống toa thuốc dưới đây:

Độc hoạt 2 chỉ, Đổ trọng (sao) 3 chỉ, Tế tân 1 chỉ, Tần giao 2 chỉ, Quế tâm 1 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Phòng phong 2 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Tang ký sanh 3 chỉ, Ngưu tất 2 chỉ, Phòng đàn sâm 3 chỉ, Phục linh 2 chỉ, Bạch thược 2 chỉ, Thục địa 4 chỉ, Đại đương qui 3 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc 2 nước chế thêm một chung nhỏ rượu, chia ra làm hai, uống luôn hai, ba thang mới hay. Bệnh có bớt, uống thêm càng tốt.

26.- Mạnh tỳ vị, mau tiêu, bổ về phần khí cho sanh huyết

Phòng đàn sâm 3 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Đại táo 3 trái, Sanh cương 5 lát, Phục linh cũ 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Hoài sơn (sao) 3 chỉ, Liên nhục (sao) 2 chỉ.

Sắc hai nước uống cho nhiều.

27.- Ăn ngủ không được, mệt, lạnh tay chơn nghẹn cổ, chóng mặt

Trạch tả (sao) 3 chỉ, Mẫu đơn bì 3 chỉ, Lão thực địa 7 chỉ, Hắc phụ tử 1 chỉ, Đổ trọng (sao muối) 2 chỉ, Hoài sơn (sao) 4 chỉ, Táo nhục 2 chỉ, Phục linh cũ 2 chỉ, nhục quế (gói riêng) 1 chỉ, Ngưu tất 2 chỉ.

Hốt 1 thang sắc hai nước, vắt xác lấy nước cốt quế ngâm riêng nước sôi để nguội, lấy ra ngâm lại, lần thứ nhì, rót lại hai nước quế và nước thuốc chung vô 1 tô, trộn đều chia làm hai uống hai lần, uống hơi nguội một chút, cử ăn hành, tỏi và tiêu vì phạm thuốc.

28.- Ăn ngon ngủ nhiều

Đại đương qui 3 chỉ, Long nhãn nhục 2 chỉ, Phòng đàn sâm 3 chỉ, Chánh phục thần 2 chỉ, Quảng mộc hương (gói riêng) 5 phân, Tàn táo (sao) 2 chỉ, Viễn chí 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Chá hoàng kỳ 4 chỉ, Cam thảo 2 chỉ.

Sắc hai nước uống ấm. Mộc hương để ngoài, mài riêng, thuốc sắc tới rồi chế vô trộn đều chia ra hai phần uống hai lần.

29.- Bổ tim, dưỡng tỳ, trị bệnh hồi hộp, làm cho ăn ngủ ngon, mạnh tinh-thần khí lực

Phòng đàn sâm 3 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Lão thực địa 4 chỉ, Đương qui lớn 3 chỉ, Ngũ vị tử 1 chỉ, Hoàng kỳ chá mộc 4 chỉ, Sanh cương 5 lát, Phục Linh 2 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Bạch thược (sao) 2 chỉ, Viễn chí 2 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Nhục quế 1 chỉ.

Sắc hai nước uống ấm.

30.- Bồ trung chơn, trị đau lâu, ăn ngủ ít, tay chơn bài-hoải, mồ hôi ra nhiều, cổ chẳng thông, có đàm nhiều.

Hoàng kỳ chá mộc 4 chỉ, Phòng đàn sâm 3 chỉ, Đại đương qui 3 chỉ, Thăng ma 2 chỉ, Đại táo 3 trái, Cam thảo 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Bắc sài hồ 2 chỉ, Trần bì (sao) 2 chỉ, Sanh cương 5 lát.

Sắc hai nước uống ấm.

31.- Chận cử rét (lạnh nhiều hơn nóng)

Bắc sài hồ 3 chỉ, Phòng đàn sâm 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Bạch trực (sao) 3 chỉ, Lá Thường sơn tẩm rượu (sao) 5 lá, Chế bản hạ 3 chỉ, Điều cầm 2 chỉ, Phục linh 2 chỉ, Thảo quả 3 chỉ.

Sắc hai nước, uống trước khi làm cử một giờ.

32.- Chận cử rét (nóng nhiều hơn lạnh)

Lão thực địa 4 chỉ, Xuyên khung 2 chỉ, Bắc Sài hồ 3 chỉ, Chế bản hạ 3 chỉ, Cam thảo 2 chỉ, Thảo quả 3 chỉ, Bạch thực 3 chỉ, Đại táo 3 trái, Lá Thường sơn tẩm rượu (sao) 5 lá, Đương qui 3 chỉ, Điều cầm 2 chỉ, Phòng đàn sâm 3 chỉ.

Sắc hai nước, uống trước khi làm cử một giờ.

33.- Con nít ói sữa

Thiên sanh ư trực 1 chỉ, Phòng đàn sâm 1 chỉ, Phục linh 5 phân, Xuân sa nhơn 8 phân, Cam thảo chá 5 phân, Hoài sơn 1 chỉ, Biên đậu 1 chỉ, Hoát hương 3 lát.

Hốt một thang để vô chưng cách thủy, một chén còn lại bốn phân cho uống, chẳng cần mấy thang, con uống nước nhút, mẹ uống nước nhí, cứ uống cho nhiều thì mau hết. Đừng để lâu vì bệnh này hay hại con nít.